

MỤC LỤC

I	2
II	14
III	29
IV	48
V	63
VI	79
VII	88
VIII	103
IX	121
X	141
XI	165
XII	187
XIII	212

I

Gần cửa sổ, trong một gian phòng chật hẹp tranh tối tranh sáng, bố tôi mặc quần áo trắng toát nằm trên sàn. Thân hình bố tôi dài lả thường, ngón chân xò ra nom rất kỳ quái; hai bàn tay dẹt dẹt đặt yên trên ngực, nhưng ngón tay thì co quắp. Hai đồng xu đen tròn bằng đồng che kín cặp mắt tươi vui của bố tôi: khuôn mặt vẫn hiện từ nay tối sầm lại. Hai hàm răng nhe ra làm tôi sợ hãi. Mẹ tôi mặc chiếc váy đỏ, chiếc áo hở ngực, quỳ bên cạnh và lấy chiếc lược đen, mà tôi vẫn thích dùng để cứa vỏ dừa hấu, chải mái tóc dài và mềm mại của bố tôi từ phía trán ra sau gáy. Mẹ tôi nói liên tục, giọng trầm trầm khàn khàn. Cặp mắt xám của mẹ tôi sưng húp và như tan ra thành những giọt nước mắt lớn chảy ròng ròng. Bà tôi giữ lấy tay tôi. Bà tôi người béo tròn có cái đầu lớn, cặp mắt rất to và chiếc mũi xòm xộp nom rất buồn cười; bà tôi mặc toàn đồ đen trông mềm dịu đến hay. Bà tôi cũng khóc, tiếng khóc nức nở lạ lùng, trầm bổng hình như hòa theo những lời than vãn của mẹ tôi. Toàn thân run run, bà tôi kéo tôi và đẩy lại gần chỗ bố tôi. Nhưng tôi cưỡng lại và nấp sau lưng bà; tôi vừa sợ hãi vừa lúng túng. Chưa bao giờ tôi trông thấy người lớn khóc và tôi không sao hiểu được những lời bà tôi nhắc đi nhắc lại:

- Cháu từ biệt bố cháu đi, không bao giờ cháu được thấy bố cháu nữa đâu, tội nghiệp, bố cháu chết sớm quá, chưa phải lúc... Tôi bị ốm nặng, vừa mới dậy. Trong lúc tôi ốm - tôi còn nhớ rất rõ - bố tôi nô đùa với tôi rất vui vẻ, sau đó bỗng nhiên bố tôi biến đâu mất, và bà ngoại tôi, con người kỳ lạ ấy, đã thay thế bố tôi.

- Bà đi từ đâu đến thế? - Tôi hỏi bà tôi.

Bà đáp:

- Từ phía trên, từ Nijni đến.

Bà không đi bộ, mà đi tàu thủy đến! Người ta không thể đi bộ trên mặt nước được, ông mãnh ạ! Câu trả lời đó thật là buồn cười và khó hiểu. ở trên nhà này chỉ có mấy người Ba-tư rậm râu và tóc nhuộm; còn ở dưới hầm nhà thì có một ông lão da vàng người Kanmuc làm nghề bán da cừu. Từ trên có thể cười tay vịn

cầu thang trượt xuống, hoặc nếu có ngã thì lộn nhào ở cầu thang, - điều đó tôi biết rất rõ. Nhưng sao lại có chuyện đi trên mặt nước kia chứ? Tất cả câu chuyện của bà tôi đều vô lý, đều lảm lẩn một cách ngộ nghĩnh.

- Thế tại sao cháu lại là ông mãnh?

- Tại cháu hay làm ồn lắm, - bà tôi vừa nói vừa cười. Tiếng bà tôi nói rất dịu dàng, vui vẻ và trầm bổng. Ngay từ ngày đầu tiên tôi đã thân với bà tôi, và ngay lúc này tôi cũng muốn bà tôi mau mau đưa tôi rời khỏi căn phòng này. Tiếng khóc than và kêu gào của mẹ tôi làm tôi nôn nao và gây cho tôi một cảm giác lo âu mới. Lần đầu tiên tôi trông thấy mẹ tôi như thế. Mẹ tôi vốn rất nghiêm nghị, ít nói, người sạch sẽ, gọn gàng và to lớn như một con ngựa, mẹ tôi có thân hình rắn chắc và đôi cánh tay rất khỏe. Thế mà bây giờ không hiểu sao khắp người mẹ tôi đều sưng phồng lên nom đến khó coi, đầu tóc rối bù, áo quần tơi tả. Mớ tóc thường vẫn vắn gọn trên đầu như một cái mũ lớn vàng óng thì nay xổ xuống một bên vai trần, xõa xuống mặt, còn nửa kia tết thành bím thì cứ lúc la lúc lắc chạm vào khuôn mặt ngủ say của bố tôi. Tôi đứng trong phòng đã lâu, nhưng mẹ tôi không hề nhìn tôi; và vẫn vừa chải đầu cho bố tôi vừa rên rỉ nức nở. Máy người mujich mặc toàn đồ đen và một tên cảnh sát ló đầu vào cửa phòng. Tên cảnh sát quát tháo, giọng giận dữ:

- Thu dọn nhanh lên!

Chiếc khăn san màu đen che cửa sổ phồng lên như một cánh buồm. Tôi bỗng nhớ tới một hôm bố tôi dẫn tôi đi bơi thuyền buồm. Chợt một tiếng sấm nổ vang. Bố tôi cười, kẹp chặt tôi vào hai đầu gối và kêu:

- Không sao cả, đừng sợ, Luc ạ!

Đột nhiên mẹ tôi nặng nề đứng lên, rồi lại khụy xuống, ngã vật ra; tóc xõa tung ra cả sàn. Khuôn mặt trắng trẻo, mờ lệ tái xanh đi và cũng nhe răng ra như bố tôi, mẹ tôi nói, giọng khiếp sợ:

- Đóng cửa lại... Dẫn thằng Alêcxây ra ngay!

Bà tôi đẩy tôi ra rồi nhảy bổ ra cửa, mồm kêu to:

- Bà con thân mến, đừng sợ, cứ để mặc chúng tôi, bà con hãy đi đi, Lay Chúa tôi! Không phải dịch tả đâu, cháu nó sắp ở cữ đấy. Xin bà con hãy làm phúc làm đức cho! Tôi nấp sau một góc tối, sau

cái hòm và nhìn mẹ tôi lẫn lộn trên sàn rên siết và nghiêng rằng ken két. Bà tôi lê vòng quanh, cất giọng dịu dàng và vui vẻ nói:

- Nhân danh Cha và Con! Variusa con hãy cố chịu khó một tí!... Lạy Đức Mẹ Rất Thánh che chở chúng con...

Tôi sợ quá. Mẹ tôi và bà tôi bò lê trên sàn ngay bên cạnh bố tôi, đụng cả vào người bố tôi và rên rỉ, gào thét, còn bố tôi vẫn nằm im không động đậy và dường như đang cười gằn. Cảnh lồng lộn trên sàn ấy Tức Alêcxây, cách gọi tắt thân mật. Tức Vacvara, cách gọi thân mật. kéo dài khá lâu. Mấy lần mẹ tôi gượng đứng dậy, nhưng lại ngã quỵ xuống. Bà tôi lăn ra khỏi phòng giống như một quả bóng lớn màu đen và mềm nhũn. Sau đó đột nhiên trong bóng tối có tiếng trẻ con khóc thét lên.

- Sáng danh Chúa! -Bà tôi nói. -Con trai rồi!

Và bà châm một ngọn nến. Sau đó chắc tôi ngủ thiếp đi ở góc nhà nên không nhớ gì nữa. Ấn tượng thứ hai còn ghi lại trong trí nhớ tôi là một ngày mưa, tại một góc nghĩa địa hoang vắng. Tôi đứng ở một gò đất trơn, nhộp nháp và nhìn xuống cái huyết trong đó người ta vừa hạ quan tài bố tôi xuống. Dưới đáy huyết có nhiều nước và có cả ếch nhái nữa; hai con đã leo lên được chiếc nắp quan tài màu vàng. Đứng bên cạnh huyết có tôi, bà tôi, tên cảnh sát quần áo ướt sũng và hai người mujich vẽ mặt bức tức, tay cầm xẻng. Những hạt mưa ấm và li ti như những hạt thủy tinh nhỏ rắc lên tất cả mọi người.

- Lấp huyết lại!

Tên cảnh sát vừa ra lệnh vừa bỏ đi. Bà tôi khóc òa lên, giấu mặt vào một góc khăn vuông. Hai người mujich gò lưng trên chiếc xẻng bắt đầu vội vã hất đất vào huyết, nước dưới huyết kêu lồm bồm. Hai con nhái nhảy khỏi nắp quan tài và lao lên thành huyết, nhưng những hòn đất lại gạt chúng ngã xuống dưới đáy.

- Đi thôi, Liônáa, -bà tôi vừa nói vừa nắm lấy vai tôi. Tôi vùng ra khỏi tay bà và không muốn rời khỏi nơi đây.

- Lạy Chúa, rõ thật là... Bà tôi rên rỉ, không hiểu nói với tôi hay với Chúa. Bà tôi đứng im lặng rất lâu, đầu cúi gằm. Huyết đã đầy đất, song bà tôi vẫn còn đứng đó. Hai người mujich lấy xẻng đập thình thịch vào mặt đất. Một luồng gió thổi tới xua tan và cuốn mưa đi. Bà tôi cầm tay tôi và dẫn tôi đến ngôi nhà thờ ở phía xa giữa vô số thánh giá đen sẫm.

- Tại sao cháu không khóc?

Bà tôi hỏi, khi chúng tôi bước ra khỏi bờ rào.

- Giá cháu khóc một chút mới phải!

- Cháu không muốn khóc.- Tôi đáp.

- Thôi được, không muốn thì thôi cháu ạ,

Bà tôi khẽ nói. Tất cả chuyện đó thật kỳ lạ: tôi rất ít khóc và chỉ khóc khi nào bức tức, chứ không bao giờ vì đau. Bố tôi luôn luôn chế nhạo những giọt nước mắt của tôi, và mẹ tôi thường quát:

- Cấm không được khóc! Sau cùng bà cháu tôi ngồi trên một chiếc xe ngựa nhỏ và đi dọc theo một đường phố rộng, nhưng rất bẩn, hai bên toàn những ngôi nhà đồ sẫm. Tôi hỏi bà tôi:

- Thế lũ nhái ấy có bò ra được không hở bà?

- Không, bây giờ thì chúng không bò ra được, -bà tôi đáp.

- Chúa khắc phù hộ chúng nó!

Cả bố tôi lẫn mẹ tôi đều không hay nhắc đến tên Chúa một cách tin tưởng thân mật như vậy.



Mấy ngày sau, tôi, bà tôi và mẹ tôi đi tàu thủy, chúng tôi ngồi trong một buồng nhỏ. Đứa em mới đẻ của tôi là Macxim đã chết, nằm trên chiếc bàn trong góc phòng, xác bọc trong một mảnh vải trắng có thắt dây băng đỏ. Tôi ngồi chót vót trên đồng tay nải và hòm xiểng, nhìn qua chiếc cửa sổ lồi và tròn như mắt ngựa. ở phía ngoài cửa kính ướt đầm dòng nước sùi bọt đục ngầu chảy cuộn cuộn không ngớt. Thỉnh thoảng, một làn sóng lại chồm lên và liếm vào mặt kính. Tôi bất giác nhảy xuống sàn tàu.

- Đừng sợ, - bà tôi nói và đưa đôi cánh tay mềm mại khẽ nhắc tôi lên đồng tay nải như cũ. Làn sương mù màu xám và ẩm ướt bao phủ mặt nước. Xa xa, dải đất sẫm hiện ra rồi lại biến mất trong đám sương mù và nước. Mọi vật xung quanh tôi đều rung chuyển. Chỉ có mẹ tôi đứng yên không động đậy, hai tay để sau gáy, lưng tựa vào thành tàu. Khuôn mặt mẹ tôi sa sầm và đanh lại, cặp mắt nhắm nghiền. Mẹ tôi cứ đứng yên như vậy, không nói không rằng, dường như đã thay đổi hẳn, ngay cả chiếc áo dài mẹ

tôi đang mặc cũng xa lạ đối với tôi. Bà tôi nhiều lần khê bảo mẹ tôi:

- Varya, con cố ăn một chút gì đi chứ?

Mẹ tôi không trả lời và vẫn đứng yên không nhúc nhích. Bà tôi chỉ nói thì thầm với tôi; họa hoằn nói với mẹ tôi thì to hơn, nhưng có phần nào thận trọng, dụt dè. Tôi thấy hình như bà tôi sợ mẹ tôi. Tôi hiểu điều đó, nhờ thế mà hai bà cháu càng gần gũi nhau hơn.

- Xaratôp kia rồi! -Đột nhiên mẹ tôi nói to, giọng bực tức. - Thủy thủ đâu rồi?

Đấy, những lời nói của mẹ tôi cũng kỳ lạ khó hiểu thế đấy: Xaratôp, thủy thủ. Một người đàn ông to lớn, tóc bạc, mặc quần áo xanh, bước vào, tay bưng một chiếc hòm con. Bà tôi đỡ lấy chiếc hòm và đặt xác em tôi vào đó. Rồi bà tôi giơ thẳng tay bê chiếc hòm ra cửa, nhưng người bà to béo quá, chỉ lách nghiêng mới có thể lọt qua được chiếc cửa hẹp của căn buồng nhỏ bé, nên bà cứ lúng ta lúng túng mãi trước cửa nom đến buồn cười.

- Ôi, mẹ, - mẹ tôi kêu lên, đỡ lấy chiếc quan tài ở tay bà tôi, rồi cả hai người cùng biến mất. Tôi ở lại trong buồng một mình, chăm chú nhìn người đàn ông mặc quần áo xanh. Tức Vacvara, cách gọi tắt.

- Thế nào, em cháu đi mất rồi ư?

Người mặc quần áo xanh cúi xuống nhìn tôi và nói.

- Bác là ai?

- Thủy thủ.

- Còn Xaratôp là ai?

- Là một thành phố. Nhìn qua cửa sổ mà xem, nó kia kìa!

Qua tấm cửa kính tôi nhìn thấy một dải đất dường như đang di động. Dải đất màu sẫm và dốc tuột. Làn sương nhẹ tỏa lên, giống một khoanh bánh mì lớn vừa mới cắt từ một ổ bánh ra.

- Bà cháu đi đâu thế bác?

- Đi chôn em cháu.

- Đem chôn nó xuống đất hờ bác?

- Chứ sao? Phải chôn đi.

Tôi kể cho bác thủy thủ nghe câu chuyện người ta đã chôn sống lũ nhái như thế nào lúc chôn cất bố tôi. Bác bế xốc tôi lên, ghì chặt vào người và hôn tôi:

- Chà, cháu chưa hiểu gì cả! Bác nói.

- Không nên thương hại lũ nhái ấy làm gì. Chúa khắc phù hộ chúng! Cháu hãy thương lấy mẹ cháu. Cháu thấy đấy, đau khổ đã làm cho mẹ cháu héo hon đi như thế đấy!

Tiếng còi tàu rúc, rít lên trên đầu chúng tôi. Tôi đã biết đây là chiếc tàu thủy nên không sợ. Bác thủy thủ vội đặt tôi xuống sàn và vừa chạy ra ngoài vừa nói:

- Bác phải chạy đi đằng này một tí!

Tôi cũng muốn chạy theo. Tôi bước ra ngoài cửa. Ngoài hành lang hẹp tranh tối tranh sáng không có qua một bóng người. Gần cửa buồng có những bậc cầu thang nép đồng bóng nhoáng. Nhìn lên trên, tôi thấy một đám người xách bị và tay nải. Rõ ràng là tất cả mọi người sắp lên bờ, tôi cũng phải lên thôi. Nhưng khi tôi len vào giữa đám đông ở cạnh thành tàu trước chiếc cầu bắc lên bờ, mọi người đều nhìn tôi kêu lên:

- Con cái nhà ai thế này?

Mày con ai?

- Cháu không biết. Người ta xô đẩy tôi, lay tôi, sờ mó tôi hồi lâu. Cuối cùng bác thủy thủ tóc bạc chạy đến, túm lấy tôi và phân trần:

- Thành bé này ở Axtrakhan, nó ở trong buồng tàu chạy ra... Bác bế tôi bước nhanh vào buồng, đặt tôi vào giữa đồng tay nải rồi vừa đi ra, vừa giơ ngón tay ra dọa tôi:

- Liệu hồn đấy!

Tiếng ồn ào trên đầu mỗi lúc một nhỏ dần, chiếc tàu không lắc lư mạnh và không khuấy động trên mặt nước nữa. Cửa sổ căn buồng bị một bức thành ướn chắn lấp. Trong buồng tối om, ngột ngạt, đồng tay nải như phồng ra, ép lấy người tôi. Tất cả đều làm cho tôi khó chịu. Có lẽ người ta sẽ để một mình tôi ở lại vĩnh viễn trong chiếc tàu vắng ngắt này chăng? Tôi lại gần cửa buồng. Cửa không mở được, tôi không làm cách nào xoay được quả đám bằng đồng.

Tôi cầm chai sữa đập thật mạnh vào quả đấm. Chiếc chai vỡ toang, sữa đổ tung tóe xuống chân tôi chảy đầy cả vào đôi ủng. Buồn rầu vì thất bại, tôi lên nằm trên đồng tay nải, khóc ti ti và ngủ thiếp đi, mắt vẫn ướt lệ. Khi tôi tỉnh dậy, chiếc tàu thủy lại khuấy động và lắc lư mạnh, cửa sổ căn buồng sáng rực như mặt trời. Bà tôi ngồi cạnh tôi, chải đầu và nhăn nhó, nói thì thầm cái gì nghe không rõ. Tóc bà tôi đen nhánh, ánh xanh, dày kỳ lạ, phủ kín cả hai vai, xoa xuống ngực, xuống đầu gối và rải cả ra sàn. Một tay khê nâng mớ tóc trên sàn lên và ướm trên tay, bà tôi đưa một cách khó khăn chiếc lược thưa bằng gỗ vào mớ tóc dày. Bà tôi bấu môi, cặp mắt đen long lên đầy tức giận, và trong mớ tóc dày ấy khuôn mặt bà tôi trở nên bé nhỏ và buồn cười lạ. Hôm nay bà tôi có vẻ dữ tợn, nhưng khi tôi hỏi tại sao tóc bà lại dày như vậy, bà tôi trả lời, giọng cũng dịu dàng ấm áp như hôm qua:

- Có lẽ Chúa trừng phạt bà đấy. Tóc với tai chết tiệt ở đâu ấy, cứ thử chải nó mà xem!

Hồi còn trẻ bà thích khoe khoang về cái bờm này, nhưng nay về già bà lại nguyên rửa nó! Cháu ngủ đi! Hãy còn sớm, mặt trời vừa mới mọc thôi...

- Cháu không buồn ngủ nữa!

- Thì thôi vậy,

Bà tôi bằng lòng ngay; và vừa tết tóc vừa nhìn về phía chiếc đi-văng, nơi mẹ tôi đang nằm ngủ, ngửa mặt lên, người duỗi thẳng.

- Hôm qua cháu đập vỡ chai sữa như thế nào? Kể khê cho bà nghe!

Lời nói của bà tôi đặc biệt trầm bổng nghe như tiếng hát, nó khắc sâu vào trí nhớ tôi dễ dàng, như những đóa hoa, và cũng dịu dàng, rực rỡ đầy nhựa sống. Khi bà tôi mỉm cười, hai con ngươi đen sẫm như quả anh đào, nở ra, long lanh tia sáng dịu hiền khôn tả. Nụ cười để lộ ra hai hàm răng trắng ngần chắc chắn, và mặc dù trên đôi má ngăm ngăm đen đã có vô số nếp nhăn, khuôn mặt của bà tôi hình như vẫn tươi trẻ. Nhưng cái mũi xôm xốp có hai lỗ mũi phồng lên và cái chóp mũi đỏ đã làm cho khuôn mặt xấu đi khá nhiều. Bà tôi hít thuốc lá đựng trong cái hộp đen khảm bạc. Toàn thân bà tôi đen sẫm, nhưng từ bên trong -qua đôi mắt -ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui và không bao giờ tắt. Tuy lưng

cồng, gần như gù, và thân hình rất to béo, nhưng bà tôi đi lại nhẹ nhàng, nhanh nhẹn như một con mèo to, và cũng có vẻ dịu dàng mềm mại giống hệt như con vật dễ thương ấy. Trước kia gặp bà tôi; tôi như người ngủ say, đắm chìm trong bóng tối; nhưng bà tôi xuất hiện, đã đánh thức tôi dậy và đưa tôi ra ngoài ánh sáng. Với một sợi dây vô tận bà tôi nối tất cả mọi vật xung quanh tôi lại, đan thành một tấm đăng-ten nhiều màu sắc, và lập tức trở thành người bạn thân thiết suốt đời tôi, một người gần gũi nhất với lòng tôi, một con người dễ hiểu nhất và yêu quý nhất. Tấm lòng yêu mến vô tư của bà tôi đối với mọi người đã làm cho tâm hồn tôi thêm phong phú, đã truyền sức mạnh không gì khuất phục nổi để đương đầu với những ngày tháng gieo neo.



Bốn mươi năm về trước tàu thủy chạy rất chậm, chúng tôi phải đi khá lâu mới tới Nijni. Tôi còn nhớ rất rõ những ngày đầu tiên vô cùng đẹp đẽ ấy. Trời rất đẹp, suốt từ sáng đến tối, tôi với bà tôi đứng trên boong tàu dưới bầu trời trong sáng, giữa đôi bờ sông Vonga được mùa thu thêu lên một màu vàng óng, trông như hai dải lụa. Con tàu màu gạch tươi đi ngược dòng sông, bánh lái uể oải khuấy động mặt nước xanh sẫm. Con tàu kéo theo ở đầu sợi dây cáp dài một chiếc sà-lan xám trông giống như con bọ đất. Mặt trời lững lờ di chuyển trên sông Vonga; cảnh vật xung quanh đổi mới từng giờ từng phút. Những ngọn đồi xanh giống như những nếp gấp lông lầy trên bộ y phục sang trọng của mặt đất; hai bên bờ sông, các thành phố và làng mạc nom xa xa như những chiếc bánh; thỉnh thoảng có chiếc lá thu vàng bập bênh trên mặt nước.

- Cháu nhìn xem, đẹp chưa kia!

- Chốc chốc bà tôi lại nhắc lại và đi từ thành tàu bên này sang thành bên kia.

Bà tôi rạng rỡ hẳn lên, đôi mắt mở to vì vui sướng. Bà tôi mãi nhìn lên bờ, nhiều lúc quên cả tôi. Bà tôi đứng cạnh thành tàu, khoanh tay trước ngực, mỉm cười, im lặng, nước mắt rung rung. Tôi giật giật chiếc váy sẫm màu có thêu hoa của bà tôi.

- Gì thế? - Bà tôi giật mình. Bà tưởng như đang thiu thiu ngủ và nằm mơ ấy.

- Sao bà lại khóc?

- Bà vui sướng đấy cháu ạ, mà cũng vì tuổi già nữa! -Bà tôi vừa nói vừa mỉm cười.

- Bà đã già rồi, bà đã trải qua sáu mươi xuân rồi còn gì nữa!

Sau khi hít thuốc lá, bà tôi bắt đầu kể cho tôi nghe những câu chuyện kỳ quái về bọn cướp phúc đức, về các vị thánh, về những loài dã thú và lũ ác quỷ.

Những chuyện thần thoại được bà tôi kể bằng một giọng khe khẽ, đầy bí ẩn. Bà tôi cúi xuống, nhìn thẳng vào mắt tôi, hai con ngươi mở rộng như muốn truyền vào lòng tôi một sức mạnh lôi cuốn tôi lên. Bà tôi nói y như hát, và càng nói lời bà tôi càng vang lên nhịp nhàng. Nghe bà tôi nói thật thú vị không thể tả được. Tôi lắng nghe và vùi thêm:

- Kể nữa đi bà!

- Ừ, thì kể nữa: ngày xưa có một vị gia thần ngồi ở phía dưới lò sưởi, bị mì ống cắm vào chân. Lão vừa lắc la lắc lư vừa rên rỉ và khóc tí ti: "ôi, chuột con ơi, đau quá, ôi chuột con ơi, ta không thể chịu nổi!" Bà tôi nhấc một chân lên, hai tay ôm lấy và nhăn mặt lại giãy giãy nom đến buồn cười, y như chính bà tôi đau vậy. Các bác thủy thủ rậm râu và hiền lành đứng xung quanh lắng nghe, cười khúc khích, khen ngợi bà tôi và cũng yêu cầu:

- Bà kể chuyện nữa đi!

- Sau đó họ bảo: -Mời bà cùng đi ăn tối với chúng tôi! Khi ăn, họ mời bà tôi uống rượu vodka, còn tôi thì được ăn dưa hấu, dưa bở. Việc này phải làm giấu, vì trên tàu có một người cấm ăn hoa quả, lão ta tịch thu tất cả hoa quả và đem quẳng xuống sông.

Lão ăn mặc giống hệt một viên cảnh sát, cũng có những cúc áo bằng đồng, và lúc nào cũng say mềm. Mọi người thấy lão đều lẩn tránh. Mẹ tôi rất ít khi ra boong tàu và thường đứng lặng lẽ một mình, riêng ra một chỗ. Thân hình mẹ tôi to lớn, cân đối, khuôn mặt tối sẫm và đanh lại, mái tóc vàng hoe, tết bím, vắt trên đầu thành một vòng nặng trĩu -toàn thân mẹ tôi trông thật lực lưỡng và rắn chắc. Giờ đây hình ảnh mẹ tôi hiện lên trong óc tôi như qua một lớp sương mù hoặc qua một đám mây trong vắt, trong đó lộ ra đôi mắt xám xa lạ và lạnh lùng cũng to như đôi mắt bà tôi. Có một lần mẹ tôi nói, giọng nghiêm nghị:

- Người ta cười mẹ đấy, mẹ ạ!
- Mặc họ! - Bà tôi đáp vẻ vô tư.
- Cho họ cười, kệ họ.

Tôi còn nhớ vẻ vui mừng như trẻ con của bà tôi khi nhìn thấy Nijni. Bà tôi kéo tay tôi, đẩy tôi về phía thành tàu và kêu lên:

- Cháu trông kìa, cháu trông kìa, đẹp không! Nijni đấy, cháu ạ! Nhờ ơn Chúa, thành phố mới đẹp làm sao! Cháu trông kìa, nhà thờ như bay là là trên mặt đất ấy!

Rồi bà tôi yêu cầu mẹ tôi, giọng gần như khóc:

- Variusa, con nhìn đi chứ! Có lẽ con quên cả rồi cũng nên! Hãy vui lên con!

Mẹ tôi mỉm cười, ủ rũ. Con tàu dừng lại trước một thành phố mỹ lệ, giữa dòng sông chật ních thuyền bè, tua tủa hàng trăm cột buồm nhọn hoắt. Một chiếc thuyền lớn đầy ắp người bơi lại gần thành tàu và ngoắc cái sào có móc vào chiếc thang người ta thả xuống. Những người trên thuyền lần lượt leo lên boong tàu. Một ông già bé nhỏ, gầy đét, leo lên rất nhanh, trước tất cả mọi người. Ông cụ mặc bộ quần áo dài đen, râu màu hung và óng ánh như kim tuyến, mũi giống như mỏ chim và có đôi mắt xanh lục. Vì dịch tả đang hoành hành lúc bấy giờ nên phải làm như vậy.

- Bố!

Mẹ tôi kêu tướng lên, giọng khàn khàn. Mẹ tôi nghiêng người về phía ông cụ. Ông ôm lấy đầu mẹ tôi và đưa đôi bàn tay bé nhỏ, đỏ tía, vuốt nhanh vào má mẹ tôi. Rồi ông kêu lên, giọng the thé:

- Thế nào! Cô ả ngốc? A, a! Con thấy đấy... Chao ôi, lũ chúng bay... y... y thật là...

Bà tôi hình như ôm hôn tất cả mọi người một lúc, cứ xoay tít như một chiếc chong chóng. Bà tôi vừa đẩy tôi đến trước mặt mọi người vừa nói vội vã với tôi:

- Nào, nhanh nhanh lên! Đây là cậu Mikhailô, đây là cậu Iakôp... vợ Nataláa, đây là các em cháu, cả hai cùng tên là Xasa, em gái Katêrina, tất cả đều là họ hàng nhà ta đấy. Cháu xem có đông không!

Ông tôi hỏi bà tôi:

- Bà nó có khỏe không?

Ông bà tôi ôm nhau ba lần. Rồi ông tôi kéo tôi ra khỏi đám người chen chúc, ôm lấy đầu và hỏi:

- Còn thằng này, mày là con cái nhà ai hả?

Một thằng bé ở Axtrakhan, từ trong buồng tàu chạy ra...

- Nó nói cái gì thế?

Ông tôi hỏi mẹ tôi, và không chờ trả lời, đẩy tôi ra và nói:

- Đôi gò má giống bố như đúc... Thôi xuống thuyền đi!

Tới bờ, chúng tôi cả tốp leo lên dốc, theo con đường rải đá cuội to, giữa hai bờ dốc cao phủ một lớp cỏ vàng hoe đã bị xéo nát. Ông tôi và mẹ tôi đi đầu. Ông tôi chỉ thấp đến ngang vai mẹ tôi, bước ngắn, nhưng đi rất nhanh. Mẹ tôi nhìn ông tôi từ trên xuống và bước đi như không chạm đất. Hai cậu tôi lặng lẽ bước theo sau: cậu Mikhain tóc đen mượt, người gầy đét giống ông tôi; cậu Iakôp tóc quăn và vàng hoe; có cả mấy người đàn bà to béo mặc áo dài lòe loẹt và năm sáu đứa trẻ con, đứa nào cũng lớn hơn tôi và đứa nào cũng im lặng. Tôi đi cùng với bà tôi và mợ Nataláa thấp nhỏ. Sắc mặt xanh xao, cặp mắt xanh biếc, bụng to tướng, mợ tôi thường phải dừng lại luôn và nói thì thầm hỗn hển:

- Ối, tôi không sao đi được nữa!

- Chúng nó bắt tội mày đi làm gì cơ chứ! Bà tôi cầu nhàu về tức giận. - Cả nòi cả ổ đều ngu ngốc!

Cả người lớn lẫn trẻ con, tôi không thích một ai cả. Tôi cảm thấy mình xa lạ giữa họ, ngay cả bà tôi hình như cũng mờ nhạt đi và trở nên xa cách đối với tôi. Đặc biệt tôi không thích ông tôi tí nào. Tôi cảm thấy ngay ông tôi là kẻ thù, ông làm cho tôi phải đặc biệt chú ý tới ông và gây cho tôi một mối hiếu kỳ lo sợ. Chúng tôi đi đến đỉnh dốc. Ở tít trên cao, dựa lưng vào bờ dốc bên phải, bắt đầu phố, có một ngôi nhà thấp một tầng, sơn màu hồng nhem nhuốc, mái lợp súp và cửa sổ nhô ra ngoài. Đứng ngoài đường nhìn vào, tôi tưởng ngôi nhà cũng khá rộng rãi, nhưng bên trong lại phân thành những buồng nhỏ, tranh tối tranh sáng, rất chật chội. Chỗ nào cũng thấy những người bức tức chạy ngược chạy xuôi như trên một con tàu cập bến và một lũ trẻ con lóng lộn như đàn chim sẻ hay cướp phá. Chỗ nào cũng có mùi hăng hăng là lạ. Tôi đi ra sân. Cái sân cũng đáng ghét: khắp sân treo đầy những tấm vải lớn ướt đẫm, để ngổn ngang những thùng nước đặc nhiều màu. Trong thùng cũng ngâm vải. Ở một góc tường, trong trái nhà thấp lè tè đã

xiêu vẹo, củi cháy rừng rực trong bếp lò. Có cái gì sôi lên sùng sục, và một người mà tôi không trông thấy nói to những tiếng kỳ lạ:

- Xantan
- fucxin
- cupơrôx...

II

Một cuộc sống sôi nổi nhiều màu sắc, kỳ quặc đến khó tả bắt đầu và trôi qua nhanh chóng lạ thường. Tôi nhớ lại cuộc sống đó như nhớ lại một chuyện cổ tích hãi hùng do một thiên tài tốt bụng nhưng chân thật một cách tàn nhẫn đã khéo kể lại. Giờ đây khi hồi tưởng lại quá khứ, chính tôi đôi khi cũng khó tin được rằng tất cả thực sự là như vậy. Có nhiều điều tôi muốn tranh cãi, muốn phủ nhận, chính vì cuộc sống tối tăm của "cái nòi ngu ngốc" ấy có quá nhiều những điều tàn nhẫn. Nhưng sự thật vẫn hơn lòng thương hại, vả lại câu chuyện tôi kể đây đâu có phải nói về bản thân tôi, mà nói về cuộc sống chật hẹp, ngột ngạt, đầy những ấn tượng khủng khiếp mà người thường dân Nga đã sống và hiện đang sống. Nhà ông tôi đây một không khí thù hằn giữa người nọ với người kia như đám sương mù dày đặc; sự thù hằn đó đã đầu độc người lớn, và thậm chí đến cả trẻ con cũng góp phần tích cực vào đó. Sau này, qua những câu chuyện bà tôi kể, tôi được biết rằng mẹ tôi trở về đúng vào lúc các cậu tôi đang nằng nặc đòi ông tôi phải chia gia tài. Việc mẹ tôi đột nhiên trở về càng làm tăng thêm ý muốn ra ở riêng của họ. Họ sợ rằng mẹ tôi sẽ đòi lại số của hồi môn thuộc phần mẹ tôi nhưng bị ông tôi giữ lại vì mẹ tôi đã "tự ý" đi lấy chồng, không được ông tôi ưng thuận. Các cậu tôi cho rằng số của hồi môn đó phải được đem chia cho họ. Từ lâu họ cũng đã cãi nhau kịch liệt xem ai là người được mở xưởng ở trong thành phố và ai sẽ ở khu ngoại ô Kunavinô, bên kia sông ska. ít ngày sau, khi chúng tôi tới, một vụ cãi cọ đã nổ ra ở nhà bếp giữa bữa ăn trưa: các cậu tôi đột nhiên chồm dậy, nhào người qua mặt bà và bắt đầu găm rít, la hét vào mặt ông tôi, rằng nhe ra, găm gừ nhau như một bầy chó. Ông tôi đỏ mặt tía tai, lấy chiếc thìa nện xuống mặt bàn và thét văng lên như tiếng gà trống:

- Ông sẽ cho chúng mày đi ăn mày cả nút!

Bà tôi mặt nhăn nhó một cách đau đớn, nói:

- Cứ đem chia tuốt cho chúng nó, ông ơi! Ông sẽ được yên thân. Cho tất chúng nó đi!

- Xì, bà lại định về hòa với chúng nó phải không?

Ông tôi thét lên, hai mắt long lanh. Và thật là lạ, một người bé nhỏ như ông tôi mà lại có thể thét to đến thế. Mẹ tôi rời khỏi bàn, đứng dậy và từ từ đi lại phía cửa sổ, đứng xoay lưng về phía mọi người. Bỗng cậu Mikhain vung tay đâm vào mặt người em, cậu này thét lên, lăn xả vào anh và cả hai người lăn trên sàn, vừa thở, vừa rên, vừa chửi rủa.

Lũ trẻ con òa lên khóc. Mẹ Nataláa đang có mang kêu than một cách tuyệt vọng. Mẹ tôi kéo mẹ đi ra chỗ khác. Epgênáa, mẹ vú nuôi mặt rỗ, vui tính, đuổi lũ trẻ ra khỏi nhà bếp. Ghế đồ lỏng chổng; anh thợ học nghề Txuganôc, một thanh niên có đôi vai rộng, cười lên lưng cậu Mikhain, còn bác thợ cả Grigôri Ivanôvita hói đầu, rậm râu và đeo kính râm thì bình tĩnh lấy một chiếc khăn mặt trời hai tay cậu ấy lại. Cậu Mikhain vươn cổ về phía sau, bộ râu đen và thưa cọ xuống mặt sàn, miệng thở khò khè một cách khủng khiếp. Ông tôi thì vừa chạy xung quanh bàn vừa kêu la thảm thiết:

- Anh em, máu mủ với nhau mà thế đấy! Chao ôi, lũ chúng bay... y... y thật là...

Ngay từ đầu cuộc cãi nhau, tôi sợ quá, đã leo phóc lên lò sưởi. Từ trên đó tôi kinh ngạc nhìn Bà tôi đang lấy nước ở chậu thau bằng đồng và rửa những vết máu trên mặt cậu Iakôp. Cậu vừa khóc vừa giậm chân xuống mặt sàn, còn bà tôi thì nói bằng một giọng khó nhọc:

- Quân đáng nguyên rủa, đồ mọi rợ, phải tu tỉnh lại chứ!

Ông tôi vắt chiếc áo bị rách toạc lên vai và thét bà tôi:

- Này, mẹ phù thủy! Mẹ đã đẻ ra một lũ súc sinh đấy!

Khi cậu Iakôp đã đi khỏi, bà tôi chạy lại góc nhà, kêu gào thảm thiết:

- Lạy Đức Bà Marya, Mẹ của Chúa Lời, xin Đức Bà đừng để con cái chúng con sa vào sự dữ.

Ông tôi đứng lên, ngoảnh về phía bà tôi, đưa mắt nhìn chiếc bàn trên đó mọi thứ còn đổ ngổn ngang, lênh láng và nói nhỏ:

- Bà liệu mà theo dõi chúng nó, kéo chúng nó sẽ hành tội con Vacvara cho mà xem, chưa biết chừng...

- Thôi đi, đừng nghĩ nhảm nữa! Cởi áo ra, đưa đây tôi vá cho...

Rồi bà tôi ôm lấy đầu ông tôi hôn vào trán. Ông tôi trông thật bé nhỏ bên cạnh bà tôi và cứ úp mặt vào vai bà tôi:

- Có lẽ phải chia thôi, bà nó ạ...

- Phải, phải chia đi, ông ạ!

Hai người nói chuyện với nhau hồi lâu, lúc đầu còn thân mật, sau ông tôi giậm chân xuống sàn như con gà trống trước lúc chọi nhau, gíơ ngón tay ra dọa bà tôi và thêu thào nói to:

- Tôi biết bà lắm, bà chiều chúng nó lắm! Thằng Miska của bà chỉ là đứa gian giảo, còn thằng Iaska thì là một tên vô lại! Rồi chúng nó sẽ nốc đến hết nhẵn của cái của tôi cho mà xem, chúng sẽ đem phung phí hết.

Ngồi trên mặt lò sưởi, tôi trở mình không khéo, làm rơi chiếc bàn là. Chiếc bàn là lăn ầm ầm trên bậc lò sưởi rồi rơi tồm vào thùng nước rác. ông tôi nhảy lên bậc, kéo cổ tôi xuống, nhìn chăm chăm vào mặt tôi, dường như mới trông thấy tôi lần đầu.

- Ai đặt mày ngồi lên lò sưởi? Mẹ mày phải không?

- Cháu tự leo lên lấy.

- Nói láo.

- Không, cháu tự leo lên một mình thật mà. Vì cháu sợ.

Ông tôi đẩy tôi sang bên và khế bóp vào trán tôi.

- Y hệt như cái thằng bố mày! Thôi, cút đi!

Được chuồn khỏi bếp, tôi mừng quýnh.

*
* *

Tôi thấy rõ ông tôi thường đưa cặp mắt xanh thông minh và tinh nhanh theo dõi tôi, và tôi sợ ông tôi lắm. Tôi còn nhớ là tôi luôn luôn muốn lẩn tránh cặp mắt nầy lửa đó. Tôi cảm thấy ông tôi là một người độc ác, nói với ai cũng bằng một giọng giễu cợt, châm chọc để gây sự và chọc tức mọi người.

- Chao ôi, lũ chúng bay... y... y thật là! - ông thường la như vậy; tiếng "y" kéo dài của ông luôn gây cho tôi một cảm giác buồn

rầu hoặc sợ hãi. Vào giờ nghỉ, lúc uống trà buổi tối, khi ông tôi, các cậu tôi và những người làm từ xưởng bước vào bếp, vẻ mệt mỏi, tay đầy xantan và cháy sém vì cuporôx, tóc buộc bằng vải, tất cả nom giống như những bức tượng thánh đen sạm đặt ở góc bếp. Vào giờ phút hãi hùng đó, ông tôi thường ngồi đối diện với tôi và chuyện trò với tôi nhiều hơn những đứa cháu khác, khiến chúng phải ghen tị. ông tôi dáng người cân đối, mảnh khảnh, tư thế ung dung. Chiếc gi-lê bằng vải xa-tanh thêu đã cũ sờn, áo sơ-mi vải hoa thì nhàu nát và trên hai đầu gối quần lộ ra những miếng vá lớn. Tuy vậy trông ông tôi ăn mặc vẫn có vẻ sạch sẽ và chỉnh tề hơn các cậu tôi mặc vét-tông, sơ-mi ngực hồ cứng và quần khăn lụa.

Tôi đến được vài hôm thì ông tôi bắt tôi học cầu kinh. Tất cả những đứa trẻ khác ở trong nhà đều lớn tuổi hơn tôi và chúng đã học đọc, học viết do một thầy phụ lễ của nhà thờ Đức Mẹ lên Trời dạy; qua cửa sổ của ngôi nhà có thể nhìn thấy những nóc nhà thờ tròn vàng chói. Mẹ Nataláa dạy tôi học. Mẹ là một người trầm lặng, sợ sệt, mặt trông rất trẻ con và có cặp mắt trong suốt khiến tôi có cảm tưởng rằng qua cặp mắt đó có thể nhìn thấy tất cả những gì ở phía sau mẹ. Tôi thích nhìn vào mắt mẹ thật lâu, không chớp. Mẹ lim dim mắt, quay đầu tứ phía và khe khẽ năn nỉ tôi, giọng gần như thì thầm:

- Nào, cháu nói đi: "Lạy Cha chúng tôi ở trên trời..."

Và nếu tôi có hỏi "Iakô jê là cái gì?" thì mẹ sợ hãi nhìn xung quanh khuyên tôi:

- Cháu đừng hỏi, như thế không tốt! Cháu chỉ việc nói theo mẹ: "Lạy Cha chúng tôi..." Nghe không?

Tôi băn khoăn: tại sao hỏi lại không tốt? Tiếng "Iakô jê" như có nghĩa gì bí ẩn, và tôi cố tình tìm mọi cách xuyên tạc đi:

- "Iakôp jê", "Ia vợ kôjê"...

Nhưng mẹ tôi cứ kiên nhẫn chữa lại. Mặt mẹ nhợt nhạt như sắp tan ra thành nước, giọng nói luôn luôn đứt quãng:

- Đừng, cháu chỉ việc nói: "Iakô jê" thôi...

Nhưng bản thân mẹ và cả những lời nói đều không tự nhiên. Điều đó khiến tôi bực mình và làm cho tôi không thể nào thuộc được bài kinh. Một hôm ông tôi hỏi:

- Thế nào, Aliôska, hôm nay mày làm gì? Lại đi chơi rồi! Cứ nhìn thấy cái bướu trên trán mày là đủ biết. Chơi mà bướu đầu bướu trán lên như thế thì không phải là khôn đâu! Thế còn bài kinh "Lạy Cha" đã thuộc chưa?

Mợ tôi đáp khê:

- Nó tối dạ lắm.

Ông tôi cười khẩy, cặp lông mày màu hung khê rướn lên:

- Nếu vậy thì phải nện cho nó một trận!

Và ông lại hỏi tôi:

- Bố mày đã nện cho mày bao giờ chưa?

Không hiểu ông tôi nói gì, tôi lặng im. Mẹ tôi nói:

- Không, Macxim không đánh nó bao giờ, còn cấm cả con nữa.

- Sao vậy?

- Bố nó bảo không thể dạy bằng roi vọt được.

- Rõ đồ ngốc, khốn khổ mớ ma cái thằng Macxim ấy. Lạy Chúa tha thứ cho con! -ông tôi nói rành rọt, giọng giận dữ.

Những lời nói đó làm tôi bức mình. Ông tôi nhận ra điều đó.

- Mày làm gì mà bấu môi bấu mồm thế? Thật là thằng...

Rồi, vuốt mái tóc hung bạc trên đầu, ông tôi nói thêm:

- Được, đến thứ bảy này tao sẽ tấn cho thằng Xasa một mẻ về chuyen chiếc đê cho mà xem!

- Tấn là thế nào? - Tôi hỏi.

Tất cả mọi người cười phá lên, ông tôi nói:

- Được, rồi khắc biết...

Tôi nấp vào một chỗ và tưởng tượng: "tấn" tức là thêu viền những áo dài người ta đưa nhuộm, còn "nện" và "đánh" thì chỉ là một, có lẽ thế. Người ta thường đánh ngựa, đánh chó, đánh mèo. Ở Axtrakhan bọn cảnh sát đánh người Ba-tư, cảnh đó tôi đã thấy. Nhưng tôi chưa thấy người ta đánh trẻ con như vậy bao giờ, và ở đây tuy các cậu tôi cũng có khi cốc vào trán, khi thì bộp vào gáy lũ em họ tôi, nhưng lũ trẻ đối với việc đó có vẻ xem thường. Bị đánh, chúng chỉ xoa qua loa chỗ đau rồi thôi. Nhiều lần tôi hỏi chúng:

- Có đau không?

Và bao giờ chúng cũng trả lời một cách can đảm:

- Không, chẳng đau gì cả!

Câu chuyện lòi thoi về chiếc đê tôi có được biết. Chiều chiều, khoảng từ lúc uống trà cho đến bữa ăn tối, các cậu tôi và bác thợ cả thường can những mảnh vải nhuộm lại với nhau thành một "tấm" và gắn vào đó những cái nhãn bằng bìa. Để đùa bác Grigôri mắt đã gần mù, cậu Mikhain sai một đứa cháu lên chín tuổi lấy chiếc đê của bác Grigôri hơ lên ngọn nến. Thằng Xasa lấy chiếc kẹp vẫn dùng để gặt tàn nến cặp chiếc đê, hơ thật nóng, rồi lừa đặt xuống phía dưới tay bác Grigôri, và nắp đằng sau lò sưởi. Vừa lúc đó, ông tôi đi vào, ngồi xuống làm việc và đút ngay ngón tay vào chiếc đê nóng bỏng. Tôi còn nhớ, khi tôi nghe tiếng ồn ào chạy vào bếp thì ông tôi đang giơ những ngón tay bị bỏng lên nắm lấy tai, nhảy chơi chơi và la lớn:

- Đứa nào nghịch thế này? Đồ dã man!

Cậu Mikhain cúi xuống bàn, lấy ngón tay búng chiếc đê thối cho nguội. Bác thợ cả vẫn điềm nhiên ngồi khâu, những hình bóng nhảy nhót trên chiếc đầu hói lớn của bác. Cậu Iakôp chạy vào, nắp sau góc lò sưởi và cười khúc khích. Bà tôi thì đang xát khoai sống bằng một chiếc bàn xát.

- Thằng Xaska Iakôvôp nghịch đấy! - Cậu Mikhain bỗng nhiên nói.

- Nói láo!

Cậu Iakôp từ phía sau lò sưởi nhảy ra, la lên. Trong một góc bếp, thằng con cậu Iakôp vừa khóc meo vừa kêu:

- Không phải đâu bố ạ! Chính bác ấy xui con đấy! Bao ngón tay dùng khi khâu vá.

Hai cậu tôi bắt đầu cãi nhau. Còn ông tôi thì bỗng nguội ngay. Ông tôi lấy bột khoai đắp vào ngón tay rồi im lặng bước ra, kéo theo cả tôi ra ngoài. Tất cả mọi người đều nói rằng cậu Mikhain có lỗi. Cho nên đến lúc uống trà tôi hỏi xem cậu ấy có bị "tẩn" và bị "nện" không?

- Đáng lắm. - ông tôi vừa càu nhàu vừa liếc nhìn tôi.

Cậu Mikhain đâm tay xuống mặt bàn, thét mẹ tôi:

- Chị Vacvara, có bảo thằng chó con ấy câm đi không! Tôi thì vẫn cố nó đi bây giờ!

Mẹ tôi nói:

- Cứ thử đụng vào nó mà xem...

Thế là tất cả mọi người đều im lặng. Mẹ tôi có lối nói cộc lốc, những lời nói ấy như có sức mạnh đánh lui địch thủ, và làm cho họ phải hạ mình. Tôi thấy rõ là tất cả mọi người đều sợ mẹ tôi. Ngay cả ông tôi cũng nói với mẹ tôi nhẹ nhàng, không giống như nói với những người khác. Thấy vậy tôi rất thích thú, và thường khoe với lũ em họ với về tự hào:

- Mẹ tôi mạnh nhất!

Chúng cũng chẳng phản đối. Nhưng rồi câu chuyện xảy ra hôm thứ bảy sau đã làm lay chuyển lòng tin của tôi đối với mẹ tôi.

*
* *

Trước hôm thứ bảy, tôi cũng phạm phải một lỗi nặng. Tôi rất thích xem người lớn làm thay đổi màu vải, thật là tài tình: chẳng hạn người ta lấy vải vàng nhúng vào nước màu đen, thế là vải hóa thành màu xanh thẫm, "màu chàm"; cho màu xám vào nước màu gạch thì trở thành đỏ đỏ, màu "boócđô". Thật là dễ dàng, nhưng khó hiểu. Tôi cũng muốn tự mình nhuộm một vật gì, tôi liền nói chuyện đó với thằng Xasa Iakôvôp. Nó là một thằng bé rất đứng đắn, muốn được người lớn không coi thường, đối với ai cũng dịu dàng, sẵn sàng giúp đỡ tất cả mọi người trong mọi trường hợp. Người lớn khen nó dễ bảo, thông minh, nhưng ông tôi thường lườm nó và nói:

- Đồ nịnh hót!

Thằng Xasa Iakôvôp người gầy khảnh, đen thui, hai mắt lồi như hai mắt tôm. Nó thường nói vội vã, lí nhí, hay nuốt tiếng và lúc nào cũng lăm lét nhìn quanh như định chạy trốn đi đâu. Hai con người màu nâu sẫm của nó thường không động đậy, nhưng mỗi khi nó bị kích động lại rung lên cùng với lòng trắng. Tôi không ưa nó. Tôi thích thằng Xasa Mikhailôp hơn. Nó là một thằng bé chẳng có gì đáng để ý, thẫm lặng, chậm chạp, có cặp mắt buồn và nụ cười hiền lành, rất giống người mẹ dịu dàng của nó. Bộ răng nó không được đẹp, chìa cả ra ngoài miệng và ở hàm trên lại mọc

thành hai hàng. Bộ răng này làm nó bận tâm lắm; lúc nào nó cũng cho tay vào mồm lay những chiếc răng mọc ở hàng sau để định nhổ đi và ai muốn sờ vào hàm răng của nó cũng được. Ngoài ra, tôi không thấy nó có cái gì hay hơn. Trong nhà chật ních người nhưng nó sống lẻ loi. Nó thích ngồi trong những xô tranh tối tranh sáng, và buổi chiều thì ngồi bên cửa sổ. Thật thú vị khi cùng ngồi với nó im lặng bên cửa sổ, và cứ ngồi sát bên nhau im lặng như thế hàng tiếng đồng hồ, nhìn những con quạ đen bay lượn trên bầu trời đỏ ối trong buổi hoàng hôn, quanh những chiếc tháp tròn vàng rực của ngôi nhà thờ Đức Mẹ lên Trời. Chúng bay tít lên cao, rồi lao vút xuống. Và bỗng như một tấm lưới đen, chúng phủ kín bầu trời đang tắt, rồi chúng biến đi đâu mất, để lại sau chúng một khoảng không trống rỗng. Nhìn cảnh tượng đó người ta không muốn nói gì nữa, và một nỗi buồn man mác xâm chiếm lấy tâm hồn.

Thằng Xasa, con cậu Iakôp, thì chuyện gì cũng có thể nói thao thao bất tuyệt, và chững chạc như người lớn. Biết tôi muốn học nhuộm, nó khuyên tôi vào trong tủ lấy ra chiếc khăn trải bàn màu trắng tinh vẫn dùng trong những ngày lễ và đem nhuộm thành màu xanh.

- Màu trắng là dễ nhuộm nhất, tớ biết!

Nó nói giọng rất nghiêm trang. Tôi lôi ra chiếc khăn trải bàn lớn và chạy ra sân. Nhưng khi tôi vừa nhúng một đầu khăn vào thùng nước "châm" thì anh Txuganôc bỗng từ đâu lao tới. Anh giật lấy chiếc khăn, rồi dùng hai bàn tay to lớn vắt nước và thét thằng em họ tôi đang nấp ở phòng ngoài để theo dõi việc làm của tôi:

- Gọi bà ra mau lên!

Rồi anh lắc cái đầu tóc đen bù xù như cáo trước điềm chẳng lành, và bảo tôi:

- Hừ, chuyện này thế nào mà cũng bị một trận đòn nên thân!

Bà tôi chạy tới, vừa rên rĩ và khóc lóc, vừa chửi tôi bằng những câu nghe đến buồn cười:

- Ôi, thằng trời đánh thánh vật kia, sao quỷ thần không đem mà quật chết mày đi!

Rồi bà tôi nói với anh Txuganôc:

- Này, Vanasa, đừng nói gì với ông nhé! Tao sẽ giấu kín chuyện này, may ra có thể thoát được...

Anh Vanka chùi hai tay ướt vào chiếc tạp-dề nhem nhuốc, nói với vẻ lo lắng:

- Cái đó thì việc gì đến con? Con không nói đâu, song coi chừng thằng Xasa nó mách đấy!

- Tao sẽ cho nó hai kôpêch, - bà tôi nói và dẫn tôi vào trong nhà.

Đến thứ bảy, trước giờ cầu nguyện, có người dẫn tôi vào bếp. Trong bếp tối om om và im lặng. Tôi còn nhớ cửa vào phòng ngoài và các phòng lúc đó đều đóng chặt, và bên ngoài cửa sổ là ánh sáng u ám của một buổi chiều thu, tiếng mưa rơi tí tách vào cửa kính. Trước cửa lò sưởi đen kịt, anh Txuganôc đang ngồi trên một chiếc ghế dài lớn. Trông anh giận dữ, Tức Ivan, cách gọi tắt, Ivan là tên. Txuganôc là biệt hiệu. Tức Ivan, cách gọi tắt thân mật. khác hẳn ngày thường. ông tôi đứng trong góc cạnh một thùng gỗ, chọn ở trong thùng ra những chiếc roi dài, lấy tay đo từng chiếc rồi xếp lại với nhau và quất vun vút vào không khí. Bà tôi đứng ở một chỗ tối hít thuốc rít lên và cầu nhàu:

- Sướng lắm đấy... đồ tàn bạo!...

Thằng Xasa Iakôvôp ngồi trên chiếc ghế ở giữa bếp hai tay dụi mắt, nói giọng kéo dài nghe rất lạ, giống như một ông lão hành khất:

- Xin ông hãy vì Chúa mà tha cho cháu. Đằng sau chiếc ghế, hai đứa con cậu Mikhain, một trai một gái, đứng tựa vai vào nhau, im thin thít như những khúc gỗ.

- Tao quật xong rồi tao tha, - ông tôi nói, tay vuốt một chiếc roi dài và ướt, - nào, tụt quần ra!...

Ông tôi nói rất thản nhiên. Và cả tiếng nói của ông, của tiếng thằng bé giầy giữa trên chiếc ghế ken két, cả tiếng giậm chân của bà tôi - tất cả đều không thể nào làm khuấy động được cái không khí trầm lặng đang bao trùm lên căn bếp nhá nhem tối, dưới chiếc mái thấp lè tè đầy bồ hóng. Thằng Xasa đứng lên, cởi quần, tụt xuống đến đầu gối và hai tay giữ quần, nó cúi lom khom, lập cập bước đến chiếc ghế dài. Nhìn nó thật là thương tâm, hai chân tôi cũng run lên. Tệ hơn nữa là khi thấy nó ngoan ngoãn nằm úp mặt xuống chiếc ghế dài, còn anh Vanka thì lấy một chiếc khăn lớn trải

nó vào ghế qua nách và cổ. Anh cúi xuống và dùng hai cánh tay đen thui giữ chặt lấy cổ chân nó.

- Lêcxây, - ông tôi gọi, - lại gần đây!... Kìa, có nghe tao nói gì không?... Đây, hãy trông tao quật nó đây này... Một!

Ông vung tay lên không cao và vụt chiếc roi vào tám thân trần truồng. Xasa kêu thét lên.

-Nói láo, - ông tôi nói, - có đau đâu! Cái này mới đau hơn này!

Ông tôi đánh đến nổi da giộp ngay lên, trên lưng hằn những vết đỏ. Thằng em họ tôi rú lên một tiếng dài.

- Không dễ chịu à? - ông tôi hỏi, tay vẫn đều đặn đưa lên đưa xuống.

- Không thích hả? Roi này là về tội chiếc đê này!

Mỗi khi ông tôi vung tay lên, tất cả mọi thứ trong ngực tôi đều dâng lên theo, và khi cánh tay hạ xuống thì dường như cả người tôi cũng rơi xuống. Xasa rít lên the thé, nghe thật khó chịu:

- Cháu chừa rồi... ì... ì... Cháu chẳng mách chuyện chiếc khăn bàn là gì... Cháu đã mách...

Ông tôi nói giọng bình thản như đọc Thánh thi:

- Tố cáo không phải là đã hết tội! Đứa tố cáo phải được ăn đòn trước tiên. Đây đây, về chiếc khăn bàn! Tức Alêcxây.

Bà tôi lao về phía tôi, nắm lấy tay tôi và thét lên:

- Tôi không đưa thằng Lêcxây cho ông đâu! Không đưa đâu! Đồ quỷ sứ!

Bà lấy chân đạp vào cửa và gọi:

-Vavara, Vacvara!...

Ông tôi bỏ nhào về phía bà tôi, đẩy bà tôi ngã, giằng lấy tôi và đem lại chiếc ghế dài. Tôi giãy giụa trong tay ông tôi, giật bộ râu màu hung và cắn vào ngón tay ông. Ông tôi kêu thét lên, ghì chặt lấy tôi và cuối cùng ném tôi xuống chiếc ghế dài, làm tôi sây sất cả mặt mũi. Tôi còn nhớ tiếng thét man rợ của ông tôi.

- Trói nó lại! Tao sẽ giết nó!

Tôi còn nhớ bộ mặt trắng bệch và cặp mắt mở to của mẹ tôi. Mẹ tôi vừa chạy dọc theo chiếc ghế vừa thở hổn hển:

- Dừng, bố ơi! ... Trả nó cho con...

*
* *

Ông tôi đánh cho đến khi tôi ngất đi. Mấy ngày liền tôi ốm, phải nằm sấp trên một chiếc giường rộng nóng bức, trong một căn phòng nhỏ chỉ có một cửa sổ với một ngọn đèn đỏ tù mù suốt ngày đêm ở góc phòng, trước mặt chiếc tủ có bày rất nhiều tượng thánh. Những ngày đau ốm là những ngày đáng ghi nhớ của đời tôi. Trong những ngày đó chắc tôi đã lớn lên rất nhiều và cảm thấy như có cái gì khác thường. Từ đó trở đi, tôi đâm ra quan tâm lo lắng đối với mọi người; và hết như người ta đã lột mất lớp da ở trái tim tôi đi nên nó trở nên hết sức nhạy bén đối với mọi nỗi đau đớn và sỉ nhục, dù là tôi hay người khác phải chịu. Trước hết, cuộc cãi nhau giữa bà tôi và mẹ tôi đã làm cho tôi hết sức ngạc nhiên: trong căn phòng chật hẹp, bà tôi, người to lớn và vận đồ đen, tiến về phía mẹ tôi, dồn mẹ tôi vào góc phòng, chỗ để các tượng thánh, và rít lên:

- Sao mày không lại mà giăng nó ra, hả?

- Con sợ.

- Ôi, mày khỏe như vâm mà còn sợ! Thật xấu hổ, Vacvara! Tao già thế này mà tao không sợ! Thật xấu hổ!...

- Để cho con yên mẹ ơi, con đau lòng lắm...

- Không, mày không yêu nó, mày không thương thằng bé mồ côi!

Mẹ tôi nói lớn, giọng mệt nhọc:

- Chính tôi cũng như một đứa mồ côi suốt đời!

Rồi cả hai người ngồi trên chiếc hòm ở góc phòng khóc rất lâu. Mẹ tôi nói:

- Nếu không có thằng Alêcxây thì tôi đã đi khỏi nơi này rồi! Tôi không thể sống trong cái địa ngục này được nữa, không thể sống được, mẹ ơi! Không còn hơi sức nữa...

- Con là dòng máu của mẹ, trái tim của mẹ!

Bà tôi thì thào nói. Tôi hiểu ra mẹ tôi không phải là kẻ mạnh, mẹ tôi cũng sợ ông tôi như mọi người. Tôi đã cản trở mẹ tôi

đi khỏi cái nhà này, nơi mẹ tôi không thể sống nổi. Điều đó thật đáng buồn. Ít lâu sau mẹ tôi biến khỏi nhà thật, không hiểu là đi đâu, thăm ai. Một hôm ông tôi bỗng xuất hiện, hệt như từ trần nhà rơi xuống. Ông tôi ngồi xuống giường, đưa bàn tay lạnh như băng sờ vào đầu tôi:

- Chào cậu cả... Cháu trả lời đi, đừng giận ông!... thế nào?

Tôi chỉ muốn đá cho ông tôi một cái, nhưng tôi đau không cựa quậy được. Tóc ông tôi trông càng đỏ hơn mọi khi, đầu luôn luôn lắc lư, hai con mắt long lanh như đang tìm kiếm vật gì trên tường. ông tôi lấy trong túi ra một chiếc bánh bích qui hình con dê, hai chiếc kẹo bọc đường hình chiếc kèn, một quả táo và một chùm nho khô màu xanh rồi đặt tất cả lên trên gối, ngay trước mặt tôi.

- Cháu thấy không, ông đem quà cho cháu đấy!

Ông tôi cúi xuống và hôn vào trán tôi. Sau đó ông tôi bắt đầu vừa nói vừa khe khẽ xoa đầu tôi với bàn tay bé nhỏ, cứng quèo và vàng khè, nhất là những móng tay cong như móng chim.

- Hôm trước ông đánh cháu đau quá phải không? Ông nóng quá! Tại cháu cào và cắn ông nên ông giận. Nhưng không sao, cháu có bị đòn quá mức thì rồi đâu cũng vào đấy cả! Cháu phải biết, mỗi khi người thân thích đánh cháu thì đó không phải là điều sỉ nhục, mà là một bài học! Không nên để cho người ngoài đánh mình, nhưng đối với người trong nhà thì chẳng sao. Cháu tưởng trước kia ông không bị đánh ư? Aliôsa, ông bị đánh đến nỗi ngay cả trong giấc mơ khủng khiếp cháu cũng không thấy được. Ông bị sỉ nhục đến nỗi giá Chúa trông thấy chắc Chúa cũng phải khóc! Kết quả là thế nào? Từ một đứa trẻ mồ côi, con một người đàn bà nghèo, ông đã có địa vị như bây giờ. Ông đứng đầu một phường nhuộm, ông điều khiển mọi người.

Với thân hình gầy và cân đối nằm xuống bên cạnh tôi, ông tôi bắt đầu kể về những ngày thơ ấu của mình bằng những lời lẽ rần rỏi và mạnh mẽ, lời nọ nối tiếp lời kia một cách dễ dàng và khéo léo. Hai con mắt xanh của ông tôi rực sáng lên. ông tôi vui vẻ vò rối bù mớ tóc vàng óng, rồi cất giọng the thé như quát vào mặt tôi:

- Cháu đến đây bằng tàu thủy phải không? Hơi nước đưa cháu đến đấy! Còn ông, khi còn trẻ, chính ông đã phải dùng sức kéo các sà-lan đi ngược sông Vonga. Sà-lan thì ở dưới nước, ông thì

đi trên bờ. Ông đi chân đất trên đá nhọn, trên những chỗ đất sứt, và cứ đi như thế suốt từ lúc mặt trời mọc cho đến tối mịt. Nắng xiên vào gáy, đầu nóng bỏng như than, người cúi gập thành ba khúc, xương kêu răng rắc... Vậy mà vẫn phải đi, đến đường đi cũng không trông thấy, hai mắt nhòa lệ và mồ hôi, lòng đau đớn ê chề... Ôi chà, Aliôsa, cháu cứ im ông kể cho mà nghe! Cứ thế đi, đi mãi, cho đến lúc tuột khỏi dây, ngã giúi xuống đất. ấy thế nhưng lại mừng, bởi vì tất cả sức lực đã cạn rồi: miễn sao được nghỉ ngơi, hay chết quách! Đó, người ta đã sống dưới mắt Chúa Giêsu nhân từ như thế đó!... Đã ba lần ông đếm bước trên dòng sông Cái Vonga: từ Ximbiêc đến Rurbinxkơ, từ Xaratôp đến đây và từ Axtrakhan đến hội chợ Makariep. Hàng bao nhiêu nghìn dặm đường! Cho đến năm thứ tư thì ông trở thành phu trưởng của anh em phu kéo thuyền, vì ông đã cho lão chủ biết được tài của ông!... Ông tôi nói, và bỗng vụt lớn lên trước mắt tôi như một đám mây, từ một ông già bé nhỏ và quắt queo biến thành một người có sức mạnh phi thường, một mình kéo cả một chiếc sà-lan khổng lồ đi ngược dòng sông...

Thỉnh thoảng ông tôi lại nhảy từ trên giường xuống đất và vung tay làm điệu bộ cho tôi thấy những người kéo thuyền đi như thế nào, tát nước ở trên thuyền ra sao. Ông tôi hát giọng trầm những bài gì đó, xong lại nhảy lên giường, nhanh nhẹn như một thanh niên, trông thật kỳ lạ. Rồi ông lại nói, giọng càng say sưa hơn:

- Nhưng Aliôsa ạ, những lúc nghỉ, vào những buổi chiều hè ở Jiguli, dưới chân ngọn đồi xanh rì có khi bọn ông đốt lửa lên rồi nấu cháo. Và khi một người kéo thuyền đáng thương cất tiếng hát một bài hát thoát ra từ đáy lòng thì lập tức cả đoàn phu âm âm cất giọng hòa theo. Người như sồn gai ốc lên, và sông Vonga dường như lại càng chảy xiết. Nó lồng lộn như con ngựa bất kham, như muốn cất mình lên tận mây xanh! Lúc đó mọi nỗi đau khổ đều tiêu tan như làn bụi trước gió. Mọi người hát đến nỗi có khi để cháo trào cả ra ngoài; khi ấy cần phải nện cho anh chàng đầu bếp một muôi vào trán: "Chơi nhưng chớ bỏ lơi công việc!" Đã mấy lần có người ngó vào cửa gọi ông tôi, nhưng tôi van nài:

- Ông đừng đi ông ạ!

Ông tôi mỉm cười và giơ tay đuổi mọi người:

- Đợi tí đã...

Ông tôi kể chuyện mãi cho đến tận chiều tối. Và khi đi ra còn âu yếm từ biệt tôi. Tôi biết ông tôi không phải là người dữ tợn và đáng sợ. Tôi ứa nước mắt khi nhớ lại rằng chính ông tôi đã đánh tôi tàn nhẫn như vậy. Tuy nhiên tôi vẫn không thể nào quên được chuyện đó. Việc ông tôi đến thăm đã mở rộng cửa cho tất cả mọi người, và từ sáng đến tối luôn luôn có người ngồi bên giường tôi, cố tìm mọi cách làm cho tôi khuây khỏa. Tôi còn nhớ điều đó không phải lúc nào cũng vui vẻ và thú vị. Bà tôi thường đến với tôi hơn Những tên cũ của thành phố Ulianốp và Tsecbakốp trên sông Vonga. Những ngọn núi rất đẹp ở khúc giữa sông Vonga, cả và cùng ngủ với tôi một giường nữa. Nhưng trong những ngày đó, người đã để lại cho tôi ấn tượng tươi sáng nhất là anh Txuganôc. Vai anh vuông, ngực nở, đầu rất to với bộ tóc xoăn tít. Anh đến vào lúc chiều tối và ăn vận như ngày hội: áo lụa vàng, quần nhung bông và đi đôi ủng gập nếp kêu ken két. Tóc anh bóng láng, cặp mắt lấp lánh dưới đôi lông mày rậm, hàm răng trắng ẩn dưới bộ ria mép đen mới mọc. Chiếc áo vàng rực phản chiếu ánh lửa đỏ của ngọn đèn thờ không bao giờ tắt

- Này em, trông đây này, - anh nói và vén tay áo lên, chìa cho tôi xem cánh tay trần đầy những vết đỏ đến tận khuỷu.

- Em xem nó sưng thế đấy! Mấy hôm nọ còn tệ hơn nữa, hôm nay đã bắt đầu bớt nhiều rồi! Em có biết không, thấy ông nổi giận và bắt đầu đánh em, anh liền giờ ngay cánh tay này ra đỡ. Anh định chờ khi nào roi gãy, ông đi lấy chiếc khác thì bà hoặc mẹ sẽ bế em chạy đi! Nhưng chiếc roi lại không gãy, vì ngâm nước nên dẻo quá! Nhưng dù sao em cũng đỡ bị đòn có phải không? Đấy em xem, anh cũng láu cá đấy chứ...

Anh cười vẻ âu yếm, dịu dàng và lại ngắm nghía cánh tay sưng phồng, rồi vừa cười vừa nói:

- Anh thương em quá, đến nỗi cổ họng anh cứ nghẹn lại. Tội nghiệp! Thế mà ông cứ vụt mãi...

Anh thở phì phì như ngựa và lắc đầu, rồi anh bắt đầu nói chuyện về ông tôi. Trong chốc lát anh đã trở nên gần gũi đối với tôi và giản dị như một đứa trẻ. Tôi bảo anh rằng tôi yêu anh lắm. Anh trả lời thật chất phác khó mà quên được:

- Anh cũng yêu em lắm, chính vì yêu em nên anh mới chịu đau thay cho em! Đứa khác thì đừng hòng, mặc xác chúng nó...

Sau đó anh bắt đầu khuyên bảo tôi, anh nói khẽ, thỉnh thoảng lại nhìn ra cửa:

- Lần sau nếu em có bị đánh thì phải cẩn thận đấy, đừng có co rúm người lại hiểu không? Co dúm như thế sẽ đau gấp đôi; em cứ thả người cho thoải mái, sao cho người thật mềm, mềm nhũn ra ấy! Và đừng có nhịn thở, cứ thở thật mạnh và kêu tướng lên, nhớ đấy! Như thế rất tốt.

Tôi hỏi:

- Thế ra còn bị đánh nữa à?

- Chứ sao?

Anh Txưganôc nói về thân nhiên.

- Tất nhiên, còn bị đánh nữa chứ! Rồi xem, em sẽ bị đánh luôn đấy...

- Vì sao?

- Ông mà đã muốn kiếm cớ thì...

Và anh lại lo lắng khuyên tôi:

- Nếu ông đánh từ trên cao, chỉ quất roi từ trên xuống thôi thì em cứ việc nằm yên, người thật mềm; còn nếu ông đánh giạt - quất xuống rồi lại giạt về để rút thịt ra - thì em phải rướn người theo chiều chiếc roi, hiểu không? Như thế đỡ đau hơn!

Anh nháy một bên mắt đen láy rồi nói:

- Về mặt này anh còn giỏi hơn cả cảnh sát đấy! Da của anh có lẽ đem khâu được bao tay em ạ!

Tôi ngấm nét mặt vui tươi của anh và nhớ lại những chuyện cổ tích mà bà tôi đã kể về Hoàng tử Ivan và chàng ngốc Ivanuska.

III

Ôm dậy, tôi thấy rõ anh Txuganôc giữ một địa vị đặc biệt trong nhà. Ông tôi không mắng anh luôn miệng và bực tức như đối với các cậu tôi. Khi vắng mặt anh, ông tôi lim dim và gật gù nói về anh:

- Thằng Ivanka rất khéo tay! Chúng bay cứ nhớ lời tao nói: lớn lên nó sẽ khá cho xem!

Các cậu tôi cũng đối xử với anh Txuganôc rất trù mến, thân mật và không khi nào đùa cợt trêu anh như đối với bác thợ cả Grigôri mà hầu như chiều nào họ cũng kiếm một trò tinh nghịch gì để trêu. Khi thì họ nung nóng chuôi kéo, khi thì cấm ngược cái đinh nhọn hoắt vào ghế của bác, hoặc thấy bác lò dò, họ để ngay bên tầm tay của bác những mảnh vải màu sắc khác nhau để bác dính thành một "tấm", thế là bác lại bị ông tôi chửi cho một mẻ. Một hôm, sau bữa ăn trưa, khi bác đang ngủ trên gác xép, họ lấy thuốc nhuộm đỏ bôi lên mặt bác. Bác cứ thế vác bộ mặt ngộ nghĩnh và đáng sợ ấy đi đi lại lại khá lâu: giữa bộ râu bạc lộ ra hai vết kính tròn mờ mờ và một cái mũi dài đỏ chót buông thông xuống vẻ thiếu náo nom giống như cái lưỡi. Các cậu tôi nghĩ ra không biết bao nhiêu những trò tinh nghịch như vậy. Nhưng bác thợ cả vẫn ngậm đắng nuốt cay chịu đựng, bác chỉ khẽ càu nhàu và trước khi sờ vào cái bàn là, cái kéo, cái kim hoặc cái đe, bác thường nhấp nước bọt đầy đầu ngón tay. Cái đó đã trở thành thói quen đối với bác; ngay cả khi ngồi vào bàn ăn trưa, trước khi cầm con dao hoặc cái đĩa, bác cũng nhấp nước bọt như vậy làm bọn trẻ con cười ồ cả lên. Khi nào bác đau khổ, trên khuôn mặt to của bác nổi lên vô số nếp nhăn. Những nếp nhăn này trườn trên trán bác một cách kỳ quái, khẽ kéo cặp lông mày lên, rồi biến mất vào cái đầu trọc lóc của bác. Tôi không nhớ ông tôi đối với những trò đùa của các cậu tôi ra sao, nhưng bà tôi thì giờ nắm đấm đe các cậu tôi và quát:

- Chúng mày không biết ngượng mặt à, quân vô lại!

Nhưng khi vắng mặt anh Txuganôc, các cậu tôi lại nói về anh với vẻ bức tức và châm biếm. Họ giễu cợt, chê bai việc làm của anh, nhiech anh là thằng ăn cắp và lười biếng. Tức Ivan, cách gọi thân mật. Tôi hỏi bà tôi tại sao lại có chuyện ấy. Cũng như mọi lần, bà tôi vui lòng giảng giải cho tôi bằng những lời dễ hiểu:

- Cháu không biết, cả hai cậu cùng muốn tranh Vaniuska về phần mình, khi nào họ mở xưởng nhuộm riêng; thế là trước mặt nhau họ gièm pha nó, nói nó là một tay thợ tồi. Họ nói láo, họ lừa miến nhau đấy. Họ còn sợ Vaniuska không đi với họ, sẽ ở lại với ông. Mà ông lại là người trái tính trái nết, ông có thể sẽ cùng với Ivanka mở một xưởng nhuộm thứ ba, như thế sẽ không lợi cho các cậu, cháu hiểu chưa?

Bà cười khe khẽ:

- Họ dùng đủ mánh khéo, đến thánh cũng phải buồn cười! Nhưng ông lại biết tổng những mưu mẹo đó và cố ý trêu hai cậu Iasa và Misa. Ông bảo: "Tao sẽ mua cho thằng Ivan một tấm thẻ miễn đi lính để nó khỏi bị gọi đi lính, vì tao cần đến nó!" Các cậu bức tức, họ không thích thế và tiếc tiền, vì mua một tấm thẻ như vậy rất đắt!

Tôi lại ở với bà tôi như khi ở trên tàu thủy. Tối nào trước khi đi ngủ bà tôi cũng kể cho tôi nghe những chuyện thần thoại hoặc kể về cuộc đời mình, cũng tựa tựa như một chuyện thần thoại vậy. Bà tôi kể chuyện làm ăn của gia đình: chuyện phân chia gia tài cho con cái, chuyện ông tôi tậu nhà mới cho mình. Bà tôi vừa nói vừa khẽ cười, đứng đưng như người đưng nước lã hay một người hàng xóm láng giềng, chứ không phải là người chủ nhân thứ hai trong ngôi nhà này. Nhờ thế tôi mới biết anh Txuganôc là đứa con hoang nhật được trên chiếc ghế dài ở cạnh cổng trong một đêm mưa đầu xuân.

- Nó nằm ở đấy, cuộn trong chiếc tạp dề rộng, - bà tôi kể, giọng trầm ngâm và có vẻ huyền bí, - nó khẽ kêu oe oe và đã bắt đầu rét cứng.

- Tại sao người ta lại bỏ rơi trẻ con thế?

- Vì mẹ nó không có sữa, không có gì nuôi; thế là mẹ nó dò xem ở đâu có trẻ con mới đẻ bị chết liền đặt giấu nó ở đó.

Sau một lát yên lặng, bà tôi gỡ đầu, thở dài rồi nhìn lên trần nhà, nói tiếp:

- Tất cả đều là do nghèo túng, Aliôsa ạ, có cảnh khổ cực quá đến nỗi không thể nói ra được! Người ta cho rằng con gái chưa chồng không có quyền đẻ, rằng đó là một điều hổ thẹn! Ông định đưa Vaniuska tới sở cảnh sát, nhưng bà can ngăn: giữ lấy mà nuôi; đó là trời cho chúng ta để thay vào những đứa đã chết. Vì bà đẻ cả thảy mười tám bận; nếu tất cả đều sống thì chúng sẽ chiếm cả một dãy phố, tới mười tám ngôi nhà! Cháu không biết chứ, bà lấy chồng từ năm mười bốn tuổi, năm mười lăm bà đã đẻ, nhưng Chúa thích dòng máu nhà bà nên đã lần lượt bắt chúng về làm thiên thần. Bà vừa tiếc vừa mừng!

Ngồi trên thành giường, mình mặc độc có chiếc áo cánh, mái tóc đen xõa xuống cả người, bà tội to xù như một con gấu mà trước đây người tiêu phu rậm râu vùng Xecgat đã đem về săn. Bà tội làm dấu trên bộ ngực trắng phau như tuyết, cười khê và đung đưa toàn thân:

- Chúa đã bắt đi những đứa tốt, còn lũ chả ra gì thì để lại cho bà. Bà rất vui mừng được thằng Ivanka, bà rất yêu các cháu, các cháu ạ! Thế là bà nhận nó, rửa tội cho nó, và nó trở nên một thằng con trai ngoan ngoãn. Lúc đầu bà gọi nó là Bọ Dừa, vì nó hay vè vè chẳng khác gì con bọ dừa, suốt ngày nó bò và vè vè ở khắp các phòng. Cháu hãy yêu mến nó, nó là một người rất giản dị!

Tôi yêu mến anh Ivan và nhiều khi ngạc nhiên đến ngây người về anh. Nhất là vào ngày thứ bảy, lúc ông tôi đi lễ nhà thờ, sau khi đã đánh lũ trẻ có lỗi trong tuần, thì trong nhà bếp lại diễn ra đủ mọi thứ trò vui khôn kể. Anh Txuganôc bắt những con gián đen ở sau lò sưởi, làm rất nhanh bộ dây cương bằng chỉ và cắt chiếc xe trượt tuyết bằng giấy. Sau đó anh dùng thanh đóm điều khiển bốn con ngựa ô đi du ngoạn trên chiếc bàn màu vàng đã cọ sạch. Anh kêu lên, giọng phấn khởi:

- Chúng nó đi tìm giám mục đấy!

Anh gắn mảnh giấy nhỏ vào lưng một con gián, thúc nó chạy theo sau chiếc xe trượt tuyết và giải thích:

- Chúng nó bỏ quên cái bao. Ông tu sĩ chạy theo đưa cho chúng đấy!

Anh lấy chỉ trói chân một con gián; con vật bò lê, đầu đung tứ tung. Anh Vanka vỗ tay reo lên:

- Lão phụ lễ đang từ quán rượu đi ra. Lão đi dự lễ chiều đấy!

Anh lôi đàn chuột ra. Theo lệnh anh, chúng đứng và đi bằng hai chân sau, kéo lê chiếc đuôi dài lòng thòng theo sau và chớp chớp cặp mắt linh lợi như những hạt cườm đen nhánh trông đến buồn cười. Anh nâng niu đàn chuột, ôm chúng vào ngực, mớm đường, hôn hít và nói với giọng đầy tin tưởng:

- Chuột là giống vật thông minh, dịu dàng. Gia thần rất thích chuột. Ai mà nuôi chuột thì sẽ được gia thần ban ân cho...

Anh biết làm các trò quỷ thuật với quân bài và đồng tiền. Anh kêu to hơn cả bọn trẻ con và hầu như không khác chúng mấy. Một hôm bọn trẻ chơi bài với anh, chúng thắng anh mấy ván liền. Anh rất buồn, tức giận bĩu môi bỏ cuộc, sau đó anh khịt khịt mũi và phàn nàn với tôi:

- Anh biết rõ, tụi chúng nó thông đồng với nhau trước! Chúng nó nháy nhau, giúi bài cho nhau dưới gầm bàn. Ai lại chơi như thế? Chính anh cũng biết chơi gian lận không kém... Người ta coi trẻ con chết ngay từ tuổi còn thơ là vô tội và gọi là "những thiên thần", họ tin rằng sau khi chết chúng trở thành thiên thần. Xecgat ở phía đông nam Nijni - Nôpôrôrê chừng 130 cây số.

Anh đã mười chín tuổi, lớn hơn cả bốn đứa chúng tôi cộng lại. Nhưng đáng ghi nhớ nhất đối với tôi là hình ảnh của anh trong những tối vui ngày hội. Khi ông tôi và cậu Mikhain đi thăm bà con thì cậu Iakôp có bộ tóc quăn rối bù liền xách cây đàn ghi-ta xuống bếp. Bà tôi soạn một bữa tiệc trà có nhiều món ăn nhẹ và rượu vôtka đựng trong chiếc chai xanh có hoa đỏ bằng thủy tinh ở đáy. Anh Txưganôc mặc quần áo ngày hội quay tít như con quay. Bác thợ cả lạng lê len vào, cặp kính của bác lấp lánh. Có cả mụ vú nuôi Epgênáa mặt đỏ, hồng hào và béo tròn trùng trịch như một cái chum; mụ có cặp mắt láu lỉnh và giọng nói oang oang. Thịnh thoảng lão phụ lễ giữ đồ thánh rậm râu của nhà thờ Đức Mẹ lên Trời và những người có nước da đen nhầy như những con cá măng và cá chuối, cũng tới dự. Mọi người vừa ăn uống lu bù, vừa thở dài thườn thượt. Họ chia quà bánh cho bọn trẻ con và cho mỗi đứa một cốc rượu ngọt. Dần dần cuộc vui trở nên náo nhiệt và sôi nổi kỳ lạ. Cậu Iakôp lên dây đàn say mê, và sau khi lên dây xong bao giờ cậu cũng nói câu này:

- Nào, tôi xin bắt đầu!

Cậu hát mở tóc quăn ra sau và cúi xuống cây đàn ghi-ta, vươn cổ dài như cổ ngỗng. Khuôn mặt tròn vô tư của cậu có vẻ mơ

màng; cặp mắt linh lợi xa xăm của cậu trở nên lơ đãng. Cậu bấm nhẹ dây đàn, bài cậu chơi thu hút mọi người và làm cho mọi người ngây ngất. Điệu nhạc của cậu đòi hỏi sự im lặng hoàn toàn. Nó như dòng suối chảy xiết từ xa đổ về, lọt qua sân nhà và những bức tường. Nó làm cho trái tim mọi người xao xuyến và gọi lên cảm giác khó hiểu, vừa buồn bã vừa lo âu. Điệu nhạc làm cho người nghe cảm thấy thương mình và thương mọi người. Người lớn hình như cũng trở lại tuổi trẻ con, và mọi người ngồi yên, đắm mình trong bầu không khí im lặng, mơ mộng đắm chiêu.

Xasa Mikhailốp chăm chú nghe hơn cả. Nó cứ vươn dài người ra về phía cậu Iakốp, nhìn chăm chăm cây đàn ghi-ta, miệng há hốc, nước rãi chảy ròng ròng. Đôi khi nó mơ màng đến nỗi ngã từ trên ghế xuống, tay đập xuống sàn nhà; và lúc đó nó ngồi bệt luôn xuống sàn, cặp mắt đờ ra, tròn xoe. Mọi người cũng thế, ai cũng say mê đờ đàn. Chỉ có chiếc ấm xamôva là khẽ reo reo, nhưng vẫn không át nổi tiếng than vãn của cây đàn ghi-ta. Hai chiếc cửa sổ vuông nhìn ra cảnh đêm thu tối mờ. Đôi khi dường như nghe có người khẽ gõ vào cửa kính. Trên bàn ngọn lửa vàng khè của hai cây nến khẽ rung rinh, nhọn hoắt như những ngọn giáo. Cậu Iakốp mỗi lúc một thêm đờ người ra; cậu như ngủ say, hàm răng cắn chặt, chỉ có đôi bàn tay của cậu là còn hoạt động. Những ngón tay phải uốn cong, rung tít trên dây đàn giống như những con chim đang vỗ cánh sắp bay, những ngón tay trái lướt thoăn thoắt trên phím đàn.

Ngà ngà say, cậu khe khẽ hát một bài dài vô tận, giọng rít qua kẽ răng nghe rất khó chịu: Nếu Iakốp là chó

- Y sữa rống từ sáng đến tối; ôi, ta buồn ghê! Ôi, ta chán ghê! Ngoài phố một cô mụ đi qua, Trên hàng rào một con quạ đậu. Ôi, ta buồn ghê! Ôi, ta chán ghê! Sau lò để gáy, Đàn gián lao xao. Ôi ta buồn ghê! Một gã ăn mày phơi đôi xà-cạp, Gã khác xoay mặt lúc nào! Ôi, ta buồn ghê! Ôi, ta chán ghê!

Tôi không sao chịu nổi điệu hát này, và khi cậu bắt đầu hát tới đoạn gã ăn mày tôi liền khóc nức nở, lòng buồn rười rượi. Anh Txuganôc nghe nhạc cũng chăm chú như mọi người. Anh đan tay vào mớ tóc đen, nhìn chăm chăm vào góc nhà và thỉnh thoảng lại khịt mũi. Đôi khi anh thốt lên bất ngờ, giọng rầu rĩ:

- Chà, nếu ta tốt giọng, thì Lay Chúa, ta hát phải biết!

Bà tôi thở dài, nói:

- Thôi, Iasa, thật may làm nấu ruột nấu gan mọi người! Còn may, Vaniatka, nhảy đi một tí nào...

Họ không bao giờ thực hiện ngay lời yêu cầu của bà tôi. Tuy nhiên đôi khi cậu Iakôp bỗng đặt bàn tay lên dây đàn một lát, rồi cậu nắm tay lại, ném mạnh xuống sàn một cái gì không ai trông thấy và không ai nghe thấy. Cậu kêu lên, giọng vui nhộn:

- Buồn với chả sầu, hãy vút đi cho rảnh! Nào Vanka, đứng dậy! Anh Txuganôc sửa sang lại tư thế cho tề chỉnh, kéo chiếc áo sơ-mi vàng cho phẳng và rón rén bước ra giữa nhà bếp như bước trên đầu đinh vậy. Cặp má rúm nắng của anh đỏ ửng lên. Anh mỉm cười có vẻ then thùng và yêu cầu:

- Chơi nhanh lên một chút, Iakôp Vaxilits!

Cây đàn ghi-ta vang lên điên cuồng, gót giày nện xuống sàn dồn dập. Trên bàn và trong tủ bát đĩa kêu lanh canh. ở giữa nhà bếp, anh Txuganôc quay tròn như ánh lửa, bay lượn như con diều hâu, vung vẩy tay như cánh chim, chân di chuyển hâu như không rõ. Anh bỗng thét lên một tiếng, rồi ngồi xổm xuống sàn và quay liệng như con chim én vàng óng. Chiếc áo lụa rơi ánh ra khắp xung quanh, rung rung lên, trông như dòng suối đang đổ ra hoặc như vàng nung đang chảy. Anh Txuganôc nhảy múa không biết mệt, quên tất cả. Tôi có cảm tưởng nếu mở toang cửa ra thì anh sẽ vừa đi vừa nhảy múa tung tăng khắp phố, khắp thành phố và không rõ anh sẽ đi những đâu nữa...

- Cắt ngang đi!

Cậu Iakôp kêu lên và giậm chân xuống sàn đánh nhịp. Cậu huýt sáo rít lên và hát vang những điệp khúc khôi hài, giọng nghe đến bực mình: Chà! Nếu không sợ mòn đôi giày gai Thì ta đã bỏ rơi cả vợ cùng con! Những người ngồi sau chiếc bàn cũng thấy ngứa ngáy chân, thỉnh thoảng họ lại kêu rít lên như bị bỏng. Bác thợ cả rậm râu đập đập tay vào cái trán hói của mình và nói lấp lắp. Một hôm, cúi xuống người tôi, bộ râu mềm mại phủ cả lên vai tôi, bác ghé vào tai tôi nói như nói với người lớn:

- Lêcxây Macximitô ạ, giá có bố cháu ở đây thì có lẽ đã khác hẳn! Bố cháu rất vui tính. Cháu có nhớ thế không?

- Không.

- Thật à? Thường thường bố cháu hay nhảy với bà cháu, lát nữa rồi cháu coi!

Bác đứng dậy, người cao lớn, hốc hác, trông như một bức tượng thánh, cúi mình trước bà tôi và mời bà, giọng trầm trầm khác thường:

- Bà Akulina Ivanôpna, xin bà làm ơn cho chúng tôi thưởng thức điệu nhảy trước đây bà thường nhảy với Macxim Xapvatêep ấy! Bà vui lòng chứ?

- Grigôri Ivanuts, lão rõ lạ chữa, rõ lạ chữa!

- Bà tôi vừa nói vừa cười và co dúm người lại. Vào tuổi tôi còn nhảy với nhót gì! Chỉ tổ làm trò cười cho thiên hạ...

Nhưng tất cả mọi người đều yêu cầu bà tôi nhảy. Thế là bỗng nhiên bà tôi đứng dậy nhanh nhẹn như một thiếu nữ, sửa lại váy, thẳng người ra, chiếc đầu nặng nề ngã ra sau, bà đi dọc theo gian bếp và nói to:

- Thôi được, các người cứ việc cười! Nào Iasa, chơi bài khác đi!

Cậu tôi ngẩng đầu lên, vươn người ra, lim dim cặp mắt và bắt đầu chơi chậm lại. Anh Txuganôc dừng lại một lát, rồi lao tới chỗ bà tôi, nhảy ngồi xoay quanh. Còn bà tôi thì lướt nhẹ trên sàn như đi trên không, tay dang ra, lông mày rướn lên, cặp mắt đen chăm chăm nhìn về phía xa xa. Trông bà tôi đến hay và tôi phì cười. Bác thợ cả giơ ngón tay nghiêm mặt dọa tôi, tất cả người lớn đều nhìn về phía tôi với vẻ không tán thành.

- Thôi đừng nhảy nữa, Ivan!

- Bác thợ cả vừa nói vừa mỉm cười.

Anh Txuganôc ngoan ngoãn vâng lời nhảy sang một bên và ngồi lên ngưỡng cửa, còn mẹ Epgênáa thì vươn cổ ra và bắt đầu hát, giọng trầm trầm, êm êm: Suốt tuần cho đến ngày thứ bảy, Cô gái thêu đăng-ten cả ngày, Cô mệt rũ người vì bận rộn, ôi, khác nào cái xác không hồn! Hình như bà tôi không nhảy, mà đang kể một câu chuyện gì. Bà tôi lướt nhẹ nhàng, tư lự, người lắc lư, mắt nhìn khắp xung quanh, toàn thân to lớn rung chuyển ngập ngừng, đôi bàn chân như dò đường, bước đi thận trọng.

Bỗng nhiên bà tôi dừng lại như sợ hãi điều gì, khuôn mặt rung rung, nhăn nhó, rồi lập tức một nụ cười hiền hậu, cởi mở nở ra. Bà tôi đi nghiêng người như nhường lối cho ai và lấy tay mời họ đi. Bà cúi xuống, im lặng, lắng nghe và mỉm cười tươi tắn hơn.

Rồi đột nhiên bà tôi rời khỏi chỗ, xoáy tròn như một cơn gió lốc. Toàn thân bà tôi như lớn thêm, lúc này không ai có thể rời cặp mắt được vì bà tôi trở nên đẹp đẽ và đáng yêu làm sao trong giây phút diệu kỳ trở lại tuổi thanh xuân ngày trước. Mụ Epgênáa rúc lên như kèn: Ngày chủ nhật cô gái nhảy múa Suốt từ lúc lễ sáng cho đến nửa đêm. Cô là người cuối cùng về ngõ, Tiếc thay -ngày lễ chẳng dài thêm! Nhảy xong bà tôi trở về chỗ cũ ngồi gần ấm xamôva. Mọi người khen ngợi. Bà tôi vừa sửa lại mái tóc vừa nói:

- Thôi đi, các người chưa được thấy những vũ nữ thật sự đấy. Tại quê tôi, ở Balakhona, trước đây có một cô gái mà tôi không nhớ là con cái nhà ai, tên gì, khi cô ấy nhảy mọi người vui sướng đến phát khóc lên được! Chỉ cần được nhìn thấy cô ấy nhảy cũng đủ vui rồi. Của đáng tội, tôi cứ thèm được như cô ta!

- Những người ca hát và nhảy múa là những người sướng nhất đời!

Mụ Epgênáa nghiêm nghị nói và bắt đầu hát một bài về vua Davit. Còn cậu Iakôp thì ôm lấy anh Txuganôc và bảo anh:

- Mà mà nhảy trong các tiệm rượu thì có lẽ làm cho mọi người mê mẩn đi mất!...

-T ôi chỉ muốn có giọng tốt!

Anh Txuganôc than vãn.

- Giá mà trời cho tôi tốt giọng thì tôi có thể hát hàng chục năm liền, rồi sau đó dù cho có đi tu chẳng nữa cũng cam!

Tất cả mọi người đều uống rượu vôtka, đặc biệt là bác Grigôri uống nhiều nhất. Bà tôi rót cho bác hết cốc này đến cốc khác, và dặn bác:

- Coi chừng đấy, bác Grisa ạ, không khéo thì mù hẩn đấy!

Bác trả lời đường hoàng:

- Mặc kệ! Tôi không cần đến cặp mắt này nữa, tôi đã nhìn thấy đủ mọi thứ trên đời rồi...

Bác uống không bao giờ say, nhưng càng uống bác càng hay nói và hầu như bác luôn mồm nói về bố tôi:

- Macxim Xapvatêep, người bạn thân mến của bác là một người tốt bụng...

Bà tôi thở dài, hùa theo

- Ủ, thật là một đứa con của Chúa đấy... Tất cả những lời nói đó làm cho tôi rất thích, khiến tôi chăm chú nghe. Mỗi lời như thấm vào lòng tôi một nỗi buồn man mác và dễ chịu. Sự vui buồn gắn chặt với nhau đã xâm chiếm mọi người, và mọi người chuyển từ vui sang buồn, từ buồn sang vui không rõ vào lúc nào, thật nhanh chóng lạ thường. Một hôm cậu Iakôp ngà ngà say, cậu xé chiếc áo sơ-mi đang mặc, giặt mớ tóc quăn, bộ ria trắng trắng lưa thưa, cái mũi và cái môi thười:

- Thế là nghĩa lý gì, hả?

Cậu rít lên, nước mắt giàn giụa

- Tại sao lại thế?

Cậu đâm vào má, vào trán, vào ngực mình và khóc nức nở.

- Ta là một thằng vô lại, một thằng đê tiện, một kẻ đau khổ!

Bác Grigôri găm lên:

- A! Đúng như vậy!...

Bà tôi cũng đang say rượu, nắm lấy tay cậu tôi và khuyên nhủ:

- Thôi mà, Iasa, Chúa biết rõ những điều Chúa trừng phạt!

Uống rượu vào, bà tôi lại càng đẹp hơn: cặp mắt đen nhánh, vui tươi tỏa ra một luồng ánh sáng sưởi ấm lòng người. Bà tôi vừa lấy mũi soa phe phẩy khuôn mặt đỏ bừng vừa nói thánh thót:

- Chúa tôi, Chúa tôi! Tất cả mọi thứ sao mà tốt đẹp thế! Các người hãy nhìn xem, tất cả mọi thứ sao mà tốt đẹp thế!

Đó là tiếng nói tự đáy lòng bà tôi, khẩu hiệu của suốt đời bà tôi. Những giọt nước mắt và tiếng kêu của người cậu thường vẫn vô tư làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi hỏi bà tôi tại sao cậu ấy lại khóc, lại chửi rủa và tự đánh mình như vậy.

- Cái gì cháu cũng muốn biết!

Bà tôi nói có vẻ miễn cưỡng, trái với lệ thường.

- Hãy chờ đã, cháu hãy còn bé chưa nên nhúng vào những chuyện đó vội...

Cái đó càng khêu gợi lòng tò mò của tôi. Tôi đến xưởng quấy rầy anh Ivan, nhưng anh cũng không muốn trả lời. Anh chỉ khẽ cười, liếc nhìn bác thợ cả, rồi đẩy tôi ra khỏi xưởng và kêu:

- Thôi để yên cho anh làm, đi ra! Không anh lại thả em vào chảo nhuộm luôn một thể bây giờ!

Bác thợ cả đứng trước bếp lò rộng và thấp, trên đó có ba chiếc chảo lớn gắn liền vào đó. Bác dùng chiếc gậy dài màu đen khuấy các chảo, rồi rút ra, nhìn những giọt nước màu nhỏ giọt. Lửa cháy nóng rực, phản chiếu lên vật tạp-dề bằng da trông sắc sỡ như áo lễ của cố đạo. Các chảo nước nhuộm bắt đầu réo, hơi hăng hăng bốc lên nghi ngút, chạy về phía cửa như một đám mây dày đặc. Ngoài sân gió hanh hanh thổi vù vù sát đất. Bác thợ cả ngược đôi mắt đỏ ngầu nhìn tôi qua vành kính. Bác quát tháo anh Ivan giọng thô lỗ:

- Lấy củi! Mà không nhìn thấy gì à?

Khi anh Txuganôc chạy ra sân, bác Grigôri ngồi xuống bao thuốc nhuộm và vẫy gọi tôi:

- Lại đây!

Bác đặt tôi lên đầu gối, chùi bộ râu ấm và mềm vào má tôi, rồi kể mẩu chuyện mà tôi ghi nhớ mãi:

- Cậu cháu đã đánh vợ, đã hành hạ đến chết, và bây giờ bị lương tâm cắn rứt, hiểu không? Cháu cần phải hiểu tất cả, kéo có ngày vạ vào thân!

Bác Grigôri ăn nói cũng giản dị như bà tôi, nhưng nghe bác người ta thấy rợn hơn và hình như qua cặp kính bác nhìn thấu hết mọi vật trên đời.

- Đánh chết như thế nào à?

Bác thông thả nói

- Thế này nhé: lúc hấn ngủ với vợ, hấn lấy chăn trùm kín đầu vợ, rồi đè lên, đánh túi bụi. Để làm gì? Có lẽ chính hấn cũng không biết nữa.

Không để ý tới anh Ivan đã ôm một bó củi trở vào và ngồi xỏm trước bếp lửa hơ tay, bác thợ cả vẫn tiếp tục nói, giọng nghiêm trang:

- Có lẽ hấn đánh là vì vợ hấn hơn hấn, làm hấn ghen tỵ. Họ nhà Kasirin không thích cái gì tốt đẹp đâu cháu ạ, họ ghen ghét, và nếu không được ăn, thì họ tìm cách đập đổ! Cháu thử hỏi bà cháu xem họ đã hại bố cháu như thế nào. Bà cháu sẽ nói hết, vì bà cháu không thích và không biết nói dối ai bao giờ. Bà cháu giống

như một vị thánh, có thể nói là một người có phúc, mặc dù bà cháu cũng uống rượu và hít thuốc. Cháu phải bám chắc lấy bà cháu mới được...

Bác đẩy tôi ra. Tôi bước ra sân, đầu óc nặng trĩu, lòng đầy sợ hãi. ở phòng ngoài, anh Vaniuska đuổi kịp tôi, ôm lấy đầu tôi và khẽ nói thầm:

- Em đừng sợ bác ấy, bác ấy rất tốt. Em cứ nhìn thẳng vào mắt, bác ấy thích như thế.

Tất cả cái đó đều kỳ lạ và làm cho tôi thấy băn khoăn. Tôi chưa biết cuộc sống khác ra sao cả, nhưng tôi nhớ lơ mơ là cha mẹ tôi không sống như vậy: cha mẹ tôi ăn nói khác hẳn, vui đùa cũng khác, thường đi với nhau, ngồi gần nhau. Tối tối cha mẹ tôi thường hay cười rất lâu, hoặc ngồi hát oang oang bên cạnh cửa sổ. Những người đi ngoài phố hay xúm lại xem cha mẹ tôi hát. Khuôn mặt của những người này ngẩng lên giống như những chiếc đĩa bần sau bữa ăn trưa trông đến là buồn cười. ở đây người ta ít cười, đôi khi không rõ người ta cười cái gì. Thường thường họ mắng nhau, người này dọa người kia một điều gì đấy, họ thì thầm bí mật với nhau trong các xó xỉnh. Bọn trẻ con thì lặng lẽ, lén lút, chúng nó dường như bị ép xuống mặt đất như những hạt bụi bị trận mưa làm gì xuống. Tôi tự cảm thấy xa lạ trong ngôi nhà này; toàn bộ lối sống ấy đã kích động tôi như vô vàn vết chàm, gây cho tôi sự hoài nghi, bắt buộc tôi phải hết sức chú ý quan sát mọi thứ.

Tình bạn giữa tôi với anh Ivan ngày càng tăng. Từ lúc mặt trời mọc cho đến tận khuya, bà tôi bận việc nhà nên hầu như suốt ngày tôi cứ quẩn quít lấy anh Txuganôc. Mỗi khi ông tôi quát tôi là anh lại giơ cánh tay đỡ đòn cho tôi và hôm sau anh giơ những ngón tay sưng vù, phàn nàn với tôi:

- Không, làm thế này chả ích lợi gì cả! Em chẳng đỡ hơn, còn anh thì em trông đây này! Anh sẽ không làm như thế nữa, mặc em đấy!

Nhưng lần sau anh lại chuốc lấy cái đau vô ích ấy vào mình.

- Sao anh bảo không muốn nữa kia mà!

- Không muốn, thế mà anh vẫn cứ giơ ra... không hiểu tại sao ấy...

Chẳng bao lâu tôi nhận thấy anh Txuganôc có một cái gì đó làm cho tôi càng chú ý và yêu mến anh hơn. Thứ sáu nào anh

Txuganôc cũng thắt con ngựa hồng thiến Sarap vào chiếc xe trượt tuyết lớn, đó là một con vật quý của bà tôi, một con vật tinh ranh, tham ăn. Anh mặc chiếc áo lông ngắn đến đầu gối, đội chiếc mũ lông nặng nề và thắt chiếc đai bằng vải xanh. Rồi anh đi chợ mua thức ăn. Đôi khi anh đi mãi không về. Cả nhà đều lo lắng. Mọi người tiến lại gần cửa sổ, thổi mạnh cho tan lớp băng trên cửa kính và nhìn ra phố.

- Nó chưa về à?

- Chưa.

Bà tôi lo sợ hơn cả.

- Ôi thôi, - bà tôi nói với ông tôi và các cậu tôi, - các người làm tôi mất cả người lẫn ngựa rồi! Các người thật không biết xấu hổ à, những đồ vô lương tâm kia? Của mình đã có vẫn chưa đủ hay sao. Ôi! Cả lũ ngu ngốc và tham lam này, - Chúa sẽ trừng phạt các người!

Ông tôi sa sầm, cầu nhàu:

- Thôi được. Đây là lần cuối cùng...

Đôi khi mãi đến trưa anh Txuganôc mới về. Các cậu và ông tôi vội vàng ra sân đón, theo sau họ là bà tôi vừa đi vừa hít thuốc, dáng đi như một con gấu. Không hiểu sao vào lúc này nom bà có vẻ vụng về lạ. Lũ trẻ con cũng chạy ùa ra. Mọi người vui vẻ dỡ hàng. Chiếc xe chở đầy lợn sữa, gà vịt làm sẵn, cá và đủ các thứ thịt.

- Mà có mua đủ các thứ đã dặn không đấy? - ông tôi vừa hỏi vừa liếc nhìn chiếc xe bằng cặp mắt sắc sảo.

- Đủ những thứ cần ạ, - anh Ivan vui vẻ đáp.

Anh nhảy nhót trên sân để cho nóng người lên và vỗ bao tay kêu đôm đốp.

- Đừng vỗ bao tay! Mua mất khối tiền ra đấy, - ông tôi nghiêm nghị quát. - Có còn thừa tiền không?

- Không.

Ông tôi đi thông thả quanh chiếc xe và khẽ nói:

- Mà lại tha về những gì mà lắm thế này. Hãy coi chừng đấy, chắc là mày lại mua không mất tiền chứ gì? Tao không muốn mày làm cái trò ấy đâu!

Rồi ông tôi nhả mặt bỏ đi rất nhanh. Các cậu tôi vui vẻ lao tới chiếc xe và cân ướm trên tay nào gà, vịt, cá, thịt ngỗng, nào chân bò non và những miếng thịt to tướng. Họ huýt sáo và khen rối rít:

- Mày khéo chọn đấy!

Cậu Mikhain đặc biệt mê thích: như có chiếc lò-xo điều khiển, cậu nhún nhảy xung quanh chiếc xe, gí mũi như mỏ con chim gõ mõ hít hít mọi thứ, chóp chóp môi có vẻ ngon lành và nheo cặp mắt xoi mói vẻ khoái chá. Cậu hao hao giống ông tôi, cũng xương xương, nhưng tầm vóc cao hơn và đen thui như một thanh củi bị cháy sém. Cậu giấu bàn tay lạnh buốt vào ống tay áo và hỏi anh Txuganôc:

- Ông đưa cho mày bao nhiêu tiền?

- Năm rúp.

- Chỗ này đáng giá mười lăm rúp đấy! Thế mày tiêu hết bao nhiêu?

- Bốn rúp mười kôpêch.

- Nghĩa là mày đã dứt túi chín mươi kôpêch. Này Iakôp, nó kiếm tiền bỏ đấy chứ?

Cậu Iakôp mặc phong phanh chiếc áo sơ-mi đứng ngoài trời rét. Cậu khề cười và chớp mắt ngắm bầu trời xanh lạnh giá.

- Vanka, mày có thể khao chúng tao nửa chai rượu vôtka được đấy, - cậu nói giọng lè nhè.

Bà tôi tháo ngựa ra và nói với nó:

- Sao thế chú bé? Sao thế chú mèo con? Thích nghịch à? Ủ, thì cứ nghịch đi một tí cũng chẳng sao!

Con Sarap to lớn lắc lắc cái bờm rậm, nhe bộ răng trắng đớp vào vai bà tôi, giật chiếc khăn lụa quấn tóc xuống. Nó nhìn vào mặt bà tôi bằng con mắt tinh nghịch rồi giữ những hạt tuyết khỏi lông mi và khề hí.

- Mày đòi ăn bánh mì à?

Bà tôi bẻ một mẩu bánh mì lớn có rắc muối, nhét vào hàm răng nó và đặt tạp-dề dưới mõm ngựa làm thành một cái bao. Bà nhìn nó ăn, vẻ đăm chiêu. Anh Txuganôc cũng đùa như con ngựa non, anh lồng lên về phía bà tôi:

- Bà ơi, con ngựa thiến này ngoan lắm, lại thông minh nữa.

- Cút đi, đừng có dở trò như thế! - Bà tôi vừa mắng vừa giậm chân. - Mà phải biết là những hôm như hôm nay tao không ưa mày đâu! Bà tôi giải thích cho tôi là anh Txưganôc mua ở chợ thì ít, mà ăn cắp thì nhiều.

- Ông cho nó năm rúp, nó mua mất ba rúp, còn ăn cắp thêm mười rúp nữa. - Bà buồn rầu nói.

- Thích ăn cắp, thằng hư đốn! Có lần nó thử, không việc gì. Về nhà người ta cười, khen nó tài giỏi, thế là nó đâm quen cái thói ăn cắp ấy. Còn ông thì vì hồi trẻ phải nếm nhiều cảnh nghèo khổ nên về già đâm ra keo kiệt. Ông quý tiền hơn con đẻ, ông thích được cái gì mà không mất tiền! Còn cậu Mikhain và Iakôp thì...

Bà phẩy tay, im lặng một lát, rồi nhìn chiếc hộp đựng thuốc lá bỏ ngỏ và cầu nhàu nói thêm:

- Liônasa, những việc ấy thật là rắc rối chẳng khác gì những tấm đăng-ten do một mù mù thêu, mò thế nào cho ra được những đường thêu ấy! Nếu người ta bắt được thằng Ivanka ăn cắp thì người ta sẽ đánh cho như tử...

Bà tôi lại im lặng và khẽ nói:

- Chà! Nhà ta phép tắc thì nhiều, nhưng thật thà thì ít.

Hôm sau tôi yêu cầu anh Txưganôc đừng ăn cắp nữa.

- Họ sẽ đánh anh chết mất...

- Họ đừng hòng bắt được anh, anh sẽ tẩu thoát, vì anh khéo léo, ngựa anh lại nhanh! - Anh vừa nói vừa cười.

Nhưng bỗng anh cau mày lại, vẻ buồn rầu.

- Anh cũng biết ăn cắp là xấu và nguy hiểm. Sở dĩ anh làm thế là vì anh buồn chán. Anh có để dành được đồng xu nào đâu, các cậu em suốt tuần bòn hết của anh. Anh cũng chẳng tiếc, lấy thì lấy! Anh ăn đủ no rồi.

Bỗng anh nắm lấy tay tôi, khẽ lắc lắc:

- Em nhẹ, mảnh dẻ, nhưng xương cốt chắc chắn, em sẽ trở thành một tay lực sĩ đấy. Nay Aliôsa ạ, em bảo cậu Iakôp dạy cho mà đánh đàn ghi-ta. Em đang còn bé, thật đáng tiếc! Nhưng em có bản lĩnh. Em có yêu ông không?

- Không biết!

- Còn anh thì không yêu tất cả họ nhà Kasirin, trừ bà ra, chỉ có ma quỷ mới yêu được họ mà thôi!

- Thế còn em?

- Em không phải họ Kasirin, em thuộc họ Pêskôp, dòng máu khác, nòi giống khác...

Bỗng anh ôm chặt lấy tôi, gần như rên rỉ:

- Chà, trời ơi, nếu anh có giọng hát du dương thì anh sẽ làm cho thiên hạ phải đảo điên mất... Đi thôi em, anh phải làm việc đây...

Anh đặt tôi xuống sàn, mồm ngậm một vốc đinh nhỏ rồi cạy một tấm vải đen ướt và đóng lên tấm gỗ vuông lớn. ít lâu sau anh chết. Câu chuyện xảy ra như sau: ở sân, gần cổng có một cây thánh giá lớn bằng gỗ sồi để tựa vào hàng rào, thân là một cành cây to xù xì. Cây thánh giá nằm ở đó lâu rồi. Tôi trông thấy nó ngay từ những ngày đầu mới tới ngôi nhà này. Khi đó nó còn mới và vàng hơn, nhưng qua mùa thu bị nước mưa ngấm vào nên nó trở nên đen sạm. Mùi gỗ sồi hun hăng hắc tỏa ra, và cây thánh giá nằm vắt vẻo trên cái sân chật hẹp, bẩn thỉu. Cậu Iakôp mua cây thánh giá này về để đặt lên mộ vợ và hứa đến ngày giỗ vợ sẽ tự mình vác ra nghĩa địa.

Ngày ấy đã đến vào hôm thứ bảy, đầu mùa đông. Trời giá lạnh và có gió, tuyết lả tả rơi từ mái nhà xuống. Cả nhà bước ra sân. Ông bà tôi cùng ba đứa bé đã đi ra nghĩa địa trước để làm lễ cầu hồn, còn tôi bị phạt ở nhà vì tội gì không rõ. Các cậu tôi đều mặc áo lông đen ngắn. Các cậu nâng cây thánh giá lên và đứng dưới mái hiên. Bác Grigôri và một người lạ nào đấy cố nhấc cây thánh giá nặng nề đặt lên vai rộng của anh Txuganôc, anh bước loạng choạng, dạn chân ra.

- Có vác nổi không?

Bác Grigôri hỏi.

- Không biết. Hình như nặng...

Cậu Mikhain tức giận quát tháo:

- Mở cổng ra, lão quỷ mù!

Cậu Iakôp nói:

- Mày không biết xấu hổ à, Vanka, nên nhớ là hai đứa chúng tao đều yếu hơn mày! Nhưng bác Grigôri khi mở cổng đã cất giọng nghiêm nghị khuyên anh Ivan:

- Coi chừng, không khéo thì gãy lưng đấy! Cầu Chúa phù hộ cho mày!

- Lão gốc hói đầu!

Cậu Mikhain quát tháo từ ngoài đường vào. Tất cả những người đứng ở sân cười nói oang oang, hình như họ đều lấy làm vừa lòng thấy cây thánh giá được mang đi. Bác Grigôri Ivannôvita dắt tôi vào xưởng và nói:

- Có lẽ hôm nay ông không đánh cháu đâu, nom ông có vẻ vui tính...

Vào xưởng bác đặt tôi ngồi lên đồng len sắp đem nhuộm và lấy len quấn quanh người tôi đến tận vai hết sức chu đáo. Bác gửi hơi nước bốc lên trên các chảo và nói, giọng trầm ngâm:

- Cháu ạ, bác biết ông cháu cách đây ba mươi bảy năm. Bác đã được chứng kiến mọi việc trong cái nhà này từ đầu chí cuối. Trước đây bác và ông cháu là đôi bạn thân, hai người cùng nhau mở ra cái xưởng này. Ông cháu khôn ngoan lắm! Ông đã trở thành chủ xưởng, còn bác thì chẳng làm nên trò trống gì cả. Nhưng Chúa sáng suốt hơn tất cả chúng ta: Chúa chỉ mỉm cười một cái là người thông minh nhất trong nháy mắt cũng sẽ trở thành kẻ ngu đần. Cháu còn chưa hiểu nổi những lời nói và những việc làm, nhưng cháu cần phải hiểu hết tất cả. Cuộc sống của trẻ mồ côi kể cũng có khó khăn. Bố cháu, Macxim Xapvatêep, là một con người tài ba, cái gì bố cháu cũng biết. Vì thế ông cháu không thích bố cháu, không nhận bố cháu... Tôi rất thích nghe những lời dịu dàng ấy và nhìn ngọn lửa đỏ, vàng nháy nhót trong lò, nhìn những đám hơi nước màu sữa bốc lên nghi ngút trên các chảo rồi biến thành những hạt băng màu xám xanh đọng trên những tấm ván của mái nhà nghiêng. Qua những kẽ ván lờm xờm có thể trông thấy những dải trời xanh biếc. Gió thổi dịu đi, mặt trời ló sáng, khắp sân tựa như rắc một lớp bụi thủy tinh. Ngoài phố có tiếng xe trượt tuyết kêu rít lên, một làn khói xanh bay cuộn tròn từ ống khói của ngôi nhà; những bóng nhẹ lướt trên tuyết và hình như cũng muốn kể lể điều gì... Bác Grigôri xương xẩu, rậm râu, người dài ngoẵng, đầu không đội mũ, tai to, giống như một lão phù thủy hiền lành. Bác khuấy thuốc nhuộm đang sôi sùng sục, miệng vẫn dạy bảo tôi:

- Cháu phải nhìn thẳng vào mắt mọi người, nếu có con chó nào xông đến cắn cháu, cháu cứ nhìn thẳng vào mắt nó, nó sẽ bỏ chạy ngay...

Cặp kính nặng nề đè lên sống mũi bác, chớp mũi đầy những tia máu tím bầm cũng giống như mũi bà tôi.

- Cái gì thế?

Bồng bác đồng tai nói lớn, rồi lấy chân đóng sập cửa lò, nhảy từng bước dài ra sân. Tôi cũng chạy theo sau. ở nhà bếp, anh Txuganôc nằm ngửa trên sàn nhà. Những vạch sáng rộng từ các cửa sổ chiếu vào đầu, vào ngực, vào chân anh. Trán anh sáng lên kỳ lạ, lông mày rướn cao, cặp mắt lác nhìn chằm chặp lên trần nhà đen sẫm, cặp môi thâm run run, sùi ra lớp bọt màu hồng; máu chảy từ góc môi, theo má xuống cổ và đổ xuống sàn, máu chảy ròng ròng từ dưới lưng anh. Chân anh duỗi thẳng một cách vụng về và chiếc quần rộng ướt đầm dính bệt xuống sàn nhà đánh bằng thứ cát to sáng bóng như ánh mặt trời. Những dòng máu chảy qua những vạch ánh sáng và chạy dài về phía ngưỡng cửa, sáng rực lên. Anh Txuganôc không cử động, hai cánh tay buông thõng dọc người, chỉ có những ngón tay là còn động đậy và cào cào xuống đất. Móng tay nhuộm đỏ lấp lánh dưới ánh nắng. Mụ Epgênáa ngồi xồm gần anh cố đặt một cây nến nhỏ vào tay anh. Nhưng anh Ivan không nắm lấy, cây nến đổ nhào, ngọn lửa nhỏ như đầu bút lông bị chìm trong vũng máu. Mụ liền nhặt cây nến lên, lấy đầu tạp-dề lau sạch, rồi lại cố cắm vào những ngón tay co quắp của anh. Tiếng thì thầm nổi lên trong nhà bếp và lẽ ra đã đẩy tôi ra khỏi ngưỡng cửa như một luồng gió nếu tôi không cố nắm chặt lấy quả đấm cánh cửa.

- Nó bị trượt chân.

Cậu Iakôp kể, giọng rầu rĩ, mình run run và lắc đầu. Toàn thân cậu xám ngắt, ủ rũ, cặp mắt cậu nhợt nhạt và chớp luôn.

- Nó ngã và bị cây thánh giá đè phải lưng. Giá chúng tôi không kịp buông cây thánh giá ra thì cũng bị què rồi.

- Chính các anh đã đè chết nó, - bác Grigôri nói, giọng khàn khàn.

- Ô hay, làm thế nào...

- Chính các anh!

Máu vẫn chảy. Máu đã đông lại thành vũng ở gần ngưỡng cửa, đen sẫm và hình như cứ lan mãi ra. Miệng sùi bọt hồng, anh Txuganôc kêu rống lên như khi nằm mơ và rộc hắt đi, càng ngày càng bẹp gí xuống sàn như chìm xuống đó.

- Mikhailô đã phóng ngựa tới nhà thờ gọi ông rồi, - cậu Iakôp thì thảo, - còn tôi thì đặt nó lên xe trượt tuyết và trở vội về đây... May mà tôi không đứng dưới cây thánh giá, không thì cũng...

Mụ vú nuôi lại ấn cây nến vào tay anh Txuganôc, sáp nến và nước mắt nhỏ giọt xuống bàn tay anh. Bác Grigôri nói tương lên, giọng thô lỗ:

- Gắn nến vào sàn, gần đầu Ivan ấy, đồ ngốc!

- Vâng.

- Tháo mũ của nó ra!

Mụ vú nuôi tháo chiếc mũ khỏi đầu anh Ivan, gáy anh va xuống sàn đánh bịch một cái. Bây giờ đầu anh nghiêng nghiêng và máu chảy nhiều hơn, nhưng chỉ chảy từ một bên mồm. Cảnh này kéo dài một cách khủng khiếp. Lúc đầu tôi cứ đợi anh Txuganôc nằm nghỉ rồi sẽ dậy, ngồi trên sàn nhỏ nước bọt và nói:

- Chà, bức quá...

Anh thường hay nói câu ấy khi anh ngủ dậy sau bữa ăn trưa ngày chủ nhật. Nhưng anh không đứng dậy nữa, mỗi lúc mỗi lép kẹp đi. ánh nắng đã rời khỏi chỗ anh, những vạch sáng đã co ngắn lại và chỉ còn rơi rớt trên những bệ cửa sổ. Toàn thân anh trở nên đen sẫm, ngón tay anh không động đậy và bọt mép không sùi ra nữa. Trên đầu anh và gần tai anh sừng sững ba ngọn nến. Những ngọn lửa vàng khe khẽ lung lay và chiếu vào mớ tóc đen nhánh rối bù. Những đốm sáng vàng vàng rung rung trên cặp má rạm nắng, chớp mũi nhọn hoắt và cặp môi hồng hồng của anh như sáng hắt lên. Người vú nuôi quỳ khóc và thì thầm:

- Cháu yêu quý của bác ơi, con chim ưng của bác, niềm an ủi của bác...

Lạnh lẽo đến ghê sợ. Tôi chui xuống gầm bàn và nấp ở đấy. Một lát sau, ông tôi mặc chiếc áo lông gấu chuột nặng nề bước vào nhà bếp, theo sau là bà tôi mặc chiếc áo khoác, cổ áo đính lông đuôi, rồi đến cậu Mikhail, bọn trẻ con và nhiều người lạ mặt khác. Ông tôi quăng chiếc áo lông xuống sàn và mắng:

- Đồ chó chết! Chúng mày đã giết uống mất một thằng trai trẻ như vậy! Khoảng năm năm nữa thì nó thật quý giá vô cùng...

Chiếc áo vút xuống sàn làm tôi không nhìn thấy anh Ivan. Tôi liền bò ra, đụng ngay phải chân ông tôi. Ông tôi vừa đẩy tôi ra vừa giơ nắm tay nhỏ đỏ lên đe dọa các cậu tôi:

- Đồ chó sói!

Rồi ông tôi ngồi xuống chiếc ghế dài, hai tay chống xuống ghế, nức nở, nhưng mắt vẫn ráo hoảnh, giọng rít lên:

- Tao biết - vì nó như cái gai trước mắt chúng mày... Ôi, Vaniusetka... ngốc ời là ngốc! Làm thế nào bây giờ, hả? Làm thế nào? Ngựa đã bắt kham, dây cương đã mục nát. Bà nó ời, Chúa cảm giận chúng ta từ mấy năm nay rồi phải không?

Bà tôi nằm xoài trên sàn, lấy tay sờ vào mặt, vào đầu, vào ngực anh Ivan. Bà tôi khẽ thổi vào mắt anh, nắm lấy tay anh vuốt ve, làm đỏ tất cả ba cây nến. Sau đó bà tôi đứng dậy có vẻ nặng nề, toàn thân đen sẫm trong chiếc áo dài thâm bóng nhoáng. Mắt tròn xoe trông thật khủng khiếp, bà tôi khẽ nói:

- Cút ngay, lũ đáng nguyên rửa kia! Tất cả mọi người, trừ ông tôi, vội lũ lượt kéo ra khỏi bếp...

Anh Txưganôc được chôn cất một cách kín đáo, không có lễ lạc gì cả.

IV

Tôi nằm trên chiếc giường rộng, quần bốn vòng trong chiếc chăn to xù, nghe bà tôi cầu nguyện. Bà tôi quỳ, một tay áp vào ngực, còn tay kia thỉnh thoảng từ từ làm dấu. Ngoài trời lạnh xé da xé thịt. ánh trăng xanh nhạt chiếu qua lớp băng đóng trên cửa kính thành những đường thêu. ánh trăng soi sáng khuôn mặt hiền từ có chiếc mũi to và rọi vào cặp mắt đen nhánh của bà tôi như hai cục lân tinh. Chiếc khăn vuông lụa che mái tóc bà tôi óng ánh như bạc; chiếc áo dài đen rung rinh, chảy từ đôi vai xuống và rải rộng trên sàn. Mỗi lần cầu nguyện xong, bà tôi lại lặng lẽ cởi áo, xếp cẩn thận vào hòm ở góc nhà rồi đi về phía giường. Tôi giả vờ ngủ say.

- Chỉ vờ vịt thôi, ông mãnh, chắc là lại chưa ngủ chứ gì? - Bà tôi khẽ nói. - Chưa ngủ à, cậu ấm? Nào, cho bà đắp chăn với!

Tôi cảm thấy thích thú với câu chuyện sắp xảy ra nên tôi không thể nhin cười được. Lúc ấy bà tôi reo lên:

- A, thế là cháu cố tình trêu bà lão nhé!

Bà tôi cầm một đầu chăn, kéo về phía mình khéo léo và mạnh đến nỗi tôi bị bắn tung lên trên không và, sau khi quay lộn mấy vòng, tôi lại rơi đánh bịch xuống chiếc đệm mềm mền nũn. Bà tôi cười rộ:

- Thế nào, thằng quý sứ? Mày hớp muỗi đấy à?

Nhưng đôi khi bà tôi cầu nguyện rất lâu. Tôi ngủ thiếp đi thật và không nghe thấy bà tôi vào nằm. Những lần cầu nguyện lâu thường là sau những ngày có chuyện buồn rầu, tranh giành cãi cọ nhau. Tôi lắng nghe những lời cầu nguyện ấy. Bà tôi kể tỉ mỉ với Chúa tất cả những việc xảy ra trong nhà. Khi quỳ, bà tôi to béo nặng nề như một cái gò lớn. Lúc đầu tiếng thì thầm rất nhanh không rõ, sau đó mới trầm trầm cất cao lên:

- Lay Chúa, Chúa biết rõ là ai cũng muốn mình được lợi hơn. Thằng Mikhailô là con cả, nó cần phải ở lại thành phố.

Nó bực mình phải sang bên kia sông, ở một nơi lạ nước lạ cái; không hiểu làm ăn sẽ ra sao. Nhưng bố nó lại thích thằng Iakôp hơn. Lão yêu con cái không như nhau, như thế có đúng không? Lão ngang bướng lắm. Lạy Chúa, Chúa hãy làm cho lão hiểu. Bà tôi đưa cặp mắt to trong sáng nhìn lên những bức tượng thánh đen sẫm và gọi ý Chúa:

- Lạy Chúa, Chúa hãy cho lão một giấc mơ tốt lành để lão hiểu cần phải chia gia tài cho con cái như thế nào!

Bà tôi làm dấu và cúi rạp mình xuống đất, cái trán to chạm vào tấm ván của sàn nhà. Rồi bà tôi lại ngẩng lên nói, giọng khản khản:

- Xin Chúa cho Vacvara được vui sướng! Nó có làm gì đáng để Chúa giận đâu? Nó có tội tình gì nặng hơn những kẻ khác đâu? Một người đàn bà trẻ, khỏe mạnh, thế mà lại phải sống buồn phiền là thế nào! Lạy Chúa, Chúa cũng không nên quên lão Grigôri, mắt lão ngày càng kém. Nếu mù lão sẽ đi ăn xin, thật là tội nghiệp! Lão đã làm tận lực cho ông nhà tôi, nhưng liệu ông nhà tôi có giúp lão không!... Ôi, Lạy Chúa, Lạy Chúa...

Bà tôi im lặng hồi lâu, cúi đầu một cách nhẫn nhục và buông tay xuống, tựa như đã ngủ say và bị rét cóng.

- Còn gì nữa?

Bà tôi cau mày, nhớ lại và tự hỏi to.

- Xin Chúa hãy cứu vớt, ân xá cho tất cả những tín đồ chính giáo chúng con. Chúa tha thứ cho cái mù già đần độn đáng chết này. Chúa rõ cho là nếu con có phạm tội thì không phải vì độc ác, mà là do dại dột thôi.

Bà tôi thở dài rồi lại nói, giọng dịu dàng và có vẻ mãn nguyện:

- Chúa biết hết, Chúa hiểu hết, Lạy Chúa tôi.

Tôi rất thích Chúa của bà tôi, vì Chúa gần gũi với bà tôi. Tôi thường yêu cầu bà kể về Chúa cho cháu nghe đi! Bà tôi nói về Chúa rất đặc biệt, giọng khe khẽ, kéo dài một cách kỳ lạ, mắt lim dim, và bao giờ cũng ngồi một chỗ. Bà tôi nhồm dầy, ngồi xuống, quàng khăn lên đầu và nói rất lâu cho đến khi tôi ngủ thiếp đi:

- Chúa ở trên ngọn đồi, giữa cánh đồng cỏ trên thiên đường, Chúa ngự trên ngai vàng có chạm ngọc xanh, dưới những cây bồ

đề bằng bạc quanh năm nở hoa; ở thiên đường không có mùa đông và mùa thu, hoa không bao giờ héo, luôn luôn nở làm cho các thánh cảm thấy tươi vui. Xung quanh Chúa có vô số thiên thần. Họ giống như những bông tuyết hoặc như những đàn ong. Họ như đàn chim bồ câu trắng bay từ trên trời xuống hạ giới rồi lại bay lên và kể cho Chúa nghe tất cả mọi chuyện về chúng ta, về mọi người. Trong số các thiên thần đó có thiên thần của cháu, của bà, của ông. Mỗi người đều có một thiên thần. Chúa đối với mọi người rất công minh. Chẳng hạn thiên thần của cháu tâu với Chúa rằng: "Lêcxây dám lè lưỡi với ông nó!" Thế là Chúa liền ra lệnh:

"Được, vậy thì để ông lão quật cho nó một trận!" Đối với ai cũng thế, Chúa ban cho mỗi người tùy theo họ xứng đáng được hưởng - có người thì khổ, có người thì sướng, ở đất Chúa mọi cái đều tốt đẹp cả, cho nên các thiên thần vui mừng, vỗ cánh và luôn miệng hát: "Sáng danh Chúa, sáng danh Chúa!" Còn Chúa nhân từ mỉm cười như muốn nói với các thiên thần: "Thôi đi, được rồi!" Bà tôi mỉm cười, lúc lắc đầu.

- Bà đã trông thấy thế à?

- Không trông thấy, nhưng bà biết!

Bà tôi đáp, giọng trầm ngâm. Khi nói về Chúa, về thiên đường, về các thiên thần, người bà tôi như bé lại và dịu hiền. Mặt bà tôi trẻ ra, cặp mắt ươn ướt tỏa ra một luồng ánh sáng vô cùng ấm áp. Tôi cầm những bím tóc dày mịn màng quấn vào cổ mình rồi ngồi yên lắng nghe những câu chuyện của bà tôi, không bao giờ biết chán.

- Người trần không thể nhìn thấy Chúa - nếu nhìn thì sẽ mù mắt. Chỉ có các thánh mới có thể nhìn Chúa tận mắt. Còn các thiên thần thì bà đã được thấy. Thiên thần chỉ hiện ra cho những người nào có linh hồn trong sạch.

Một hôm, lúc bà đứng trong nhà thờ dự lễ, bà nom thấy hai vị đi đi lại lại ở chỗ bàn thờ như những đám sương mù trong suốt, sáng rực, đôi cánh dài trông như đăng-ten hoặc vải sa chằm tận sần. Các vị đi vòng quanh bàn thờ và giúp đỡ cha Iláa, một người đã có tuổi. Khi cha giơ hai cánh tay yếu đuối lên cầu nguyện Chúa, hai vị thiên thần liền đỡ hai khuỷu tay cho cha. Ít lâu sau cha mất vì cha già quá, lại mù lòa, ra đụng vào chạm. Khi nhìn thấy các thiên thần bà vui mừng tê tái cả người, lòng bà như se lại, nước mắt giàn giụa, chà, thật là sung sướng! Ôi, Liônka, cháu yêu quý

của bà, đối với Chúa tất cả mọi cái trên thiên đàng và dưới hạ giới này đều tốt đẹp cả, thật là tốt đẹp...

- Thế ở nhà ta cái gì cũng tốt đẹp cả hở bà?

Bà tôi làm dấu rồi trả lời:

- Lay Đức Mẹ Rất Thánh, - mọi cái đều tốt đẹp cả!

Câu trả lời đó làm tôi bối rối. Thật khó mà thừa nhận rằng mọi cái ở nhà này đều tốt đẹp. Tôi cảm thấy trong nhà càng ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Một hôm, đi qua cửa phòng cậu Mikhail, tôi thấy vợ Natasa mặc quần áo trắng toát, hai tay ôm ngực, đang vừa chạy ngược chạy xuôi khắp phòng vừa kêu khê nhưng giọng khùng khiếp:

- Lay Chúa, hãy đem con đi thoát khỏi nơi này...

Tôi hiểu rõ lời cầu nguyện ấy của vợ cũng như tôi hiểu bác Grigori khi bác rên rĩ:

- Khi nào lão mù hẳn, lão đi ăn xin còn sung sướng hơn...

Tôi muốn cho bác mù sớm để tôi sẽ xin phép bác được dắt bác đi, và chúng tôi sẽ cùng đi ăn xin Túc Alêcxây, cách gọi tắt thân mật với nhau. Tôi đã nói với bác điều đó. Bác thợ cả mỉm cười trong bộ râu của bác và đáp:

- Được, chúng ta sẽ đi ăn xin!

Bác sẽ rêu rao khắp thành phố: đây là cháu ngoại lão Vaxili Kasirin, chủ phường nhuộm! Như thế thì thú vị lắm... Nhiều lần tôi trông thấy dưới cặp mắt đờ đẫn của vợ Natalaa những cái u xanh xanh và cặp môi sưng phồng trên khuôn mặt vàng ệch của vợ. Tôi hỏi bà tôi:

- Có phải cậu đánh vợ không, hở bà?

Bà tôi thở dài đáp:

- Nó đánh vụng đấy, cái thằng khốn kiếp ấy! Ông cấm nó đánh vợ, thế là nó đánh trộm ban đêm. Nó là thằng độc ác, còn vợ nó thì lại hiền như cục đất ấy...

Bà tôi kể tiếp, giọng phẫn chấn hẳn lên:

- Dù sao bây giờ người ta đánh đập cũng không như hồi trước! Bây giờ họ chỉ đánh vào miệng, vào tai, túm tóc một lúc thôi, còn trước đây người ta hành hạ hàng giờ liền! Có lần ông đã

đánh bà vào ngày đầu lễ Phục sinh suốt từ lúc lễ sáng cho đến tối. Ông đánh đến nổi mệt lử, sau khi nghỉ ngơi lại đánh tiếp. Ông đánh bà bằng dây cương ngựa và bằng đủ mọi thứ vớ được.

- Vì sao ông đánh, hờ bà?

- Bà không nhớ nữa. Có lần ông đánh bà chết đi sống lại. Năm ngày năm đêm liền ông không cho ăn uống gì cả. Lần ấy may mà bà thoát chết. Rồi lại một lần nữa...

Cái đó làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Bà tôi to lớn gấp đôi ông tôi, thật khó tin rằng ông tôi có thể thắng nổi bà tôi.

- Chẳng lẽ ông khỏe hơn bà à?

- Không khỏe hơn, nhưng nhiều tuổi hơn! Hơn nữa ông là chồng bà! Ông phải chịu trách nhiệm về bà trước Chúa, nên bổn phận của bà là phải chịu đựng...

Tôi rất thích xem bà tôi phủ bụi trên các tượng thánh và lau chùi những chỗ bít bằng kim loại. Các bức tượng đều lộng lẫy, các vòng hào quang trên đầu đều cẩn ngọc, bạc và các loại đá màu sắc sỡ. Bà tôi dùng đôi bàn tay khéo léo nâng niu một bức. Bà tôi mỉm cười nhìn bức tượng thánh và nói, vẻ xúc động:

- Ôi, khuôn mặt của Người mới dịu hiền làm sao!..

Bà tôi vừa hôn bức tượng vừa làm dấu.

- Bức tượng bị phủ bụi và ám khói. Ôi, Người là Đức Mẹ vạn năng, Người là niềm vui vô tận của con! Liônasa, cháu yêu quý của bà, cháu hãy nhìn xem những đường nét tinh vi biết là đường nào.

Những bộ mặt nhỏ tí mà trông vẫn rõ mồn một. Bức này gọi là "Mười hai ngày lễ", ở giữa là Đức Mẹ đồng trinh Phêôđôrôvô. Còn đây là bức: "Lạy Đức Mẹ, khi trông thấy con nằm trong quan tài, xin Mẹ đừng khóc"... Đôi lúc tôi cảm thấy bà tôi chơi với các bức tượng thánh một cách nghiêm trang và chân thành như em gái Katêrina nhút nhát chơi với búp bê vậy. Kim loại bít trên các bức tượng thánh chỉ còn để lộ ra mặt và tay của các vị thánh. Nhiều lần bà tôi cũng gặp ma quỷ hoặc đi một mình hoặc từng đàn từng lũ.

- Có lần vào tuần chay, ban đêm bà đi qua nhà Rudônphơ. Trời sáng trăng suông. Bỗng nhiên bà thấy có một con quỷ lớn, mình đầy lông lá đen sì, ngồi dạng hai chân trên đỉnh mái nhà, cạnh ống khói. Cái đầu có sừng cúi xuống ống khói ngửi ngửi và

thở phì phì. Nó ngủi và kéo lê chiếc đuôi trên mái nhà. Bà làm dấu ngay và nói: "Cầu Chúa hãy sống lại và kẻ thù của Người hãy biến đi!" Nó liền khê kêu rít lên và tụt từ mái nhà xuống sân rồi biến mất! Có lẽ hôm ấy nhà Rudônphơ nấu món ăn mặn nên quý đến ngủi và lấy làm vui sướng...

Tôi cười và tưởng tượng đến con quý đang tụt từ mái nhà xuống. Bà tôi cũng cười và nói tiếp:

- Bọn quý rất tinh nghịch, giống hệt như lũ trẻ con vậy! Có lần bà giặt quần áo ở nhà tắm. Lúc đó vào nửa đêm. Tự nhiên cửa lò mở tung! Và lũ quý ở trong nhảy ra, con nào cũng bé nhỏ, con thì đỏ, con thì xanh, con thì đen như gián ấy. Bà vội chạy ra phía cửa, nhưng không ra được, lúng túng giữa đàn quý. Chúng kín cả nhà tắm làm bà không cựa được, chúng chui xuống chân bà, lôi kéo và ép chặt bà đến nỗi bà thở không ra hơi! Minh chúng nó đầy lông lá, mềm nhũn, nóng như lũ mèo con, chúng toàn đi bằng hai chân sau. Chúng chạy vòng quanh, nô đùa. Răng chúng nhe như răng chuột, cặp mắt nhỏ xanh lè long lanh, cặp sừng sắp mọc nhô ra như những cái bấu con, những cái đuôi nhỏ ve vẩy như đuôi lợn sữa. Ôi, trời đất ơi! Bà sợ quá ngất đi! Khi bà tỉnh lại thì ngọn nến đang leo lét, chậu nước giặt đã nguội lạnh, quần áo giặt vắt ngổn ngang trên sàn. Bà nghĩ: "Chao ôi, đồ quý sứ, sao chúng bay không chết đi!" Tôi nhắm mắt lại và thấy từ miệng lò xây bằng đá tuôn ra một dòng dày đặc những con vật đầy lông lá có đủ màu sắc. Chúng tràn vào đầy cả cái nhà tắm nhỏ bé, thổi vào ngọn nến và thè lê cái lưỡi đỏ hồng một cách tinh nghịch. Trông vừa buồn cười, vừa đáng sợ.

Bà tôi lắc đầu, im lặng một lát rồi bỗng lại sôi nổi hẳn lên:

- Một lần khác bà lại gặp lũ đáng nguyên rủa ấy. Cũng vào một đêm đông, bão tuyết thổi mạnh. Bà đi qua cái khe Điuôp, chỗ các cậu Iakôp và Mikhailô định dìm chết bố cháu trong cái hố băng ở đầm ấy. Cháu có nhớ không, bà đã kể cho cháu nghe rồi đấy? Thế là bà đi về phía đó; vừa mới đặt chân trên con đường hẻm, ở dưới khe núi, thì bà nghe thấy tiếng huýt sáo và tiếng hú ở khe. Bà trông lên thì thấy chiếc xe có ba con ngựa ô kéo đang phóng về phía bà. Một con quý to lớn đội chiếc mũ đỏ không vành đứng sừng sững như cái cọc. Nó đứng ở chỗ ngồi của người đánh xe, dang tay giữ dây cương bằng xích sắt. ở khe không có đường đi nên chiếc xe lao thẳng xuống đầm, có đám tuyết phủ kín cả xe. Trên xe trượt tuyết cũng toàn là lũ quý ngồi; chúng huýt sáo, gào thét và vẩy

mũ; khoảng bảy chiếc xe như vậy phóng nhanh như đoàn xe chữa cháy. Ngựa toàn một màu đen tuyền. Tất cả lũ ngựa đều là những kẻ bị bố mẹ nguyên rửa, bị lũ quý lấy làm trò giải trí, dùng làm ngựa để kéo xe, bắt họ rong ruổi ban đêm trong những ngày hội vui của chúng. Lần đó có lẽ bà đã trông thấy một đám cưới quý... Không thể nào không tin bà tôi được - bà tôi nói rất giản dị và chắc chắn!

Nhưng khéo nhất là bà tôi đọc những đoạn thơ kể về Đức Bà Đồng trinh đi chu du khắp trái đất để biết nỗi khổ cực của người trần và khuyên bảo nữ tặc "công nương" Engalutaêva không nên đánh đập và cướp bóc người Nga; những đoạn thơ về thánh Alêcxây, về dũng sĩ Ivan. Bà tôi kể những chuyện thần thoại về thánh nữ Vaxilixa vô cùng đức độ, về giáo sĩ Dê và con đỡ đầu của Chúa; có những chuyện khủng khiếp về Macfa Pôxatnitxavê nữ tướng cướp Baba Uxtavê Marya, một người có nhiều tội lỗi của Ai Cập, về nỗi buồn phiền của người mẹ tên cướp. Bà tôi biết không biết bao nhiêu chuyện thần thoại, chuyện có thật và những câu thơ. Bà tôi không sợ một ai, không sợ ông tôi, không sợ quý, và mọi thứ tà ma nào, nhưng bà tôi lại rất sợ những con gián đen. Bà tôi có thể nhận ra chúng ngay từ xa. Bà tôi thường đánh thức tôi ban đêm và thì thào:

- Aliôsa, cháu yêu của bà, có một con gián đang bò đấy; vì Chúa, cháu hãy giết nó đi!

Đang ngái ngủ, tôi chồm nện và bò trên sàn tìm kẻ địch. Nhưng không phải lần nào tôi cũng tìm thấy ngay và cũng có lần tôi không bắt được.

- Không thấy đâu, bà ạ. - Tôi nói. Nhưng bà tôi vẫn nằm im, đầu trùm chăn kín mít, và khẽ nói:

- Ôi, có một con đấy! Cháu cố tìm đi, bà van cháu đấy! Nó kia kia, bà biết...

Bà tôi không nhầm bao giờ cả. Cuối cùng tôi tìm thấy con gián ở một chỗ rất xa giường.

- Cháu giết nó chưa? Ừ, sáng danh Chúa! Cảm ơn cháu nhé!... Nếu tôi chưa tìm thấy con gián thì bà tôi không sao ngủ được.

Tôi thấy bà tôi giật mình mỗi khi khẽ có tiếng sột soạt trong đêm tối im lặng như tờ. Tôi nghe bà tôi nín thở và thì thào:

- Nó ở gần ngưỡng cửa... nó chui xuống dưới cái hòm...

- Tại sao bà sợ gián thế?

Bà trịnh trọng trả lời:

- Vì bà không hiểu chúng nó dùng để làm gì? Chúng nó bò lổm ngổm và đen sì sì. Chúa đã giao cho mỗi loài một nhiệm vụ: có bọ đất tức là trong nhà ẩm thấp; có rệp tức là tường bẩn; có rận tức là người sắp ốm. Tất cả mọi thứ đều có ý nghĩa! Còn loài gián thì không ai rõ ma quỷ nào nhập vào, chúng sinh ra để làm gì?

*
* *

Một hôm bà tôi đang quỳ tâm sự với Chúa thì ông tôi mở toang cửa ra, nói với giọng khàn khàn:

- Bà nó ơi, Chúa phạt chúng ta rồi, nhà cháy!

- Ông nói gì đấy!

Bà tôi hét lên và vùng đứng dậy. Cả hai người thành thích chạy bổ vào gian phòng chính tối om.

- Epgênsa, hạ tượng thánh xuống! Nataláa, mặc áo cho lũ trẻ!

Bà tôi ra lệnh, giọng nghiêm nghị cứng rắn, còn ông tôi thì khẽ rên rĩ:

- Hi, hi, hi...

Tôi chạy vào bếp. Cái cửa sổ nhìn ra sân đang cháy rực lên như vàng. Trên sàn nhà những vật vàng vàng chạy nhảy. Cậu Iakôp vội đi ủng rồi nhảy lên những vệt cháy ấy y như đế giày của cậu bị cháy vậy. Cậu kêu lên:

- Chính Miska đốt nhà, hấn đốt và chuồn rồi, đúng thế!

- Im đi, đồ chó má,

Bà tôi vừa nói vừa đẩy cậu ra cửa mạnh đến nỗi suýt nữa thì cậu ngã. Nhìn qua cửa kính đóng băng thấy rõ mái xuống bùng cháy và ngọn lửa như cơn lốc xoắn xuýt cuộn cuộn qua cánh cửa ngổ. Trong đêm tối yên lặng ngọn lửa nở thành những bông hoa đỏ, không có khói. ở trên cao tít thấy lơ lửng một đám mây sẫm, nhưng nhìn qua vẫn thấy giải Ngân Hà bàng bạc. Tuyết rực lên

màu đỏ thắm. Tường nhà rung lên, lão đảo như muốn hướng về phía góc sân, nơi ngọn lửa đang nhảy nhót vui vẻ, đang nhuộm đỏ những kẽ ngách rộng trong vách xường và từ đó thoát ra như những chiếc đỉnh cong queo. Trên những tấm gỗ đen sẫm và khô của mái nhà những dải lửa vàng, đỏ lượn khúc quanh lấy mái nhà. ở giữa nhô lên một ống khói mảnh dẻ bằng đất nung còn bốc khói. Những tiếng nổ lách tách, những tiếng soàn soạt như tiếng lụa xé đập vào cửa kính. Ngọn lửa lan ra mãi. Xưởng thợ sáng rực giống như bức thánh-tượng-bình ở trong nhà thờ và như có một sức gì không cưỡng lại được vẫy gọi mọi người tới gần hơn. Tôi trùm chiếc áo lông ngắn to xù lên đầu và xỏ chân vào đôi ủng không biết của ai. Tôi lê ra nhà ngoài, ra chỗ bậc tam cấp và đứng lặng đi vì kinh khủng trước ánh lửa chói lòa làm tôi lóa cả mắt. Tai tôi ù đặc vì tiếng kêu của ông tôi, của bác Grigôri, của cậu tôi và vì tiếng đám cháy nổ. Tôi khiếp sợ trước cử chỉ của bà tôi; trùm chiếc bao không lên đầu, quần vào người miếng vải phủ mình ngựa, bà tôi vừa lao vào lửa vừa la lên:

- Cuporôx, lũ ngốc! Cuporôx làm nổ tung cả bây giờ...

- Grigôri, giữ lấy bà lão! Ông tôi rít lên - Trời ơi, bà ấy chết mất... Nhưng bà tôi đã trở ra, toàn thân bốc khói, lắc đầu, lom khom, tay giơ thẳng bụng một vò lớn đầy cuporôx.

- Ông cho tháo ngựa ra!

Bà tôi vừa kêu vừa ho và thở khò khè.

- Lột miếng vải khoác ngoài cho tôi, tôi đang bị cháy, ông không trông thấy à?

Bác Grigôri giật miếng vải khoác ngoài đang âm ỉ cháy khỏi vai bà tôi. Bác gấp đôi người lại, bắt đầu lấy xẻng hất những cục tuyết lớn vào cửa xường. Cậu tôi nhảy nhót bên cạnh bác, cầm cái rìu trong tay. Ông tôi chạy quanh, ném tuyết vào người bà tôi. Bà tôi nhét cái vò xuống đồng tuyết rồi chạy ra cổng, mở toang ra và cúi chào những người đang kéo đến:

- Bà con ơi, phải bảo vệ lấy cái nhà kho! Nếu lửa lan sang nhà kho, chuyển sang vừa chứa cỏ khô thì tất cả nhà tôi sẽ cháy hết ra tro và cả nhà bà con cũng sẽ bị cháy lây! Giật mái xuống và vứt cỏ khô ra vườn! Grigôri, hất tuyết cao lên, sao lão cứ ném mãi xuống đất thế! Iakôp, đừng có xun xoe, đưa rìu và xẻng cho mọi

người! Bà con hãy cùng nhau giúp chúng tôi một tay, Chúa sẽ phù hộ các người.

Bà tôi cũng lôi cuốn tôi như đám cháy vậy. Ngọn lửa rơi vào người bà tôi đen thẫm, như muốn đuổi bắt. Bà tôi tất tả ở khắp sân, chỗ nào cũng đến đúng lúc, và điều khiển mọi việc chẳng sót việc nào. Con Sarap chạy ra sân. Nó chồm lên và làm ông tôi suýt ngã lộn. Ngọn lửa làm đỏ rực cặp mắt to của nó. Con ngựa hí ầm, đứng bằng hai chân trước. Ông tôi buông dây cương ra, nhảy tránh sang một bên và kêu:

- Bà nó ơi, giữ lấy nó!

Bà tôi nhảy xổ vào dưới chân con ngựa đang lại chồm lên và dang hai tay ra. Con ngựa khê hí một tiếng rầu rĩ, vươn cổ về phía bà và liếc nhìn ngọn lửa.

- Mày đừng sợ!

Bà tôi nói, giọng trầm trầm. Bà vỗ vỗ vào cổ nó và cầm dây cương.

- Mày tưởng tao bỏ mày trong cái địa ngục đó à, con chuột nhắt của tao?...

Và con chuột nhắt to gấp ba bà ngoan ngoãn đi theo ra cổng. Nó thở phì phì và nhìn khuôn mặt đỏ rực của bà. Mụ Epgênáa dẫn lũ trẻ meo máo và quần đầy quần áo ra khỏi nhà, mụ kêu:

- Vaxili Vaxilits, không thấy thằng Lêcxây đâu cả...

- Đi đi!

Ông tôi vẫy tay đáp, trong khi đó tôi nấp dưới bậc tam cấp để khỏi bị mụ vú lòi đi. Mái xưởng đã sập. Những thanh xà nhà mảnh dễ bốc khói, lấp lánh ánh than vàng, nhô lên trời. Trong xưởng những ngọn lửa xanh đỏ cuộn cuộn như những cơn gió lốc, phát ra tiếng nổ giòn và tiếng rít. Từng bó lửa bắn ra sân, xuống những người tụ tập trước đồng lửa khổng lồ và đang dùng xẻng hất tuyết vào đám cháy. Trong đồng lửa mấy cái chảo lớn sôi sùng sục, hơi nước và khói bốc lên như một đám mây dày đặc. Những mùi là là tỏa ra ngoài sân làm chảy nước mắt. Tôi chui ra khỏi bậc tam cấp và đứng luôn phải chân bà tôi.

- Đi ra!

Bà tôi quát.

- Đi ra, không có chết bẹp bây giờ...

Một người cưỡi ngựa đội mũ đồng có chớp xộc vào sân. Con ngựa màu hung sùi bọt mép, còn gã kia tay giờ ngọn roi lên cao, thét lên với vẻ hăm dọa:

- Tránh ra!

Tiếng chuông reo vui rộn rã. Quang cảnh thật tưng bừng và đẹp như ngày hội. Bà tôi đẩy tôi lên bậc tam cấp:

- Có nghe tao bảo gì không! Đi ra!

Lúc này không thể không vâng lời bà tôi được. Tôi xuống bếp và lại dán mũi vào cửa kính, nhưng bị đám người đen ngòm che lấp nên không nhìn thấy ngọn lửa nữa.

Tôi chỉ thấy những chiếc mũ đồng sáng loáng giữa những chiếc mũ lưỡi trai và mũ lông mùa đông đen sì. Ngọn lửa bị chế ngự mau chóng. Người ta tưới nước vào lửa, và dập tắt nó. Cảnh sát giải tán đám đông. Bà tôi trở vào bếp.

- Ai đấy? Cháu đấy à? Tại sao cháu không ngủ, cháu sợ à? Đừng sợ, mọi việc đều xong xuôi rồi...

Bà ngồi im lặng bên cạnh tôi và lắc lư trên chiếc ghế. Tôi lấy làm sung sướng thấy đêm tối lại lặng lẽ như cũ, nhưng tôi vẫn nhớ tiếc ngọn lửa. Ông tôi bước vào, dừng lại bên ngưỡng cửa và hỏi:

- Bà nó đấy à?

- Hử?

- Bà bị bỏng phải không?

- Không sao cả.

Ông tôi đánh một que diêm; ánh lửa xanh chiếu sáng khuôn mặt chồn hôi, đầy bồ hóng. Ông tôi tìm thấy cây nến trên bàn rồi chậm chạp ngồi xuống cạnh bà tôi.

- Ông nên rửa mặt mũi đi thì hơn, - bà tôi nói, mặc dù người cũng đầy bồ hóng và sức mùi khói khét lẹt.

Ông tôi thở dài:

- Chúa thật là nhân từ đối với bà. Chúa ban cho bà lắm thông minh thế...

Ông tôi xoa vai bà tôi và nhe răng nói thêm:

- Tất nhiên là trong chốc lát thôi, nhưng cũng là có ban!...

Bà tôi cũng mỉm cười, muốn nói điều gì, nhưng ông tôi đã cau mày lại.

- Cần phải tống cổ lão Grigôri đi, việc này cũng là do sự sợ suýt của lão ta! Lão già yếu rồi, không dùng được việc nữa! Thằng Iaska đang ngồi ở bậc thềm khóc lóc, thằng ngốc... Bà thử đi ra xem nó làm sao...

Bà tôi đứng dậy, một tay giơ trước mặt, vừa đi vừa thối những ngón tay, còn ông tôi không nhìn tôi, khẽ hỏi:

- Cháu nhìn thấy đám cháy suốt từ đầu đến cuối chứ? Vậy cháu thấy bà thế nào, hả? Ấy là bà đã già... bị suy yếu rồi... Cháu thấy không? ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là...

Ông tôi khom lưng, yên lặng hồi lâu, sau đó đứng dậy lấy ngón tay gạt tàn nén rồi lại hỏi tôi:

- Cháu có sợ không?

- Không ạ.

- Thật ra cũng không có gì đáng sợ cả...

Ông tôi giật chiếc áo sơ-mi khỏi vai với vẻ tức giận rồi đi tới góc nhà có chậu rửa mặt. ở đó, trong bóng tối, ông tôi giậm chân, nói to:

- Cháy nhà là một sự ngu ngốc! Đứa nào làm cháy nhà cần phải lôi ra quảng trường đánh cho một trận; nó là thằng ngốc, không thì cũng là thằng kẻ trộm! Cứ làm như vậy thì chẳng bao giờ cháy nhà nữa!... Cháu đi ngủ đi. Còn ngồi đấy làm gì?

Tôi đi nằm, nhưng đêm hôm ấy không tài nào ngủ được: tôi vừa mới nằm lên giường thì một tiếng kêu la không giống tiếng người làm tôi vùng dậy khỏi giường ngay. Tôi lại lao vào nhà bếp. Ông tôi cời trần, tay cầm cây nến, đứng giữa nhà. Cây nến rung rinh. Không nhích đi được bước nào, ông tôi chỉ giậm chân xuống sàn và rít lên:

- Bà nó ời, Iakôp ời, cái gì thế?

Tôi nhảy lên lò sưởi, nấp vào một góc. Trong nhà lại bắt đầu náo động như lúc cháy. Tiếng kêu la đều đều và đau đớn càng ngày càng to, đập vào trần và tường từng hồi. Ông tôi và cậu tôi chạy ngược chạy xuôi, bà tôi quát tháo và xua đuổi hai người. Bác

Grigôri chất củi vào lò rầm rầm, đổ đầy nước vào chảo gang. Bác đi lại ở nhà bếp, đầu lắc lư giống như một con lạc đà ở Axtrakhan.

- Trước hết hãy đốt lò đi chứ!

Bà tôi ra lệnh. Bác vội đi tìm que đóm, sờ phải chân tôi và sợ hãi kêu lên:

- Ai đấy? Hừ, làm tao sợ hết hồn... ở đâu không cần đến, mày cũng có mặt...

- Cái gì thế hở bác?

- Mợ Nataláa đẻ, - bác thản nhiên đáp và nhảy xuống sàn. Tôi nhớ hồi mẹ tôi đẻ, mẹ tôi không kêu la om sòm như thế. Đặt chảo lên bếp xong, bác Grigôri leo lên lò sưởi ngồi cạnh tôi. Bác rút trong túi ra chiếc tẩu bằng đất nung và đưa cho tôi xem.

- Bác bắt đầu hút thuốc chỉ vì cặp mắt này thôi. Bà cháu khuyên bác: chỉ nên hít, nhưng bác thấy hút tốt hơn...

Bác ngồi ở mép lò sưởi, hai chân buông thõng. Bác nhìn xuống phía dưới, nơi ngọn nến cháy lù mù. Tai và má bác đầy bồ hóng, chiếc áo sơ-mi rách ở bên sườn. Tôi nhìn thấy cả bộ xương sườn của bác rộng như những cái đai thùng. Một mắt kính của bác đã bị vỡ, một nửa kính hầu như đã lòi ra khỏi vành, và qua lỗ hỏng tôi nhìn thấy mắt bác đỏ ngầu, ươn ướt như một vết thương. Bác vừa nhồi thuốc vào tẩu vừa lắng nghe những tiếng rên rỉ của mợ Nataláa, và nói lẩm bẩm những câu rời rạc giống như người say rượu:

- Bà cháu dầu sao thì cũng bị bỏng, làm thế nào đỡ đỡ được? Gớm, mợ ấy rên tợn quá! Trong khi cháy nhà người ta đã quên mất mợ ấy. Ngay từ lúc bắt đầu cháy đã thấy mợ ấy quằn quại vì sợ hãi... Để được đưa con thật là khó nhọc, nhưng mà người ta có kính trọng phụ nữ đâu! Cháu nhớ nhé: phải kính trọng phụ nữ, nghĩa là phải kính trọng những bà mẹ... Tôi thiêu thiêu ngủ, nhưng tiếng ồn ào, tiếng sập cửa, lẫn tiếng kêu lè nhè của cậu Mikhain say rượu làm tôi tỉnh dậy. Những lời nói kỳ lạ vẳng đến tai tôi:

- Phải mở cửa Thánh ra...

- Cho nó uống dầu thấp đèn hòa với rượu rum và bồ hóng: nửa cốc dầu, nửa cốc rượu rum và một thìa bồ hóng...

Cậu Mikhain cứ khấn khoản yêu cầu lải nhải:

- Cho tôi vào xem... Cậu ngồi xuống sàn, hai chân dẹt ra và khạc nhổ xuống trước mặt, bàn tay vỗ vỗ trên sàn nhà. Trên lò sưởi nóng không thể chịu được. Tôi bò xuống, nhưng vừa tới ngang tầm cậu thì cậu túm lấy chân tôi giật mạnh. Tôi ngã đập gáy xuống đất.

- Đồ ngốc, - tôi bảo cậu.

Cậu nhồm ngay dậy, túm lấy tôi, nhấc bổng tôi lên và rú:

- Tao phải quật mày vào lò sưởi cho mày tan xác ra mới được...

Khi hoàn hồn, tôi thấy tôi ngồi trên đầu gối ông tôi ở trong góc phòng chính, dưới những bức tượng thánh. Ngược mắt lên trần nhà, ông tôi ru tôi và nói nhỏ:

- Chúng ta không một ai có lý do gì để xin tha lỗi...

Trên đầu ông có một ngọn đèn thờ sáng rực. Trên bàn giữa phòng có một ngọn nến. Ánh sáng mùa đông mờ mờ đã lộ ra qua cửa sổ. Ông tôi cúi xuống chỗ tôi hỏi:

- Cháu đau ở đâu?

Tôi đau khắp cả người, đầu tôi ướt đầm mồ hôi, mình nặng trịch trịch, nhưng tôi không muốn nói ra điều đó. Xung quanh, tất cả đều hết sức lạ lùng đối với tôi! Hầu hết các ghế trong phòng đều có những người lạ mặt ngồi: một cha cố mặc áo dài tím, một lão già bé nhỏ, tóc bạc, đeo kính, mặc áo nhà binh, và nhiều người khác nữa. Tất cả đều ngồi không nhúc nhích như những pho tượng gỗ. Họ ngồi đờ ra chờ đợi và lắng nghe tiếng nước chảy róc rách ở đâu gần chỗ chúng tôi. Cậu Iakôp đứng cạnh khung cửa vờn dài người ra, hai tay chắp sau lưng. Ông tôi bảo cậu:

- Này, dẫn thằng bé này đi ngủ...

Cậu giơ ngón tay vẫy tôi và khẽ đi rón rén trên đầu ngón chân tới cửa buồng bà tôi. Khi tôi leo lên giường, cậu thì thầm: Theo phong tục mê tín, muốn cho người đẻ khó sinh nở được dễ dàng hơn, cần phải mở cửa nhà thờ dẫn tới bàn thờ; cửa đó gọi là cửa Thánh. Phép cứu chữa mê tín đối với người đẻ khó.

- Mợ Nataláa chết rồi...

Tin đó không làm tôi ngạc nhiên, vì từ lâu mợ sống cách biệt, không bao giờ xuống bếp, ngay cả bữa ăn.

- Thế bà ở đâu, hử cậu?

- Ngoài kia, - cậu khoát tay đáp và lại đi ra rón rén trên đầu ngón chân.

Tôi nằm trên giường nhìn khắp xung quanh. Tôi tưởng như trông thấy những khuôn mặt đầy lông lá, trắng bệch, mù lòa đang áp vào kính cửa sổ. Trong góc buồng, trên cái hòm có treo chiếc áo dài của bà tôi, - cái ấy tôi đã biết rõ, - nhưng giờ đây tôi có cảm tưởng như có một người nào đó nấp ở đấy và đang rình mò. Tôi chúi đầu vào gối, hé một mắt nhìn ra cửa, tôi muốn nhảy xuống và bỏ chạy ra ngoài. Nóng quá, một mùi nồng nặc tỏa ra khắp gian buồng làm ngọt ngạt khiến tôi nhớ tới hôm anh Txuganôc chết, những dòng máu chảy lênh láng trên sàn nhà như những dòng suối. Hình như một cái u nào đó mọc ra trong đầu và trái tim tôi. Tất cả những gì tôi đã nhìn thấy trong cái nhà này đang lướt qua trước mắt tôi như một đoàn xe trên đường phố mùa đông. Tôi cảm thấy như mình bị đè bẹp, bị tiêu tan...

Cánh cửa mở rất từ từ, bà tôi rón rén bước vào buồng rồi dùng vai khẽ khép cửa lại.

Tựa lưng vào cửa, giơ tay về phía ngọn lửa xanh của cây đèn thờ không bao giờ tắt, bà tôi than vãn khe khẽ như giọng một đứa trẻ:

- Khốn khổ cho hai bàn tay tôi, đau quá...

V

Tới mùa xuân các cậu tôi chia gia tài. Cậu Iakôp ở lại thành phố, cậu Mikhain sang bên kia sông. Ông tôi tậu một ngôi nhà rộng rãi và khá đẹp ở phố Pôlêvaia. Tầng dưới bằng đá có quán rượu. Gác thượng có một căn phòng nhỏ ở rất thú vị. Phía sau nhà là vườn cây chạy dài đến cái vực tua tua những cành dương liễu trụi lá.

- Nhiều roi quá! - ông tôi nháy mắt vui vẻ nhìn tôi nói, khi tôi cùng với ông tôi đi thăm vườn, dạo trên những con đường nhỏ, chân lút cả vào tuyết mới tan. - Ông sắp dạy cháu học, chắc có lúc phải dùng đến những chiếc roi này... Ngôi nhà chật ních người ở thuê. Ông tôi chỉ giữ một phòng lớn trên gác để ở và tiếp khách. Bà tôi và tôi ở gác thượng. Cửa sổ chỗ tôi ngoảnh ra phố; chiều chiều và ngày lễ, thò đầu qua bệ cửa sổ có thể nhìn thấy những người say ở quán rượu bò ra, loạng choạng trên đường phố, la hét rồi ngã gục. Đôi khi người ta ném họ ra đường như ném bao tải, nhưng họ lại phá cửa để vào quán rượu; cánh cửa đập, kêu rè rè, chiếc pu-li rít lên, một cuộc xô xát bắt đầu. Cảnh tượng đó nhìn từ trên xuống thật là thú vị. Từ sáng sớm ông tôi tới xưởng của các cậu tôi, giúp các cậu tôi sắp đặt mọi thứ. Chiều tối ông tôi mới trở về, vẻ mệt nhọc, chán ngán và bức dọc.

Bà tôi ở nhà nấu ăn, khâu vá và trông nom vườn tược. Bà chạy ngược chạy xuôi cả ngày như một con quay lớn bị chiếc roi vô hình thúc giục. Bà hít thuốc lá có vẻ sáng khoái, hắt hơi và vừa lau bộ mặt đầm đìa mồ hôi vừa nói:

- Cầu cho thế gian được hưởng phúc lành đời đời! Aliôsa, cháu yêu của bà ơi, chúng ta sống yên ổn rồi cháu ạ! Lạy Đức Mẹ, mọi việc đều tốt lành rồi!

Nhưng tôi không cảm thấy chúng tôi sống đã yên ổn. Từ sớm đến khuya những người thuê nhà chạy tứ tung ở trong nhà và ngoài sân. Chốc chốc các mục hàng xóm lại kéo đến. Ai cũng vội vã hỏi hả mà vẫn phàn nàn là bị trễ. Hình như ai cũng đang bận chuẩn bị một việc gì sắp xảy ra. Họ gọi bà tôi.

- Akulina Ivanôpna!

Bà tôi đối với mọi người đều mỉm cười âu yếm và dịu dàng quan tâm săn sóc đến họ. Bà tôi lấy ngón tay cái cho thuốc lá vào lỗ mũi, dùng khăn tay có kẻ ô vuông đỏ lau thật sạch mũi và ngón tay, rồi không ngớt lời khuyên bảo:

- Bà con ạ, muốn chống rận chấy cần phải tắm rửa luôn, cần phải xông bằng hơi bạc hà. Nếu rận bám vào da thì lấy một thìa mỡ ngỗng thật trong, trộn với một thìa thăng hoa và ba giọt thủy ngân. Sau đó lấy mảnh sành tán nhỏ tất cả các thứ đó khoảng bảy lần trên một cái đĩa rồi xoa khắp người! Nếu dùng thìa gỗ hoặc thìa xương mà trộn thì thủy ngân bị mất! Tránh dùng thìa đồng hay thìa bạc, nguy hiểm lắm đấy!

Đôi khi bà tôi khuyên nhủ, vẽ trầm ngâm:

- Bà con ạ, tốt hơn hết là đến Pêtôrư gặp cha Axap. Tôi không thể khuyên bà con hơn được. Bà tôi giúp việc đỡ đẻ, hòa giải những vụ cãi nhau trong các gia đình, chữa bệnh cho trẻ con. Bà tôi thuộc lầu lầu câu chuyện "Giấc mơ của Đức Mẹ" và thường đem kể cho các bà nghe để họ "gặp may. Bà tôi dạy bảo họ về việc bếp núc:

- Dưa chuột tự nó sẽ bảo cho các bà lúc nào có thể muối được. Lúc nó hết mùi đất và các mùi khác thì các bà hãy trảy về. Covat cần phải làm cho nó tức hơi thì nó mới mạnh và sủi bọt: covát không ưa ngọt, nên các bà chỉ cần cho vào một ít nho khô, nếu bỏ đường vào thì một thùng chỉ cần khoảng một jôlôtnich thôi. Varentai có nhiều cách làm khác nhau: có kiểu của miền Đanuáp, kiểu Tây Ban Nha, còn có cả kiểu của Kapkadơ nữa...

Suốt ngày tôi quần quanh bên bà tôi ở trong vườn hay ở ngoài sân. Tôi đi với bà đến nhà các bà hàng xóm, ở đấy bà tôi ngồi hàng giờ uống nước trà và kể chuyện con cà con kê. Tôi dường như gắn chặt với bà tôi và không nhớ trong quãng đời ấy tôi đã nhìn thấy gì khác, ngoài bà lão vô cùng phúc hậu và không lúc nào chịu ngồi yên.

Thỉnh thoảng mẹ tôi không hiểu từ đâu đến chơi trong chốc lát. Kiêu hãnh và nghiêm nghị, mẹ tôi nhìn tất cả bằng cặp mắt xám lạnh như mặt trời mùa đông. Thoáng một cái mẹ tôi lại biến mất không để lại cho tôi một ấn tượng nào cả. Có lần tôi hỏi bà tôi:

- Bà có phải là phù thủy không?

- Ô, cháu lại nói lằng nhằng rồi!

Bà mỉm cười và lập tức nói thêm, vẻ trầm ngâm:

- Bà làm phù thủy thế nào được? Phù thủy là một phép rất khó. Bà không biết đọc, đến một chữ cũng không biết. Ông mới là người có học, còn bà thì Đức Mẹ không ban cho trí thông minh.

Rồi bà tôi kể cho tôi nghe thêm một vài quãng đời của bà tôi:

- Bà cũng mồ côi từ nhỏ. Mẹ bà là một cố nông không nhà không cửa, một người tàn tật. Khi còn con gái, một đêm người đã bị một tên địa chủ dở trò. Người sợ quá nhảy từ cửa sổ xuống, bị gãy xương sườn và giập bả vai. Từ đó cánh tay phải, cánh tay cốt yếu nhất, bị teo đi. Trước đây mẹ bà là một người thêu đăng-ten có tiếng. Thế là bọn địa chủ không dùng người nữa, đuổi người đi và nói: "Mày sống như thế nào thì mặc xác mày". Nhưng không có cánh tay thì sống làm sao nổi? Người chỉ còn một cách là đi ăn xin. Nhưng thời ấy người ta sống sung túc và tốt bụng hơn bây giờ nhiều. Những người thợ mộc ở Balakhona và các bà thợ thêu toàn là những người có lòng tốt cả! Đôi lúc tới mùa thu và mùa đông mẹ con bà ở lại thành phố đi ăn xin, nhưng khi thượng đẳng thiên thần Gabrien vừa mới vung kiếm lên xua đuổi mùa đông, cho mùa xuân ôm lấy trái đất thì mẹ con bà lại đi xa, đi lang thang vô định. Mẹ con bà tới Murôm, tới Iurievét, ngược cả sông Vonga và đi theo dòng sông ska êm đềm. Mùa xuân và mùa hè được đi đó đây thì thật là thú vị, mặt đất hiền hòa xanh rợp cỏ non như những tấm nhung; Đức Mẹ Rất Thánh rắc hoa khắp cả cánh đồng. ở đấy mới thật là vui sướng, ở đấy tâm hồn mới thật tự do phóng khoáng.

Đôi lúc mẹ bà lim dim cặp mắt xanh và cất tiếng hát. Giọng người không mạnh, nhưng trong, - cảnh vật xung quanh hình như cũng mơ mơ màng màng, không động đậy, lắng nghe tiếng hát của người. ăn Chúa, cuộc sống cũng dễ chịu! Năm bà lên chín tuổi, mẹ bà lấy làm xấu hổ phải dắt con đi ăn xin lang thang, người cảm thấy ngượng nên ở lại Balakhona. Người đi khắp các phố từ nhà này sang nhà khác, vào ngày lễ người ngồi ở trước cửa nhà thờ để ăn xin. Còn bà thì ngồi ở nhà, học thêu đăng-ten, bà học vội vàng, muốn nhanh chóng đỡ dần cho mẹ. Đôi lúc học làm không được, bà cứ khóc rưng rức. Hơn hai năm sau, cháu biết không, bà đã thạo nghề và nổi tiếng khắp thành phố. Nếu có ai cần thợ khéo là họ lập tức tới tìm mẹ con bà. Họ bảo: "Này, Akulina, cô thêu giúp chúng tôi nhé" Bà sung sướng quá, đó là một ngày hội đối với bà!

Tất nhiên, đó không phải là do tài nghệ của bà, mà là nhờ sự chỉ bảo của mẹ bà. Người chỉ có một cánh tay, tự mình không thể làm được, nhưng người biết cách chỉ dẫn. Mà một người chỉ dẫn giỏi còn quý hơn mười người làm ấy. Thế rồi bà bắt đầu lên mặt hãnh diện. Bà nói: "Mẹ ơi, mẹ đừng đi ăn xin nữa, bây giờ mình con có thể nuôi được mẹ rồi!" Người trả lời: "Thôi đi cô, cô phải biết, tiền đó cho cô để tích lại làm của hồi môn". ít lâu sau ông cháu tới. Ông là một chàng trai nổi tiếng: mới có hai mươi hai tuổi đầu mà ông đã là một phu trưởng trên sà-lan! Bà cụ để ra ông cháu để ý đến bà, thấy bà biết làm ăn, con của mẹ ăn mày, nên chắc là ngoan ngoãn, thế là... Bà cụ làm nghề bán bánh và độc ác không thể tưởng tượng được...

Nhưng chúng ta nhớ tới những kẻ độc ác làm gì nhỉ? Chính Chúa biết rõ họ; chỉ có Chúa mới nhìn thấy họ và chỉ có lũ quỷ sứ mới ưa họ thôi. Bà tôi cười hồn nhiên, mũi rung rung trông đến buồn cười: cặp mắt sáng và đăm chiêu của bà tôi toát ra từ lòng triu mến và biểu lộ nhiều ý nghĩ hơn cả những lời nói.



Tôi nhớ một buổi chiều tĩnh mịch, tôi và bà tôi uống trà ở phòng ông tôi. Ông tôi ốm và ngồi trên giường, mình trần, trên vai vắt một chiếc khăn mặt dài. Ông tôi luôn tay lau mồ hôi nhễ nhại, hơi thở gấp khò khè, cặp mắt xanh mờ đục, mặt sưng húp và đỏ tía. Đỏ nhất là cặp tai nhỏ nhọn hoắt. Khi ông tôi chìa tay lấy tách nước trà, bàn tay run run trông thật là tội nghiệp. Ông tôi nom có vẻ dịu dàng và không giống như thường ngày.

- Tại sao bà không cho tôi uống đường?

Ông hỏi bà, giọng vùi vĩnh như một đứa trẻ được nuông chiều. Bà tôi trả lời dịu dàng, nhưng quả quyết:

- Ông uống với mật ong tốt hơn!

Ông tôi ngạt thở, rồi thở dài uống một hớp nước trà nóng và nói:

- Bà hãy trông chừng kẻo tôi chết mất đấy!

- Ông đừng sợ, tôi sẽ lo.

- Được! Nếu bây giờ tôi chết thì cũng như là xưa nay hoàn toàn không có tôi, - mọi thứ đều sẽ biến thành tro bụi cả!

- Ông đừng có nói nhảm, cứ nằm im!

Ông tôi im lặng một lúc, nhắm mắt, và chép chép cặp môi thâm sì. Rồi bỗng nhiên, như bị ai châm, ông tôi giật nảy mình, nói rõ điều đang nghĩ:

- Phải cưới vợ sớm cho thằng Iaska và Miska đi thôi. Có lẽ vợ con vào thì mới có thể ngăn chặn được chúng nó, phải không?

Rồi ông tôi nhớ xem nhà ai trong thành phố có con gái có thể kén làm nàng dâu xứng đáng được. Bà tôi nín lặng uống hết tách nước trà này đến tách khác. Tôi ngồi bên cạnh cửa sổ, nhìn cảnh hoàng hôn đỏ rực trên thành phố, cửa kính của các ngôi nhà cũng ánh lên màu đỏ chói. Ông tôi cấm tôi không được xuống sân, vườn dạo chơi vì tôi phạm lỗi gì đó không rõ. ở ngoài vườn, xung quanh những cây bạch dương, đàn bọ dừa bay về về; một người thợ đóng thùng đang làm việc ở sân nhà bên cạnh; gần đâu đấy có tiếng mài dao xòen xọet. ở sau vườn, trong khe vực, lũ trẻ con nô đùa âm ỉ, lẫn vào trong các bụi rậm. Cảnh chơi đùa ngoài trời lôi cuốn tôi, buổi chiều ảm đạm khiến tôi cảm thấy buồn man mác. Bỗng nhiên ông tôi lấy ở đâu ra một quyển sách mới, đập mạnh vào lòng bàn tay và gọi giật tôi:

- Đây, thằng dân Permiác kia, thằng lỏi con, lại đây! Ngồi xuống, thằng có gò má Kanmức này. Mà có thấy cái hình này không? Đây là chữ a. Nói đi: a, b, c! Đây là chữ gì?

- b.

- Đúng rồi! Còn đây?

- c.

- Bây nào, a! Nhìn đây: d, đ, e. Đây là chữ gì?

- đ.

- Đúng rồi! Còn đây?

- e.

- Phải rồi! Thế chữ này?

- a.

Bà tôi nói xen vào:

- Ông nằm mà nghĩ, ông ạ...

- Bà im đi! Làm như thế này là phải lắm, không thì chỉ nghĩ ngợi miên man thôi. Học đi, Lêcxây!

Ông tôi lấy cánh tay nóng nóng, nhom nhóp ôm lấy cổ tôi và chỉ vào mặt chữ qua vai tôi, cuốn sách để dưới mũi tôi. Người ông tôi sặc sụa mùi dấm chua, mùi mồ hôi và mùi hành nướng. Tôi gần như ngạt thở, nhưng ông tôi hăng lên, thở khò khè và quất vào tai tôi:

- g, h!

Tên chữ thì quen, nhưng ký hiệu không thích hợp với chúng: chữ ẽ giống như con sâu, chữ G giống bác Grigôri bị gù, chữ R giống bà tôi và tôi, còn ông tôi thì giống tất cả các chữ cái. Ông tôi quần tôi với những chữ cái rất lâu, có lúc hỏi lần lượt, có lúc lại hỏi bất thần từng chữ một. Ông tôi đã truyền cho tôi sự hăng say; tôi cũng toát mồ hôi và gào thật to, làm ông tôi cũng phải buồn cười. Ông tôi ôm lấy ngực, ho sù sù, vò quyển sách và thở khò khè:

- Bà nhìn nó rít lên như thế đấy! A, đồ Axtrakhan nóng tính, tại sao mày lại hét lên như vậy?

- Chính ông hét thì có...

Tôi vui vẻ nhìn ông bà tôi. Bà tôi chống khuỷu tay lên bàn, nắm tay tỳ vào má, nhìn chúng tôi và khẽ cười, nói:

- Thôi, hai ông cháu đừng có gào hết cả hơi nữa.

Ông tôi giải thích cho tôi một cách thân mật:

- Ông nói to vì ông ốm, còn cháu, tại sao lại thét lên như vậy?

Rồi ông tôi lắc lắc cái đầu ướt đầm mồ hôi và nói với bà tôi:

- Mồ ma cái con Nataláa, nó nhăm tưởng thằng bé không có trí nhớ; Lạy Chúa, nó nhớ như ngựa ấy! Thằng mũi héch, học tiếp đi chứ!

Cuối cùng ông tôi đẩy đưa tôi khỏi giường.

- Thôi! Cháu giữ lấy quyển sách. Ngày mai nếu cháu đọc tất cả các chữ cái không có một lỗi nào thì ông sẽ thưởng cho cháu năm kôpêch.

Tôi vừa giơ tay đỡ lấy quyển sách thì ông tôi lại kéo tôi về phía mình và nói giọng buồn buồn:

- Mẹ cháu bỏ rơi cháu ở trên đời này, cháu ơi...

Bà tôi giật mình:

- Ôi, tại sao ông lại nói như thế?

- Tôi không muốn nói, nhưng buồn quá buộc lòng phải nói...
Ôi, con bé tốt thế mà cũng lầm lạc...

Ông tôi đẩy mạnh tôi ra.

- Đi chơi đi! Không được ra ngoài phố, chỉ được ở trong vườn và trong sân thôi...

Tôi đang muốn được ra ngoài vườn. Tôi vừa ra tới đồi thì bọn trẻ con ở khe vực bắt đầu lấy đá ném vào tôi, tôi ném lại chúng thật là thú vị.

- "Buri" tới đây!

Bọn chúng nhìn thấy tôi liền reo lên và vội vàng trang bị lại.

- Cho nó một trận như tử vào!

Tôi không biết "buri" là cái gì, và tên lông đỏ không làm tôi tức giận. Tôi chỉ thấy thú vị là một mình chống chọi với cả lũ, thú vị khi nhìn thấy hòn đá của tôi ném trúng đích bắt buộc kẻ địch phải chạy trốn và ẩn nấp vào những bụi cây. Những trận đánh nhau ấy không có gì là ác ý và thường kết thúc hòa nhã. Tôi học khá dễ dàng. Ông tôi càng chú ý đến tôi và ít nện tôi hơn trước, mặc dù, theo ý tôi, tôi đáng bị nện nhiều hơn trước vì càng lớn hơn và tinh ranh hơn, tôi càng hay phạm những điều ông tôi đã qui định và răn dạy. Thế mà ông tôi chỉ mắng và dọa đánh thôi. Tôi nghĩ bụng, có lẽ trước đây ông tôi bất công và có lần tôi đã ngỗ ý ấy với ông tôi. Ông tôi lấy tay khế hất cầm tôi lên rồi nháy mắt và kéo dài giọng nói:

- Sa-ao?

Rồi ông tôi cười gằn, nói tiếp:

- A, đồ dị giáo! Mà có thể tính được cần phải cho mày ăn bao nhiêu trận đòn nữa không? Ngoài tao ra thì có mà trời biết. Cút đi cho khuất mắt!

Nhưng ông tôi lại nắm ngay lấy vai tôi và nhìn thẳng vào mặt tôi, hỏi:

- Mày giáo quyết hay là thật thà, hả?

- Cháu không biết...

- Mày không biết à? Nếu thế thì tao bảo: mày phải giảo quáệt, như thế tốt hơn, còn thật thà thì chỉ là ngu ngốc, hiểu không? Giống cừu cũng thật thà. Nhớ lấy! Thôi, bây giờ đi chơi đi...

*
* *

Chẳng bao lâu tôi đã đánh vần được tập Thánh thi. Thường thường tôi học vào sau bữa trà chiều, và mỗi lần tôi phải đọc một đoạn Thánh thi:

- a, u, n, g, sung, a, ư, ó, n, g, sường, sung sường,

Tôi vừa đánh vần vừa chỉ vào trang sách và hỏi cho đỡ buồn:

- Người sung sường có phải là cậu Iakôp không hở ông?

- Tao bộp cho mày một cái vào gáy bây giờ thì mày sẽ hiểu người sung sường là ai! - ông tôi vừa đáp vừa thở phì phì, vẻ tức giận. Nhưng tôi cảm thấy rằng ông chỉ tức giận theo thói quen và để giữ cái quá củ thôi. Tôi không nhầm: một lát sau ông đã quên tôi và cầu nhàu:

- Phải, nó vui chơi ca hát thì như vua Đavit, nhưng làm thì lại như Abxalôn độc ác! Biết làm thánh ca, biết ghép chữ, biết làm trò khôi hài... Ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là "múa đôi chân vui nhộn để nhảy nhót", nhưng liệu có nhảy được xa không? Liệu có nhảy được xa không, hả?

Tôi ngừng đọc, lắng nghe và nhìn vào khuôn mặt nhăn nhó và lo âu của ông tôi. Ông nheo mắt nhìn ra xa, không để ý tới tôi, cặp mắt đầy hăm hở và u buồn đổ ánh lên một cảm giác âm cúng, buồn rầu. Tôi hiểu rằng lúc này tính nghiêm khắc thường ngày đã biến mất. Ông tôi dùng những ngón tay khẳng khiu gõ đồng dục từng tiếng một trên bàn. Móng tay nhuộm của ông tôi sáng bóng, cặp lông mày màu vàng khẽ rung rung:

- Ông ơi!

- Hả?

- Ông kể chuyện cho cháu nghe đi.

- Cháu đọc đi, cháu lười lắm! - ông tôi cầu nhàu như vừa mới tỉnh ngủ rồi lấy tay dụi mắt. - Cháu chỉ thích chuyện vui thôi, còn Thánh thi thì lại không thích...

Nhưng tôi nghi chính ông tôi cũng thích chuyện vui hơn Thánh thi. Ông tôi thuộc hầu hết Thánh thi và giữ lời nguyên tối nào trước khi đi ngủ cũng đọc to một chương như thầy phụ lễ giữ đồ thánh trong nhà thờ đọc sách lễ. Tôi nằn nì vùi và ông tôi, tính nết đã dịu, cuối cùng đành nhượng bộ tôi. Con trai vua Đavit ở nước Ixraen cổ đại, đã nổi dậy khởi nghĩa chống lại cha để chiếm ngôi.

- Thôi được! Tập Thánh thi còn ở lại với cháu mãi mãi, còn ông thì sắp lên châu trời rồi...

Ông tôi tựa vào chiếc ghế bành cũ kỹ, lưng ghế có thêu chỉ tơ, và mỗi lúc một ngả sát vào đó. Ông tôi ngẩng đầu, ngược mắt nhìn trần nhà, rồi bắt đầu kể về cụ thân sinh ra ông tôi ngày trước, giọng khe khẽ và trầm ngâm.

- Một hôm, có bọn cướp đến Balakhona ăn cướp nhà người lái buôn Zaiep. Cụ tổ của ông leo lên gác chuông và kéo chuông cáo động. Nhưng bọn cướp bắt được liền chém chết và ném xác từ gác chuông xuống đất.

- Khi đó ông còn nhỏ lắm và không được chứng kiến cảnh tượng ấy nên không nhớ. Ông chỉ bắt đầu nhớ từ hồi quân Pháp đến, tức là từ năm 1812, năm đó ông cũng vừa vặn mười hai tuổi. Khi ấy người ta giải tới Balakhona khoảng ba chục tên tù binh; tất cả bọn chúng đều gầy còm và nhỏ bé, ăn mặc rách rưới hơn lũ ăn mày. Chúng rét run cầm cập, một vài đứa bị tê cóng không đứng vững nữa. Những người mujich muốn đánh chết họ, nhưng lính đi áp giải không cho phép; đơn vị đồn trú tới bắt những người mujich phải giải tán về nhà. Sau rồi cũng chẳng sao cả, mọi người quên dần. Bọn Pháp này đều là những người khéo léo và nhanh trí, khá vui tính, thỉnh thoảng còn hát hổng. Bọn quý phái ở Nijni đi xe tam mã đến xem tù binh. Có người thì chửi mắng, giơ nắm đấm hăm dọa và thậm chí đánh đập nữa, có người lại vui vẻ trò chuyện với chúng bằng tiếng Pháp, cho tiền và đủ thứ quần áo rách để chúng khỏi bị rét cóng. Có một lão quý tộc lại lấy bàn tay che mặt và khóc rưng rức nữa, cuối cùng lão ta nói: "Bônapactơ là tên tướng cướp đã đưa người Pháp đến chỗ khốn cùng!" Cháu xem, lão ta là

một người Nga, lại là một nhà quý phái, thế mà lão cũng có lòng tốt, biết thương yêu người nước khác...

Ông tôi im lặng một lúc, mắt nhắm nghiền tay vuốt tóc, rồi tiếp tục kể, thận trọng hồi tưởng lại quá khứ:

- Mùa đông, bão tuyết rú lên ngoài đường phố, băng giá kẹp chặt lấy những căn nhà gỗ. Đôi lúc bọn người Pháp chạy đến gần cửa sổ nhà ông, tới chỗ bà cụ thân sinh ra ông, vì bà cụ nướng bánh bột mạch để bán. Họ gõ vào cửa kính, vừa nhảy vừa kêu và hỏi mua bánh nóng.

Bà cụ không cho chúng vào nhà, chỉ luồn bánh qua cửa sổ. Thế là chúng vội chop lấy chiếc bánh nóng nhét vào ngực, áp thẳng vào da, ngay chỗ trái tim. Tại sao họ lại chịu được nóng như vậy, ông cũng không rõ nữa! Nhiều người bị chết rét vì chúng là dân xứ nóng, không quen chịu lạnh. Hai tên ở nhà ông, một tên sĩ quan và một tên lính cần vụ Mirôn, ở trong nhà tắm ngoài vườn. Tên sĩ quan gầy và cao, người chỉ có da bọc xương. Hắn mặc chiếc áo khoác của đàn bà chỉ ngắn tới đầu gối. Hắn rất hiền lành, nhưng nghiện rượu nặng. Mẹ ông nấu và bán rượu lậu nên hắn mua luôn. Khi nào rượu vào hắn hát nghêu ngao. Hắn học được ít tiếng Nga, thỉnh thoảng lại bập bẹ: "Xứ các anh không trắng, nó đen và hung ác!" Hắn nói sai nhiều, nhưng nghe cũng hiểu. Đúng như vậy: miền ngược nước ta khí hậu gay gắt, miền xuôi dọc theo sông Vonga khí hậu có ấm áp hơn, và ở bên kia biển Caxpien hình như hoàn toàn không có tuyết. Cái đó thì có thể tin được: trong sách Phúc âm, trong sách chép chuyện ký lục và Thánh thi không hề nhắc tới mùa đông, nhắc tới tuyết. Chúa sống ở xứ đó... khi nào đọc xong Thánh thi ông cháu ta sẽ bắt đầu đọc sách Phúc âm. Ông tôi lại im lặng như thiu thiu ngủ, suy nghĩ điều gì, liếc mắt nhìn qua cửa sổ, người như nhỏ bé lại và nhon hoắt.

- Ông kể nữa đi, - tôi khẽ nhắc.

- Ừ, - ông tôi giật mình và bắt đầu nói, - ông lại kể về bọn người Pháp nhé! Chúng cũng là những con người, không xấu xa gì hơn chúng ta, là những kẻ có tội. Đôi khi chúng gọi mẹ ông là "mađam, mađam", - có nghĩa là bà quý tộc hay bà quý phái, - nhưng "bà quý phái" ấy vừa mới vác ở cửa hàng bột về một bao bột nặng năm pút. Sức của bà cụ không phải là sức đàn bà. Năm ông hai mươi tuổi mà bà cụ túm tóc ông dễ như chơi, cháu nên nhớ dạo hai mươi tuổi ông không phải là tay yếu đâu nhé. Tên lính cần vụ

Mirôn thích ngựa lắm. Hắn thường đi đến các nhà và ra hiệu xin được tắm rửa cho ngựa! Lúc đầu người ta sợ hắn làm hỏng ngựa, vì hắn là kẻ thù. Nhưng sau này chính những người mujich lại gọi hắn tới: "Lại đây, Mirôn!" Hắn mỉm cười, cúi đầu đi như một con bò đực. Tóc hắn màu hung gần như đỏ, mũi to, môi dày. Hắn khéo chăm sóc ngựa và chữa bệnh cho ngựa rất tài. Sau đó hắn làm nghề chữa bệnh cho ngựa ở đây, ở Nijni, nhưng rồi hắn bị điên và bị đội cứu hỏa đánh chết. Còn tên sĩ quan tới mùa xuân bắt đầu đau yếu và tới ngày lễ thánh Nikôla thì chết một cách âm thầm. Hắn ngồi suy nghĩ ở trong nhà tắm gần cửa sổ và cứ thế mà chết, đầu thò ra ngoài. Ông tiếc hắn lắm và khóc trộm vì hắn là một người hiền lành, thường nắm tay ông và nói bằng tiếng Pháp với vẻ rất dịu dàng. Ông không hiểu, nhưng rất thích! Sự dịu dàng của con người không thể mua ở chợ được. Hắn bắt đầu dạy ông tiếng Pháp, nhưng mẹ ông cấm và dẫn ông tới chỗ cha cố. Cha cố sai đánh ông và kiện tên sĩ quan. Hồi ấy người ta rất nghiêm khắc cháu ạ. Cháu không phải trải qua cái cảnh ấy. Nhiều người khác đã phải chịu những điều nhục nhã thay cháu, và cháu hãy nhớ lấy điều ấy! Chẳng hạn như ông, ông cũng đã từng chịu đựng như vậy... Trời tối. Trong bóng nhá nhem ông tôi trông to lớn một cách kỳ lạ, mắt sáng quắc như mắt mèo. Khi nói về chuyện người khác ông tôi thường nói khe khẽ, thận trọng, và có vẻ trầm ngâm, nhưng khi nói về mình thì rất hăng, lưu loát và có vẻ ba hoa. Tôi không thích ông tôi nói về bản thân, không thích những câu khuyên bảo vô hồi của ông: "Cháu nhớ lấy! Cháu nhớ lấy điều ấy!" Một trong những cuốn sách được đưa vào Kinh thánh.

Nhiều điều ông tôi kể, tôi đã không muốn nhớ; nhưng dù ông tôi không khuyên bảo đi nữa thì nó vẫn cứ chôn sâu trong ký ức tôi như một cái dằm đau nhói. Không khi nào ông tôi kể chuyện cổ tích cả, chỉ kể toàn những chuyện đã từng trải và tôi nhận thấy ông tôi không thích những câu hỏi; vì vậy tôi kiên tâm hỏi ông:

- Thế thì ai tốt hơn: người Pháp hay người Nga, hở ông?

- Ừ, làm sao mà biết được? Vì ông không trông thấy người Pháp họ sống ở nhà họ như thế nào, - ông càu nhàu có vẻ tức giận và nói thêm:

- Con chồn hôi, khi ở trong hang của nó, cũng tốt...

- Thế người Nga có tốt không?

- Có người tốt, có người xấu. Thời nông nô người ta tốt hơn ngày nay, thời ấy người ta bị xích chân. Bây giờ mọi người đều tự do, chẳng ai trông cậy vào ai được cả. Tất nhiên, bọn quý tộc cũng không tử tế gì đâu, nhưng họ khôn ngoan hơn. Đây không phải là nói về tất cả bọn họ, nhưng nếu có một lão quý tộc nào tốt thì ai cũng thừa nhận! Cũng có tên ngốc nghếch như một cái bao tải, người ta muốn nhồi nhét gì vào trong, nó cũng cứ thế mang đi. Chúng ta có rất nhiều thứ vỏ; thoát nhìn ta cứ tưởng là người, nhưng nhìn kỹ thì lại hóa ra là cái vỏ, rỗng ruột, vì ruột đã bị người ta khoét ăn hết rồi. Chúng ta cần phải được giáo dục, mài dũa trí lực, nhưng tìm đâu cho ra hòn đá mài thật sự?...

- Người Nga có mạnh không ông?

- Có những đại lực sĩ, nhưng vấn đề không phải là sức mạnh, mà là mưu trí. Dù có khỏe đến đâu chẳng nữa thì cũng không thể khỏe bằng một con ngựa được.

- Thế tại sao người Pháp lại đánh nhau với chúng ta?

- Ô, chiến tranh là việc của nhà vua, chúng ta không thể hiểu được điều đó!

Nhưng khi tôi hỏi Bônapactơ là ai, thì ông tôi trả lời làm tôi không tài nào quên được:

- Hắn là một tay ngang tàng, muốn chinh phục toàn thế giới để sau đó mọi người đều được sống bình đẳng, không cần đến chủ, không cần đến quan lại, nói tóm lại không có đẳng cấp! Chỉ khác nhau về tên tuổi, còn quyền lợi thì đều như nhau. Tôn giáo cũng chỉ có một thứ. Tất nhiên, đó là một sự ngu xuẩn: chỉ có giống tôm tép thì mới không thể phân biệt thôi chứ, còn giống cá thì cũng khác hẳn nhau: cá chiên không thể kết bạn với cá trê, cá xteclet không thể là bạn của cá mòi được. Nước ta cũng có những Bônapactơ kiểu ấy

- Xtêpan Timôfêep Razin, Emêlian Ivanôp Pugat, ông sẽ kể cho cháu nghe về họ sau... Đôi khi ông tôi im lặng ngắm tôi hồi lâu, mắt tròn xoe như mới thấy tôi lần đầu vậy. Cái đó làm tôi không thích. Ông tôi không bao giờ nói với tôi về chuyện bố mẹ tôi cả.



Bà tôi thường đến dự những buổi trò chuyện này. Bà tôi khe khẽ ngồi vào góc nhà và yên lặng ngồi ở đó rất lâu, không để ai để ý đến mình. Rồi đột nhiên bà tôi hỏi, giọng dịu dàng uyển chuyển:

- Ông còn nhớ dạo chúng ta cùng đi hành hương ở Murôm không? Dạo ấy kể cũng hay đấy chứ? Năm ấy vào năm nào nhỉ?...

Ông tôi suy nghĩ một lúc rồi trả lời rất đạo mạo:

- Tôi không nhớ rõ năm nào, nhưng hình như trước nạn dịch tả, năm người ta lùng bắt những người slôniet ở rừng ấy mà.

- Đúng rồi! Chúng ta chẳng sợ bọn họ là gì...

- Đúng thế!

Tôi hỏi:

- Người Slôniet là ai, và tại sao họ lại chạy vào rừng.

Ông tôi giải thích không được vui vẻ lắm:

- Người slôniet chỉ là những người mujich bỏ việc chạy trốn khỏi đất nhà vua và khỏi các nhà máy.

- Người ta lùng bắt họ như thế nào, hử ông?

- Thế nào à? Như là trẻ con chơi trò ú tim ấy: một số thì chạy trốn, một số thì đi tìm và bắt. Khi bắt được, người ta lấy roi mây đánh, rạch lỗ mũi và đóng dấu vào trán để trừng phạt.

- Tại sao vậy?

- Vì để trị tội. Đó là những việc phức tạp, không hiểu ai là kẻ có tội: người chạy trốn hay là kẻ lùng bắt...

- Ông còn nhớ sau vụ cháy lớn không?

Bà tôi lại hỏi. Vốn ưa những chuyện chính xác, ông tôi nghiêm khắc vặn lại:

- Vụ cháy lớn nào?

Thế là mãi nói chuyện cũ, ông bà tôi quên phất cả tôi, giọng nói của ông bà tôi êm dịu và thánh thót đến nỗi đôi khi tôi có cảm tưởng như ông bà đang hát. Đó là một bài hát rầu rĩ nói về bệnh tật, về hỏa hoạn và đánh đập mọi người, về chết chóc bất ngờ và lừa đảo xảo quyệt, về những kẻ vô tội và bọn lãnh chúa độc ác.

- Chúng ta đã sống không phải là ít và đã được mắt thấy tai nghe không phải là ít, - ông tôi khe khẽ lẩm bẩm.

- Phải chăng chúng ta đã sống không ra gì? Bà tôi nói. - Chắc ông còn nhớ, sau khi đẻ con Varáa mùa xuân đẹp để biết bao!

- Năm ấy là năm 1848, chính là năm có chiến dịch Hungari. Sau hôm lễ đặt tên cho nó thì bác Tikhôn bố đỡ đầu của nó phải ra trận.

- Bác ấy đi biệt tăm nhĩ.

Bà tôi thở dài.

- Ừ, bác ấy đi biệt tăm! Cũng từ năm ấy Chúa ban phúc lành cho nhà ta như nước chảy vào nhà vậy. Chà, cái con Vacvara...

- Thôi đủ rồi, ông ơi...

Ông tôi nổi nóng, cau mày lại:

- Sao lại đủ? Con cái mình nhìn về mặt nào thì chúng nó cũng chẳng ra làm sao cả. Thế thì công sức của chúng ta đổ đi đâu? Chúng ta muốn bỏ đây cái giỏ của chúng ta, nhưng Chúa lại cho chúng ta cái giỏ thủng...

Ông tôi thét lên và chạy khắp phòng như người bị bóng. Ông tôi cầu nhàu, vẽ đầu đốn, rồi chửi bới con cái và giơ nắm đấm nhỏ bé gày guộc dọa bà tôi:

- Còn bà thì vẫn khoan thứ cho lũ kẻ cướp ấy đủ thứ, bà là kẻ đồng lõa của chúng, đồ phù thủy!

Ông tôi đau khổ đến tru tréo khóc lóc nức nở. Ông tới chỗ góc nhà có tượng thánh và đâm thùm thụp vào bộ ngực gày gò của mình:

- Lạy Chúa, chẳng lẽ con có tội lỗi hơn những người khác ư? Vậy sao bắt con chịu đựng nhiều thế?

Toàn thân ông tôi run run, cặp môi ướt đầm long lên vì tức giận và hổ thẹn. Bà tôi ngồi trong bóng tối, im lặng làm dấu, sau đó bà tôi rón rén lại gần và khuyên nhủ:

- Tại sao ông lại buồn như thế? Chúa làm gì, Chúa đều biết cả. Ông xem, có con cái nhà ai hơn con cái nhà ta đâu? ở đâu cũng thế thôi ông ạ, cũng cãi nhau, tranh nhau, đánh nhau. Cha mẹ nào cũng rửa tội mình bằng nước mắt, không phải chỉ có một mình ông đâu...

Đôi khi những lời nói ấy làm cho ông tôi yên lòng. Ông tôi mệt mỏi nằm vật xuống giường, không nói thêm gì nữa. Còn tôi và

bà tôi thì lẳng lặng trở về buồng riêng ở gác thượng. Nhưng có một lần, bà tôi định tới gần để an ủi thì ông tôi quay ngoắt lại đâm mạnh vào mặt bà tôi. Lùi lại một bước, loạng choạng, đưa tay lên bưng miệng, rồi bà tôi trấn tĩnh lại và khẽ nói, vẻ bình tĩnh:

- A, đồ ngốc...

Bà tôi khạc ra máu nhỏ gần chân ông tôi, ông tôi giờ hai tay và hét lên hai lần:

- Cút ngay, không tao giết bây giờ!

- Đồ ngốc, - bà tôi nhắc lại và lùi ra khỏi cửa. Ông tôi liền nhảy bổ theo, nhưng bà tôi đã từ từ bước qua ngưỡng cửa và đóng sầm cửa lại.

- Cái mụ già kia, - ông tôi thét lên, mặt đỏ bừng như cục than hồng, đứng ở khung cửa, lấy ngón tay cào cào vào gỗ. Tôi ngồi trên lò sưởi như thảng mất hồn. Tôi không tin những điều tôi vừa nhìn thấy: lần đầu tiên ông tôi đánh bà tôi trước mặt tôi... Hành động bỉ ổi đó đã để lộ một cái gì mới mẻ trong người ông tôi, đối với tôi không sao có thể dung thứ được, và hình như nó đã đè nặng lên tâm hồn tôi. Vẫn đứng bám chặt lấy khung cửa, ông tôi co dúm người lại và dần dần xám ngoét như bị tro phủ. Bỗng nhiên ông tôi đi ra giữa nhà, quỳ xuống, rồi không quỳ vững nữa, ngã giúi về đằng trước, tay đung xuống sàn. Nhưng ông tôi thẳng người lên ngay và lấy tay đâm vào ngực.

- Ôi, Lạy Chúa tôi...

Tôi từ trên mặt lò sưởi ấm áp có lát gạch men tụt xuống như trượt trên băng và vội chạy đi ngay. ở trên gác, bà tôi đi đi lại lại trong buồng và đang súc miệng.

- Bà có đau không?

Bà tôi đi tới góc nhà, nhổ vào thùng nước rác rồi bình tĩnh trả lời:

- Không việc gì, răng vẫn còn nguyên, chỉ bị rách môi thôi.

- Tại sao ông lại làm thế hở bà?

Bà tôi nhìn qua cửa sổ ra đường phố và nói:

- Ông nổi nóng, ông già rồi đâm ra khó tính khó nết, lại gặp toàn những chuyện không may... Cháu đi ngủ đi, đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa, cầu Chúa phù hộ cho cháu...

Tôi muốn hỏi thêm bà tôi một câu nữa, nhưng bà tôi quát lên, giọng nghiêm nghị khác thường:

- Có nghe tao bảo gì không, có đi ngủ không? Thằng này bướng thật...

Bà tôi ngồi gần cửa sổ, mút môi và luôn miệng khạc nhổ vào khăn tay. Tôi vừa cởi quần áo ngoài vừa nhìn bà tôi: phía trên cái đầu đen của bà tôi, trong khung cửa sổ vuông xanh thẫm, lấp lánh các vì sao. Ngoài phố yên lặng, trong buồng tối om om. Khi tôi nằm xuống, bà tôi tới gần vừa khẽ xoa đầu tôi vừa nói:

- Cháu ngủ yên nhé, bà đi xuống chỗ ông... Cháu đừng thương hại bà, cháu yêu quý của bà, vì chính bà cũng có lỗi... Ngủ đi cháu!

Bà tôi hôn tôi rồi đi ra. Tôi cảm thấy buồn rười rượi, tôi liền nhảy ra khỏi cái giường rộng êm ấm, tới bên cửa sổ, nhìn xuống đường phố vắng tanh, người lặng đi vì buồn bã không sao chịu nổi.

VI

Lại bắt đầu một cơn ác mộng nữa. Một hôm vào buổi chiều, sau khi uống trà, tôi cùng với ông tôi ngồi đọc Thánh thi, còn bà tôi thì rửa bát đĩa. Bỗng nhiên cậu Iakôp xộc vào phòng, đầu óc rối bời như một chiếc chổi nát. Không chào hỏi ai, cậu ném cái mũ lưỡi trai vào một góc nhà, vung tay, lắc đầu hăm hở nói thật nhanh:

- Bố ơi, Miska làm sao ấy, anh ấy làm náo động cả lên! Anh ấy ăn trưa ở nhà con, uống rượu say rồi bắt đầu giở trò điên rồ. Anh ấy đập vỡ bát đĩa, xé nát chiếc áo dài đen của người ta đặt, đập vỡ cửa kính, chửi con và chửi cả lão Grigôri. Anh ấy đang đi tới đây và dọa: "Tao sẽ vật trụi râu, tao sẽ giết lão già!" Bố hãy coi chừng...

Ông tôi tì tay vào bàn, từ từ đứng dậy, mặt nhẵn lại, nhãn đến tận mũi, trông khiếp sợ như một cái rìu.

- Bà có nghe thấy không? - ông tôi hét. - Bà nghĩ thế nào, hả? Con mình để rút ruột ra đang đến giết cha đấy! Cứ việc, đã đến lúc rồi, các con ạ...

Ông tôi đi đi lại lại quanh phòng, ưỡn thẳng người lên, lại gần cửa và vội ngoắc chiếc móc sắt nặng vào lỗ móc khóa, rồi quay về phía cậu Iakôp:

- Vẫn câu chuyện của hồi môn của con Vacvara mà chúng mày muốn nắm lấy chứ gì? Đây phần mày đây này!

Ông tôi giở củ tỏi vào gần mũi cậu. Cậu vội nhảy sang một bên, vẻ tức giận.

- Kìa bố, con có dính líu gì vào việc này đâu!

- Mày ấy à? Tao biết tổng mày rồi!

Bà tôi im lặng, vội vàng thu tách chén vào trong tủ.

- Con đến đây để bảo vệ bố...

- Thật à? - ông tôi thốt lên, vẻ giấu cợt.

- Thế thì tốt lắm! Cảm ơn cậu quý tử! Bà nó ời, kiếm cái gì cho thằng cáo này: một cái que thông lò hay một cái bàn là cũng được! Còn mày, Iakôp Vaxiliep, khi nào thằng anh mày xông vào thì mày cứ việc lấy mà nện vào đầu tao!...

Cậu tôi rút tay vào túi và đi vào một góc nhà.

- Nếu như bố không tin con...

- Tin mày à? - ông tôi vừa giậm chân vừa kêu lên. - Không, tao tin bất cứ một con vật nào, con chó, con nhím, nhưng còn mày thì phải chờ xem sao đã! Tao biết: mày đã cho thằng anh mày uống rượu say rồi xúi bẩy nó! Nào, bây giờ mày đánh đi! Đánh ai thì tùy mày chọn: đánh nó hay đánh tao...

Bà tôi thì thầm bảo tôi:

- Cháu chạy lên gác ngồi ở cửa sổ coi. Khi nào thấy cậu Mikhaïlô ló đầu ra phố thì cháu chạy xuống đây ngay cáo cho bà biết! Đi mau lên...

Vừa lo sợ người cậu cuồng bạo xông vào, vừa tự hào về nhiệm vụ mà bà tôi giao cho, tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ, nhìn xuống đường phố. Đường phố rất rộng và phủ một lớp bụi dày; đá lát lộ ra qua lớp bụi như những cục u to xa xa phía bên trái, con đường chạy qua khe vực và dẫn tới quảng trường sxtrôjnaia. ở đấy có một tòa nhà màu xám có bốn tháp ở bốn góc - nhà tù cũ - đứng sừng sững trên nền đất sét; phong cảnh đó có một vẻ đẹp buồn buồn và rờn rợn. Năm đám để thòi ngón cái giữa ngón trỏ và ngón giữa (ý tục tũu, khinh bỉ).

Phía bên phải, cách nhà tôi ba nhà, là quảng trường Xennaia, cuối quảng trường là một tòa nhà màu vàng của các tù khổ sai và chòi canh màu chì của sở cứu hỏa. Người lính gác cửa sở cứu hỏa xoay quanh cái chòi có lỗ nhìn, như con chó xoay quanh cái xích. Suốt cả quảng trường bị những khe vực cắt ra thành từng đoạn; ở đấy một cái khe có một vũng nước màu xanh nhạt. Xa nữa, về phía tay phải là cái đầm Điu-kôp mà trước kia, theo lời bà tôi kể, một hôm vào mùa đông các cậu tôi đã định chìm bố tôi xuống hố băng. Gần ngay trước cửa sổ là một cái ngõ san sát những ngôi nhà nhỏ màu sắc sặc sỡ; cuối ngõ là một ngôi nhà thờ to thấp lè tè gọi là nhà thờ Ba Giám Mục. Nếu nhìn thẳng sẽ thấy những mái nhà giống như những chiếc thuyền úp ngược nổi trên những lớp sóng của khu vườn xanh biếc. Hết bị những cơn bão tuyết mùa

đông dài dằng dặc làm cho hao mòn lại bị những trận mưa liên miên của mùa thu rầu rãi, những ngôi nhà bạc màu của phố tôi phủ đầy bụi và nằm sát vào nhau như những kẻ hành khất đứng chầu trên bậc cửa nhà thờ. Chúng mở toang những chiếc cửa sổ ra với vẻ ngờ vực và hình như cũng cùng với tôi chờ đợi một người nào đó. Người qua lại thưa thớt, thông thả, như những con gián ngập ngừng trên tấm sắt trước lò. Một luồng hơi nóng ngọt ngào bốc lên chỗ tôi, sức mùi bánh nướng nhân hành lá và cà-rốt, một mùi tôi rất ghét và bao giờ cũng làm cho tôi ngao ngán. Buồn quá; một nỗi buồn đặc biệt, gần như không thể chịu nổi xâm chiếm tâm hồn tôi; ngực tôi như có một dòng chì nóng bỏng chảy vào, nó đè nặng từ bên trong như muốn phá vỡ lồng ngực, xương sườn. Tôi có cảm tưởng mình phồng to lên như cái bong bóng, và tôi cảm thấy chật chội trong gian buồng nhỏ bé này, dưới cái trần nhà giống như một cái nắp quan tài. Cậu Mikhail đây rồi. Cậu dừng lại ở góc ngõ, ở góc căn nhà màu xám và quan sát xung quanh. Cậu đã kéo mũ lưỡi trai sụp xuống tai, hai cái tai nhô lên. Cậu mặc chiếc áo vét màu hung và đi đôi ủng đầy bụi cao đến tận đầu gối.

Một tay nhét vào túi quần kẻ ô vuông, còn tay kia vuốt bộ râu cằm. Tôi không thấy rõ mặt cậu, nhưng cậu đứng nom như đang sửa soạn nhảy qua đường phố và dùng đôi bàn tay đen sịt đầy lông lá bám chặt lấy ngôi nhà của ông tôi. Đáng lẽ phải chạy xuống dưới cáo tin cậu đã đến, nhưng tôi không sao rời khỏi cửa sổ. Tôi thấy cậu đi rón rén qua đường như sợ bụi làm bẩn đôi ủng màu xám của cậu. Tôi nghe thấy cậu mở cửa quán rượu, - cánh cửa kêu rít lên, kính rung lên lạnh lạnh. Tôi vội chạy bổ xuống dưới nhà, gõ cửa phòng ông tôi.

- Ai đấy? - ông tôi không mở, xẵng giọng hỏi.

- Mày đấy ư? Sao? Nó vào quán rượu à? Được, mày lại lên trên ấy đi.

- Lên đấy cháu sợ lắm...

- Kệ xác mày!

Và thế là tôi lại ra đứng ở cửa sổ. Trời đã tối; bụi ngoài đường có vẻ dày thêm và đen hơn. Những vệt ánh sáng màu vàng lan rộng ra như những vết dầu tại các khung cửa sổ. ở ngôi nhà trước mặt có tiếng nhạc, từ nhiều dây đàn ngân lên một điệu buồn buồn và réo rắt. Trong quán rượu người ta cũng hát; khi cửa mở ra, một giọng mệ mội ồ ồ tràn ra đường phố. Tôi biết đó là giọng

của lão ăn mày rậm râu chột mắt Nikituska; ở chỗ mắt phải lão là một cục than hồng, còn mắt trái thì nhắm tịt. Khi cánh cửa đóng lại, hình như có một nhát rìu chặt đứt bài hát của lão. Bà tôi ao ước được như lão ăn mày: khi nghe những bài hát của lão, bà tôi thở dài và nói:

- Lão thật là có phúc! Những bài thơ lão biết sao mà hay thế, kỳ diệu thế!

Thỉnh thoảng bà tôi gọi lão vào sân. Lão ngồi ở bậc cửa tam cấp, tì vào gậy, rồi hát, kể chuyện. Còn bà tôi ngồi cạnh lão, nghe và hỏi:

- Khoan đã, có thực Đức Mẹ cũng đã ở Riazan không?

Lão ăn mày trả lời, giọng trầm trầm và có vẻ tin chắc:

- Người ở khắp mọi nơi, ở khắp mọi tỉnh...

Sự mệt mỏi nửa tỉnh nửa mê từ đường phố dâng lên, ép chặt và đè nặng lên trái tim, cặp mắt tôi. Giá bà tôi lên đây với tôi thì hay biết bao! Hay là ông tôi cũng được...

Tôi nghĩ đến bố mẹ tôi: bố tôi là người thế nào? Tại sao ông tôi và các cậu tôi không thích bố tôi, còn bà tôi, bác Grigôri và mẹ Epgênáa thì lại nói về bố tôi toàn những lời tốt đẹp như vậy? Và mẹ tôi bây giờ ở đâu? Càng ngày tôi càng nghĩ nhiều đến mẹ tôi, tôi đặt mẹ tôi vào trung tâm của mọi chuyện thần thoại và chuyện có thật do bà tôi kể. Việc mẹ tôi không muốn sống trong gia đình này lại càng đề cao người trong những mơ ước của tôi. Tôi tưởng tượng mẹ tôi hiện nay đang sống ở một quán trọ cạnh đường cái lớn với bọn chuyên cướp bóc những hành khách giàu có để chia của lấy được cho những người nghèo khổ. Có thể mẹ tôi đang sống trong rừng, trong hang động, tất nhiên, cũng với bọn cướp lương thiện, nấu ăn cho họ và canh giữ số vàng lấy được. Cũng có thể người đang đi chu du khắp thiên hạ để đếm xem có bao nhiêu kho tàng châu báu trên trái đất này, như "công nương" Engalutaêva cùng đi với Đức Mẹ. Đức Mẹ đã khuyên nhủ mẹ tôi như khuyên nhủ "công nương" vậy: Tên nô lệ tham lam kia hỡi! Mi thu sao hết nổi bạc vàng, Hết ngọc ngà trên khắp thế gian? Mi che sao được tấm thân trần trụi, Hỡi lòng tham vô đáy kia ời

- Châu báu nào che giấu nổi cho mi?...

Bà tôi cũng dùng những lời của "công nương" nữ tướng cướp đáp lại Người: Lạy Đức Mẹ, xin Người tha thứ Và rửa lòng thương

kẻ lỗi lầm! Không phải vì mình mà con cướp bóc thế gian, Chính chỉ vì đưa con trai duy nhất!... Đức Mẹ, hiền từ cũng như bà tôi, bèn tha thứ cho mẹ tôi và nói: ôi, Mariuska, tai ương của Thiên chúa giáo! Trong người mi có dòng máu Tacta Thôi, mi cứ đi theo con đường đã tự vạch ra, Đường mi đi cũng sẽ là nước mắt mi đó! Mi hãy lên rừng tìm dân Mordvin mà cướp phá, Hãy tới thảo nguyên đuổi dân Kanmức đi xa, Nhưng đừng hòng đụng tới dân Nga... Nhớ lại những chuyện thần thoại ấy, tôi tưởng như mình đang sống trong giấc mơ. Nhưng tiếng chân dồn dập, tiếng om sòm, tiếng gào thét ở phía dưới sân làm tôi bừng tỉnh... Ló đầu ra cửa sổ, tôi thấy ông tôi, cậu Iakôp và người làm công trong quán rượu tên là Môlian - một gã Tsêrêmit dở hơi - đang đẩy cậu Mikhain qua cửa vườn ra đường.

Nhưng cậu khăng khăng một mực không chịu. Họ đâm vào lưng, vào cổ cậu, lấy chân đẩy cậu ra, và cuối cùng cậu ngã bổ nhào vào đám bụi ngoài đường phố. Cánh cửa con đập đánh sầm, chốt cửa và ổ khóa kêu lách tách. Chiếc mũ lưỡi trai nhàu nát vút qua cổng và tất cả lại trở nên yên tĩnh. Cậu nằm một lát rồi từ từ đứng dậy, quần áo tả tơi, đầu tóc rối bù. Cậu nhặt một hòn đá cuội và ném vào cổng; một tiếng ầm ầm phát ra như gõ vào đáy thùng. Một lũ người đen ngòm từ quán rượu xô ra, kêu thét lên, thở phì phì và hoa chân múa tay. Từ các cửa sổ những đầu người thò ra; phố xá náo nhiệt lên, tiếng cười, tiếng quát tháo nổi lên ầm ĩ. Tất cả cái đó cũng giống như một câu chuyện thần thoại lôi cuốn nhưng khó chịu và khủng khiếp. Bỗng nhiên tất cả như mờ đi, mọi người không nói nữa và biến mất. ... Bà tôi ngồi trên cái hòm cạnh ngưỡng cửa, người gập đôi lại, không động đậy và hầu như nín thở. Tôi đứng trước mặt, vuốt đôi má ấm dịu và ướt đầm của bà tôi, nhưng có lẽ bà tôi không cảm thấy cái đó và rầu rĩ lắm lắm:

- Lạy Chúa, chẳng lẽ Chúa không có đủ lẽ phải để ban cho con và con cái của con hay sao? Lạy Chúa, xin Chúa thương xót chúng con...

*
* *
*

Tôi cảm thấy tuy ông tôi mới ở phố Pôlêvaia chưa được hơn một năm - từ mùa xuân năm ngoái đến mùa xuân năm nay - nhưng trong thời gian ngắn ngủi Một dân tộc Phần-lan sống ở

vùng Nijni -Nôpgôrôt. ấy nhà tôi đã nổi tiếng về chuyện nhộn nhạo. Hầu như chủ nhật nào bọn trẻ con cũng kéo nhau đến cổng nhà tôi, chúng lấy làm thú vị cáo tin cho bà con trong phố:

- Nhà Kasirin lại đánh nhau rồi!

Thường thường cậu Mikhain đến vào buổi chiều và suốt đêm cậu vây giữ ngôi nhà làm cho những người sống ở trong đó đều khiếp sợ. Đôi khi cùng đi với cậu có hai ba kẻ a tòng, những tên du côn ở Kunavinô. Chúng từ khe vực lên vào vườn và ở đó chúng dỡ đủ mọi trò nông công của lũ nát rượu ra, có lần chúng nhổ bật những bụi cây phúc bồn tử lên. Có lần chúng phá phách nhà tắm, làm gãy vỡ mọi thứ có thể phá hủy được: sàn nhà, ghế dài, chảo đun nước. Còn bếp lò thì chúng dỡ tung. Chúng tháo đi mấy tấm ván lát sàn, phá cánh cửa và khung cửa sổ. Ông tôi câm lặng, đứng ử rũ bên cạnh cửa sổ, lắng nghe bọn chúng phá phách của cải của mình. Còn bà tôi thì chạy lảng quăng ngoài sân, khuất trong bóng tối, song người ta nghe thấy giọng bà tôi vang lên, vẻ van lơn:

- Misa, mày làm gì thế, Misa!

Một câu chửi đê tiện và ngu xuẩn của người Nga từ ngoài vườn dội vào đáp lại bà tôi. Có lẽ lý trí và tình cảm của bọn súc sinh vang ra câu chửi đó cũng không hiểu nổi ý nghĩa. Trong lúc này tôi không thể theo sau bà tôi, nhưng không có bà ở bên cạnh tôi cảm thấy rất sợ hãi. Tôi mon men xuống phòng ông tôi, nhưng vừa trông thấy tôi, ông tôi đã quát:

- Cút đi, thằng chết tiệt kia!

Tôi bèn chạy lên gác thượng và qua lỗ mắt cáo, xuyên qua bóng tối của khu vườn và sân tôi cố gắng không rời mắt khỏi bà tôi. Tôi sợ người ta giết mất bà, tôi kêu, tôi gọi bà inh ỏi cả lên. Bà tôi không lên, còn cậu tôi đang say rượu nhận ra tiếng tôi liền chửi mẹ tôi một cách tục tằn và bỉ ổi. Có lần vào một buổi chiều như vậy, ông tôi ốm nằm liệt ở giường. Ông vừa lăn đi lăn lại cái đầu quấn chiếc khăn mặt trên chiếc gối vừa kêu gào than thở:

- Chính vì chúng nó mà chúng ta đã sống khổ sống sở, đã mắc tội mắc nợ và đã cóp nhặt từng xu một! Nếu tao không sợ mất thể diện thì tao sẽ đi gọi cảnh sát tới và ngày mai sẽ đi gặp quan tổng đốc. Nhưng như thế thì nhục nhã biết bao! Có cha mẹ nào lại đi nhờ cảnh sát truy nã con cái không? Thôi thì thằng già này cứ

việc nằm yên đây. Bỗng nhiên ông tôi buông chân từ trên giường xuống và loạng choạng đi ra cửa sổ. Bà tôi đỡ lấy tay ông tôi:

- Ông đi đâu đấy?

- Bà đốt nến lên! - ông tôi thở hổn hển, hít mạnh không khí và ra lệnh. Bà tôi đốt nến xong, ông tôi cầm lấy cái đế cắm nến giờ ra trước mặt như người lính cầm súng, rồi ông kêu tướng lên qua cửa sổ, giọng vẻ giễu cợt: - Này, Miska, thằng trộm đêm, con chó dại, con chó ghê kia! Một miếng kính bên trên cửa sổ lập tức vỡ tan tành, bắn tung tóe và một miếng gạch nửa rơi ngay trên bàn, cạnh bà tôi.

- Không trúng rồi! - ông tôi găm lên và cười giống hệt như tiếng khóc nức.

Bà tôi bế ông tôi đặt vào giường như bế tôi vậy. Bà tôi sợ hãi nói:

- Ông làm trò gì thế, ông làm trò gì thế, cầu Chúa phù hộ ông! Thế này rồi nó cũng đến bị đầy đi Xibêri mất thôi! Lúc tức giận lên nó có hiểu Xibêri là cái quái gì đâu...

Ông vùng vằng và nức nở, giọng khàn khàn:

- Cứ để nó giết tao đi...

Ngoài cửa sổ vẫn có tiếng hét, tiếng giậm chân và cào tường của cậu tôi. Tôi cầm miếng gạch ở trên bàn và chạy ra cửa sổ. Bà tôi kịp nắm lấy tôi, đẩy vào một góc, và kêu rít lên:

- A, thằng khốn kiếp...

Lần khác, cậu tôi lăm lăm cầm một cái cọc to và nhọn, định tìm cách xông vào trong nhà. Cậu đứng ở cái bậc tam cấp đen sì và đập phá cửa. ở phía sau cửa ông tôi cầm chiếc gậy đứng đợi sẵn; ngoài ra còn có hai người thuê nhà cầm gậy gộc và vợ tên chủ quán người cao lớn cầm trục lăn giúp sức ông tôi. Bà tôi đứng đằng sau họ vừa giậm chân vừa van nài:

- Các người cứ để cho tôi ra gặp nó! Cho tôi nói với nó một lời...

Ông tôi đưa một chân ra phía trước như người mujich cầm ngọn giáo trong bức tranh "Săn gấu". Khi bà tôi chạy lại gần, ông tôi lảng lạng dùng khuỷu tay và chân khế đẩy bà đi. Tất cả bốn người đứng im với tư thế sẵn sàng đánh nhau trông thật là khủng khiếp. Trên bức tường, le lói một ngọn đèn chập chờn chiếu lơ mờ

xuống đầu họ. Từ trên thang gác tôi nhìn tất cả cảnh tượng đó và tôi muốn kéo bà tôi lên gác. Cậu tôi gắng sức phá cửa và đã gần được, cánh cửa lung lay, sắp sửa tách ra khỏi bản lề trên, - bản lề dưới đã long ra và kêu ken két. Ông tôi nói với các chiến hữu của mình cũng với cái giọng rít lên ken két như vậy:

- Xin bà con cứ việc nện vào chân vào tay cho, không nên nện vào đầu... Ở bức tường cạnh cửa ra vào có một chiếc cửa sổ nhỏ vừa lọt đầu người. Cậu tôi đã đập vỡ mặt kính nên khung cửa nham nhở mảnh kính, trông đen ngòm như con mắt bị khoét thủng. Bà tôi lao tới chỗ đó, thò tay ra ngoài sân vừa vẫy vừa kêu:

- Misa, vì Chúa, mày cút ngay đi! Không có người ta đánh què bây giờ, cút ngay đi!

Cậu tôi lấy cái cọc nện luôn vào tay bà tôi; tôi nom thấy rõ có một vật gì to to trượt qua cửa sổ và đập xuống tay bà tôi. Tiếp theo đó bà tôi khuyu xuống, ngã vật ra, nhưng mồm vẫn kịp kêu:

- Misa, chạy đi...

- A, bà làm cái trò gì thế? - ông tôi găm lên dữ dội.

Cánh cửa bật tung, cậu tôi nhảy xổ vào cái lỗ đen ngòm đó. Nhưng lập tức cậu tôi bị hất xuống chân bậc tam cấp như một xẻng bùn. Mụ chủ quán dìu bà tôi vào phòng ông tôi. Một lát sau ông tôi đã có mặt ở đó và cau có lại gần nói:

- Nó đánh bà gãy xương à?

- Ồi, có lẽ bị gãy rồi, - bà tôi nói, mắt vẫn nhắm nghiền.

- Còn nó thì thế nào rồi?

- Không lo!

Ông tôi nghiêm nghị kêu lên.

- Tao có phải là con thú dữ đâu? Người ta đã trói nó lại rồi, nó đang nằm ở dưới nhà kho ấy. Tao đã rẫy nước cho nó... Trời ơi, sao mà nó độc ác thế? Nó giống ai thế không biết?

Bà tôi rên rỉ.

- Tôi đã cho người đi tìm mụ nắn khớp xương rồi, bà chịu khó một chút!

Ông tôi vừa nói vừa ngồi xuống giường bên cạnh.

- Chúng nó đến làm cho chúng mình chết sớm, chết trước tuổi mất, bà nó ạ!

- Ông cứ đem chia tuốt của cải cho chúng nó...

- Thế còn con Vacvara?

Hai ông bà nói chuyện lâu lắm: bà nói giọng khe khẽ và rên rĩ, còn ông thì quát tháo và có vẻ giận dữ. Sau đó một mụ già gù bé loắt choắt tới, cái miệng rộng đến mang tai, hàm dưới rung rung, mồm há hốc như miệng cá, cái mũi quắm nhòm vào chiếc mồm qua môi trên. Không nhìn thấy rõ cặp mắt của mụ. Mụ lê đi một cách khó nhọc, một tay chống gậy kéo rê trên sàn, còn tay kia xách một cái bọc nhỏ gì đó kêu lộc xộc. Tôi tưởng thần chết đến bắt bà tôi. Tôi chạy vội lại chỗ mụ và hét thật to:

- Cút ra ngay! Ông tôi tóm lấy tôi một cách thô bạo và lôi xềnh xệch lên gác thượng...

VII

Tôi hiểu khá mau rằng ông tôi có một Chúa, còn bà tôi có một Chúa khác. Đôi khi ngủ dậy bà tôi ngồi trên giường và chải mái tóc rất dày của mình khá lâu. Bà tôi lúc lắc đầu, nghiêng răng rút từng mảng tóc đen nhánh, mượt như tơ, và chải rửa thì thầm để tôi khỏi thức dậy:

- Chà, sao mày không rụng hết cả đi, tóc với tai chết tiệt ở đâu ấy...

Sau khi gỡ đám tóc qua quýt, bà tôi tết nhanh thành những bím tóc dày. Bà tôi rửa mặt vội vàng, thở phì phì, vẻ bức tức. Chưa rửa sạch nổi tức giận khỏi khuôn mặt to lớn và nhăn nhó bởi giấc ngủ, bà tôi đã đứng trước những bức tượng thánh. Thế là lúc đó bắt đầu buổi lễ rửa tội ban mai thật sự khiến bà tôi lập tức tươi tỉnh hẳn lên. Bà tôi uốn thẳng cái lưng gù, ngả đầu về đằng sau và âu yếm nhìn khuôn mặt tròn trĩnh của Đức Mẹ Kazan. Bà tôi vừa vung rộng tay làm dấu rất thành tâm vừa nói thì thầm, giọng nồng nhiệt:

- Lạy Đức Mẹ Rất Thánh, xin Người hãy ban ơn lành trong ngày cho chúng con!

Bà tôi cúi rạp xuống đất, sau đó từ từ ngẩng lên và lại thì thầm, giọng mỗi lúc một say sưa và xúc động hơn:

- Người là Nguồn vui, là Vẻ đẹp thanh khiết, là Cây táo nở hoa!...

Hầu như sáng nào bà tôi cũng tìm thấy những lời ca tụng mới khiến tôi luôn luôn chú ý lắng nghe lời cầu nguyện của bà tôi.

- Hỡi Đức Mẹ của Chúa Lời. Đức Mẹ là trái tim trong trắng, siêu phàm, hằng che chở nâng đỡ con, Đức Mẹ là Mặt trời vàng ngọc của con, xin Đức Mẹ giữ gìn cho con trước mọi cám dỗ, đừng để cho con xúc phạm ai và cũng đừng để cho ai vô cớ xúc phạm đến con.

Cặp mắt đen của bà tôi như mỉm cười và, như trẻ hẳn lại, bà tôi lại giơ cánh tay nặng nề làm dấu thật thông thả.

- Lay Đức Chúa Giêsu, con Đức Chúa Lời, Người hãy rủ lòng thương xót một người đàn bà có tội, hãy vì Đức Mẹ của Người...

Lời cầu nguyện của bà tôi bao giờ cũng là một lời cảm ơn, một lời ca ngợi chân thành và chất phác. Buổi sáng bà tôi cầu nguyện không lâu, vì còn phải đặt ấm xamôva. Ông tôi không nuôi người ở nữa, và nếu đến giờ quá định mà vẫn chưa có nước trà là ông tôi tức giận chửi bới mãi. Có lần ông tôi dậy trước, bèn leo lên gác thượng thì bắt gặp bà tôi đang cầu nguyện. Ông tôi lắng nghe lời thì thầm của bà tôi một lúc, cặp môi mỏng thâm sì trề ra có ý khinh bỉ. Đến lúc uống trà ông tôi cầu nhàu:

- Tôi đã dạy bà phải cầu nguyện như thế nào bao nhiêu lần rồi, thế mà bà vẫn cứ lảm bà lảm bảm theo ý bà tuốt, đồ dị giáo! Đầu óc cứ như là gỗ ấy! Chúa nào có thể chịu được bà!

- Chúa sẽ hiểu hết, - bà tôi trả lời, vẻ tin tưởng. - Bất kỳ nói với Chúa điều gì, Chúa cũng có thể hiểu...

- Đồ Tsuvasơ đáng nguyên rủa! Ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là...

Suốt ngày, lúc nào Chúa cũng ở bên bà tôi, bà tôi nói về Chúa với cả súc vật nữa. Tôi thấy rõ ràng tất cả mọi vật: người, chó, chim muông, ong bướm và cây cỏ đều dễ dàng và ngoan ngoãn phục tùng Chúa của bà tôi. Chúa đối với mọi người, mọi vật trên trái đất đều tốt như nhau, đều thân thiết như nhau. Một hôm con mèo được nuông chiều của mụ chủ quán tha con sáo từ ngoài vườn về. Con mèo này rất ranh, tham ăn và khéo nịnh hót, lông xám, mắt vàng ánh, nó được cả nhà này và mụ chủ quán ưa thích. Bà tôi cầm lấy con chim bị thương và mắng con mèo:

- Mày không sợ Chúa à, đồ tàn ác hèn hạ!

Mụ chủ quán và người gác cổng nghe bà tôi nói liền rũ ra cười, nhưng bà tôi giận dữ quát họ:

- Các người tưởng loài vật không biết Chúa là gì chắc? Mọi sinh vật đều hiểu Chúa không kém gì các người đâu, đồ nhẩn tâm.

Khi thắng con ngựa Sarap béo phì, thấy nó có vẻ buồn buồn, bà tôi trò chuyện với nó:

- Mày là tôi tớ của Chúa, tại sao mày lại buồn? à phải, mày già lắm rồi...

Con ngựa thở dài và lắc đầu. Mặc dù bà tôi ít nhắc đến Chúa hơn ông tôi, Chúa của bà tôi đối với tôi vẫn thật dễ hiểu và không đáng sợ, nhưng trước mặt Chúa thì không thể nói dối được, làm như thế thật là xấu hổ. Tôi sợ xấu hổ mỗi khi nói dối đến nỗi tôi không bao giờ nói dối bà tôi. Thật ra không thể giấu giếm nỗi vì Chúa quá tốt này điều gì và ngay cả ý muốn giấu giếm tôi cũng không có. Một hôm, mụ chủ quán cãi nhau với ông tôi, mụ chửi ông tôi, tiện hôm chửi luôn cả bà tôi, mặc dù bà tôi không can dự đến vụ cãi nhau này. Mụ chửi một cách độc ác và ném cả củ cà-rốt vào người bà tôi.

- Nay, thưa bà, bà là một con mẹ ngu ngốc - bà tôi bình tĩnh nói với mụ, còn tôi thì rất tức và quyết định trả thù con mụ tàn ác ấy. Tôi vò đầu nghĩ mãi để tìm cách trả miếng thật đau cho cái con mụ béo cằm đôi, tóc hoe, chẳng trông thấy cặp mắt híp đầu cả. Tôi đã được thấy nhiều vụ xích mích giữa những người thuê nhà với nhau. Tôi biết mỗi lần trả thù nhau họ thường làm như sau: cắt đuôi mèo, cho chó ăn bả, đánh chết gà hoặc ban đêm lén vào hầm nhà kẻ địch, đổ dầu hỏa vào vại bắp cải và dưa chuột hay mở vôi thùng covat. Nhưng tất cả những thủ đoạn đó đều chưa vừa ý tôi; cần phải nghĩ ra một kế gì ghê gớm và khủng khiếp hơn thế. Tôi đã nghĩ ra: rình lúc mụ chủ quán xuống hầm nhà, tôi liền đóng ập cửa hầm và khóa lại. Tôi nhảy điệu múa cáo thù trên nắp hầm và vứt chìa khóa lên mái nhà. Xong đâu đấy, tôi chạy vội vào nhà bếp với bà tôi. Bà tôi đang nấu ăn, chưa hiểu ngay được nỗi vui sướng của tôi. Khi hiểu rõ câu chuyện, bà tôi liền phết vào đít tôi mấy cái, lôi tôi ra ngoài sân và bắt tôi leo lên mái nhà tìm chìa khóa. Tôi ngạc nhiên về thái độ ấy, lẳng lặng đưa cho bà tôi chiếc chìa khóa và chạy trốn vào một góc sân. Tôi thấy bà tôi giải thoát cho mụ chủ quán bị cầm tù, rồi cả hai người vừa đi ra sân vừa cười có vẻ thân mật.

- Rồi sẽ biết, - mụ chủ quán gờn nắm đấm béo mập dọa tôi, nhưng khuôn mặt béo híp mắt của mụ lại mỉm cười hiền hậu.

Bà tôi nắm lấy cổ áo tôi, dẫn tôi vào bếp và hỏi:

- Tại sao cháu lại làm như thế?

- Tại vì mụ ấy đã ném cà-rốt vào người bà...

- Thế nghĩa là vì bà mà cháu giam mụ ấy à? Ra thế đấy! Thằng ranh con, tao sẽ nhét mây xuống gầm lò sưởi với lũ chuột thì mây mới khôn ra được! Cũng đòi bảo vệ bà cơ đấy! Các người

thử nhìn cái bong bóng này một tý kéo nó vỡ mất bây giờ! Tao mà kể cho ông nghe thì cứ gọi là ông lột da mày ra cho mà xem! Cút lên gác thượng học đi...

Cả ngày bà tôi không nói gì với tôi, nhưng đến tối, trước kia cầu nguyện, bà tôi ngồi ở mép giường và trịnh trọng nói những lời mà tôi không bao giờ quên được:

- Kiônka, cháu yêu của bà, cháu hãy nhớ kỹ lấy điều này: cháu không được dấy vào việc của người lớn nhé! Người lớn thường hư hỏng. Họ đã bị Chúa thử thách, còn cháu thì chưa, -cháu hãy sống theo sự hiểu biết của trẻ con thôi. Cháu hãy chờ cho đến khi nào Chúa đụng đến tâm hồn cháu, bảo cháu làm gì, chỉ cho cháu con đường của cháu. Cháu hiểu chưa? Còn tìm xem ai có lỗi gì thì đó không phải là việc của cháu. Chúa sẽ xét xử và trừng phạt. Quyền ở Chúa, chứ không phải ở chúng ta! Bà tôi im lặng một lát, hít thuốc lá, khẽ nheo mắt phải, rồi nói thêm:

- Chính Chúa nhiều khi cũng không thể hiểu được lỗi ở ai nữa.

- Chẳng lẽ Chúa lại không biết được tất cả mọi việc ư?

Tôi ngạc nhiên hỏi. Bà tôi khẽ trả lời, giọng buồn buồn:

- Nếu Chúa biết tất cả thì có lẽ nhiều chuyện người ta đã không làm như thế này. Cháu ạ, chắc là Chúa từ trên thiên đàng nhìn xuống dưới trần thế, xuống tất cả chúng ta, và có lúc Chúa đã phải than khóc: "Các người của ta ơi, các người thân yêu của ta ơi! Ôi, ta thương hại các người lắm!" Chính bà tôi cũng khóc nức nở rồi không buồn lau cặp má ướt đầm, bà tôi tới luôn góc nhà cầu nguyện. Từ đấy Chúa của bà tôi đối với tôi lại càng gần gũi và dễ hiểu hơn. Khi dạy tôi, ông tôi cũng nói rằng Chúa ở khắp mọi nơi, cái gì cũng biết, cái gì cũng thấy, Chúa sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong bất kỳ việc gì, nhưng ông tôi cầu nguyện không giống bà tôi.

Sáng sớm, trước khi tới góc nhà, đến trước tượng thánh, ông tôi rửa mặt rất lâu. Sau đó ông ăn mặc cẩn thận, chải đầu vuốt râu gọn gàng và soi gương. Sau khi sửa gọn lại chiếc áo sơ-mi, cho chiếc khăn quàng đen vào trong áo gi-lê, ông tôi mới rón rén bước tới trước tượng thánh như làm một việc gì thâm vụng. Bao giờ ông tôi cũng dừng lại ở chỗ mắt một tấm ván, giống như mắt ngựa. Ông tôi đứng yên lặng một lúc, cúi đầu, hai tay buông dọc theo

người như một người lính. Sau đó ông tôi đứng thẳng, vóc người mảnh khảnh, và nói giọng trang nghiêm:

- Nhân danh Cha và Con và Thánh thần!..."

Tôi cảm thấy sau lời nói ấy gian phòng bỗng trở nên yên tĩnh lạ thường, ngay cả ruồi cũng vo ve dè dặt hơn trước. Ông tôi đứng thẳng, ngẩng đầu, đôi lông mày rậm hơi xéch lên, dựng đứng, bộ râu cầm vàng ánh vênh ngang ra. Ông tôi đọc kinh mạch lạc như đọc một bài học thuộc lòng trơn tru, giọng vang lên rõ ràng và nghiêm khắc.

- "Chúa Phán xét sẽ đến, và hành động của mỗi người sẽ bị bóc trần..." - ông tôi khẽ đâm vào ngực và van vủ:

- "Con chỉ có tội đối với một mình Chúa thôi, - xin Chúa hãy ngoảnh mặt đi đừng nhìn vào tội lỗi của con..." ông tôi đọc "Kinh Lạy Cha" rành rọt từng tiếng một. Chân phải rung rung như lạng lẽ giậm theo nhịp cầu kinh, toàn thân rướn về phía tượng thánh, ông tôi như cao hơn, mảnh hơn và khô hơn. Trông ông tôi vừa sạch sẽ vừa chỉnh tề, tiếp tục giọng khẩn khoản:

- "Hỡi Đức Mẹ, Người đã sinh ra Đấng Cứu thế, xin Đức Mẹ hãy làm cho linh hồn con dịu bớt nỗi khổ triền miên! Luôn luôn con dâng Đức Mẹ những tiếng rên rỉ của tim con, xin Đức Mẹ hãy cầu xin cho con!" Và ông tôi cất cao giọng hơn nữa, cặp mắt xanh đậm lệ:

- "Lạy Chúa, xin Chúa hãy đánh giá lòng tin của con chứ đừng để ý đến việc làm của con, vì những việc làm đó không thể biện hộ nổi cho con!" Rồi ông tôi làm dấu luôn tay và lúc lắc lia lịa, như muốn húc đầu vào ai, giọng rít lên và nức nở. Sau này đến nhà thờ Do Thái tôi mới hiểu rằng ông tôi cầu nguyện như người Do Thái. Chiếc xamôva đặt trên bàn đã sôi sùng sục từ lâu. Mùi bánh rán nóng với pho-mát tươi tỏa ra khắp phòng, - chúng tôi đã đói! Bà tôi nhăn nhó đứng tựa lưng vào khung cửa và thở dài, mắt nhìn xuống sàn. ánh mặt trời tươi vui chiếu từ vườn vào cửa sổ; những giọt sương đọng trên cành cây long lanh như ngọc trai, không khí ban mai đượm mùi thìa là, phúc bồn tử, và mùi táo chín ngon lành. Nhưng ông tôi vẫn cầu nguyện, người đu đưa, giọng rít lên:

- "Chúa hãy dập tắt ngọn lửa khát vọng của con, vì con là một kẻ khốn khổ và bị nguyên rủa!"

Tôi đã thuộc lòng tất cả những lời cầu nguyện buổi sáng và buổi tối của ông tôi, nên tôi chú ý theo dõi xem ông tôi có lầm lẫn chỗ nào không, có bỏ sót tiếng nào không? Hiện tượng ấy ít khi xảy ra, nhưng nếu có thì tôi cảm thấy thích thú một cách ác ý. Cầu nguyện xong, ông tôi nói với tôi và bà tôi:

- Chào bà cháu mày!

Chúng tôi chào lại và cuối cùng ngồi vào bàn. Khi ấy tôi mới nói với ông:

- Hôm nay ông quên mất chữ "hãy đánh giá"!

- Thật không?

ông tôi hỏi, vẻ băn khoăn và hoài nghi.

- Đúng ông quên thật mà! Đáng lẽ phải nói: "Chúa hãy đánh giá lòng tin của con, chứ đừng để ý đến việc làm của con" thì ông lại không nói "hãy đánh giá".

- Thật à! - ông tôi kêu lên, cặp mắt chớp chớp ra vẻ ngượng ngùng. Sau này ông tôi sẽ tìm cách nào đó để trả thù thật cay đắng vì lời chỉ dẫn đó cho mà xem, nhưng lúc này, nhìn thấy ông tôi lúng túng, tôi đắc ý không thể tả được. Có lần bà tôi nói đùa:

- Ông này, có lẽ Chúa nghe mãi lời cầu nguyện của ông cũng phát chán, - bao giờ ông cũng lặp đi lặp lại những lời lẽ như nhau thôi.

- Sao

- Sao?- ông tôi nói kéo dài có vẻ giận dữ.-Bà nói cái gì đấy?

- Tôi bảo là từ khi nghe ông cầu nguyện, tôi chưa bao giờ thấy ông nói với Chúa một lời nào thành khẩn từ đáy lòng mình cả! Ông tôi đỏ bừng mặt, người run lên, nhấp nhồm trên ghế, vừa ném chiếc đĩa con vào đầu bà tôi vừa kêu rít lên như tiếng cửa vấp vào mắt gỗ.

- Cút đi, mụ phù thủy!

Khi kể cho tôi nghe về sức mạnh vô tận của Chúa, bao giờ và trước tiên ông tôi cũng nhấn mạnh đến tính tàn bạo của Chúa: hễ người ta phạm tội là bị đim chết, nếu còn phạm tội nữa thì bị thiêu chết, thành phố của họ bị phá hủy; Chúa lấy nạn đói và nạn dịch trừng phạt mọi người. Bao giờ Người cũng là thanh kiếm treo trên trái đất, là tai họa đối với kẻ có tội.

- Tất cả những người vi phạm luật lệ của Chúa đều bị trừng phạt, bị đau khổ hoặc bị chết!

Ông tôi vừa răn dạy vừa gõ ngón tay xương xẩu lên mặt bàn. Tôi khó lòng tin được Chúa là người tàn ác. Tôi nghĩ rằng ông tôi cố tình bịa ra những chuyện ấy để gây cho tôi lòng sợ hãi không phải đối với Chúa, mà là đối với ông tôi. Tôi liền hỏi thẳng:

- Có phải ông nói thế để cháu phải vâng lời ông không?

Ông tôi cũng đáp thẳng:

- Phải đấy! Nếu không, dễ cháu chịu vâng lời ông đấy hử?!

- Thế còn bà?

- Cháu đừng tin mụ già ngu dại ấy!

Ông tôi nghiêm nghị nói.

- Bà mày ngay từ hồi còn trẻ đã ngu dốt, bà không biết chữ lại kém thông minh. Ông sẽ cấm bà nói với cháu về những việc lớn như vậy! Cháu trả lời ông xem nào: có bao nhiêu cấp thiên thần tất cả và nhiệm vụ của họ ra sao?

Tôi đáp rồi hỏi luôn:

- Thế quan là người thế nào ông nhỉ?

- Ô, cháu chỉ luẩn quẩn thôi nào!

Ông tôi mỉm cười, mắt lim dim. Ông tôi căn môi suy nghĩ và miễn cưỡng giảng giải:

- Chuyện đó không dính líu gì với chuyện Chúa cả, quan chức là thuộc về người đời! Quan là người ăn pháp luật, họ ăn sống nuốt tươi pháp luật.

- Thế pháp luật là cái gì hở ông?

- Pháp luật là gì à? Đó là những tập quán, - ông tôi nói vui vẻ và hào hứng hơn, cặp mắt thông minh sắc sảo long lanh

- Người ta sống chung với nhau và có một hôm nào đó họ thỏa thuận với nhau một điều gì đó tốt nhất, thế là chúng ta lấy cái đó làm tập quán và đặt thành quá tắc, pháp luật! Ví dụ như: trẻ con muốn rủ nhau một trò gì thì trước hết phải thỏa thuận với nhau xem chơi như thế nào, theo những quá tắc nào. Sự thỏa thuận như vậy tức là pháp luật.

- Còn quan là thế nào?

- Quan giống như một đĩa đu đủ cẩu, hẳn vi phạm tất cả luật pháp.

- Để làm gì hở ông?

- Thôi, chuyện đó thì cháu không thể hiểu nổi đâu!

Ông tôi cau mày nghiêm nghị nói rồi lại răn dạy:

- Chúa ngự trị trên tất cả công việc của mọi người! Người ta muốn thế này thì Chúa lại muốn thế khác. Tất cả mọi thứ của con người đều không bền vững. Chúa chỉ thổi một cái là tất cả tan ra thành tro bụi.

Có rất nhiều nguyên nhân khiến tôi chú ý đến chuyện quan lại nên tôi lại gạn hỏi cặn kẽ:

- Thế sao hôm nọ cậu Iakôp lại hát: Quan của Chúa là thiên thần sáng suốt, Quan của dân là nô lệ quỷ Xatăng!

Ông tôi nâng râu lên, nhâm nhấm nó và nhắm mắt lại, đôi má rung rung. Tôi hiểu rằng ông tôi đang cười thầm.

- Đem trói chân mày với thừng Iaska lại rồi đem quăng xuống sông cho rảnh! - ông tôi nói.

- Cậu mày không nên hát những bài ấy, còn mày cũng không nên nghe.

Đó là những lời bông đùa của "những tín Đấng nhẽ nói là "Nakônôved" (nhà pháp luật) thì ông lão lại nói sai là "zakônôved" (người ăn pháp luật). đồ cũ" do những người dị giáo, những giáo đồ của phái Raskônlich bịa đặt ra. Ông tôi có vẻ suy nghĩ và trông về phía xa, không nhìn tôi. Và ông tôi khẽ nói, giọng kéo dài.

- Ôi chao, lũ chúng bay... y... thật là...

Tuy đặt Chúa oai nghiêm lên cao hơn mọi người, nhưng cũng giống như bà, ông tôi cũng mời Chúa tham dự vào mọi công việc, và không những mời Chúa, mà còn mời rất nhiều thánh cùng tham dự. Hình như bà tôi không biết phần đông các thánh, trừ thánh Nikôla, Iuri, Frôn và Lavrơ, mặc dù các thánh rất tốt và gần gũi mọi người. Các thánh thường đi khắp xóm làng và thành thị, dự vào sinh hoạt của mọi người và có tất cả đặc tính của người trần. Các thánh của ông tôi hầu hết đều tử vì đạo. Họ đã đánh đổ các tượng thần, chống lại các vua chúa La Mã, và vì vậy mà bị tra tấn, lột da hay thiêu sống. Có lúc ông tôi ước mơ:

- Giá Chúa giúp tôi bán cái nhà này, dù chỉ được năm trăm bạc lãi thôi, thì tôi sẽ xin làm lễ tạ Thánh Nikôla!

Bà tôi cười và bảo tôi:

- Thánh Nikôla nào lại đi giúp cái ông lão ngớ ngẩn ấy bán nhà bán cửa kia chứ! Làm như thánh Nikôla không có việc gì tốt hơn nữa hay sao ấy!

Tôi đã giữ cuốn lịch giáo hội của ông tôi rất lâu, trong đó có những dòng chữ viết tay của ông tôi. ở trang đối diện với ngày kỷ niệm Thánh Joakim và Anna, ông tôi ghi bằng mực đỏ, nét chữ thẳng đứng: "Các vị thánh nhân từ này đã giúp tôi tai qua nạn khỏi". Tôi nhớ mãi cái "tai nạn" ấy. Vì muốn giúp đỡ các con làm ăn thua thiệt, ông tôi bắt đầu làm cái nghề cho vay nặng lãi và bí mật nhận cầm đồ. Có người nào đó tố cáo, và một đêm cảnh sát đột nhiên ập vào nhà khám xét. Lúc ấy cả nhà thật là ồn ào hỗn loạn, nhưng kết quả mọi việc đều bình yên vô sự. Ông tôi liền cầu nguyện một mạch cho đến khi mặt trời mọc và sáng sớm hôm sau, có tôi ở đây, ông tôi đã ghi những dòng chữ trên vào quyển lịch. Trước bữa ăn tối, hai ông cháu cùng đọc Thánh thi, sách lễ hoặc cuốn sách dày của Efrem Xirin ăn xong ông tôi lại cầu nguyện, lời sám hối buồn buồn của ông tôi vang lên hồi lâu trong cảnh yên lặng: "Lạy Chúa Cha ở trên Trời, con biết mang gì đến dâng Chúa vì Chúa đòi đòi hằng có và phép tắc vô cùng... Xin Chúa gìn giữ cho con trước mọi cám dỗ... Xin Chúa che chở cho con trước một số người... Xin Chúa ban cho con nước mắt và nhắc nhở con rằng con là một kẻ phạm trần..."

Trái lại, bà tôi hay nói:

- Ôi, hôm nay tôi mệt quá! Có lẽ tôi đi nằm chứ không cầu nguyện được... Ông tôi thường dẫn tôi đi nhà thờ vào thứ bảy và ngày lễ để dự lễ tối. ở nhà thờ tôi đã phân biệt được khi nào người ta cầu nguyện vì Chúa nào: tất cả những lời mà cha cố và phụ lễ đọc là những lời cầu nguyện Chúa của ông tôi, còn ban hát lễ thì bao giờ cũng hát ca ngợi Chúa của bà tôi. Lẽ dĩ nhiên tôi phân biệt các Chúa rất đơn giản theo con mắt của trẻ con lúc bấy giờ. Tôi nhớ là sự phân biệt đó đã chia đôi tâm hồn làm cho tôi không yên lòng. Chúa của ông tôi đã làm cho tôi vừa ghét vừa sợ. Chúa không yêu ai cả và theo dõi mọi người bằng con mắt nghiêm khắc. Chúa tìm và nhìn thấy ở con người trước tiên là cái xấu, cái độc ác và tội lỗi. Rõ ràng là Chúa không tin ở con người, luôn luôn chờ đợi

những lời sám hối và thích trừng phạt. Đạo ấy những ý nghĩ và tình cảm về Chúa là món sản tinh thần chủ yếu của tôi, là cái đẹp dễ nhất trong cuộc sống của tôi, còn tất cả những ấn tượng tàn nhẫn và dễ tiện khác chỉ làm cho tôi bị xúc phạm, gây nên một cảm giác ghê tởm và buồn bã. Chúa là cái gì tốt đẹp và trong sáng nhất trong thế giới chung quanh tôi, tôi nói đây là nói Chúa của bà tôi, người bạn hiền của mọi chúng sinh. Tất nhiên có một câu hỏi không thể không làm cho tôi băn khoăn: tại sao ông tôi không nhìn thấy vị Chúa vô cùng tốt lành này nhỉ? Tôi không được phép ra ngoài phố chơi, vì đường phố hay kích động tôi. Không những ấn tượng của đường phố làm cho tôi say sưa, và hầu như bao giờ tôi cũng là thủ phạm của những chuyện om sòm và những hành động bạo ngược. Tôi không kết bạn với ai cả, tụi trẻ con hàng xóm coi tôi như thù địch. Tôi không thích chúng gọi tôi là Kasirin, chúng biết thế nên lại càng hay gọi nhau:

- Trông kìa, thằng cháu lão Katsêi Kasirin đã ra kìa!

- Nện cho nó một trận!

Thế là bắt đầu cuộc ẩu đả. So với bọn trẻ cùng lứa tuổi thì tôi vào loại khỏe và đánh nhau cũng tài, - chính kẻ địch cũng phải thừa nhận điều đó nên chúng phải kéo bè kéo cánh mới dám tấn công tôi. Nhưng dù sao thì lũ trẻ con hàng phố cũng dễ được tôi ra đánh. Mỗi khi về nhà, thường thường tôi bị chảy máu mũi, sút môi hoặc mặt mày thâm tím, quần áo rách tả tơi và bết bụi. Bà tôi đón tôi về sợ hãi, và nói, giọng thương xót:

- Mày lại đánh nhau đấy à, thằng ôn con? Như thế thì còn ra nghĩa lý gì nữa, hử! Mày xem đấy, nếu tao cũng dây vào thì... Bà tôi rửa mặt cho tôi, đắp miếng bột bẻ, đồng xu đồng hoặc miếng băng có tẩm nước chì vào vết bầm rồi khuyên nhủ:

- Tại sao cháu cứ đánh nhau luôn mãi thế? ở nhà thì cháu hiền lành, thế mà hễ ra đường là khác hẳn! Cháu không biết xấu hổ à? Bà sẽ bảo ông không cho cháu ra đường nữa... Ông tôi trông thấy những vết tím bầm của tôi, nhưng không chửi rửa bao giờ, chỉ hầm hừ và làu bàu:

- Mày đã lại được đeo mẽ đay rồi! Tao cấm mày không được chạy ra ngoài đường, nghe không, thằng Anika kia!

Tôi không muốn ra ngoài đường lúc yên tĩnh, nhưng khi nào nghe thấy tiếng vui đùa ồn ào của lũ trẻ con là tôi chạy ra khỏi sân

ngay, mặc dù ông tôi đã ngăn cấm. Những vết bầm và vết sây sát không làm cho tôi sợ; chính những trò đùa tai ác của lũ trẻ ở phố mà tôi đã quá quen thuộc bao giờ cũng làm tôi phẫn nộ, khiến tôi điên tiết lên. Tôi không thể nào chịu nổi khi lũ trẻ xuyt chó cắn nhau hoặc gà chọi nhau, hành hạ mèo, đuổi dê của người Do Thái, chế giễu những người hành khất, say rượu và lão Igôsa chất phác, mệnh danh là "Thần Chết trong túi". Người lão cao, gầy gò và đen sạm, quanh năm mặc chiếc áo da cừu nặng trĩu trên vai. Mặt lão xương xẩu, mốc thối, tóc cứng quèo. Lão lom khom đi ngoài đường phố, bước loạng choạng, không nói không rằng, mắt cứ nhìn chằm chằm xuống đất. Lão có khuôn mặt đanh như gang và cặp mắt buồn buồn nhỏ tí khiến tôi vừa kính trọng vừa sợ hãi. Tôi có cảm tưởng rằng con người này đang loay hoay với những ý nghĩ gì quan trọng, đang tìm kiếm cái gì đó và không được quây rầy lão. Bọn trẻ con chạy theo lão và ném đá vào cái lưng gù của lão. Hình như lão không thèm để ý tới bọn chúng và cũng không cảm thấy đau nữa. Nhưng đột nhiên lão đứng dừng lại, ngẩng đầu lên, bàn tay run run sửa lại chiếc mũ lông đội trên đầu rồi nhìn quanh như vừa sực tỉnh dậy.

- Igôsa, Thần Chết trong túi! Igôsa, đi đâu đấy? Hãy cẩn thận, Thần Chết Trong túi ấy!

Bọn trẻ kêu ầm lên. Lão nắm lấy túi, sau đó cúi vội xuống đất nhặt một hòn đá, một thanh gỗ hay một nắm bùn khô. Lão vung về vung cánh tay dài và lảo lảo cầm chửi rủa. Bao giờ lão cũng chỉ dùng có ba tiếng khả ố nhất để chửi, - về mặt này thì nhất định là bọn trẻ hơn hẳn lão. Đôi khi lão đuổi theo bọn chúng, chân đi khập khiễng, nhưng chiếc áo dài làm lão vướng chân không chạy được, lão ngã quỵ, bàn tay đen như cành cây khô chống xuống đất. Bọn trẻ con ném đá vào lưng, vào sườn lão, những đứa liều lĩnh nhất chạy đến sát người lão và trút vào đầu lão một nắm cát rồi bỏ chạy. Một ấn tượng khác ở ngoài phố có lẽ còn nặng nề hơn, đó là bác thợ cả Grigôri Ivanôvita. Bây giờ bác mù hẳn phải đi ăn xin. Bác cao lớn, chững chạc và cầm Anika là một nhân vật trong thơ của tôn giáo nói về Anika và Thần chết. Anika cho mình là vô địch, đã chiến đấu đơn độc với Thần chết và đã thất bại. Trong bạch thoại thường dùng với nghĩa: "Một người bị đau khổ"..

Một cụ già nhỏ bé trông toàn một màu xám dất tay bác. Cụ dừng lại dưới cửa sổ các nhà, không bao giờ nhìn thẳng, và cất giọng the thé kêu van:

- Vì Chúa, xin các ông các bà hãy bố thí cho kẻ mù lòa đói khát... Còn bác Grigôri thì đứng im lặng. Cặp kính râm của bác như nhìn thẳng vào tường nhà, vào cửa sổ và bộ mặt những người qua lại. Bác khẽ đưa cánh tay bị thuốc nhuộm ăn lên vuốt bộ râu xồm, nhưng cặp môi bác vẫn mím chặt lại. Tôi thường trông thấy bác luôn, nhưng không hề nghe thấy một tiếng nào thốt ra từ cái miệng mím chặt ấy. Sự im lặng của ông già đã làm cho tôi rất khổ tâm. Tôi không thể nào lại gần bác, không bao giờ đến gần bác. Trái lại, vừa trông thấy bác là tôi chạy vội về nhà bảo bà tôi:

- Bác Grigôri đang đi ở ngoài đường!

- Thật à?

Bà tôi kêu lên với giọng thương hại và lo âu.

- Cháu cầm lấy cái này chạy mau ra đưa cho lão!

Tôi từ chối, vẻ cục cằn và tức giận. Bà tôi bèn đi ra cổng và đứng ở vỉa hè nói chuyện với bác hồi lâu. Bác mỉm cười, chòm râu rung rung, nhưng bác nói rất ít và nhất gừng. Thỉnh thoảng bà tôi mời bác vào bếp, cho bác ăn uống. Có lần bác hỏi tôi đâu. Bà tôi gọi, nhưng tôi chạy nấp vào đóng cửa. Tôi không thể đến gần bác được; đứng trước mặt bác tôi cảm thấy xấu hổ không chịu nổi. Tôi biết bà tôi cũng xấu hổ như vậy. Chỉ có một lần tôi nói chuyện với bà tôi về bác Grigôri. Sau khi tiễn bác ra cổng, bà tôi lưng thưng quay vào sân, cúi đầu và khóc sục sịt. Tôi lại gần và cầm lấy tay bà.

- Tại sao cháu lại chạy trốn lão?

Bà tôi khẽ hỏi

- Lão yêu cháu, lão là một người rất tốt mà...

- Thế tại sao ông không nuôi bác ấy hử bà?

Tôi hỏi lại.

- Ông ấy à?

Bà tôi đứng dừng lại, ôm ghì lấy tôi, nói với giọng tiên tri, gần như thì thầm:

- Cháu hãy nhớ lấy lời bà: Chúa sẽ trừng phạt ông bà một cách phũ phàng về tội đã đối xử với con người này như vậy! Nhất định sẽ trừng phạt...

Bà tôi nói quả không sai. Khoảng mười năm sau, khi bà tôi đã vĩnh viễn yên nghỉ, chính ông tôi hóa điên đã đi ăn xin khắp các đường phố, van xin thăm thiết dưới cửa sổ các nhà.

- Các bác đầu bếp phúc đức ơi, xin các bác một miếng bánh, một mẩu bánh ngọt thì hơn!

- Ôi chao, lũ các người

- ì

- ì thật là...

Tôi chỉ còn nhớ mỗi cái câu chua xót kéo dài và kích động lòng người của ông tôi trước đây:

- Ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là...

Ngoài Igôsa và Grigôri Ivanôvita ra, có một mù đàn bà phóng đảng khiến tôi không dám ra phố đó là mù Vôrônikha. Cứ đến ngày lễ là mù lại xuất hiện, to lớn, tóc rối bù và say bí tỉ. Mù có lối đi rất đặc biệt như không động đậy chân, không chạm đất, mà chuyển động như một đám mây đen, mù vừa đi vừa ngheu ngao những bài hát tục tĩu. Tất cả mọi người gặp mù đều lẩn tránh vào các cổng nhà, góc tường hoặc cửa hiệu. Mù đi đến đâu là như quét sạch người đến đấy Mặt mù xanh xám, sưng húp như một cái bong bóng, cặp mắt xám to tướng tròn xoe nom thật buồn cười và khủng khiếp. Có lúc mù vừa khóc vừa kêu:

- Các con ơi, các con ở đâu?

Tôi hỏi bà tôi xem tại sao mù lại nói như thế.

- Cháu không nên biết chuyện đó!

Bà tôi trả lời vẻ rầu rĩ. Nhưng dù sao bà tôi vẫn kể vắn tắt: mù ta trước đây lấy một lão viên chức tên là Vôrônôp. Tên này muốn được thăng quan tiến chức liền đem hiến vợ cho một tên quan trên của mình. Hắn đem mù đi đâu không rõ. Mù đi biệt nhà hai năm liền. Khi trở về thì hai đứa con của mù - một trai và một gái - đều chết cả, còn chồng mù vì lấy tiền nhà nước đi đánh bạc, thua cả nên bị bỏ tù. Thế là mù khổ tâm quá đâm ra rệu rã, thích sống phóng đảng và hay phá rối. Mỗi ngày lễ cứ đến tối là cảnh sát lại lôi mù về... ở trong nhà quả thật tốt hơn ra ngoài phố. Tôi thích nhất những giờ sau bữa ăn trưa, khi ông tôi đến xưởng nhuộm của cậu Iakôp, bà tôi ngồi bên cửa sổ kể cho tôi nghe những chuyện cổ tích rất hay và những chuyện khác, hoặc nói về

chuyện bố tôi. Bà tôi cắt cái cánh gãy của con sáo mà hôm trước bà tôi giăng lại được ở con mèo, thay rất khéo cái chân gãy của nó bằng một cái chân gỗ nho nhỏ. Sau khi chữa cho con chim khỏi, bà tôi dạy nó nói. Có lúc bà tôi đứng hàng giờ trước cái lồng treo ở khung cửa sổ, trông giống như một con thú to lớn và hiền từ. Giọng trầm trầm, bà tôi nhắc đi nhắc lại cho con chim đen như hòn than có tài bắt chước thật nhanh:

- Nào, nói đi: "Cho sáo ăn bột!"

Con sáo giương cặp mắt tròn xoe và linh hoạt của một nhà khôi hài nhìn bà tôi. Nó nhảy bằng cái chân gỗ trên đáy chiếc lồng mảnh dẻ, vươn cổ ra hót như con chim vàng anh, bắt chước chim cà cưỡng, chim cu cu, nó cố làm giọng mèo kêu, bắt chước tiếng chó sủa, nhưng vẫn chưa nói được tiếng người.

- Mày đừng làm trò ranh nữa!

Bà tôi nghiêm trang nói với con sáo.

- Nói đi: "Cho sáo ăn bột!"

Con khi có bộ lông chim đen kêu lên một tiếng chói tai, giống giống như lời bà tôi dạy nó. Bà tôi cười vui vẻ, giơ đầu ngón tay chìa cho con chim chút bột mạch và nói:

- A! Tao biết mày rồi, đồ láu cá, mày giả vờ. Cái gì mày cũng nói được, cái gì mày cũng biết!

Thế là bà tôi dạy được con sáo biết nói. ít lâu sau, nó đòi ăn bột khá sôi, và hề thấy bà tôi là nó kêu lên một tiếng kéo dài giống như tiếng "tà-ào - bà - ả...". Lúc đầu lồng sáo treo ở phòng ông tôi, nhưng chẳng bao lâu ông tôi đuổi nó lên gác thượng với bà cháu tôi, vì con sáo đã học được trêu tức ông tôi. Lúc nào ông tôi đọc kinh mạch lạc thì con chim lại thò cái mỏ vàng vàng như sáp ong qua kẽ lồng và rít lên:

- Tiu, tiu-tiu irr, tu irr, ti irr, tiu-u, u!

Ông tôi bực mình lắm. Một hôm ông tôi nổi nóng ngừng cầu nguyện, giậm chân và thét lên dữ dội:

- Tổng ngay con quỷ này đi, không tao giết chết nó bây giờ!

Trong nhà có nhiều cái thú vị, nhiều trò vui, nhưng thỉnh thoảng một nỗi buồn không sao chịu nổi bóp nghẹt tâm hồn tôi. Toàn thân tôi như bị một cái gì nặng đè lên và tôi có cảm tưởng như mình sống khá lâu dưới một cái hố đen sâu thẳm. Tôi như

mất hết cả thị giác, thính giác và mọi cảm giác, mù lòa và sống dở chết dở...

VIII

Ông tôi đột nhiên bán ngôi nhà cho lão chủ quán, sau khi tậu một ngôi nhà khác ở phố Kanatnaia. Phố này không lát đá, đầy cỏ mọc, sạch sẽ và yên tĩnh, chạy thẳng ra cánh đồng, hai bên có những dãy nhà nhỏ, sơn màu tươi tắn. Ngôi nhà mới tao nhã và đáng yêu hơn ngôi nhà cũ. Mặt chính diện sơn màu đỏ thẫm nồng ấm và thanh bình, ba chiếc cửa sổ màu xanh da trời và một chiếc cửa sổ gác thượng có chấn song nổi bật trên nền đỏ. Mái nhà bên trái có bóng cây du và bồ đề sum sê phủ lên trên rất đẹp mắt. Ngoài sân và trong vườn có nhiều xó xỉnh thuận lợi hình như cốt dùng để chơi trò ú tim. Đẹp nhất là khu vườn, tuy nhỏ, nhưng cây cối rậm rạp và chẳng chít trông hay hay. ở một góc vườn có căn nhà tắm nhỏ xinh như một đồ chơi. Ở góc khác có cái hố to khá sâu mọc đầy cỏ dại, từ đám cỏ nhô lên những thanh gỗ to cháy dở, đó là vết tích của căn nhà tắm bị cháy trước đây. Phía bên trái khu vườn là vách chuồng ngựa của nhà viên đại tá ăpxiannikôp, phía bên phải là tòa nhà của Betleng.

Phía trong cùng khu vườn tiếp giáp với nhà cửa vườn tược của mục bán sữa Pêtrôpna, một mục béo như cái chuông có nước da đỏ hồng và tính nết ồn ào. Ngôi nhà nhỏ của mục thấp lè tè trên mặt đất, vừa tối om om vừa cũ kỹ, rêu phong phủ kín. Hai chiếc cửa sổ hiên lành nhìn ra một bãi rộng có những khe sâu và những khu rừng xa xa trông như những đám mây xanh nặng trĩu. Suốt ngày bọn lính tráng chạy ngược chạy xuôi ở ngoài bãi; lưỡi lê sáng loáng dưới ánh nắng xiên của mặt trời mùa thu. Ngôi nhà này chật ních những người mà tôi chưa bao giờ thấy. Nửa phía trước có một lão nhà binh già người Tacta ở cùng với mục vợ béo lùn; mục này léo nhéo suốt từ sáng đến tối. Mục cười cười nói nói luôn mồm, hay chơi cây đàn ghi-ta trang hoàng lộng lẫy và cất giọng lanh lảnh hát một bài ca sôi nổi: Yêu một nàng chưa thỏa, Nên kiếm thêm một ả! Phải biết tìm mới xong. Nếu anh đi đúng đường Tức khắc có phần thưởng, Phần thưởng chờ đợi anh ôi, phần thương-ưởng ngo-on lành! Lão nhà binh người cũng béo tròn như quả cầu ngồi bên cửa sổ, khuôn mặt xám xanh căng phồng lên. Lão vui vẻ đảo

đi đảo lại cặp mắt màu hung, hút liên miên tẩu thuốc và ho nghe kỳ quái như tiếng chó sủa:

- Vúc, vúc, vúc...

Trong một gian buồng nhỏ ấm áp ở phía trên hầm nhà và chuồng ngựa có hai người đánh xe ngựa ở: một người bé nhỏ tóc xám, đó là bác Piôt, và đứa cháu còm của bác là Xtiôpa, một chàng trai có nước da bóng lộn và khuôn mặt giống như cái khay bằng đồng đỏ. Ngoài ra, anh lính cần vụ Valây cũng ở đó. Anh ta là người Tacta, thân hình cao lêu nghêu, tính tình không được vui vẻ. Tất cả những con người này đều mới lạ đối với tôi và hình như có rất nhiều điều bí ẩn. Nhưng đặc biệt có bác ở trọ "Tốt Lắm" đã lôi cuốn được tôi. Bác thuê gian phòng dài về phía sau ngôi nhà, cạnh bếp, có hai cửa sổ trông ra vườn và ra sân. Bác gầy còm, lưng gù, khuôn mặt trắng bệch, bộ râu đen sì tẽ ra làm đôi, cặp mắt đeo kính trông rất hiền từ. Bác lăm lè, ít người để ý đến. Mỗi khi mời bác ăn trưa hay uống trà, bao giờ bác cũng đáp:

- Tốt lắm! Thế là có mặt hay vắng mặt bác, bà tôi đều gọi bác là "Tốt Lắm".

- Liônka, cháu đi gọi bác Tốt Lắm tới uống trà! Bác Tốt Lắm, tại sao bác xơi ít thế?

Khắp phòng bác chất ngổn ngang hòm xiềng cùng những cuốn sách dày in thứ chữ lạ, không phải chữ nhà thờ.. Chỗ nào cũng thấy những chai nước đủ các màu, những mảnh đồng và sắt, những thỏi chì. Suốt từ sáng đến tối bác mặc chiếc áo da màu hung đỏ, chiếc quần xám kẻ ô vuông. Toàn thân bác bết bết những màu và bốc ra một mùi khó chịu. Đầu tóc bác rối bù, đáng điệu vụng về. Bác nấu chì, hàn những mảnh đồng, vừa cân những cái gì trên chiếc cân nhỏ tí vừa làu bàu. Mỗi khi bị bóng, bác rống lên như bò, vội vàng thổi vào đầu ngón tay. Thỉnh thoảng bác lại sẩy chân khi đi về phía những bức đồ án treo trên tường. Sau khi lau kính, bác ngửi những bức đồ án. Chiếc mũi mảnh dẻ, thẳng và trắng bệch của bác gần như đụng vào tờ giấy. Đôi khi đột nhiên bác dừng lại giữa phòng hay bên cửa sổ và đứng đó hồi lâu, mắt nhắm lại, mặt ngẩng lên; bác đứng im lặng như một bức tượng gỗ.

Tôi trèo lên mái nhà kho và nhìn xuống sân theo dõi bác qua chiếc cửa sổ để ngỏ. Tôi thấy ngọn lửa xanh của chiếc đèn côn đặt trên bàn và cái thân hình đen đen của bác viết gì đó trong cuốn vở nhàu nát; cặp kính của bác ánh lên màu xanh nhạt và lạnh lùng

như những mảnh băng. Công việc phù thủy của con người này đã giữ tôi hàng giờ trên mái nhà, và khêu gợi lòng hiếu kỳ của tôi thêm sôi sục. Đôi lúc bác đứng trong khung cửa sổ, hai tay chấp sau lưng, nhìn thẳng lên mái nhà, làm như không nhìn thấy tôi; cái đó khiến tôi rất bức mình. Đột nhiên bác gặp đôi người lại, nhảy về phía bàn và lục lọi cái gì đó. Tôi nghĩ nếu bác giàu có và ăn mặc sang trọng, thì tôi cũng sợ bác đấy. Nhưng bác rất nghèo: cổ áo sơ-mi bẩn thỉu và nhàu nát của bác lòi ra ngoài cổ áo vét, chiếc quần vá đầy vết bẩn, bác đi đôi giày vải mòn vẹt không có bít tất. Những người nghèo đều không đáng sợ và cũng không nguy hiểm; thái độ thương xót của bà tôi và thái độ khinh bỉ của ông tôi đối với họ đã vô tình làm cho tôi tin điều đó. Mọi người trong nhà không ai ưa thích bác Tốt Lắm, cả nhà nói về bác với vẻ chế giễu. Mẹ vợ vui tính của lão nhà binh gọi bác là "cái mũi bằng phấn", bác Piôt gọi bác là "được tể sư và thầy phù thủy", ông tôi gọi bác là "yêu thuật sư" và "facmaxôn".

- Bác ấy làm gì thế hở bà?

Tôi hỏi bà tôi. Bà tôi nghiêm khắc đáp lại:

- Không phải việc của mày; im mồm đi...

Một hôm tôi đánh bạo tới gần cửa sổ nhà bác và hỏi, cố giấu nỗi hồi hộp trong lòng:

- Bác làm gì đấy?

Bác giật mình, nhìn tôi hồi lâu qua vành mắt kính và giờ cánh tay đầy vết lở loét và sẹo vì bỏng về phía tôi, rồi nói:

- Trèo vào đây...

Bác không mời tôi vào qua cửa, mà bảo tôi trèo qua cửa sổ, điều đó làm cho tôi cảm thấy mến phục bác hơn. Bác ngồi xuống chiếc hòm, đặt tôi ngồi trước mặt, lúc thì đẩy tôi lui ra xa, lúc thì lại kéo dịch lại gần và cuối cùng bác hỏi khẽ:

- Cháu ở đâu đến?

Câu hỏi đó thật là kỳ quặc, vì một ngày bốn bận tôi ngồi ăn trong bếp bên cạnh bác! Tôi đáp:

- Cháu là cháu của ông bà nhà này...

- A, phải rồi, - bác vừa nói vừa nhìn ngón tay mình rồi im lặng.

Lúc đó tôi thấy cần phải nói cho bác rõ:

- Cháu không phải trong họ Kasirin, mà là trong họ Pêskôp...
- Pêskôp - bác nhắc lại không đúng trọng âm.
- Tốt lắm.

Bác đẩy tôi lui sang một phía rồi đứng dậy, vừa đi lại bàn vừa nói:

- Thôi, cháu hãy ngồi yên nhé...

Tôi ngồi rất lâu xem bác lấy cái dũa dũa miếng đồng cặp chặt trong mỏ cặp, mặt đồng vàng ánh rơi xuống miếng bìa cứng. Bác bốc một vốc mặt đồng bỏ vào cái tách dày, cho thêm vào đó một ít bột trắng như muối đựng trong cái lọ con rồi rót vào một chất gì ở trong cái chai đen thẫm. Trong tách có tiếng nổ lép bép, khói bốc lên, mùi hăng hăng xộc vào mũi tôi. Tôi ho, lắc đầu, nhưng bác phù thủy ấy lại hỏi tôi với vẻ khoe khoang:

- Mùi khó ngửi à?
- Vâng.
- Đúng rồi! Cái đó rất tốt, cháu ạ! "Có thể mà cũng khoe!"

Tôi nghĩ bụng và nghiêm khắc nói:

- Nếu đã là mùi khó ngửi thì không tốt rồi...
- Thế à?

Bác thốt lên và nháy mắt

- Nhưng, cháu ạ, điều ấy không phải bao giờ cũng đúng! Thế cháu có biết chơi xương không?

- Có ạ.
- Cháu có muốn bác làm cho một bộ bằng chì không? Loại ấy đấu thì tốt lắm!
- Có ạ.
- Thế thì cháu hãy mang tới đây một bộ xương mẫu nhé!

Bác lại đến gần chỗ tôi, vừa cầm chiếc tách bốc khói trong tay vừa dùng một mắt liếc nhìn vào đó, bác đến trước mặt tôi và nói:

- Bác sẽ làm cho cháu một bộ xương bằng chì, nhưng sau đó cháu đừng tới chỗ bác nữa. Đồng ý không?

Lời nói đó làm tôi rất bức mình.

- Đã thế thì cháu sẽ không bao giờ đến đây nữa...

Tức mình, tôi đi ra vườn. Ông tôi đang loay hoay bón phân vào các gốc táo. Đang là mùa thu, lá cây đã rụng từ lâu.

- Lại đây, cháu xén cây phúc bồn tử đi, - ông tôi nói và đưa kéo cho tôi.

Tôi hỏi ông:

- Bác Tốt Lắm đang làm cái gì thế hở ông?

- Bác ấy làm hỏng cả căn phòng, - ông tôi đáp với vẻ tức giận.

- Làm cháy thùng cả sàn, làm bẩn và bong cả giấy bồi tường. Ông sẽ bảo bác ta dọn đi nơi khác mà ở!

- Cần phải làm như thế mới được, - tôi tán thành và bắt đầu xén những cành phúc bồn tử khô. Nhưng tôi nói câu ấy quá vội vàng. Những buổi tối mưa gió, nếu ông tôi vắng nhà, bà tôi thường tổ chức những buổi họp mặt vô cùng thú vị ở nhà bếp. Bà tôi mời tất cả mọi người trong nhà tới uống trà: hai bác cháu người đánh xe ngựa, anh lính cần vụ, mẹ Pêtrôpna lúc nào cũng hoạt bát, đôi khi cả mẹ vợ vui tính của lão nhà binh cũng đến, và bác Tốt Lắm bao giờ cũng đứng lì ở một góc gần lò sưởi, bác không nói không rằng và không nhúc nhích. Anh chàng câm Xtiôpa chơi bài với Valây; anh lính cần vụ người Tacta lấy quân bài đét vào chiếc mũ to bè của chàng câm và nói:

- Aô saitan!

Bác Piôt thường đem đến một chiếc bánh mì trắng lớn và mút "hạt quỳ" đựng trong một cái lọ lớn bằng sành. Bác cắt bánh mì ra thành từng khoanh, phết đầy mút lên từng miếng rồi đặt những miếng bánh đỏ thắm ngon lành đó trên lòng bàn tay và cúi mời từng người một.

- Xin mời!

Bác mời với giọng rất dịu dàng. Khi người ta đã cầm lấy bánh, bác chú ý nhìn lòng bàn tay đen sì của mình và nếu thấy một giọt mút nào ở đó lập tức bác thè lưỡi liếm sạch. Còn mẹ Pêtrôpna thì mang đến một chai rượu anh đào, mẹ vợ vui tính của lão nhà binh thì mang hồ đào và kẹo đến. Thế là một bữa tiệc lớn bắt đầu. Bà tôi rất thích những cuộc vui như thế. ít lâu sau hôm bác Tốt Lắm đã mặc cả với tôi để tôi không đến thăm bác nữa, bà

tôi tổ chức một tối vui như vậy. Ngoài trời mưa thu đổ xuống ào ào không ngớt, gió rít lên, cây cối xào xạc, cành cây quất sây sát cả tường. Trong nhà bếp ấm cúng, rất dễ chịu. Cả nhà ngồi quây quần bên nhau, mọi người đều yên lặng một cách đặc biệt thoải mái. Hôm đó, bà tôi hào hứng kể rất nhiều chuyện cổ tích, càng nghe càng thấy hay. Bà ngồi ở mép lò sưởi, dựa chân vào bậc lên, và cúi xuống chỗ đám người được ánh lửa của chiếc đèn con bằng sắt tây rọi sáng. Mỗi khi cao hứng bà thường trèo lên lò sưởi và giảng giải:

- Tôi phải nói từ trên cao xuống.

Nói từ trên cao xuống vẫn tốt hơn. Tôi ngồi bên chân bà tôi, trên một bậc rộng, gần như ở trên đầu bác Tốt lắm. Bà tôi kể một câu chuyện rất hay về dũng sĩ Ivan và nhà ẩn sĩ Mirôn. Những lời ngọt ngào, xác đáng của bà tôi nhịp nhàng tuôn ra: Xưa có viên tướng dữ Gordiôn, Lòng dạ tối tăm, tim rắn như đá, Ghét sự thật, hấn ưa trò hành hạ, Sống hung tàn như con cú hốc cây. Hấn điên cuồng ghét đắng ghét cay Nhà ẩn sĩ Mirôn bất khuất

- Người bảo vệ thiện căn và sự thật, Người một lòng vì thiên hạ quên mình. Viên tướng sai tên đầy tớ trung thành Là Ivanuska - dũng sĩ: Tiếng Tacta: "A, đồ ma quỷ!".

- Ivankô, người hãy mang gươm quý Đi chém đầu lão Mirôn kiêu ngạo cho ta, Rồi tóm râu đem đầu lão về nhà, Ta sẽ quăng cho chó nhá! Dũng sĩ Ivan tuân lệnh chủ Vừa đi vừa suy nghĩ buồn rầu: "Việc này nào ta có muốn đâu? Cưỡng sao được mệnh trời phán bảo?" Ivan giấu thanh gươm sau vạt áo Đến cúi chào nhà ẩn sĩ Mirôn:

- Chào hiền nhân, bác có khỏe không? Chúa vẫn ban ơn cho bác chứ?

Nhà tiên tri mỉm cười tư lự Trả lời y bằng lời lẽ sâu xa:

- Thôi đủ rồi, hỡi Ivanuskô, Người che giấu làm gì sự thật? Mọi việc trên đời Chúa đều biết tất, Điều dữ, điều lành Người nắm trong tay. Ta đã biết vì sao người đến nơi này!

Nghe dứt lời, Ivanka xấu hổ, Nhưng y không dám cưỡng lời sai của chủ, Bèn rút gươm ra khỏi bao da, Lấy vạt lau, gươm sáng chói lòa.

- Bác Mirôn, tôi muốn giết bác Sao cho bác khỏi thấy thanh gươm sắc, Nhưng không ngờ bác đã biết trước rồi. Vậy bây giờ bác

cầu Chúa đi thôi, Bác hãy cầu nguyện Người lần cuối Cho bác, cho tôi, cho cả loài người. Cầu nguyện xong tôi sẽ chặt đầu!... Ông già Mirôn không chút lo âu, Lặng lẽ quì dưới cây sồi non trẻ, Cây sồi nghiêng mình chào nhà ẩn sĩ, ông già cười hiền hậu, bảo Ivan:

- Nay Ivan, người hãy coi chừng, Lời cầu nguyện cho loài người dài lắm! Tốt hơn hết đừng đợi chờ quanh quẩn, Đỡ mất công người cứ giết ta ngay. Dũng sĩ Ivan giận dữ cau mày và thốt lên lời khoe khoang ngu ngốc:

- Tôi chờ hàng trăm năm vẫn được! Bác cứ cầu nguyện đi, tôi đã nói là làm!

*Nhà ẩn sĩ cầu nguyện đến hoàng hôn,
Rời từ hoàng hôn đến rạng sáng,
Lại từ sáng đến nửa đêm thanh vắng,
Từ mùa hè cầu nguyện đến mùa xuân.
Ngày tháng qua, năm nối tiếp năm,
Cây sồi non đã vươn lên trời thẳm,
Quả sồi rụng đã mọc thành rừng rậm,
Mà lời cầu thiêng vẫn cứ còn vang!*

Cho tới ngày nay lời cầu nguyện vẫn còn, ông già vẫn thở than cùng Chúa:

*Xin Chúa hãy giúp người nghèo khổ,
Xin Đức Mẹ ban niềm vui sướng cho loài người.
Còn dũng sĩ Ivan vẫn đứng,
Lưỡi gươm sắc đã từ lâu thành bụi,
Binh giáp gỉ tiêu, áo quần tan lụi,
Hè qua đông, y vẫn đứng trần truồng.
Nắng đốt thiêu, y vẫn đứng vững vàng,
Muỗi hút máu, nhưng không sao cạn,
Chó sói, gấu rừng không bén mảng,
Giá băng, bão tuyết cũng không gần.
Chính y cũng không nhấc nổi bước chân,*

*Giơ không nổi tay, nói không nghe rõ,
Chúa đã trừng phạt y như vậy đó!
Hình phạt của y đã rõ ràng:
Không được tuân theo lệnh bất lương,
Không được nấp sau lương tâm kẻ khác!
Còn lời cầu của ông già ản dật,
Đến giờ đây còn vắng vắng tới Chúa Trời,
Như một dòng sông trong vắt chảy ra khơi,
Lời cầu nguyện cho chúng ta còn sống mãi!*

Ngay từ lúc bà tôi bắt đầu kể chuyện, tôi đã thấy bác Tốt Lắm có điều gì bất thường: hai tay bác cứ giật giật một cách lạ lùng, khi thì bác bỏ kính ra, khi thì đeo kính vào, khi thì vung vẩy theo nhịp điệu những lời nói du dương. Bác gật đầu, lấy đầu ngón tay khẽ ấn chặt lên mi mắt và luôn luôn dùng lòng bàn tay lau vội trán và má như là mồ hôi toát ra đầm đìa. Khi có người nào đấy động dậy, ho hoặc lê chân, bác lại khẽ kêu lên giọng nghiêm khắc:

- Suyt!

Lúc bà tôi vừa kể hết, bác đứng phắt dậy, vung vẩy tay và quay cuồng một cách không tự nhiên rồi lảo đảo:

- Các người nên biết, chuyện đó rất kỳ lạ, cần phải ghi lại, nhất định là phải ghi! Chuyện đó rất thực, đúng là chuyện của nước ta...

Bây giờ rõ ràng là bác khóc, cặp mắt bác đầy lệ; lệ tuôn ra khắp xung quanh, cặp mắt tắm trong nước mắt. Cái đó thật kỳ lạ và trông rất đáng thương. Bác chạy đi chạy lại khắp nhà bếp, nháy nhót trông vụng về và buồn cười. Bác vung vẩy kính trước cái mũi của bác, bác muốn đeo vào mắt, nhưng không làm sao móc nổi kính vào tai. Bác Piôt mỉm cười; và nhìn bác, tất cả mọi người ngượng ngùng im lặng, còn bà tôi thì nói vội vã:

- Xin cứ việc ghi, cái ấy không có tội lỗi gì cả. Loại chuyện như vậy tôi còn biết khối...

- Không, chính câu chuyện này cơ! Chuyện này mới thực là của người Nga, - bác Tốt Lắm kêu lên vẻ xúc động. Đột nhiên bác dừng lại ở giữa nhà bếp và bắt đầu nói to, tay phải lia trong không

khí, tay trái cầm chiếc kính run run. Bác nói rất lâu, giọng rít lên giận dữ. Bác khẽ giậm chân, luôn luôn nhắc đi nhắc lại độc có một câu:

- Không được sống theo lương tâm kẻ khác, phải, phải!

Sau đó đột nhiên giọng bác dứt quãng, bác im lặng nhìn tất cả mọi người và lẳng lặng đi ra, đầu cúi gằm có vẻ hối lỗi. Mọi người đều mỉm cười, ngượng ngịu nhìn nhau. Bà tôi lùi sâu vào bóng tối phía trong lò sưởi, và thở dài một cách nặng nề. Mụ Pêtrôpna lấy tay lau cặp môi dày và đỏ rồi hỏi:

- Hình như bác ấy nổi nóng thì phải?

- Không phải, - bác Piôt đáp.

- Tính bác ấy thế đấy.

Bà tôi tụt xuống khỏi lò sưởi và lặng lẽ đun lại ấm xamôva, còn bác Piôt thông thả nói:

- Những ngài như vậy toàn là những người tính khí bất thường!

Valây càu nhàu, vẻ khó chịu:

- Những kẻ chưa vợ thường hay vợ vắn như vậy đấy!

Mọi người đều cười, nhưng bác Piôt vẫn tiếp tục nói, giọng kéo dài:

- Đến nỗi phải khóc cơ à... Rõ ràng trước kia là một con cá măng, bây giờ thì chỉ còn là một con cá bống, mà chưa chắc...

Tôi cảm thấy buồn rầu, sự chán nản ở đâu đến đè nặng lên tâm hồn tôi. Bác Tốt Lắm làm cho tôi rất ngạc nhiên, tôi thấy thương hại bác quá, - cặp mắt đầm đìa lệ của bác như hiện lên rất rõ trước mặt tôi. Đêm hôm ấy bác không ngủ nhà. Ngày hôm sau ăn trưa xong bác trở về. Quần áo nhàu nát hết cả, bác đã bình tĩnh lại và trông bác rõ ràng có vẻ ngượng ngịu.

- Hôm qua cháu đã làm ồn lên, - bác nói với bà tôi, vẻ hối lỗi như đứa trẻ con.

- Cụ không giận chứ?

- Giận cái gì cơ?

- Giận cháu đã can thiệp vào những việc không dính líu đến cháu, đã nói quá lời?

- Bác không làm ai bức mình cả...

Tôi cảm thấy bà tôi sợ bác, không nhìn thẳng vào mặt bác và nói rất khẽ, giọng khác thường. Bác tới sát bên bà tôi và nói rất tự nhiên:

- Cụ xem, cháu đơn độc một cách đáng sợ, cháu chẳng có một ai thân thiết cả! Im lặng, im lặng mãi, rồi đột nhiên trong lòng cứ như sôi sục và bùng ra... Lúc đó cháu sẵn sàng nói với cả hòn đá, cái cây...

Bà tôi lùi lại để tránh xa bác ra.

- Bác phải lấy vợ đi...

- Ôi!

Bác thốt lên, nhăn mặt lại, xua tay rồi đi ra.

Bà tôi cau mày nhìn theo bác, hít một hơi thuốc lá và sau đó nghiêm khắc cấm tôi:

- Cháu coi chừng, không được quần quanh gần bác ấy; có mà trời biết được bác ta là người như thế nào...

Nhưng tôi lại bị bác lôi cuốn. Tôi đã nhìn thấy sắc mặt bác biến đổi như thế nào khi bác nói câu "cháu đơn độc một cách đáng sợ". Trong lời nói đó có cái gì dễ hiểu đối với tôi, làm tôi cảm động, và tôi đã tìm đến bác. Tôi từ ngoài sân nhìn vào cửa sổ phòng bác; gian phòng trống trải và giống như gian nhà kho trong đó người ta ném vôi vàng và bừa bộn những đồ vật linh tinh vô dụng, chúng cũng vô dụng và kỳ quái như chủ nhân chúng vậy. Tôi đi ra vườn và nom thấy bác ở đó. Lưng lom khom, tay ôm đầu, khuỷu tay chống vào đầu gối; bác ngồi chên vênh ở đầu một cây gỗ bị cháy sém. Cây gỗ này bị đất phủ đầy, một đầu ánh lên màu than đen nhánh và nhô khỏi đám ngải cứu héo, gai và ngưi bàng. Ngay cái việc bác ngồi chên vênh như vậy lại càng khiến tôi có cảm tình hơn đối với bác. Mãi bác không nhìn thấy tôi; cặp mắt đờ đẫn như mắt cú nhìn đi đâu xa. Sau đó đột nhiên bác hỏi có vẻ miễn cưỡng.

- Tìm bác à?

- Không.

- Thế thì lại đây làm gì?

- Không làm gì cả.

Bác bỏ kính ra, lấy chiếc khăn mùi soa có những đốm đỏ đen ra lau kính và nói:

- Nào, ngồi xuống đây!

Khi tôi ngồi bên cạnh bác, bác ôm chặt lấy vai tôi.

- Ngồi đây. Chúng ta sẽ ngồi im lặng. Được không? Như thế đấy... Cháu buồn lắm phải không?

- Vâng.

- Tốt lắm!

Chúng tôi ngồi im lặng rất lâu. Buổi chiều tĩnh mịch và êm dịu. Đó là một trong những buổi chiều đầu thu buồn bã, khi cảnh vật muôn màu xung quanh phai pha rõ rệt, mỗi giờ phút lại một mờ nhạt thêm; đất đã cạn hết cả hương thơm mùa hè phong phú của nó và chỉ còn tỏa ra mùi ẩm ướt lạnh lẽo; không khí trong suốt lạ kỳ, trên bầu trời hồng hồng bóng quạ đen bay hối hả, gây nên những ý nghĩ không vui. Tất cả đều lặng lẽ như tờ. Mỗi một tiếng động -tiếng cánh chim sột soạt, tiếng lá rụng xào xạc đều vang lên một cách lạ lùng khiến cho người ta phải rùng mình sợ hãi; nhưng sau đó lại im phăng phắc; sự yên lặng đã bao trùm cả trái đất và choán lấy lồng ngực. Trong những giờ phút như vậy đã nảy ra những ý nghĩ rất thanh khiết và cao nhã, nhưng chúng mỏng manh và trong suốt như mạng nhện, khôn tả được bằng lời. Chúng lóe lên trong chớp lát và biến mất rất mau như những ngôi sao đổi ngôi, chúng nung nấu trong lòng một nỗi buồn, chúng vừa êm dịu vừa làm cho người ta xao xuyến, khiến cho tâm hồn sôi sục, tan ra như thép chảy, dần dần bắt lấy khuôn khổ vĩnh viễn; ấy những đường nét của tâm hồn đã tạo thành như vậy đó. Tôi nép vào bên sườn ấm áp của bác Tốt Lắm và cùng với bác nhìn bầu trời đỏ thắm qua những cành táo đen đen, theo dõi những con chim khuyên bay nhón nhíp, nhìn những con chim kim oanh rửa ngọn cây ngưu bàng khô để kiếm những hạt chát. Từ cánh đồng, những đám mây lờm xờm xanh biếc viền màu đỏ thắm đang từ từ bay tới; dưới đám mây, đàn quạ nặng nề bay về tổ trong nghĩa địa. Thật là đẹp và không hiểu tại sao đối với tôi tất cả hình như dễ hiểu hơn và gần gũi hơn thường ngày. Thỉnh thoảng bác thở dài và hỏi tôi:

- Đẹp không cháu? Đẹp thật! Cháu có thấy ẩm không? Có lạnh không?

Bầu trời trở nên đen sẫm và mọi vật xung quanh như phồng to lên, bóng tối mờ mịt ẩm ướt tràn đến. Bác Tốt Lắm nói:

- Chúng ta đi về thôi!

Đi... Tới cửa vườn, bác dừng lại và nói rất khẽ:

- Bà cháu rất tốt, - ôi, đất nước chúng ta thật là tuyệt diệu!

Bác nhắm mắt, mỉm cười và đọc khe khẽ, nhưng rất rõ ràng:

Hình phạt của y đã rõ ràng:

Không được tuân theo lệnh bất lương,

Không được nấp sau lương tâm kẻ khác!...

- Cháu hãy ghi nhớ lấy điều ấy, cần phải nhớ rất kỹ!

Bác đẩy tôi về phía trước và hỏi:

- Cháu có biết viết không?

- Không ạ.

- Phải học đi. Cháu phải học thông viết thạo để ghi lại những chuyện mà bà cháu kể, cái đó rất có ích, cháu ạ...

Chúng tôi kết thân với nhau. Từ hôm ấy lúc nào tôi muốn đến chỗ bác Tốt Lắm cũng được. Tôi ngồi trên chiếc hòm có lót mảnh giẻ rách và tha hồ tự do theo dõi bác nấu chè, nung đồng; sau khi nung đỏ, bác lấy chiếc búa nhẹ có cán đẹp rèn những tấm sắt trên cái đe nhỏ, bác còn dùng bàn mài, dũa, đá nhám và cái cưa mỏng dính như sợi chỉ. Bác luôn luôn cân các thứ trên chiếc cân bằng đồng rất nhạy. Bác pha các chất lỏng khác nhau vào những chiếc tách dày màu trắng rồi nhìn chúng bốc khói và tỏa đầy phòng mùi hăng hăng. Bác nhăn mặt cắn đôi môi đỏ nhìn vào cuốn sách dày và lẩm bẩm những gì không rõ hoặc kéo dài giọng khàn khàn khe khẽ ngâm: ôi, hoa hồng của Xarôn...

- Bác làm cái gì thế?

- Làm cái này, cháu ạ...

- Cái gì cơ?

- A-a, cháu thấy đấy, bác không biết nói thế nào để cháu hiểu... - ông cháu bảo có lẽ bác làm tiền giả...

- Ông à? ... Hừm! Ông chỉ nói bậy thôi! Tiền, cháu ạ, chỉ là thứ không đáng kể...

- Nhưng lấy gì để mua bánh mì?
- Đúng, cháu ạ, mua bánh mì phải trả tiền, cháu nói phải...
- Bác thấy không! Mua thịt bò cũng phải...
- Mua thịt bò cũng...

Bác khẽ cười rất đáng yêu, bác cù sau tai tôi giống như tôi là một con chó con và nói:

- Bác không làm sao có thể tranh cãi nổi với cháu. Cháu động nói là làm cho bác cảm như hén. Tốt hơn cả là chúng ta cùng im lặng...

Thỉnh thoảng bác tạm ngừng công việc và đến ngồi bên cạnh tôi. Chúng tôi nhìn rất lâu ra cửa sổ xem mưa rơi trên mái nhà, rơi xuống sân mọc đầy cỏ, xem những cây táo trụi lá xơ xác hắt đi. Bác Tốt Lắm rất hà tiện lời nói, nhưng bao giờ cũng nói những lời cần thiết. Thường thường mỗi khi muốn làm cho tôi chú ý đến cái gì, bác khẽ hích tôi và nháy mắt làm hiệu. Riêng tôi thì không nhìn thấy cái gì đặc biệt ở ngoài sân cả, nhưng do những cái hích tay và do những lời nói vắn tắt ấy, tất cả những cái tôi nhìn thấy như có ý nghĩa đặc biệt, tất cả đều in sâu vào trí nhớ tôi. Như khi thấy một con mèo chạy ra ngoài sân, dừng lại trước vũng nước trong và nhìn cái bóng phản chiếu của nó rồi giơ cái chân mềm mại như muốn đánh cái bóng đó, - bác Tốt Lắm khẽ nói:

- Giống mèo vừa kiêu ngạo vừa đa nghi... Con gà trống Mamai màu hung và vàng óng bay lên đậu ở hàng rào ngoài vườn, vỗ cánh và suýt nữa thì ngã; nó bực mình, vươn cái cổ dài ra, tức giận kêu cục cục.

- Vị tướng này có vẻ tự phụ, nhưng không thông minh lắm...

Anh chàng Valây vụng về bước trên bùn trơn nặng nề như một con ngựa già. Bộ mặt có đôi gò má cao của anh như sưng lên. Anh khẽ nheo mắt, nhìn lên trời: một tia nắng mùa thu trắng trắng chiếu thẳng lên ngực anh, làm chiếc khuy đồng trên áo sáng rực lên. Anh chàng người Tacta này đứng dừng lại và lấy những ngón tay cong cong sờ vào chiếc khuy.

Hết như hán vừa được hưởng chiếc mê-đay. Hán đang ngẫm nghĩ... Tôi gần bó với bác Tốt Lắm rất mau và rất mật thiết. Bác trở thành cần thiết đối với tôi trong những ngày tủ nhục đắng cay cũng như trong những giờ phút vui sướng. Bác tuy lặng lẽ, nhưng

không cấm tôi nói tất cả những gì nảy ra trong đầu óc tôi, còn ông tôi bao giờ cũng ngắt lời tôi bằng một tiếng quát nghiêm khắc:

- Không được nói ba hoa, thằng bẻm mép này!

Còn bà tôi cũng đã có nhiều điều tâm sự lắm rồi nên bà tôi không muốn nghe và không muốn tiếp thu của người khác nữa. Bác Tốt Lắm bao giờ cũng chú ý nghe câu chuyện huyền thiên của tôi và đôi khi mỉm cười nói với tôi:

- Không phải thế, cháu ạ, đó là cháu bịa ra...

Những lời nhận xét vắn tắt đó của bác bao giờ cũng đưa ra đúng lúc và rất cần thiết. Hình như bác nhìn thấy hết tất cả những gì xảy ra trong lòng và trong đầu óc tôi, đoán được tất cả những lời nói thừa và nói dối tôi sắp nói ra. Bác nhìn thấy hết và thường dùng một câu thân mật để cắt đi:

-Chú mày chỉ nói láo! Tôi thường có ý thử tài yêu thuật này của bác; có lần tôi bịa ra một chuyện và kể y như thật, nhưng bác vừa mới nghe một tí đã lắc đầu tỏ vẻ không tin:

- Hầy, chú mày chỉ nói láo...

- Thế tại sao bác biết?

- Vì bác thấy rất rõ.

Mỗi lần đi ra quảng trường Xennaia lấy nước, bà tôi thường cho tôi đi theo. Một hôm chúng tôi trông thấy năm tên tiểu thị dân đánh một người mujich: họ quật anh ta xuống đất rồi xâu xé như một đàn chó cắn lẫn nhau. Bà tôi vội đặt thùng nước xuống, vừa vung vẩy đòn gánh, chạy về phía bọn kia vừa quay lại phía tôi và kêu:

- Cháu chạy đi! Nhưng tôi sợ hãi, chạy theo bà tôi và lấy sỏi đá ném vào bọn kia, còn bà tôi can đảm lấy đòn gánh thúc vào chúng, đập vào vai, vào đầu chúng. Thêm một đám người nữa ập tới, bọn kia bỏ chạy. Bà tôi rửa ráy cho người bị đánh; bộ mặt của anh ta bị giày xéo lên. Bây giờ tôi vẫn còn thấy ghê tởm cảnh anh ta lấy ngón tay bẩn bịt lỗ mũi bị rách, rồi vừa la hét, vừa ho; máu từ dưới ngón tay anh phun vọt vào mặt, vào ngực bà tôi. Bà tôi cũng kêu la, toàn thân run bắn lên. Khi trở về nhà, tôi liền chạy tới chỗ bác Tốt Lắm và kể lại câu chuyện này cho bác nghe. Bác vứt bỏ công việc đấy và đứng trước mặt tôi, giơ chiếc đĩa dài như một thanh gươm và nghiêm nghị nhìn tôi trừng trừng, dưới cặp

mắt kính. Sau đó đột nhiên bác ngắt lời tôi và nói giọng đầy ngụ ý khác thường:

- Phải, mọi việc đều phải làm như thế mới được! Tốt lắm!

Đang bị xúc động bởi những điều mắt thấy tai nghe, tôi không kịp kinh ngạc về những lời của bác và tiếp tục nói; nhưng bác ôm lấy tôi và đi đi lại lại trong phòng, thỉnh thoảng lại vấp, rồi nói:

- Thôi, đừng nói nữa! Cháu ạ, cháu đã nói hết cả những điều cần nói rồi - hiểu chưa? Hết cả!

Tôi bực mình im lặng, nhưng sau khi suy nghĩ, tôi hết sức ngạc nhiên, ngạc nhiên đến không sao quên được và hiểu rằng bác đã chặn tôi rất kịp thời; thực ra tôi đã nói hết cả rồi.

- Cháu ạ, cháu đừng chú ý đến những chuyện đó làm gì. Chuyện đó không đáng nhớ! - Bác nói thêm.

Đôi lúc đột nhiên bác nói với tôi những lời mà suốt đời tôi không thể quên được. Tôi kể cho bác về địch thủ của tôi là Kliusnikôp, một thằng béo tốt, đầu to, một đứa hay đánh nhau ở phố Nôvaia. Tôi không thể thắng nó trong lúc đánh nhau, và nó cũng không thắng nổi tôi. Bác Tốt Lắm chú ý nghe những lời than phiền của tôi và bảo:

- Đó chỉ là việc nhỏ mọn! Như thế không phải là khỏe. Muốn khỏe thật sự thì phải nhanh nhẹn. Động tác càng nhanh bao nhiêu thì càng khỏe bấy nhiêu - hiểu chưa?

Chủ nhật sau, tôi liền thử dùng nắm đấm thụi thật nhanh và tôi đã thắng thằng Kliuạnikôp một cách dễ dàng. Điều đó làm tôi càng chú ý hơn tới lời nói của bác Tốt Lắm.

- Phải biết nắm được mọi vật, cháu hiểu chưa? Biết cách nắm, đó là một việc rất khó!

Tôi không hiểu gì cả, nhưng tôi vô tình đã nhớ những lời ấy và những lời tương tự như vậy. Tôi nhớ chính vì trong những lời nói đơn giản ấy có một cái gì bí ẩn đến phát tức lên được: vì muốn "nắm" một hòn đá, miếng bánh mì, cái tách, cái búa thì cần gì phải có một tài cán đặc biệt. Mọi người trong nhà càng ngày càng không thích bác Tốt Lắm. Ngay cả con mèo đáng yêu của mẹ thuê nhà vui tính cũng không leo lên đầu gối bác như vẫn leo lên tất cả mọi người, và không chạy lại theo tiếng gọi dịu dàng của bác. Tôi đánh

nó vì tội ấy, kéo tai nó, và gần như khóc, tôi khuyên nhủ nó đừng sợ con người ấy.

- Quần áo bác sặc mùi axit nên mèo cũng không dám lại gần chỗ bác, - bác giải thích.

Nhưng tôi biết tất cả mọi người, kể cả bà tôi, đã giải thích cái đó khác hẳn, giải thích với thái độ thù địch, tức giận không đúng.

- Tại sao mày cứ quẩn lấy bác ấy?

Bà tôi hỏi, vẻ bức tức.

- Coi chừng, bác ấy sẽ dạy cho mày những trò...

Mỗi lần ông tôi - con chồn hôi hung đỏ - biết là tôi đến thăm bác Tốt Lắm thì ông tôi lại đánh tôi một trận nên thân. Tất nhiên tôi không nói với bác về chuyện tôi bị cấm lui tới chỗ bác, nhưng tôi kể thẳng cho bác biết về thái độ của mọi người trong nhà đối với bác ra sao:

- Bà cháu sợ bác; bà cháu nói bác là thầy yêu thuật. Ông cháu cũng bảo bác là kẻ thù của Chúa và là mối nguy hiểm đối với mọi người...

Bác lắc đầu như là đuổi ruồi vậy; một nụ cười rạng rỡ làm cho khuôn mặt trắng như phấn của bác trở nên hồng hào. Nhìn nụ cười của bác, lòng tôi thấy se lại, mắt như mờ đi.

- Cháu ạ, bác đã nhìn thấy cả!

Bác khẽ nói.

- Thật đáng buồn, phải không cháu?

- Vâng!

- Thật đáng buồn, cháu ạ...

Cuối cùng bác đã bị đuổi đi.

Một hôm tôi tới chỗ bác sau bữa uống trà sáng và thấy bác ngồi trên sàn, bác vừa xếp đồ đạc vào trong hòm vừa khẽ hát bài "Bông hoa hồng của Xarôn".

- Thôi, chúng ta phải từ biệt nhau, bác dọn đi đây...

- Sao bác lại đi?

Bác chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Cháu không biết thật à? Gian phòng này cần để cho mẹ cháu...

- Ai bảo thế?

- Ông cháu...

- Ông nói dối!

Bác Tốt Lắm kéo tay tôi lại gần chỗ bác. Khi tôi ngồi xuống sàn, bác khẽ bảo:

- Cháu đừng giận nhé! Bác cứ tưởng cháu biết mà không nói với bác; như vậy là không tốt, bác tưởng thế thôi...

Không hiểu sao tôi cảm thấy buồn buồn và giận bác.

- Nghe bác nói đây, - bác mỉm cười và gần như nói thầm. - Cháu có nhớ bác đã bảo cháu là không được tới chỗ bác không?

Tôi gật đầu.

- Lúc đó cháu giận bác phải không?

- Vâng...

- Nhưng bác không muốn làm cho cháu giận, cháu ạ. Cháu thấy không, bác biết là nếu cháu kết thân với bác thì người nhà cháu sẽ chửi mắng cháu, phải không? Quả nhiên là như thế chứ? Cháu đã hiểu vì sao bác nói như vậy chưa?

Bác nói như một đứa trẻ cùng tuổi với tôi, tôi rất thích những lời của bác. Tôi có cảm tưởng rằng tôi đã hiểu bác từ lâu, hiểu ngay từ hồi đó và tôi nói cho bác biết:

- Cái đó cháu hiểu từ lâu rồi!

- Đấy! Như thế đấy, cháu ạ. Chính là như vậy, cháu thân yêu của bác...

Lòng tôi như thắt lại không sao chịu nổi.

- Tại sao ở đây không một ai thích bác là thế nào?

Bác ôm tôi sát vào lòng, nháy nháy mắt rồi đáp:

- Bác là người khác đời, cháu hiểu không? Chính vì thế đó. Bác không giống họ...

Tôi kéo tay áo bác, không biết và cũng không hiểu nên nói gì.

- Cháu đừng giận, - bác nhắc lại và ghé vào tai tôi thì thầm nói thêm: - Cũng không nên khóc...

Nhưng chính nước mắt bác đang chảy ròng ròng dưới cặp mắt kính đục mờ. Sau đó, cũng như mọi khi, chúng tôi ngồi im lặng rất lâu, thỉnh thoảng mới trao đổi vài lời vắn tắt. Buổi chiều bác dọn đi, bác thân mật từ biệt cả nhà và ôm tôi rất chặt. Tôi đi ra ngoài cổng và nhìn thấy bác ngồi lắc lư trên chiếc xe ngựa có đôi bánh nghiêng lên những cục bùn giá cứng. Ngay sau khi bác đi, bà tôi bắt tay ngay vào việc rửa và cọ gian phòng bẩn thỉu. Tôi cố tình đi từ góc tường này sang góc tường kia để quấy rầy bà tôi.

- Cút ra!- Bà tôi quát khi đụng phải tôi.

- Tại sao lại đuổi bác ta đi?

- Im đi!

- Cả nhà toàn là người ngốc, - tôi nói.

Bà tôi lấy cái giẻ ướt quất vào tôi và kêu lên:

- Mày hóa rồ mất rồi, thằng vô lại!

- Cháu không nói bà, trừ bà ra, tất cả những người khác toàn là ngốc hết, - tôi chữa lại, nhưng cái đó vẫn không làm cho bà tôi nguôi giận.

Lúc ăn tối, ông tôi nói:

- Thôi, Lạy Chúa! Mỗi lần tôi trông thấy lão ta là như dao cắt ruột và tự nhủ: "Cần phải đuổi lão ấy đi mới được!"

Tôi tức quá, bẻ gãy thìa và thế là lại bị một trận đòn. Tình bạn của tôi với con người đầu tiên trong vô số những người tự cảm thấy xa lạ ngay trên đất nước thân yêu của mình, nhưng lại tốt đẹp hơn ai hết, đã kết thúc như vậy đấy.

IX

Hồi nhỏ tôi có cảm tưởng rằng tôi là một cái tổ ong để những người khác nhau, những người bình thường và giản dị, giống như những con ong, đem đến cho tôi mật của những kiến thức và những ý nghĩ của họ về cuộc sống; mỗi người, theo cách của mình, làm cho tâm hồn tôi phong phú lên rất nhiều. Mật ấy thường bắn và đẳng, nhưng dù sao kiến thức nào cũng vẫn là mật. Sau khi bác Tốt Lắm đi rồi, tôi kết thân với bác Piôt. Bác ta nom cũng tựa như ông tôi: người gầy, gọn gàng và sạch sẽ, nhưng thấp hơn ông tôi và nhỏ hơn; bác ta giống như một chú thiếu niên mặc giả làm ông già để đùa nghịch. Mặt bác có những nếp nhăn ngang dọc đan vào nhau như một chiếc rây bột; giữa những nếp da nhỏ hai con mắt tinh nhanh nom rất buồn cười, với hai lòng trắng vàng vàng, nhảy nhót, giống hệt như những con chim bạch yến trong lồng. Mớ tóc xám của bác xoắn tít, bộ râu cũng xoắn. Khi bác hút thuốc bằng tẩu, khói thuốc -cùng một màu với tóc -bốc lên cuộn cuộn. Cho đến cả lời nói của bác cũng quanh quéo, điểm nhiều câu châm chọc. Bác nói bằng một giọng rì rầm và có vẻ thân mật, nhưng tôi lại luôn luôn có cảm tưởng là bác đang nhạo báng tất cả mọi người. Bác kể lại:

- Khi ấy tôi còn rất trẻ, bà cá tước Tatian Lecxepna sai tôi "làm thợ rèn".

Một thời gian sau bà lại ra lệnh: "Đi giúp người làm vườn!" Được, có sao đâu! Nhưng dù một anh chàng mujich có làm bao nhiêu đi nữa thì người ta cũng chẳng bao giờ bằng lòng anh ta cả. Thế rồi một hôm khác bà ấy lại bảo: "Pêtruska, đi đánh cá!" Đối với tôi thì thế nào cũng được, tôi bằng lòng đi đánh cá... Nhưng vừa mới thấy thú với công việc này thì tôi lại phải từ biệt bọn cá. Tôi phải ra thành phố đánh xe ngựa thuê. Đánh xe ngựa ư? Thì đánh! Rồi sau thế nào nữa? Tôi với bà chủ không kịp thay đổi gì vì giải phóng đã đến và tôi ở lại với con ngựa. Bây giờ đối với tôi, con ngựa ấy thay thế cho bà cá tước đấy. Con ngựa đó đã già lắm, trông nó người ta có cảm tưởng như trước kia lông nó trắng nhưng rồi một hôm có một gã thợ sơn say rượu nào đó lấy các thứ sơn

khác nhau quét lở dờ lên bộ lông của nó. Chân nó vòng kiềng và thân hình nó như bằng giẻ rách chắp vá lại. Cái đầu xương xẩu với cặp mắt mờ đục rũ xuống một cách buồn bã, và được nối lỏng lẻo vào thân bằng những tĩnh mạch nổi phồng và lớp da già nua, sần tã. Bác Piôt đối với nó có vẻ vì nể, không bao giờ đánh đập nó và gọi nó là Tanka. Một lần ông tôi hỏi bác:

- Sao bác lại lấy tên đạo đặt cho súc vật như vậy?

- Không đâu, không đâu, cụ Vaxin Vaxiliep kính mến ời! Trong đạo không có tên nào là Tanka cả, chỉ có tên Tatiana thôi!

Bác Piôt cũng là người có học và rất thông hiểu Kinh thánh. Bác luôn luôn tranh luận với ông tôi xem trong các thánh vị nào thiêng hơn. Hai người thi nhau chỉ trích nghiêm khắc những kẻ phạm tội trong Cựu ước, đặc biệt bị chỉ trích nhiều nhất là Abxalôn. Đôi khi hai người tranh luận hoàn toàn chỉ là về mặt ngữ pháp: hai người cãi nhau về vấn đề nên dùng hình thức nào của tiếng Xlavơ cổ trong một số bài kinh.

- Tôi khác, bác khác! - ông tôi nổi nóng, đỏ mặt tía tai, và nhại lại với vẻ giễu cợt những cách nói của bác Piôt.

Bác Piôt, giữa khói thuốc mù mịt, nói lại vẻ châm chọc:

- Thế cách cầu kinh của cụ thì hơn gì? Đối với Đức Chúa Trời thì cũng vậy thôi! Có lẽ Chúa Trời khi nghe cụ cầu nguyện sẽ nghĩ: "Người muốn cầu thế nào thì cầu, nhưng dầu sao thì người cũng chẳng đáng giá bao nhiêu!"

- Cút đi, Lêcxây! - ông tôi quát tôi giọng giận dữ, cặp mắt xanh long lanh.

Bác Piôt rất ưa sạch sẽ và ngăn nắp. Khi đi qua sân bác thường lấy chân đá sang bên những phơi bào, mảnh chai lọ, xương xẩu. Bác vừa đá vừa nói, giọng chê trách:

- Đồ vô dụng, chỉ tổ vướng cẳng!

Bác là một người hay nói, có vẻ tốt bụng và vui vẻ, nhưng có lúc hai mắt bác đỏ ngầu những tia máu, mờ đi và đờ như mắt người chết. Những lúc đó bác ngồi co ro trong một góc tối, yên lặng, cau có như đứa cháu của bác.

- Bác làm sao thế, bác Piôt?

- Đi đi!

Bác trả lời giọng khàn khàn và nghiêm khắc. Cùng ở phố chúng tôi, trong một ngôi nhà nhỏ có một lão quý tộc. Hắn có cái bướu ở trên trán và một thói quen hết sức kỳ lạ: cứ đến ngày lễ hắn lại ngồi bên cửa sổ và lấy súng bắn đạn chì vào chó, mèo, gà, quạ và cả những người qua đường mà hắn không thích. Một lần bác Tốt Lắm bị hắn bắn vào sườn. Đạn nhỏ không xuyên qua được tấm áo dạ, nhưng có mấy viên lọt vào túi áo. Tôi còn nhớ bác ở thuê nhà tôi, qua cặp kính đã ngấm nghĩa những viên đạn chì màu xám rất chăm chú. Ông tôi khuyên bác Túc Tatiana, gọi một cách thân mật.

Tốt Lắm nên đi kiện, nhưng bác ném mấy viên đạn vào góc bếp và trả lời:

- Không đáng kiện.

Một lần khác lão bắn súng ấy lại bắn mấy viên đạn vào chân ông tôi; ông tôi tức giận, đệ đơn kiện lên tòa án và đi triệu tập những nạn nhân khác ở quanh đấy và những người làm chứng. Nhưng lão quý tộc bỗng biến đâu mất. Cứ mỗi lần ở ngoài phố có tiếng súng nổ là bác Piôt - nếu lúc đó có nhà - lại vội vàng chụp lên mái tóc xám chiếc mũ đã bạc phéch có cái lưỡi trai to tướng mà bác vẫn đội trong những ngày nghỉ và hấp tấp chạy ra đường. Bác thủ hai tay ra sau lưng, dưới vạt áo kaftan, nâng vạt áo lên như đuôi con gà trống, phưỡn bụng ra phía trước và đi một cách bệ vệ trên hè. Bác đi qua cửa nhà lão bắn súng rồi quay trở lại, rồi lại đi. Cả nhà chúng tôi đổ ra cổng đứng xem. Qua cửa sổ bộ mặt xám ngoét của lão nhà binh cũng hiện ra, và phía trên bộ mặt đó là cái đầu với mái tóc vàng hoe của vợ bác. Từ trong sân nhà Betleng cũng có vài người chạy ra. Chỉ có ngôi nhà xám của lão ăpxiannikôp là im lìm như chết không thấy người nào xuất hiện cả. Đôi khi cuộc đi dạo của bác Piôt không thu được kết quả - lão đi sẵn hình như không xem bác là một con mồi đáng bắn. Nhưng cũng có khi khẩu súng hai nòng lại nổ liên tiếp.

- Pàng, pàng...

Không rảo bước, bác Piôt đi lại phía chúng tôi và có vẻ rất hài lòng, nói:

- Đạn rơi vào vạt áo cả!

Một lần đạn trúng vào vai và cổ bác. Bà tôi lấy kim khâu đạn ra và trách bác Piôt:

- Tại sao bác lại trêu chọc cái thằng mọi rợ ấy làm gì? Thế ngộ như nó bắn bác mù mắt thì sao?...

- Không, không nguy hiểm gì đâu... Akulina Ivanna, - bác Piôt kéo dài giọng trả lời ra bộ xem thường. - Thằng ấy có phải là hạng biết bắn đâu...

- Nhưng sao bác cứ khuyến khích nó như vậy?

- Tôi mà khuyến khích nó à? Tôi chỉ muốn trêu cái lão ấy thôi...

Rồi ngắm nghía những viên đạn gấp ra, đặt trong lòng bàn tay, bác nói:

- Xạ thủ hạng bét! Bà có biết không, ngày trước bà chủ tôi, bà cá tước Tatian Lecxepna, có một thời gian đã chọn một tay nhà binh làm chồng - bà ta thay chồng như thay giày vớ vậy. Tên lão ta là Mamôn Ilita. Chà, thằng cha bắn mới cừ làm sao!

Mà bà phải biết, lão chỉ bắn đạn một thôi. Hắn để thằng ngốc Ignaska đứng dạng chân cách xa ít nhất là bốn mươi bước, ở thất lưng buộc một cái chai lủng lẳng. Thằng Ignaska đứng dạng hánh còn nhe răng ra mà cười, rõ đồ ngốc! Một loại áo dài thắt ở bụng. Lão Mamôn Ilita giơ súng lục lên và ... Pàng! Cái chai vỡ tan. Nhưng có một lần thằng Ignaska động đậy - có lẽ hắn bị ruồi trâu đốt - thế là viên đạn trúng vào đầu gối hắn, vào giữa xương bánh chè! Người ta gọi thầy thuốc đến, ông ta cưa phăng ngay chân hắn đi, và đem chôn cái chân đó... Thế đấy!

- Còn thằng ngốc ấy thì thế nào?

- Hắn ấy à, hắn chẳng làm sao cả. Đồ ngốc thì cần gì tay với chân, hắn chỉ ăn cái ngốc của hắn cũng đủ no rồi. Bọn ngốc thì ai người ta cũng mến, vì chúng chẳng làm hại ai bao giờ cả. Người ta đã có câu nói: dù là thầy ký, thầy cai, nhưng nếu ngốc nghếch chẳng ai bực mình...

Những câu chuyện kiểu đó không làm cho bà tôi ngạc nhiên, chính bà tôi cũng biết hàng chục chuyện như vậy. Nhưng tôi thì hơi sợ, tôi hỏi bác Piôt:

- Thế lão quý tộc có thể giết chết người được à?

- Sao lại không được? Được chứ. Bọn quý tộc còn giết lẫn nhau nữa kia! Một hôm, có một gã sĩ quan kỵ binh đến nhà bà Tatian Lecxepna, hắn sinh sự cãi nhau với lão Mamôn, thế là lập

tức cả hai liền vớ lấy súng lục, đi vào vườn, và ở đó, trên con đường nhỏ bên hồ, gã sĩ quay kỵ binh ấy bắn cho lão Mamôn một phát vào giữa gan! Thế là lão Mamôn ra nghĩa địa nằm, còn gã sĩ quan thì về Kapkador, chẳng lời thối dài dòng gì hết! Đó là chúng đối với nhau đấy, huống hồ đối với mujich và những kẻ khác! Bây giờ người ta không còn là của chúng nữa, chúng không thương hại gì đâu. Trước kia thì dù sao chúng cũng còn thương vì là của riêng của chúng!

- Ối dào, ngay cả ngày trước chúng cũng chẳng thương hại lắm đâu!

Bà tôi nói. Bác Piôt đồng ý:

- Đúng thế đấy, của riêng nhưng là thứ riêng rẻ tiền...

Tuy đối với tôi bác có vẻ dịu dàng, bác đối với tôi tốt hơn là đối với người lớn và không lảng tránh con mắt tôi, nhưng trong con người bác vẫn có cái gì làm tôi không ưa. Trong những lúc đi mọi người món mứt mà bác rất thích, bác thường phết mứt vào bánh mì cho tôi nhiều hơn. Thường đi phố về bác hay cho tôi kẹo mạch nha và bánh khô dầu bằng hạt quả anh túc. Nói chuyện với tôi bao giờ bác cũng có thái độ nghiêm trang và giọng nói dịu dàng:

- Sau này định sống thế nào, chú mình? Đi lính hay làm quan?

- Đi lính.

- Phải đấy. Bây giờ đi lính cũng dễ chịu. Làm giáo sĩ cũng tốt, chỉ cần thỉnh thoảng lại kêu: "Xin Chúa thương xót chúng con", có thể thôi! Làm giáo sĩ có lẽ còn dễ hơn đi lính cơ đấy, nhưng làm anh đi ý muốn nói tới cuộc giải phóng nông nô năm 1861. câu lại hơn cả; chẳng phải học gì hết, chỉ cần quen một chút là được!...

Bác làm những bộ điệu tức cười để bắt chú cá lượn quanh mỗi như thế nào, các loại cá vược, cá dầy, cá mè mỗi khi mắc câu thì vùng vẫy ra sao... Đôi khi bác bảo để an ủi tôi:

- Cháu bực tức mỗi khi ông cháu đánh cháu, nhưng như vậy không nên, chú mình ạ. Ông cháu đánh cháu là để dạy bảo cháu. Vả lại thứ đòn đó chẳng đáng kể vào đâu! Bà chủ bác, bà Tatian Lecxepna mà đánh thì phải biết! Bà ấy có riêng một người để làm việc ấy, tên hần là Krixtôpho. Hần ta thạo nghề đến nỗi những địa chủ lân cận thường đến xin bà cá tước: "Bà Tatian Lecxepna, bà

làm ơn cho tôi mượn tên Krixtôpho về để đánh lũ đày tớ!" Và bà ta cho mượn.

Bác kể tỉ mỉ với vẻ thản nhiên: mũ cá tước mặc áo dài bằng xa-tanh trắng, trùm khăn mỏng màu xanh da trời, ngồi trong một chiếc ghế bành đỏ đặt ở ngoài hiên có những cột tròn để xem Krixtôpho quát nam nữ nông dân.

- Tên Krixtôpho ấy tuy quê ở Riazan nhưng trông như người Txugan hoặc Khôkhôn vậy. râu mép hăn dài đến mang tai, mồm xanh vì hăn cạo râu cặm. Không biết có phải hăn là một thằng ngốc thật không, hay là hăn giả bộ như thế để được yên thân. Nhiều lần, ở trong bếp, hăn rót một chén nước, bắt một con ruồi, một con gián hoặc một con bọ dừa - rồi lấy cái que từ từ dìm nó xuống nước cho chết. Hoặc là hăn bắt ngay rận ở cổ áo đem dìm vào nước...

Những mẩu chuyện tương tự như thế đối với tôi đã khá quen thuộc, tôi đã được nghe nhiều những chuyện đó do ông bà tôi kể. Chúng muôn màu muôn vẻ, nhưng tất cả đều giống nhau một cách kỳ lạ: trong chuyện nào cũng có cảnh hành hạ, chế giễu, săn đuổi con người. Tôi đã chán ngấy những chuyện đó, không muốn nghe nữa nên bảo bác đánh xe ngựa thuê:

- Bác kể chuyện khác cơ!

Những nếp nhăn trên mặt bác dồn cả về phía mồm, rồi lại chạy lên phía mắt, nhưng bác đồng ý:

- Thôi được, đồ tham lam! Kể chuyện khác vậy. Hồi đó ở chỗ bác có một anh đầu bếp...

- Ai có?

- Bà cá tước Tatian Lecxepna.

- Sao bác lại gọi bà ta là Tatian? Bà ấy là đàn ông hay sao?

- Tất nhiên bà ấy là đàn bà, nhưng bà ta lại có râu mép, đen... Bà ấy gốc là người Đức đen, loại người này trông giống như người da đen vậy. Nhưng Tên gọi người Ukraina (theo cách gọi khinh miệt của người Nga dưới thời Nga hoàng). Trong tiếng Nga không có tên nam nào là Tatian cả. Đây chỉ là một cái tên bịa ra, tên đó có hình thức giống đực để chỉ đàn ông, tương đương với tên của đàn bà là Tatiana. ta hãy quay lại chuyện anh đầu bếp. Câu chuyện này buồn cười lắm, chú mình ạ... Trong "câu chuyện buồn

cười" ấy có một anh bếp làm hỏng cả một mẻ bánh nướng. Để phạt anh ta người ta bắt anh phải ăn hết chỗ bánh ấy ngay một lúc. Anh ta ăn hết và phát ốm.

Tôi nổi cáu:

- Chuyện ấy chẳng buồn cười tí nào!
- Thế thì thế nào mới buồn cười? Nào, nói đi!
- Cháu không biết...
- Vậy thì im mồm đi!

Rồi bác lại kể đi kể lại những câu chuyện của bác, giống như con nhện cứ chằng mãi cái mạng lưới của nó. Thỉnh thoảng, vào những ngày lễ, mấy đứa em họ tôi lại đến chơi: thằng Xaxa Mikhalôp buồn bã và lười biếng và thằng Xaxa Iakôvôp, ăn mặc chải chuốt, chuyện gì cũng biết.

Một lần trong lúc ba đứa chúng tôi đang đi "du lịch" trên các mái nhà, chúng tôi trông thấy trong sân nhà Betleng một lão quý tộc mặc áo màu xanh lá cây có lót lông thú ngồi trên một đồng cỏ cạnh tường và đang chơi với mấy con chó con. Cái đầu hói nhỏ vàng ệch của lão để trần. Một đứa em họ tôi đề nghị đánh cắp một con chó, và lập tức một kế hoạch đánh cắp tài tình được vạch ra: hai đứa em họ tôi sẽ ra ngay ngoài đường và đợi ở cổng nhà Betleng, tôi sẽ dọa lão quý tộc và khi lão hoảng sợ bỏ chạy thì hai đứa em họ tôi sẽ ùa vào sân và cướp lấy chó.

- Nhưng mà dọa thế nào cho lão ta sợ được?

Một đứa em họ tôi đề nghị:

- Mà cứ nhổ một bãi nước bọt vào đầu lão ta! Không biết nhổ vào đầu người khác có phải là một tội to lắm không?

Tôi đã nhiều lần nghe nói và chính tôi thấy người ta làm nhiều điều còn tệ hơn nữa, vì thế tôi đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao cho. Thế là om xòm cả lên. Từ nhà Betleng cả một đội quân đàn ông và đàn bà kéo sang sân nhà chúng tôi, đi đầu là một viên sĩ quan trẻ đẹp trai. Vì lúc tôi phạm lỗi thì hai đứa em họ tôi đang đi chơi ngoan ngoãn ở ngoài đường, và cứ theo lời chúng thì chúng không biết gì về cái trò nghịch ngợm quỷ quái của tôi, cho nên ông tôi chỉ đánh có mình tôi. Thế là ông tôi đã làm hài lòng tất cả mọi người trong nhà Betleng. Sau trận đòn, lúc tôi đang nằm

trên nóc lò sưởi ở trong bếp thì bác Piôt leo lên chỗ tôi. Bác ăn vận như ngày hội, dáng điệu có vẻ hơn hớn.

- Nghĩ ra được cái trò khá lắm đấy, chú mình ạ!

- Bác nói thì thầm.

- Đáng đời cái thằng dê già ấy. Phải nhổ vào mặt tất cả những đứa như cái thằng ấy! Hay là lấy đá ném vào cái đầu thói tha của chúng nó!

Trước mặt tôi hiện lên bộ mặt tròn nhẵn thín và trẻ con của lão quý tộc. Tôi còn nhớ lão vừa lấy hai bàn tay bé nhỏ lau cái đầu hói vàng, vừa kêu khe khẽ và rên rĩ như chó con. Nghĩ lại tôi hết sức xấu hổ, tôi căm thù mấy đứa em họ tôi. Nhưng nhìn sát bộ mặt nhăn nheo của bác đánh xe tôi liền quên hết những điều đó: bộ mặt ấy rung rung với một vẻ đáng sợ và đáng ghét giống y như bộ mặt của ông tôi lúc đánh tôi.

- Đi đi!

Tôi hét lên và dùng cả tay lẫn chân đẩy bác Piôt ra. Bác cười hì hì, nháy mắt và tụt xuống. Từ đó trở đi, tôi không muốn nói chuyện với bác nữa, tôi bắt đầu lẩn tránh bác và đồng thời cũng bắt đầu theo dõi bác. Tôi đề phòng như thể mơ hồ chờ đợi một điều gì sắp sửa xảy ra. Ít lâu sau khi xảy ra câu chuyện với lão quý tộc, lại xảy ra một chuyện khác. Từ lâu ngôi nhà im lìm của lão ăpxiannikôp kêu gọi trí tò mò của tôi. Tôi có cảm tưởng rằng ngôi nhà xám đỏ che giấu một cuộc sống khác thường, đầy bí mật như trong các câu chuyện cổ tích. Nhà Betleng rất ồn ào và vui nhộn. Ở đây có nhiều tiểu thư đẹp tiếp các sĩ quan và sinh viên đến chơi, trong nhà luôn luôn có tiếng cười, tiếng la hét, tiếng hát và tiếng nhạc. Và ngay cả bộ mặt của ngôi nhà cũng có vẻ vui nhộn: qua lớp kính cửa sổ sáng lấp lánh, trông thấy những chậu hoa màu sắc rực rỡ. Ông tôi không thích cái nhà này. Ông tôi gọi tất cả mọi người trong nhà đó là "bọn dị giáo, bọn vô thần"; riêng đối với bọn đàn bà thì ông tôi đặt cho một cái tên thô tục mà có lần bác Piôt đã giải nghĩa cho tôi cũng bằng những lời thô tục với vẻ thích thú ác ý. Trái lại, ông tôi kính nể ngôi nhà nghiêm trang và lặng lẽ của lão ăpxiannikôp. Đó là ngôi nhà một tầng nhưng khá cao, trông ra cái sân đất sạch sẽ và vắng vẻ, trên mặt sân đầy cỏ mọc, ở giữa có cái giếng có mái che, dựng trên hai chiếc cột nhỏ. Ngôi nhà tựa hồ như thụt lùi vào phía trong để trốn tránh con mắt mọi người. Ba chiếc cửa sổ hẹp hình cánh cung của ngôi nhà cách mặt đất khá cao, cửa

kính mờ đục, ánh nắng chiếu vào tạo nên đủ mọi màu sắc của cầu vồng. Về phía bên kia cổng có căn nhà kho, mặt trước trông giống hệt như ngôi nhà, cũng có ba cửa sổ nhưng là cửa sổ giả; trên bức tường màu xám người ta đắp những khuôn cửa và ở giữa dùng vôi trắng kẻ thành những chấn song cửa sổ. Những chiếc cửa sổ giả đó nom rất khó chịu và toàn bộ căn nhà kho càng làm tăng thêm cái cảm giác bí mật và âm thầm của ngôi nhà đó. Có một cái gì nhần nhục hoặc kiêu hãnh trong sự yên lặng của khu nhà đó, của những chuồng ngựa trống rỗng và của những gian nhà xép với những chiếc cửa lớn cũng trống rỗng nốt. Thỉnh thoảng người ta thấy một lão già cao lớn, khắp khiêng đi dạo ở trong sân, cầm lão cạo nhẵn, nhưng lão để ria mép trắng cứng như những chiếc kim. Đôi khi, một lão già khác, râu quai nón, mũi khoằm, dắt ra khỏi chuồng một con ngựa xám, đầu to, ức lép, bốn chân mảnh khảnh. Ra đến sân con ngựa cúi đầu chào tất cả mọi vật xung quanh giống như một cô mục hiền lành. Lão thọt chân lấy tay phát đen đét vào con ngựa, lão huýt sáo và thở dài thườn thượt.

Sau đó người ta cảm tưởng là lão già muốn đi khỏi nhà nhưng không thể nào đi được vì lão đã bị bỏ bùa. Hầu như chiều nào cũng vậy, có ba đứa trẻ chơi đùa ở trong sân cho đến tối mịt. Ba đứa cùng mặc áo cánh và quần dài màu xám, cùng đội mũ như nhau. Chúng có khuôn mặt tròn, mắt xám và giống nhau đến nỗi tôi chỉ có thể phân biệt được chúng theo tầm vóc. Tôi quan sát chúng qua khe hở hàng rào, nhưng chúng không nhìn thấy tôi; tôi thì lại rất muốn chúng nhìn thấy tôi. Tôi thích xem chúng chơi những trò chơi không quen biết một cách rất thú vị, vui vẻ và không bao giờ cãi nhau. Tôi thích cách ăn vận của chúng, thích thái độ săn sóc của chúng đối với nhau, nhất là của hai thằng anh đối với đứa em nhỏ, một thằng bé ngộ nghĩnh và lanh lợi. Mỗi khi thằng em ngã là hai đứa anh lại cười, như người ta vẫn thường cười những người bị ngã, nhưng không phải cười một cách độc ác. Ngay lúc đó chúng đỡ thằng em dậy, và nếu tay hoặc đầu gối nó bẩn thì chúng lấy lá ngư bàng hoặc khăn tay lau các ngón tay và quần cho sạch. Thằng anh thứ hai nói một cách hiền hậu:

- Em lóng ngóng quá!

Chúng không bao giờ cãi nhau, không bao giờ gian lận. Cả ba đều rất nhanh nhẹn, khỏe mạnh, không biết mệt mỏi là gì. Một lần tôi leo lên cây và huýt sáo gọi chúng, chúng dừng ngay lại, rồi không vội vàng, chúng túm lại, đưa mắt nhìn tôi, và thì thầm bàn

bạc gì với nhau. Tôi tưởng chúng định lấy đá ném tôi, liền tụt xuống đất, nhặt đá bỏ vào túi, nhét vào trong áo rồi lại trèo lên cây. Nhưng lúc này chúng đã chơi xa chỗ tôi, ở tận phía cuối sân và xem chừng đã quên mất tôi. Tôi buồn quá, tuy vậy tôi cũng vẫn không muốn gây sự trước. Một lát sau có tiếng người gọi chúng qua cửa sổ:

- Đi về, các con!

Chúng thông thả và ngoan ngoãn đi vào hết như những chú ngỗng. Đã nhiều lần tôi ngồi trên cây phía trên hàng rào, há vọng chúng gọi tôi xuống chơi với chúng, nhưng chúng không gọi. Tôi đã chơi với chúng trong ý nghĩ, và có lúc tôi đã say sưa đến nỗi hét lên hoặc cười thật to. Lúc đó ba đứa đều nhìn tôi và nói khẽ với nhau điều gì, còn tôi ngượng quá bèn tụt xuống đất. Một lần chúng bắt đầu chơi ú tim. Đến lượt thằng anh thứ hai đi tìm, nó đứng vào một xó ở đằng sau nhà kho và lấy hai tay bịt mắt thật kín, còn hai anh em nó thì chạy đi trốn. Thằng anh nhanh nhẹn chui ngay vào trong một cỗ xe trượt tuyết to tướng ở dưới mái hiên nhà kho, còn thằng em thì cuống lên, cứ chạy quanh cái giếng không biết trốn vào đâu trông đến buồn cười. Thằng anh kêu:

- Một... hai...

Thằng em liền nhảy lên thành giếng, nắm lấy dây và đứng vào chiếc gầu không. Chiếc gầu biến mất, đập vào thành giếng phát ra những tiếng âm vang. Tôi sững sờ nhìn chiếc ròng rọc trơn dầu lặng lẽ quay nhanh. Nhưng lập tức, tôi hiểu điều sẽ xảy ra, tôi liền nhảy phắt xuống sân, kêu to:

- Ngã xuống giếng rồi!...

Thằng anh thứ hai chạy tới thành giếng cùng một lúc với tôi, nó nắm lấy dây gầu nhưng bị nhấc bổng lên khiến tay nó bị bỏng rát, nhưng tôi đã kịp chộp lấy sợi dây, và liền lúc đó thằng anh lớn chạy tới giúp tôi kéo chiếc gầu lên. Nó nói:

- Khẽ chứ nhé!...

Chúng tôi kéo được thằng bé lên ngay. Nó cũng sợ, bàn tay phải của nó rớm máu, má bị sây sát. Nó bị ướt đến thất lưng, mặt tái xanh nhưng vẫn mỉm cười. Nó rùng mình, hai mắt mở to, mỉm cười và nói, giọng kéo dài:

- Em bị ng-ã... ă... ghê-e quá...

- Mày thật là điên.

Thằng anh thứ hai nói, ôm lấy thằng bé, và lấy khăn tay lau máu trên mặt nó. Còn thằng anh lớn thì cau mày nói:

- Đi vào thôi, đằng nào cũng chẳng giấu được...

- Các cậu liệu có bị đánh không? Tôi hỏi.

Nó gật đầu, sau đó chìa tay cho tôi và nói:

- Cậu chạy đến nhanh lắm!

Vui thích vì được khen, tôi chưa kịp nắm lấy tay nó thì nó đã nói với thằng thứ hai:

- Đi vào nhà thôi, kéo nó cảm bây giờ! Chúng ta sẽ bảo là nó bị ngã, nhưng đừng nói là ngã xuống giếng!

- Phải rồi, đừng nói, - thằng em vẫn rùng mình, đồng ý.

- Bảo là em ngã vào vũng nước nhé!

Rồi chúng đi vào.

Tất cả những chuyện đó xảy ra nhanh đến nỗi lúc nhìn lại cành cây từ trên đó tôi đã nhảy xuống, tôi thấy nó vẫn còn rung rung và một chiếc lá vàng rụng xuống. Có đến gần một tuần không thấy ba anh em nhà ấy ra sân chơi, nhưng sau đó chúng lại xuất hiện, ồn ào hơn trước. Thằng anh lớn nhìn thấy tôi trên cây, nó gọi, giọng thân mật:

- Xuống đây chơi với chúng tớ!

Chúng tôi leo lên cái xe trượt tuyết cũ để ở dưới mái hiên nhà kho rồi vừa ngắm nghía nhìn nhau, vừa nói chuyện rất lâu.

- Các cậu có bị đánh không?

- Có, - thằng anh lớn trả lời.

Tôi thấy khó mà tin được rằng những đứa trẻ này cũng bị đánh như tôi, tôi thấy tức thay cho chúng.

- Sao cậu lại bắt chim?

Thằng bé nhất hỏi.

- Vì chúng nó hát hay lắm.

- Không nên bắt, cứ để cho chúng nó muốn bay đi đâu thì bay...

- Được, tớ sẽ không bắt nữa!
- Nhưng cậu hãy bắt cho mình một con đã.
- Cậu muốn chim gì?
- Chim gì hót vui ấy. Để nhốt vào lồng.
- Thế thì chim bạch yến chứ gì?
- Mèo nó bắt mất, - thằng thứ hai nói, - mà bố cũng chẳng cho nuôi đâu.

Thằng anh lớn đồng ý:

- Đúng đấy, bố chẳng cho đâu...
- Thế các cậu có mẹ không?
- Không, - thằng anh lớn nói.

Nhưng thằng thứ hai chữa lại:

- Có, nhưng là mẹ khác, không phải là mẹ chúng tớ, chúng tớ không còn mẹ, mẹ chúng tớ chết rồi.

- Mẹ khác thì gọi là dì ghẻ, - tôi nói.

Thằng anh lớn gật đầu:

- Ừ.

Và cả ba đứa có vẻ suy nghĩ, gương mặt sầm lại. Qua những câu chuyện cổ tích của bà tôi, tôi đã biết thế nào là dì ghẻ, vì vậy tôi rất thông cảm với sự yên lặng suy nghĩ của bọn trẻ. Chúng ngồi sát vào nhau, giống nhau như những chú gà con. Tôi nhớ lại chuyện mẹ dì ghẻ phù thủy đã dùng mưu đánh lừa để giả làm mẹ thật, tôi liền bảo chúng:

- Mẹ thật của các cậu rồi thế nào cũng sẽ về, rồi các cậu xem!

Thằng anh lớn nhún vai:

- Chết rồi cơ mà, về làm sao được... Không được ư? Trời ơi, biết bao nhiêu lần những người chết, thậm chí đã bị xả ra thành từng miếng, mà chỉ cần vẩy cho ít nước phép là lại sống lại; có biết bao nhiêu người chết mà không phải là chết thật, vì phép của bọn phù thủy!

Tôi bèn kể lại một cách sôi nổi cho chúng nghe những chuyện của bà tôi. Lúc đầu thằng anh lớn chỉ mỉm cười, sau nó nhẹ nhàng bảo:

- Những chuyện ấy chúng tớ biết cả rồi, đấy là những chuyện cổ tích...

Hai em nó im lặng nghe, thằng bé nhất mím chặt môi và phồng má lên, còn thằng kia thì chống khuỷu tay lên đầu gối, cúi về phía tôi, tay kia quàng lên vai em nó, ấn thằng này cúi xuống. Trời đã bắt đầu tối, những đám mây đỏ treo lơ lửng trên các mái nhà. Bỗng dưng trước mặt chúng tôi hiện ra một lão già với bộ ria trắng, mình vận chiếc áo nâu, dài lưng thùng trông giống như một giáo sĩ; đầu lão đội chiếc mũ xù lông.

- Đứa nào đây?

Lão già hỏi và chỉ vào tôi. Thằng anh lớn đứng dậy, hát đầu về phía nhà ông tôi:

- Nó ở bên kia sang...

- Đứa nào gọi nó sang?

Tức thì cả mấy đứa trẻ lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe và đi về nhà, khiến tôi lại nghĩ đến những con ngỗng ngoan ngoãn. Lão già nắm chặt lấy vai tôi và dẫn tôi qua sân ra cổng. Lão làm tôi sợ đến phát khóc, nhưng lão bước dài và nhanh đến nỗi tôi chưa kịp khóc òa lên thì đã ở ngoài đường rồi. Lão già dừng trước cổng, giơ ngón tay dọa tôi và nói:

- Cấm không được đến chỗ tao!

Tôi cúi tiết:

- Tôi có thêm đến với lão đâu, đồ quỷ già!

Lão giơ cánh tay dài ngoẵng ra và lại tóm được tôi. Lão lôi tôi đi trên hè phố và hỏi tôi một câu làm tôi choáng váng chẳng khác gì bị một nhát búa nện vào đầu:

- Ông mày có nhà không?

Không may cho tôi là ông tôi lại có nhà. Trông thấy lão già hầm hầm, ông tôi đứng dậy. Đầu ngẩng lên, bộ râu vểnh về phía trước, ông tôi nhìn vào cặp mắt đục và tròn như hai đồng xu của lão già, hấp tấp nói:

- Mẹ nó đi vắng, còn tôi thì bận luôn, thành thử không có ai trông nom nó, xin đại tá tha lỗi cho!

Lão đại tá quát âm cả nhà, rồi lão quay đằng sau trông cứng đờ như một cây gỗ và đi thẳng. Còn tôi thì một lúc sau bị ném ra sân, vào trong chiếc xe của bác Piôt.

- Chú mày lại bị tóm cổ rồi phải không?

Bác vừa hỏi vừa tháo ngựa ra khỏi xe.

- Tại sao bị đánh?

Khi tôi kể chuyện cho bác nghe, bác nổi xung và rít lên:

- Thế mày chơi với cái lũ con nhà quý tộc, lũ rắn non ấy làm gì? Chơi với chúng nó đã thấy sướng chưa! Bây giờ thì mày đi mà nện cho chúng nó một trận, còn chờ gì nữa!

Bác ta nói như thế rất lâu. Bực mình vì trận đòn, lúc đầu tôi còn nghe bác với vẻ đồng tình, nhưng bộ mặt nhăn nhoe của bác cứ rung rung mỗi lúc trông một khó chịu thêm và làm tôi nhớ lại rằng những đứa trẻ kia cũng sẽ bị đánh và đối với tôi chúng không có tội gì cả.

- Sao tôi lại đánh chúng nó? Chúng nó tốt lắm. Bác chỉ toàn nói láo thôi! Tôi nói.

Bác nhìn tôi và bất thành linh thét lên:

- Cút khỏi xe tao ngay!

- Đồ ngốc!

Tôi nhảy xuống đất và hét lên. Bác liền đuổi theo tôi quanh sân, nhưng cứ bắt hụt mãi, vừa chạy bác vừa la, giọng lạc hẳn đi:

- Tao mà là đồ ngốc à? Tao mà nói láo à? Tao phải cho mày...

Bà tôi bước ra cửa bếp, tôi liền chạy tới nép vào bà tôi. Còn bác Piôt thì phàn nàn:

- Tôi không thể sống được với cái thằng nhãi ranh này! Tôi nhiều tuổi hơn nó đến năm lần mà nó dám réo cha réo mẹ tôi ra mà chửi, bảo tôi là đồ nói láo...

Mỗi khi người ta đặt điều ngay trước mặt tôi, tôi thường sững sờ và trở nên dần dộn vì kinh ngạc. Lúc này tôi cũng đờ đẫn cả người. Nhưng bà tôi đã trả lời dứt khoát:

- Ối chà, bác Piôt, tự bác đặt điều ra thì có, nó không chửi bác như vậy đâu!

Giá phải ông tôi thì ông tôi đã tin lời lão đánh xe rồi. Từ hồi đó trở đi bắt đầu một cuộc chiến tranh âm thầm và gay gắt giữa bác Piôt và tôi: bác ta cố tìm mọi cách giả như vô tình để xô đẩy tôi, lấy dây cương quật tôi, thả chim của tôi ra; một lần bác ta còn đem chim của tôi cho mèo vồ. Bất cứ chuyện gì bác cũng đem mách ông tôi và luôn luôn bịa đặt thêm.

Càng ngày tôi càng cảm thấy rằng bác ta cũng là đồ trẻ con như tôi, chỉ có mặc như ông già mà thôi. Về phía tôi, tôi tìm cách tháo giày gai của bác ta ra, tôi bí mật gỡ và cửa đứt những sợi gai để khi bác ta xỏ chân vào thì chúng đứt tung ra. Một hôm tôi đổ hạt tiêu vào mũi của bác làm cho bác ta hắt hơi hàng giờ liền. Nói chung, tôi cố sức trong phạm vi khả năng của tôi không chịu thua kém bác ta. Vào những ngày lễ, suốt ngày bác ta để ý theo dõi tôi và đã nhiều lần bắt gặp tôi nói chuyện với mấy đứa con lão đại tá là điều tôi đã bị cấm. Thế là bác đi tố cáo với ông tôi.

Tôi vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa tôi với chúng càng ngày càng trở nên thích thú. Trong một ngách hẹp giữa bức tường nhà tôi và hàng rào nhà ăpxiannikôp có một cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mộc rậm rạp. Nấp sau bụi cây đó tôi khoét một lỗ hổng hình bán nguyệt ở hàng rào. Mấy đứa con lão quý tộc, lần lượt từng đứa hoặc hai đứa một, lại gần, và chúng tôi ngồi xổm hoặc quỳ nói chuyện khe khẽ với nhau. Một đứa trong số ba anh em chúng phải luôn luôn đứng canh để đề phòng lão đại tá bất chợt bắt gặp chúng tôi. Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng, và những chuyện đó làm tôi rất buồn. Chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bấy được đang sống như thế nào và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì không bao giờ chúng nói một lời nào về di ghẻ và bố chúng. Thường thì chúng chỉ đề nghị tôi kể chuyện cổ tích. Tôi kể lại những chuyện mà bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào thì tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Điều đó thường làm cho bà tôi rất hài lòng. Tôi cũng kể cho chúng nhiều chuyện về bà tôi. Một hôm thằng lớn thờ dãi và nói:

- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước cũng rất tốt...

Nó thường nói một cách buồn bã như vậy: ngày trước, trước kia, đã có lúc... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm. Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ, những ngón tay thon thon và người nó mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt nó rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn

đèn trong nhà thờ. Hai em nó cũng rất đáng yêu, và cũng gây cho tôi một sự tin cậy hoàn toàn. Tôi luôn luôn muốn làm cho chúng vui thích, nhưng tôi ưa thằng lớn hơn cả. Mãi nói chuyện, nhiều khi tôi không biết bác Piôt đã đến bên cạnh. Bác ta giải tán chúng tôi bằng một tiếng quát lè nhè:

- Lại... nói chuyện?

Tôi nhận thấy rằng càng ngày bác càng hay có những cơn thần thờ ử rữ. Thậm chí tôi còn đoán biết trước được tâm trạng của bác mỗi khi bác ta đi làm về: thường thường bác mở cổng rất thông thả, bản lề cổng rít lên một tiếng dài vẻ như uể oải, còn nếu bác đánh xe có điều gì bức bối thì bản lề rít lên ngắn ngủi, nghe như một tiếng kêu đau đớn. Từ ngày đưa cháu cäm của bác ta về nhà quê lấy vợ, bác Piôt sống một mình ở trên chuồng ngựa. Trong căn gác thấp với chiếc cửa sổ bé tí tẹo, sức mùi da mồi, mùi hắc ín, mùi mồ hôi và thuốc lá, vì thế không khi nào tôi vào chỗ ở của bác cả. Bác lại để đèn khi đi ngủ, khiến ông tôi rất không bằng lòng:

- Coi chừng, không khéo bác thiêu cả tôi đi đấy, bác Piôt!

- Không đâu, cụ cứ yên trí! Ban đêm bao giờ tôi cũng để ngọn đèn vào trong bát nước, - bác ta trả lời, mắt nhìn lảng đi chỗ khác.

Nói chung bây giờ bác ta không nhìn thẳng vào mặt ai nữa. Đã từ lâu bác không tham dự những buổi tối uống trà của bà tôi nữa. Bác cũng không thết mứt mọi người nữa, mặt bác khô héo lại, những nếp nhăn hằn sâu hơn, bác đi lão đảo, hai chân kéo lê như một người ốm. Có lần, vào một buổi sáng trong tuần, tôi đang cùng với ông tôi dọn sân, vì đêm trước tuyết rơi rất nhiều, bỗng thấy then cổng kêu lạch cạch rất lạ và một viên cảnh sát bước vào trong sân. Y lấy lưng đóng cổng lại và giơ ngón tay màu xám béo múp vẫy ông tôi. Ông tôi bước tới, viên cảnh sát cúi về phía ông tôi, tưởng chừng như cái mũi to tướng của y bổ vào trán ông tôi. Y bắt đầu nói cái gì nghe không rõ, còn ông tôi thì hấp tấp trả lời:

- Vâng, ở đây! Bao giờ? Trời, để tôi nhớ lại xem nào...

Bỗng ông tôi giật nảy mình nom đến buồn cười và kêu lớn:

- Trời ơi, thật thế ư?

- Khế chứ, - viên cảnh sát nói giọng nghiêm nghị. Ông tôi quay lại phía sau và trông thấy tôi.

- Nhặt lấy xẻng rồi đi vào trong nhà.

Tôi nấp vào sau một góc nhà thấy ông tôi và viên cảnh sát đi lên buồng bác đánh xe. Viên cảnh sát tháo chiếc găng ở tay phải ra, đập vào lòng bàn tay trái và nói:

- Hẳn biết trước nên đã bỏ ngựa và biến mất rồi...

Tôi chạy vào bếp kể lại cho bà tôi tất cả những gì tôi vừa trông vừa nghe thấy. Bà tôi đang nhào bột trong thùng để làm bánh, đầu đầy bụi lác la lác lư. Sau khi nghe tôi kể bà tôi điềm tĩnh nói:

- Chắc là ăn cắp cái gì... Đi chơi đi, việc gì đến mày!

Tôi lại vội trở ra sân, và thấy ông tôi đang đứng gần cái cổng nhỏ. Ông tôi bỏ mũ, ngửa mặt lên trời và làm dấu. Nét mặt ông tôi đầy vẻ bức tức, một chân run run.

- Tao đã bảo mày đi vào kia mà!

Ông tôi quát và giậm chân xuống đất. Rồi ông tôi bước theo tôi, đi vào bếp và gọi bà tôi:

- Bà nó ơi, lại đây!

Hai người đi sang phòng bên và thì thầm ở trong đó rất lâu. Khi bà tôi trở vào bếp, tôi biết chắc có chuyện gì ghê gớm đã xảy ra.

- Bà sợ à?

- Im đi, nghe không?

Bà tôi khe khẽ đáp lại. Suốt ngày trong nhà có không khí khó chịu, sợ hãi. Ông tôi và bà tôi nhìn nhau lo lắng, nói năng thì thầm: những lời nói cộc lốc và khó hiểu của ông bà tôi khiến cho nỗi lo của tôi càng tăng thêm.

- Bà nó hãy đi thắp tất cả đèn trước tượng thánh lên!

Ông tôi húng hắng ho, ra lệnh. Bữa ăn trưa mọi người ăn vội vàng và miễn cưỡng, như thể đang chờ đợi ai. Ông tôi phồng má có vẻ mệt nhọc và cầu nhàu:

- Quỷ sứ quả là mạnh hơn người thật!...

Nó có vẻ ngoan đạo lắm, nó đi nhà thờ... Và rồi thì thế đấy... Hừ!

Bà tôi thở dài. Cái ngày mùa đông u uất ấy chìm đắm trong một màu sương mù đục và bàng bạc hầu như kéo dài mãi không

dứt. Không khí trong nhà mỗi lúc một trở nên lo âu và nặng nề hơn. Buổi tối một viên cảnh sát khác lại đến, người to béo, tóc màu hung. Hắn ngồi trên chiếc ghế dài ở trong bếp và lim dim ngủ, miệng thở khò khè, đầu chốc chốc lại cúi xuống. Khi bà tôi hỏi hắn: "Làm thế nào mà biết được chuyện đó, hử bác?"

Hắn đàn đà mãi mới trả lời, giọng khàn khàn:

- Cái gì chúng tôi cũng biết hết, cụ không lo!

Tôi còn nhớ lúc ấy tôi ngồi cạnh cửa sổ, ngậm trong miệng một đồng xu cổ cho nóng lên để tìm cách in lên lớp băng bám trên cửa kính hình thánh Jorjơ đâm con rồng. Bỗng phòng ngoài có tiếng ồn ào, cánh cửa mở tung và mẹ Pêtrôpna hiện ra trên ngưỡng cửa, mồm kêu the thé:

- Này, ra mà xem, đằng sau nhà bác có cái gì ấy!

Nhìn thấy viên cảnh sát, mẹ định bỏ chạy, nhưng lão cảnh sát đã nắm được váy mẹ ta và cũng hốt hoảng kêu ầm lên:

- Đứng lại, mẹ là ai? Mẹ bảo ra mà xem cái gì?

Vấp phải bậc cửa, mẹ Pêtrôpna ngã khuyu xuống đất và kêu ầm lên, tiếng đứt quãng, giọng nghẹn ngào đầy nước mắt:

- Tôi đi vắt sữa bò, bỗng tôi thấy có cái gì ở trong vườn nhà Kasirin. Tôi nghĩ bụng: cái gì thế kia, có vẻ như một chiếc ủng thì phải?

Đến lượt ông tôi cũng gào lên, giậm chân như điên dại:

- Nói láo, mẹ đàn độn kia! Mẹ làm thế nào mà thấy được có gì ở trong vườn nhà tao, hàng rào thì cao, khe hở không có, chỉ nói láo! ở đây không có gì hết!

- Cha mẹ ôi!

Mẹ Pêtrôpna khóc nức nở, một tay chìa về phía ông tôi, tay kia ôm lấy đầu.

- Phải rồi, tôi nói láo đấy! Tôi đang đi về phía hàng rào nhà bác thì thấy có những vết chân ở một chỗ tuyết bị giẫm lún be bét, tôi bèn nhìn qua hàng rào thì thấy hắn ta nằm...

- Ai... i...?

Những tiếng kêu hỗn loạn của mọi người kéo dài rất lâu tưởng như không bao giờ chấm dứt. Nhưng bỗng như phát điên,

mọi người chen nhau ra khỏi bếp và chạy ra vườn. Tại đây, bác Piôt nằm trong một cái hố phủ một lớp tuyết xốp, lưng dựa vào một thanh gỗ cháy dở, đầu gục xuống ngực. Phía dưới tai bên phải bác ta có một vết rạch dài sâu hoắm, đỏ như một cái miệng; từ đó lòi ra những mảnh thịt tím tím như những cái răng. Tôi sợ quá, nhắm mắt lại và qua hai hàng lông mi tôi nhìn thấy trên đầu gối bác Piôt có con dao cắt da mà tôi đã quen thuộc, và cạnh đó những ngón tay đen sì, co quắp của bàn tay phải. Cánh tay trái vạt sang một bên và ngấp trong tuyết. Tuyết bên dưới cái xác đã tan hết, thân hình bé nhỏ của bác đánh xe thuê lún sâu trong đồng tuyết trắng mịn và trông càng giống một đứa trẻ con. Phía bên phải bác, một hình màu đỏ kỳ dị loang trên mặt tuyết trông như hình một con chim; phía bên trái, tuyết còn nguyên chưa bị động đến, mặt tuyết phẳng lì và sáng chói. Đầu bác ta cúi xuống về ngoan ngoãn, cằm gập vào ngực khiến cho bộ râu rậm và xoắn xòe ra, một chiếc thánh giá lớn bằng đồng nằm giữa những dòng máu đỏ đã đông lại trên bộ ngực để trần. Đầu tôi nặng trĩu trĩu. Tiếng nói ồn ào làm tôi chóng mặt. Mụ Pêtrôpna không ngớt mồm kêu la; viên cảnh sát cũng quát tháo và sai anh Valây đi đâu không rõ. Ông tôi thì gào lên:

- Không được giẫm mất dấu!

Nhưng bỗng ông tôi cau mặt lại, nhìn xuống đất và nói to với viên cảnh sát, giọng hách dịch:

- Làm gì mà cứ kêu ầm ĩ lên thế, cái nhà bác này! Đây là sự trừng phạt của Chúa, đây là bàn tay của Chúa, vậy mà bác cứ giở mãi những câu ngu xuẩn ấy ra... Chao ôi, lũ chúng bay... y... y thật là...

Lập tức mọi người đều im lặng, tất cả đều nhìn vào người chết, thở dài và làm dấu. Có nhiều người từ ngoài sân chạy vào trong vườn, họ leo qua hàng rào từ phía nhà mụ Pêtrôpna sang bị ngã, họ càu nhàu. Những việc đó đều xảy ra trong yên lặng cho đến lúc ông tôi nhìn xung quanh và kêu lên với vẻ thất vọng:

- Bà con lảng giềng ời, làm gãy hết phúc bồn tử của tôi rồi! Không biết xấu hổ à!

Bà tôi nắm lấy tay tôi và dắt tôi vào nhà, vừa đi vừa khóc thút thít...

- Bác ấy làm sao thế?

Tôi hỏi. Bà tôi trả lời:

- Mà không trông thấy hay sao?

Suốt buổi tối cho đến khuya, ở dưới bếp và trong căn phòng bên cạnh lúc nào cũng có đông người lạ tụ tập, la hét. Cảnh sát ra lệnh; còn một người trông giống như thầy phụ lễ thì hí hoáy viết và hỏi mọi người, giọng nghe chẳng khác gì tiếng vịt kêu:

- Sao? Sao?

Bà tôi mời mọi người uống nước trà ở trong bếp. Một người béo tròn, mặt đỏ, có ria mép dài ngồi vào bàn và kể lại, giọng nói rín rít:

- Tên thật của hắn là gì không ai rõ, chỉ biết hắn là người quê ở Elatma. Còn thằng cầm thực ra chẳng cầm gì hết, nó đã thú nhận cả rồi. Thằng thứ ba cũng nhận rồi, ở đây còn có thằng thứ ba nữa. Chúng đi ăn trộm các nhà thờ đã từ lâu lắm rồi, đó là nghề chuyên môn của chúng...

- Trời ơi!

Mụ Pêtrôpna thở dài, mặt mũi đỏ bừng và đầm đìa mồ hôi. Tôi nằm trên nóc lò sưởi và nhìn xuống, tôi có cảm tưởng hình như tất cả mọi người đều lùn, to béo và đáng sợ...

X

Sáng sớm một ngày thứ bảy tôi vào vườn rau nhà mẹ Pêtrôpna để bắt chim sơn thước. Tôi rình rất lâu, nhưng những chú chim kiêu hãnh phô bộ ức đỏ, không chịu mắc bẫy. Đường như muốn lấy vẻ đẹp chọc tức tôi, chúng cứ điếu qua điếu lại nhón nhơ trên lớp tuyết cứng lóng lánh như bạc; chúng đậu trên những cành cây phủ một lớp băng dày và đung đưa như những bông hoa thật làm tuyết rơi lả tả trông như những tia lửa màu xanh biếc. Cảnh đó đẹp đến nỗi tuy không bắt được chim tôi cũng không thấy bức mình. Tôi vốn không ham săn bắn lắm, hay nói cho đúng hơn, tôi thích việc đi săn hơn là kết quả. Tôi thích quan sát đời sống của những con chim nhỏ và tôi hay nghĩ đến chúng. Thật thú vị khi ngồi một mình ở bên bờ cánh đồng phủ tuyết và nghe tiếng chim hót líu lo giữa cảnh tĩnh mịch trong suốt của một ngày băng giá, xa xa đâu đó vẳng lên tiếng nhạc của một cỗ xe tam mã chạy qua - con chim sơn ca buồn bã của mùa đông nước Nga... Bị lạnh cóng và cảm thấy hai tai đã tê cứng, tôi thu dọn bẫy và lồng chim, leo qua hàng rào để trở lại vườn của ông tôi và đi về nhà. Cổng ra đường mở Thị trấn trên sông Ska cách Nijni -Nôpgôrôt 200 cây số về phía tây nam. một bác mujich to lớn dật ở trong sân ra ba con ngựa đã được thắng vào một cỗ xe trượt tuyết lớn có mui che kín; ba con ngựa thở ra những làn hơi dày đặc. Bác mujich vui vẻ huýt sáo... Tôi giật mình:

- Chờ ai đến thế bác?

Bác ta quay lại, đưa tay che mắt nhìn tôi rồi nhảy lên chỗ ngồi và nói:

- Giáo sĩ! Ô, chuyện ấy không liên quan gì đến tôi cả. Nếu là giáo sĩ thì chắc ông ta đến chỗ những người ở thuê.

- Nào, những chú gà con này! - bác mujich hét, huýt sáo và giật dây cương, làm cho bầu không khí yên tĩnh trở nên tràn đầy vui vẻ. Ba con ngựa nhất tề lao về phía cánh đồng. Tôi nhìn theo chúng rồi khép cổng lại, nhưng khi tôi bước vào gian bếp vắng vẻ

thì nghe thấy ở phòng bên cạnh vang lên giọng nói rất to của mẹ tôi. Tôi nghe rõ tiếng mẹ tôi nói:

- Bây giờ các người định làm gì? Định giết tôi hay sao?

Không kịp cởi áo khoác ngoài, tôi ném lồng chim, chạy vào phòng ngoài và xô phải ông tôi. Ông tôi nắm lấy vai tôi, nhìn vào mặt tôi bằng cặp mắt dữ tợn và vừa nuốt nước bọt vẻ khó nhọc vừa nói giọng khàn khàn:

- Mẹ mày về đây, vào mà gặp mẹ mày! Nhưng khoan đã...

Ông tôi lay người tôi mạnh đến nỗi tôi loạng choạng suýt ngã, rồi đẩy tôi về phía cửa buồng:

- Đi, đi đi thôi...

Tôi đung đầu vào chiếc cửa bọc nỉ và vải sơn. Hai bàn tay tôi run lên vì lạnh và vì hồi hộp, mãi không tìm được quả đấm. Cuối cùng tôi khẽ mở cửa ra và dừng lại ở ngưỡng cửa, hai mắt hoa lên:

- Nó đây rồi! Mẹ tôi nói - Trời ơi, nó lớn quá! Sao, không nhận ra mẹ à? ông bà cho nó ăn mặc gì mà lạ thế này, trời... Mà sao hai tai nó lại trắng thế kia! Mẹ lấy cho con xin ít mỡ ngỗng nhanh lên...

Mẹ tôi đứng giữa phòng, cúi xuống và lột quần áo ở người tôi ra. Mẹ tôi xoay tôi như vùn quả bóng. Thân hình to lớn của mẹ tôi mặc một chiếc áo dài màu đỏ, sờ vào ấm và mịn, rộng như áo tôi choàng của nông dân, có một hàng khuy lớn màu đen chạy suốt từ vai chéo xuống tận gấu. Tôi chưa bao giờ nom thấy chiếc áo dài nào như vậy cả. Tôi cảm thấy khuôn mặt mẹ tôi nhỏ hơn và trắng hơn xưa kia, hai con mắt to và có vẻ sâu hơn, tóc vàng óng hơn. Mẹ tôi vừa cởi quần áo cho tôi, vừa ném ra cửa. Cặp môi đỏ thẫm của mẹ tôi trề ra có vẻ dè bủ, và vẫn bằng giọng nói như ra lệnh, mẹ tôi hỏi:

- Sao con cứ lặng thinh thế? Con có bằng lòng không? Khiếp, cái áo mới bẩn chứ...

Sau đó mẹ tôi lấy mỡ ngỗng sát vào tai cho tôi. Tôi đau quá, nhưng người mẹ tôi tỏa ra mùi thơm mát dịu khiến tôi cảm thấy bớt đau. Tôi áp chặt vào người mẹ tôi và nhìn vào mắt mẹ tôi, cảm động không nói gì được. Lẫn với tiếng nói của mẹ tôi, tôi nghe thấy giọng nói nhỏ và buồn của bà tôi:

- Nó nghịch lắm, không ai bảo được, ngay cả ông nó nó cũng không sợ... Ôi, Varya, Varya...

- Đừng than phiền nữa mẹ ạ, rồi sẽ ổn cả thôi!

Bên cạnh mẹ tôi, tất cả mọi vật xung quanh đều nhỏ bé, đáng thương và già cỗi. Tôi cũng cảm thấy tôi già như ông tôi. Siết chặt tôi trong hai đầu gối rắn chắc, mẹ tôi đưa bàn tay nặng nề, ấm áp vuốt tóc tôi và nói:

- Phải cắt tóc đi. Và nó cũng đến tuổi đi học rồi đấy. Con có muốn đi học không?

- Con đã học xong rồi.

- Phải học thêm một ít nữa. Ô, con khỏe quá!

Rồi mẹ tôi cười đùa với tôi, tiếng cười êm dịu và ấm áp. Ông tôi bước vào, vẻ mặt xám xịt, cau có, hai mắt đỏ ngầu. Mẹ tôi lấy tay đẩy tôi ra và hỏi to:

- Thế nào, bố? Con đi chứ?

Ông tôi dừng lại bên cửa sổ, lấy móng tay cạo lớp băng đóng trên cửa kính và im lặng rất lâu. Không khí xung quanh bỗng trở nên căng thẳng và tôi cảm thấy sợ hãi. Cũng như mọi khi, trong những phút căng thẳng như vậy, tôi cảm thấy như trên khắp người tôi có mọc thêm mắt và tai, ngực tôi căng lên một cách lạ lùng và tôi muốn hét lên.

- Lêcxây, đi ra ngoài kia! - ông tôi nói giọng khàn khàn.

- Sao vậy?

Mẹ tôi hỏi và lại ôm tôi vào người.

- Không đi đâu cả, Varya, tao cấm đấy...

Mẹ tôi đứng dậy, lượn đi lượn lại trong phòng tựa như một đám mây hồng trong buổi hoàng hôn và dừng lại sau lưng ông tôi.

- Bố ơi, bố nghe con nói...

Ông tôi quay lại và rít lên:

- Im đi!

- Hừ, quát tôi là không được đâu, - mẹ tôi nói khẽ.

Bà tôi đang ngồi trên ghế đi-văng liền nhồm dậy, giơ ngón tay ra đe:

- Vacvara!

Ông tôi ngồi xuống ghế, nói lắp bắp:

- Đừng có láo, mày không coi tao ra gì phải không? Hử? Sao mày lại dám nói thế?

Và bỗng ông tôi gào lên, giọng lạc hẳn đi:

- Mày đã làm nhục tao, Varika!...

- Ra ngoài kia! - Bà tôi ra lệnh cho tôi.

Tôi xuống bếp, trong lòng nặng trĩu. Tôi leo lên nóc lò sưởi và lắng nghe rất lâu những tiếng nói ở bên kia vách; khi thì mọi người đều nói cùng một lúc, người nọ ngắt lời người kia; khi thì tất cả đều im lặng giống như bỗng dừng mọi người đều ngủ thiếp đi. Câu chuyện nói về đứa em mà mẹ tôi đã đẻ ra rồi đem gửi người nào đó. Nhưng tôi không hiểu được vì sao ông tôi cáu: có phải vì mẹ tôi đẻ mà không xin phép ông tôi không, hay vì mẹ tôi không đem em bé về cho ông tôi? Một lúc sau ông tôi bước vào bếp, đầu tóc rối bù, mặt mũi đỏ bừng, có vẻ mệt nhoài. Theo sau là bà tôi vừa đi vừa lấy vạt áo lau nước mắt ở hai má. Ông tôi ngồi xuống ghế dài, hai tay chống lên ghế, lưng cúi lom khom, răng cắn lấy cặp môi xám run run. Bà tôi quỳ xuống trước mặt ông tôi, nói khẽ và tha thiết:

- Ông ơi, xin ông hãy vì Chúa mà tha thứ cho nó! Ngựa có hay mấy đi nữa cũng có lúc đỡ chúng. Những người quyền quý, giàu có mà chẳng có những chuyện như vậy sao? Đàn bà là thế đấy! Thôi, hãy tha thứ cho nó. Ở đời chẳng có ai là không có tội lỗi cả... Ông tôi ngả người vào tường, nhìn vào mặt bà tôi và cầu nhàu. Ông nhếch mép cười, miệng méo xệch, rồi nghẹn ngào nói:

- Phải rồi! Sao nữa? Bà thì ai mà bà chẳng tha thứ, bà sẵn lòng tha thứ tất. Chao ôi, lũ chúng bay... y... y thật là...

Ông tôi cúi xuống, nắm lấy hai vai bà tôi mà lắc, miệng thì thào rất nhanh:

- Thế còn Chúa, Chúa có tha thứ không? Chúng ta sắp sửa xuống lỗ rồi mà còn bị Chúa trừng phạt đây. Gần trót đời rồi mà cũng chẳng được yên thân, chẳng được sung sướng! Bà hãy nhớ lấy lời tôi nói: rồi chúng ta sẽ chết như những đứa ăn mày cho mà xem, phải, sẽ chết như đồ ăn mày ấy!

Bà tôi cầm lấy tay ông tôi, ngồi xuống bên cạnh và khẽ cất tiếng cười nhẹ nhàng, vô tư lự:

- Rõ khổ! Như đồ ăn mày thì đã sao? Ông sợ à. Ông cứ việc yên trí ngồi nhà, tôi sẽ đi ăn xin. Ông không lo, người ta sẽ cho, chúng ta sẽ không đói đâu! Thôi, ông đừng nghĩ nữa!

Ông tôi bỗng cười khẽ và quay cổ lại, trông giống hệt như một con dê, ôm lấy cổ bà tôi, áp vào người bà, trông ông bé nhỏ, dúm dỏ. Ông nức nở:

- Ôi, ngốc quá, bà ngu ngốc một cách ngây thơ, đại dột, trên đời này tôi chỉ còn có mình bà thôi! Bà chẳng thương tiếc cái gì cả, bà chẳng hiểu gì hết! Bà hãy nhớ lại xem: chẳng phải là vì chúng nó mà chúng ta đã làm việc, mà tôi đã mắc tội hay sao? Bây giờ chỉ mong sao chúng đền đáp lại cho chúng ta chút ít...

Tôi cũng ghen ngào và không nén được nữa, tôi nhảy từ trên lò sưởi xuống, chạy lại chỗ ông bà tôi. Tôi khóc vì sung sướng, vì chưa bao giờ tôi thấy ông bà tôi nói với nhau những lời đẹp đẽ như vậy. Tôi khóc vì đau xót, vì tôi chia sẻ nỗi đau đớn của ông bà tôi, tôi cũng khóc vì mẹ tôi đã về. Ông bà tôi để tôi cùng khóc, coi tôi như một người ngang hàng. Hai người ôm lấy tôi, siết chặt tôi trong tay, nước mắt giàn giụa. Ông tôi áp mặt vào mặt tôi thì thâm vào tai:

- Ôi, thằng quỷ con, mày cũng ở đây à? Mẹ mày về rồi, bây giờ mày sẽ ở với mẹ mày, còn ông, lão quỷ già độc ác này thì chẳng được tích sự gì nữa rồi! Cả bà vẫn hay nuông chiều mày nữa, cũng sẽ bị quên đi, có phải không? Chao ơi, lũ chúng bay... y... y thật là...

Rồi đẩy bà cháu tôi ra, ông tôi đứng dậy, nói to, giọng giận dữ:

- Chúng nó bỏ ta đi cả, mỗi đứa đi một ngả, đứa nào lo thân đứa ấy. Nào, gọi nó vào đây! Cho xong chuyện đi...

Bà tôi đi ra. Ông tôi cúi đầu và quay về các tượng thánh:

- Lạy Chúa nhân từ, xin Chúa biết cho con!

Rồi ông nắm lấy tay đám vào ngực thành thịch đến nỗi tôi thấy khó chịu, nói chung tôi không ưa cái kiểu ông tôi cầu Chúa, vì lúc nào ông tôi cũng có vẻ như muốn khoe khoang trước Chúa. Mẹ tôi bước vào, cái áo màu đỏ của mẹ tôi làm cho gian bếp có vẻ như

sáng hơn. Mẹ tôi ngồi trên chiếc ghế dài cạnh bàn, ông và bà tôi ngồi hai bên; hai ống tay áo rộng thùng thình của mẹ tôi trải ra trên vai ông bà tôi. Mẹ tôi dịu dàng và nghiêm trang nói với ông bà tôi, còn ông bà tôi thì im lặng ngồi nghe, không ngắt lời. Lúc này ông bà tôi có vẻ trở thành nhỏ bé bên cạnh mẹ tôi và tôi có cảm tưởng như mẹ tôi đang ngồi giữa hai đứa con. Một hồi vì xúc động, tôi ngủ thiếp đi trên nóc lò sưởi. Đến chiều, ông bà tôi mặc bộ quần áo ngày lễ và đi dự lễ nhà thờ. Ông tôi mặc bộ lễ phục của phường trưởng, ngoài khoác chiếc áo bằng lông gấu chuột, quần bỏ ngoài ủng. Bà tôi vui vẻ nháy mắt về phía ông tôi và bảo mẹ tôi:

- Nhìn bố mày kia, rõ như một con dê non!

Mẹ tôi cười vui vẻ. Khi còn lại một mình với tôi ở trong phòng, mẹ tôi ngồi xuống đi-văng, xếp chân vòng tròn, lấy tay ra hiệu bảo tôi ngồi xuống bên cạnh:

- Lại đây với mẹ! Thế nào, con sống ra sao, kể chuyện cho mẹ nghe. Khổ lắm phải không?

Tôi sống ra sao ư?

- Con không biết.

Tôi trả lời.

- Ông có đánh con không?

- Bây giờ thì không hay đánh mấy.

- Thế à? Con kể chuyện cho mẹ nghe đi, chuyện gì cũng được, nào!

Tôi không muốn kể về ông tôi. Tôi bèn nói rằng trong căn nhà này trước kia có một người rất đáng mến ở thuê, nhưng chẳng ai ưa bác ta cả, cuối cùng ông tôi đuổi bác ta đi. Xem ra mẹ tôi không thích chuyện này, mẹ tôi bảo:

- Ủ, thế còn chuyện gì nữa?

Tôi bèn kể chuyện ba thằng bé, chuyện lão đại tá đuổi tôi ra khỏi nhà lão. Mẹ tôi ôm chặt lấy tôi, nói:

- Quân chó má!

Rồi mẹ tôi im lặng, nheo mắt nhìn xuống sàn nhà, lắc đầu. Tôi hỏi mẹ tôi:

- Tại sao ông lại giận mẹ?

- Vì mẹ có lỗi với ông.
- Đáng lẽ mẹ nên đem em bé về cho ông...

Mẹ tôi giật mình, cau mày, cắn môi. Rồi mẹ tôi phá lên cười, ôm chặt lấy tôi.

- Thằng quỷ quái! Cấm không được nói đến chuyện ấy, nghĩ đến cũng không được, nghe chưa!

Mẹ tôi nói rất lâu, giọng thì thầm, vẻ mặt nghiêm trang, nhưng tôi không hiểu mẹ tôi nói gì. Một lúc sau mẹ tôi đứng dậy và đi đi lại lại trong phòng, vừa lấy ngón tay gõ gõ vào cằm, cặp lông mày rậm luôn luôn chuyển động. Trên bàn, một ngọn nến mỡ bò đang cháy. Nến chảy ra, ánh nến chiếu vào khoảng không trong tấm gương. Những bóng đen bản thủ bò trên sàn nhà. Trong góc phòng, trước tượng thánh, một ngọn đèn dầu cháy chập chờn. Dưới ánh trăng, những tấm kính cửa sổ phủ băng lóng lánh như bạc. Mẹ tôi đưa mắt nhìn xung quanh như muốn tìm kiếm một vật gì trên trần nhà và trên những bức tượng trơ trụi:

- Bao giờ con đi ngủ?
- Chốc nữa.
- À, mà buổi trưa con đã ngủ rồi.

Mẹ tôi nhớ ra và thở dài. Tôi hỏi:

- Mẹ muốn đi phải không?
- Đi đâu? - Mẹ tôi ngạc nhiên hỏi lại và, nâng đầu tôi lên, mẹ tôi nhìn vào mặt tôi rất lâu, lâu đến nỗi nước mắt tôi ứa ra.
- Sao thế con?
- Mẹ làm con đau cổ.

Tôi thấy đau cả trong tim nữa. Tôi cảm thấy ngay rằng mẹ tôi sẽ không thể sống ở cái nhà này đâu và mẹ tôi sẽ lại đi thôi.

- Con lớn lên sẽ giống bố, - mẹ tôi nói và lấy chân đá tấm thảm chùi chân sang bên. - Bà có kể chuyện gì về bố cho con nghe không?

- Có.
- Bà rất yêu bố Macxim con, yêu lắm! Bố con cũng rất yêu bà...
- Con biết rồi.

Mẹ tôi nhìn ngọn nến, nhả mặt. Mẹ tôi thổi tắt nến đi và nói:

- Thế này dễ chịu hơn!

Đúng vậy, tắt nến đi người ta có cảm giác mát mẻ và sạch sẽ hơn. Những bóng đen bần thủ biến mất và không còn nháy múa nữa. Trên sàn nhà trải ra những vệt màu xanh nhạt. Những tia lửa vàng rực lấp lánh trên cửa kính.

- Độ trước mẹ ở đâu?

Như nhớ lại một điều gì đã quên từ lâu lắm, mẹ tôi vừa kể tên một số thành phố, vừa đi lại trong phòng, nhẹ nhàng như một con chim cất.

- Thế mẹ lấy đâu ra chiếc áo dài này?

- Mẹ khâu lấy đấy. Mọi thứ mẹ đều làm lấy cả.

Tôi lấy làm sung sướng thấy mẹ tôi không giống một người nào khác. Nhưng tôi buồn vì mẹ tôi ít nói quá, nếu tôi không hỏi thì mẹ tôi chẳng nói gì hết. Một lúc sau mẹ tôi lại ngồi xuống đi-văng bên cạnh tôi. Hai mẹ con cứ ngồi sát bên nhau, im lặng mãi đến khi ông bà tôi trở về, người nồng nặc mùi sáp và hương trầm, thái độ dịu dàng và lặng lẽ một cách trang trọng. Mọi người ăn tối có vẻ khách khí giống như đi ăn cỗ. Trong lúc ăn, mọi người nói ít và thận trọng, dường như sợ làm mất giấc ngủ chập chờn của một người nào đấy. ít lâu sau mẹ tôi quyết định dạy tôi học chữ cái phổ thông. Mẹ tôi hăng hái bắt tay vào việc đó. Mẹ tôi mua về những cuốn sách nhỏ, trong đó có cuốn "Văn quốc ngữ". Tôi học theo cuốn sách ấy và chỉ trong vài ngày đã đọc được chữ phổ thông. Nhưng rồi mẹ tôi bắt tôi đọc thuộc lòng các bài thơ, và thế là từ đó chúng tôi bắt đầu làm khổ lẫn nhau. Bài thơ như thế này: Con đường thẳng, con đường dài, Người lấy của Trời bao khoảng không gian. Xềng, rìu đâu dễ mà san, Đường êm vó ngựa, đường toàn bụi bay... Chữ cái Nga (xem chú thích ở trang).

Tôi đọc "vó ngựa" thành "vó cựa".

- Nào, hãy nghĩ kỹ đi, - mẹ tôi khuyên tôi. - Sao lại "vó cựa"? Thằng quỷ quái! "Vó ngựa" chứ, hiểu chưa?

Tôi hiểu, nhưng vẫn cứ đọc là "vó cựa", chính tôi cũng lấy làm lạ. Thế là mẹ tôi cáu, bảo tôi là đần độn và bướng bỉnh làm tôi thật khổ tâm. Tôi cố gắng nhớ những câu thơ đáng nguyên rủa ấy,

và khi tôi đọc thầm thì không sai, nhưng hễ đọc to lên là thế nào cũng bị nhầm. Tôi đâm ra căm thù những dòng chữ khó nắm được đó. Giận quá, tôi bèn cố tình xuyên tạc. Tôi chọn những chữ đồng âm vô nghĩa đọc liền một mạch. Tôi rất thích thú khi những câu thơ ma quỷ đó không còn ý nghĩa gì nữa. Nhưng trò chơi của tôi đã phải trả bằng một giá khá đắt. Một lần sau một buổi học có kết quả, mẹ tôi hỏi tôi đã học thuộc bài thơ chưa. Buột miệng, tôi nói lảm nhảm: Con đường, bức tường, ngôi trường, cái giường. Vó ngựa, ghế tựa, dao rựa... Khi tôi nhớ ra thì đã muộn. Mẹ tôi chống hai tay lên bàn, đứng dậy và hỏi rành rọt từng tiếng:

- Như thế nghĩa là gì?
- Con không biết, - tôi thất kinh, trả lời.
- Sao?
- Con đọc vậy thôi ạ.
- Đọc vậy là thế nào?
- Để đùa thôi ạ!
- Đứng vào góc nhà kia!
- Để làm gì ạ?

Mẹ tôi nhắc lại, không hề to tướng nhưng có vẻ hăm dọa:

- Vào góc nhà!
- Góc nào cơ ạ?

Mẹ tôi nhìn chằm chằm vào mặt tôi không trả lời khiến tôi bối rối. Tôi không hiểu mẹ tôi muốn gì. Trong góc nhà, phía dưới các tượng thánh, có một chiếc bàn tròn nhỏ, bên trên để chiếc bình đựng những loại cỏ và hoa khô rất thơm. ở góc trước mặt tôi có kê một chiếc hòm, trên phủ một tấm thảm. Góc thứ ba kê một chiếc giường, còn góc thứ tư thì không có, vì chỗ đó là cái cửa.

- Con không hiểu mẹ muốn cái gì.

Tôi nói giọng tuyệt vọng. Mẹ tôi ngồi phịch xuống, im lặng, lấy tay xoa trán và hai má. Sau đó mẹ tôi hỏi:

- Mà đã bị ông bắt đứng vào góc nhà bao giờ chưa?
- Bao giờ ạ?
- Một hôm nào đó, tao biết làm sao được!

Mẹ tôi thét và giơ tay đập hai cái xuống mặt bàn.

- Không, con không nhớ.

- Mà có biết phải đứng vào góc nhà tức là bị phạt không?

- Không. Tại sao lại phạt ạ?

Mẹ tôi thở dài.

- Hừ, lại đây!

Tôi bước lại gần và hỏi mẹ tôi:

- Sao mẹ lại gắt con?

- Thế tại sao con cứ cố tình đọc sai bài thơ đi như vậy?

Tôi cố sức giải thích cho mẹ tôi hiểu rằng mỗi khi tôi nhầm mắt lại thì tôi nhớ được bài thơ in trong sách như thế nào, nhưng hề tôi cứ đọc lên là thế nào cũng lẫn sang những tiếng khác.

- Con không giả vờ đấy chứ?

Tôi trả lời là không, nhưng ngay lúc đó tôi lại nghĩ: "Có thể là mình giả vờ chăng?". Rồi đột nhiên tôi thông thả đọc lại bài thơ và đọc rất đúng. Điều đó làm tôi kinh ngạc, và tôi sững sờ cả người. Đứng trước mẹ tôi, tôi cảm thấy mặt tôi bỗng như sưng lên, hai tai đỏ bừng và nặng trình trịch, đầu óc choáng váng. Tôi ngượng chín cả người. Qua nước mắt tôi thấy mặt mẹ tôi tối sầm lại, buồn rầu, hai môi mím chặt, cặp lông mày nhíu lại.

- Thế là thế nào?

Mẹ tôi hỏi, giọng lạc hẳn đi.

- Vậy ra là con nói dối mẹ?

- Con không biết. Con không chủ tâm làm thế...

Mẹ tôi cúi đầu xuống, nói:

- Tao thật khổ với mày! Thôi, đi đi!

Từ đó trở đi mẹ tôi càng bắt tôi học thuộc lòng nhiều thơ hơn. Nhưng trí nhớ của tôi thì càng ngày càng khó tiếp thu những dòng chữ đơn điệu ấy. Ở tôi, cái ý muốn tai ác xuyên tạc các câu thơ, chọn những chữ khác để thay vào, mà tôi không tài nào cưỡng lại được, càng ngày càng mạnh. Việc đó đối với tôi thật dễ dàng: những chữ không cần thiết cứ hiện ra hàng đống trong đầu tôi và trong chốc lát chúng làm xáo trộn tất cả những chữ ở trong sách

mà tôi phải học. Nhiều khi cả một dòng chữ như trở thành những vật vô hình đối với tôi, và dù cho tôi cố gắng đuổi bắt thế nào, chúng cũng không chịu lọt vào trí nhớ tôi. Bài thơ đem lại cho tôi nhiều nỗi phiền nhất có lẽ là bài thơ đầy ai oán của hoàng thân Viazemski:

*Sáng sớm hay chiều tối,
Bao ông già, bà góa, trẻ cô*

.....

Xin người vì Chúa giúp chúng tôi.

Còn câu thứ ba: *Xách bị kêu van ngoài cửa sổ* thì tôi thường bỏ mất. Bực mình, mẹ tôi đem chuyện ấy mách ông tôi. Ông tôi đe:

- Đồ hư thân mất nết! Nó nhớ được chứ có phải không nhớ được đâu: Kinh thánh nó còn thuộc hơn tao. Nó nói láo đấy: cái gì nó đã học được thì cứ như là khắc vào đá ấy! Mà cứ nện cho nó một trận!

Bà tôi cũng kể tôi tôi:

- Chuyện cổ tích nó nhớ hết, bài hát nó cũng nhớ, mà bài hát chẳng là thơ thì là cái gì?

Tất cả những điều ấy đều đúng cả. Tôi cảm thấy tôi có lỗi, nhưng hễ tôi cứ ngồi vào đọc thơ là những chữ khác ở đâu lại bò đến như những con gián và tự động xếp thành những dòng chữ đều đặn. Ngoài cổng nhà ta, Có bao người già và trẻ mồ côi Kêu van xin hạt cơm rơi, Xin được liền mang tới Nhà mẹ Pêtrôpna, Bán cho mẹ nuôi gà, Rồi ra vục uống rượu. Ban đêm nằm với bà tôi trên lò sưởi, tôi hay đọc lại cho bà tôi nghe đến chán tai tất cả những gì tôi học được qua sách vở và tất cả những gì tôi tự đặt ra. Đôi khi bà tôi cười, nhưng thường thì bà mắng tôi:

- Đấy, mà chẳng thấy mà có thể học thuộc lòng được là gì! Nhưng không được chế giễu những người ăn mày. Cầu Chúa hãy phù hộ cho họ! Ngày trước Chúa cũng nghèo và tất cả các thánh cũng vậy...

Tôi lẩm nhẩm:

*Tôi không thích ăn mày,
Cũng chẳng ưa ông ngoại,
Biết làm sao bây giờ?*

Lạy Chúa, hãy tha tội!

Ông tôi luôn tìm có

Để mà đánh đập tôi...

- Mà nói cái gì thế? Đem mà cắt lưỡi đi!

Bà tôi nổi nóng.

- Nhớ ông mà nghe thấy thì sao?

- Mặc kệ!

- Cháu không nên nghịch tinh nghịch quá làm khổ mẹ cháu!
Cháu không hư, mẹ cháu cũng đã có nhiều điều khổ tâm rồi.

Bà tôi khuyên tôi bằng giọng âu yếm và có vẻ dăm chiêu.

- Sao mẹ cháu lại khổ tâm.

- Thôi, im đi! Mà không hiểu được đâu..

- Cháu biết rồi, tại vì ông...

- Mà có im đi không nào!

Cuộc sống của tôi thật nặng nề. Tôi có cái cảm giác gần như tuyệt vọng, nhưng không hiểu sao tôi cứ muốn giấu nó đi, tôi làm ra bộ thản nhiên và nghịch ngợm. Mẹ tôi bắt tôi học càng ngày càng nhiều, nhưng càng ngày tôi càng không hiểu những điều mẹ tôi dạy. Tôi học toán rất dễ dàng, nhưng tôi rất ghét môn chính tả, còn ngữ pháp thì tôi hoàn toàn chẳng hiểu gì cả. Nhưng điều làm cho tôi khổ tâm nhất là tôi đã thấy rõ mẹ tôi phải sống đau khổ trong cái nhà này. Mẹ tôi càng ngày càng hay cau có, nhìn mọi người bằng cặp mắt xa lạ, và thường ngồi rất lâu bên cửa sổ, yên lặng nhìn ra vườn. Mẹ tôi có vẻ tiêu tụy hẳn đi. Những ngày đầu tiên mới về mẹ tôi nhanh nhẹn, tươi vui. Trái lại, bây giờ mắt mẹ tôi thâm quầng. Suốt ngày mẹ tôi đi tha thẩn trong nhà, đầu tóc rối bù, quần áo nhàu nát, cúc áo không buồn cài. Tôi khổ tâm thấy mẹ tôi tiêu tụy như vậy. Mẹ tôi lẽ ra bao giờ cũng phải đẹp đẽ, nghiêm trang, ăn mặc sạch sẽ hơn tất cả mọi người chứ? Trong giờ học, cặp mắt mẹ tôi sâu thẳm thẳm thường nhìn vào tường, nhìn ra ngoài cửa sổ như không trông thấy tôi. Người hỏi tôi bằng giọng mệt mỏi, quên cả những câu tôi trả lời và ngày càng hay cáu gắt. Điều đó cũng làm cho tôi khổ tâm: tôi muốn mẹ tôi phải là người công minh hơn hết thảy mọi người, như trong các chuyện cổ tích vậy! Thỉnh thoảng tôi hỏi mẹ tôi:

- Mẹ ở đây khổ lắm phải không?

Mẹ tôi trả lời giọng bức tức:

- Không phải việc của mày!

Tôi cũng nhận thấy hình như ông tôi đang mưu mô một việc gì khiến cho bà và mẹ tôi rất lo sợ. Ông tôi thường ngồi lì trong buồng mẹ tôi, và ông tôi than vãn, la hét, giọng nghe khó chịu như tiếng sáo gổ của lão chần cừ gù lưng Nikanôơ. Trong một cuộc cãi nhau như vậy mẹ tôi hét âm cả nhà:

- Không, đừng có hòng!

Mẹ tôi đóng sầm cửa lại, còn ông tôi thì quát tháo âm lên. Lúc bấy giờ là buổi tối, bà tôi đang ngồi khâu vá cho ông tôi bên cạnh chiếc bàn ở trong bếp, miệng lẩm bẩm cái gì một mình. Khi có tiếng cửa đóng sầm lại, bà tôi lắng tai nghe và nói:

- Nó lại đến chỗ bọn ở thuê rồi. Trời ơi!

Bỗng ông tôi từ ngoài xộc vào bếp, chạy lại chỗ bà tôi và nện một quả đấm vào đầu bà. Đoạn, vừa lắc bàn tay bị đau, ông vừa rít lên:

- Đừng có bép xép, mụ phù thủy kia!

- Ông là một lão già ngốc, - bà tôi vừa vắn lại tóc bị xổ vừa điềm tỉnh nói.

- Dễ thường ông tưởng tôi sẽ im chắc? Tôi mà biết được những mưu mô gì của ông là tôi sẽ nói tất cho nó biết cho mà xem...

Ông tôi lao về phía bà tôi và giơ nắm đấm nện liên tiếp xuống đầu bà tôi. Bà tôi không chống đỡ, cũng không đẩy ông tôi ra, bà tôi chỉ nói:

- Được, cứ đánh đi, đánh nữa đi, đồ ngốc! Đấy, đánh đi!

Ở trên lò sưởi tôi liền lấy chăn, gối và ủng ném vào hai người, nhưng ông tôi đang cơn giận nên không nhìn thấy. Bà tôi ngã lăn ra đất. Ông tôi lấy chân đá vào đầu bà tôi, cuối cùng ông tôi vấp ngã lăn ra, làm đổ lênh láng cả thùng nước. Ông tôi bò dậy, khạc nhổ và thở phì phì, nhìn ngó xung quanh bằng cặp mắt hung dữ rồi bỏ chạy lên phòng riêng trên gác thượng. Bà tôi đứng dậy, rên rỉ, rồi ngồi xuống ghế gỡ tóc. Tôi ở trên lò sưởi nhảy xuống. Bà tôi, giọng bức tức, bảo tôi:

- Thu dọn chăn gối lại rồi cất tất cả lên trên lò sưởi kia! Tưởng thế là hay lắm! Việc gì đến mày? Cái lão quỷ già ấy, đang tự nhiên thì nổi cơn lên... Đồ ngốc!

Bồng bà tôi nhăn mặt và rên rỉ rồi cúi đầu, gọi tôi lại:

- Thử xem xem chỗ này làm sao mà đau thế.

Tôi rẽ mớ tóc dày của bà tôi ra xem: thì ra một chiếc kim gài đầu đã đâm sâu vào trong da đầu bà tôi. Tôi lôi chiếc kim đó ra, nhưng lại thấy một chiếc khác. Ngón tay của tôi như bị tê dại đi.

- Để cháu gọi mẹ cháu, cháu sợ lắm!

Bà tôi xua tay:

- Mày điên à? Gọi mẹ mày ấy ư? Cám ơn Chúa, may mà mẹ mày không nghe thấy, không trông thấy! Thôi, đi đi!

Rồi, với những ngón tay mềm mại của một người thợ khâu đẳng-ten, bà tôi tự tìm lấy trong mớ tóc đen và dày của mình. Đánh bạo, tôi giúp bà tôi lôi ra được hai chiếc kim nữa to và cong.

- Bà có đau không?

- Không sao. Mai bà sẽ đun nước, gội đầu một cái là hết.

Rồi, bà tôi dịu dàng hỏi tôi:

- Cháu yêu của bà, nhất là cháu đừng có nói gì với mẹ cháu rằng ông đánh bà đấy nhé! Nghe chưa? ông cháu và mẹ cháu đã giận nhau sẵn rồi. Đừng nói nhé?

- Vâng.

- Được, nhớ đấy! Bây giờ bà cháu ta phải dọn dẹp chỗ này lại. Mặt bà có sưng sứt gì không? Tốt, thế là mẹ cháu sẽ không hay biết gì hết...

Bà tôi bắt đầu lau sàn nhà. Tôi thành thật bảo bà tôi:

- Bà thật là một bà thánh! Bà bị hành hạ mãi như thế mà bà vẫn chịu được!

- Đừng có nói nhảm! Tao mà là thánh à? Học được ở đâu cái ấy đấy?

Bà tôi vừa bò trên mặt sàn để lau, vừa làu bàu rất lâu. Tôi ngồi trên bậc lò sưởi, nghĩ cách trừng trị ông tôi trả thù cho bà. Chưa bao giờ tôi thấy ông tôi đánh bà tôi tàn nhẫn và khủng khiếp như vậy. Trước mặt tôi, trong bóng tối lơ mơ, tôi như thấy hiện ra

bộ mặt đỏ tía của ông tôi với đám tóc hung lất phất. Lòng tôi giận sôi lên, tôi bực mình vì không tìm được cách trả thù cho thật đích đáng. Nhưng khoảng hai ba hôm sau, không hiểu có việc gì tôi trèo lên gác thượng vào buồng ông tôi. Tôi thấy ông đang ngồi trên sàn, trước một cái hộp mở ngỏ và đang soạn những giấy tờ gì ở trong đó. Trên ghế có cuốn lịch Nhà thờ mà ông tôi rất quý: đó là mười hai tờ giấy dày màu xám, chia thành những ô vuông căn cứ theo số ngày trong một tháng, và trong mỗi ô vuông lại có in hình tất cả vị thánh của ngày đó. Ông tôi rất quý quyển lịch ấy, chỉ hãn hữu những khi nào vì lý do gì đấy rất bằng lòng về tôi, ông tôi mới cho tôi xem. Còn tôi thì bao giờ cũng ngắm nghía những hình màu xám in xít nhau nhỏ xíu và rất đáng yêu đó, với một cảm giác đặc biệt.

Tôi có biết sự tích của một số vị thánh trong đó như Kirich và Ulita, Vacvara tử vì đạo, Pantêlâymon và nhiều vị thánh khác. Đặc biệt tôi thích nhất sự tích buồn thảm của thánh Alêcxây, người của Chúa, và những bài thơ tuyệt diệu về Người mà bà tôi thường đọc cho tôi nghe một cách cảm động. Nhìn thấy hàng trăm hình ảnh thánh đó tôi lại thầm nghĩ để tự an ủi rằng bao giờ thì cũng vẫn có những người đau khổ. Nhưng bây giờ tôi quyết định phải cắt nát cuốn lịch đó ra. Thừa lúc ông tôi đi lại phía cửa sổ để đọc một tờ giấy màu xanh có in hình chim phượng hoàng, tôi liền thủ luôn mấy tờ lịch và chạy thật nhanh xuống dưới nhà. Tôi lấy chiếc kéo trong ngăn bàn của bà tôi rồi leo lên nóc lò sưởi và bắt đầu cắt đầu các vị thánh. Cắt được một hàng, tôi bỗng thấy tiếc đã làm hỏng cuốn lịch, tôi bèn cắt theo đường kẻ chia các ô vuông. Nhưng tôi chưa kịp cắt xong hàng thứ hai thì ông tôi hiện ra, leo lên bậc lò sưởi và hỏi:

- Ai cho mày lấy lịch của tao?

Nhìn thấy những miếng ô vuông rải rác trên mặt lò, ông tôi nhặt lên xem rồi vứt đi, rồi lại nhặt một ô vuông khác. Mồm ông tôi méo xệch, chòm râu rung rung. Ông tôi thở mạnh đến nỗi những mảnh giấy nhỏ bay tung cả xuống đất.

- Mày làm gì thế này?

Cuối cùng ông tôi hét lên, và cầm chân tôi lôi thật mạnh. Tôi ngã lộn xuống, bà tôi giơ hai tay ra đỡ lấy tôi. Nhưng ông tôi giờ nắm đấm đánh bà tôi và tôi, miệng thét:

- Tao sẽ giết chết nó. Thánh Vacvara tử vì đạo ở thế kỷ XV, bị bố là quan lại La Mã giết chết.

Mẹ tôi chạy đến. Tôi nấp vào góc nhà, cạnh lò sưởi. Mẹ tôi đứng chắn trước mặt tôi, rồi vừa đỡ và gạt những cánh tay ông tôi đang vung trước mặt vừa nói:

- Thật quá tệ! Bố hãy bình tĩnh lại!

Ông tôi ngồi phịch xuống chiếc ghế dài ở bên cửa sổ, tru tréo:

- Chúng nó giết tôi! Tất cả chúng nó đều chống lại tôi, ôi...

- Bố không biết xấu hổ à? - Mẹ tôi nói, giọng khàn khàn. - Làm gì mà bố lúc nào cũng cứ giả vờ giả vịt như vậy?

Ông tôi la hét, giậm hai chân xuống ghế, chồm râu vênh lên nom đến buồn cười, hai mắt thì nhắm nghiền lại. Tôi cũng cảm thấy như ông tôi ngượng với mẹ tôi và ông tôi quả có giả vờ thật, vì thế nên mới nhắm mắt lại.

- Rồi con sẽ lấy vải dán lại những tờ lịch đó cho bố, lại chẳng đẹp và chắc hơn ấy à, - mẹ tôi vừa nói vừa ngắm nghía những tờ lịch còn nguyên và những mảnh đã bị cắt vụn ra. - Lịch của bố cũng đã nhàu nát mủn cả ra rồi đây này...

Mẹ tôi nói với ông tôi bằng giọng tựa như nói với tôi trong những lúc bảo tôi học, khi tôi có điều gì không hiểu. Bỗng ông tôi đứng dậy, ra về vội vã, xốc lại áo sơ-mi và gi-lê, khạc nhổ và nói:

- Mà dán lại ngay trong ngày hôm nay cho tao! Tao sẽ đem xuống cho mày nốt những tờ còn lại...

Ông tôi bước ra, nhưng đi đến ngưỡng cửa lại quay lại, giơ ngón tay không không chỉ vào tôi và nói:

- Còn nó thì phải nện cho nó một trận!

- Phải rồi! - Mẹ tôi đáp. Quay về phía tôi, mẹ tôi hỏi:

- Sao con lại làm thế?

- Con cố ý làm thế đấy! Ai bảo ông đánh bà... Ông còn đánh bà nữa thì con cắt râu đi ấy chứ!

Bà tôi cởi chiếc áo ngoài rách ra, lắc đầu, nói với vẻ trách móc:

- Thế mà cháu đã hứa với bà là cháu sẽ không nói đấy!

Rồi nhổ nước bọt xuống sàn nhà, bà tôi nói thêm:

- Sao lưới mây nó không sưng lên để cho mây đừng ngo nguậy lưới nữa!

Mẹ tôi nhìn bà tôi và đi đi lại lại trong bếp, rồi đi tới bên tôi:

- Ông đánh bà bao giờ?

- Còn mây nữa, Vavara, mây hỏi nó thế mà không biết ngượng à? Việc gì đến mây nào? - Bà tôi bực tức nói.

Mẹ tôi ôm lấy bà tôi:

- Ôi, mẹ, mẹ yêu quý của con!

- Thôi đi, mẹ mẹ con con cái gì! Lui ra!

Hai người nhìn nhau và bỗng im bật, buông nhau ra: ở phòng ngoài có tiếng chân của ông tôi. Ngay từ khi mới về, mẹ tôi đã đánh bạn với cái mụ ở thuê rất vui tính là vợ lão nhà binh ở phòng ngoài. Và hầu như tối nào mẹ tôi cũng sang chơi bên nhà mụ ta, ở đó có cả những bà sang trọng và những gã sĩ quan ở nhà Betleng cũng đến. Điều đó khiến ông tôi không thích. Đã nhiều lần, ngồi ăn tối ở trong bếp, ông tôi gơ cái thìa lên dọa nạt, miệng làu bàu:

- Cái lũ khốn kiếp ấy lại tụ tập với nhau rồi! Từ giờ đến sáng là chúng nó không cho ai chớp mắt được nữa đâu!

Ít lâu sau ông tôi yêu cầu những người thuê nhà dọn đi nơi khác. Sau khi họ đi rồi, ông tôi chở ở đâu về hai xe toàn những đồ đạc linh tinh. Ông tôi đem đặt vào hai phòng ngoài và lấy một cái khóa thật to khóa lại:

- Chẳng cần cho thuê nữa! Bây giờ tao sẽ mời khách khứa đến chơi!

Và từ đó cứ đến ngày lễ là trong nhà lại có khách. Thường đến có bà em gái của bà tôi tên là Matriôna Ivanôpna làm nghề thợ giặt. Bà ta có cái mũi to, hay lẩm lòi, thường mặc một chiếc áo dài lụa kẻ xọc và trùm một chiếc khăn màu vàng óng. Cùng đi với bà có hai người con trai bà ta: một người tên là Vaxili làm thợ vẽ, để tóc dài, rất tốt và vui tính, thường mặc toàn một màu xám; người thứ hai là Victo thích màu sắc lòe loẹt, đầu như đầu ngựa, mặt dài và đầy tàn hương. Vừa mới đến phòng ngoài, chưa kịp cởi giày cao-su, cậu ta đã hát lên the thé hệt như Pêtruska vậy:

- Bố Andrây, bố Andrây...

Cái đó làm tôi rất ngạc nhiên và sợ hãi. Cậu Iakôp thường đến xách theo cây đàn ghi-ta. Cậu hay cùng đến với một bác thợ đồng hồ chốt mắt và hói đầu. Bác này mặc một chiếc áo dài đen, trông giống như một thầy tu. Bác ta rất kín đáo, bao giờ cũng ngồi vào một góc, ngoẹo đầu sang một bên một cách kỳ lạ và mỉm cười, ngón tay chống vào chiếc cằm béo hai ngón, cạo nhẵn. Nước da bác ngăm ngăm đen, con mắt độc nhất của bác nhìn mọi người với vẻ chăm chú đặc biệt. Bác ít nói và thường hay lặp đi lặp lại một câu:

- Xin đừng phiền hà, thế nào cũng được...

Khi nhìn thấy bác ta lần đầu tiên, tôi bỗng nhớ lại một chuyện đã lâu lắm, khi chúng tôi còn ở phố Nôvaia. Một hôm tôi nghe thấy ở ngoài cổng có tiếng trống đánh dồn dập, náo động. Chạy ra xem, tôi thấy một chiếc xe ngựa cao, sơn đen đang đi trên đường từ phía nhà giam tới quảng trường, lính và dân chúng vây chung quanh xe. Ngồi trên xe là một người thấp bé bị xích, đầu đội chiếc mũ tròn bằng da, trên ngực đeo tấm bảng đen có ghi những chữ trắng lớn. Người đó ngồi gục đầu xuống, tựa như đang đọc tấm bảng, người lắc lư, tiếng xích kêu leng xeng. Vì vậy khi mẹ tôi bảo với bác thợ đồng hồ: "Đây là con tôi" thì tôi hoảng hốt, vội lùi lại và giấu hai tay ra đằng sau.

- Xin đừng phiền hà.

Bác ta nói, mồm nhếch lên phía mang tai bên phải, trông thật đáng sợ. Bác ôm ngang thắt lưng tôi, kéo tôi lại và nhẹ nhàng xoay người tôi một vòng. Sau đó bác buông tôi ra, nói với vẻ khen ngợi:

- Khá đấy, chú bé khỏe lắm...

Tôi lùi vào một góc nhà, ngồi thu lu trên chiếc ghế bành bằng da. Chiếc ghế to đến nỗi tôi có thể nằm vào trong đó được. Ông tôi rất hãnh diện về chiếc ghế ấy vì cứ theo lời ông tôi nói, thì chiếc ghế đó trước kia là của cá tước Gruzinxki. Ngồi trên đó tôi nhìn cuộc vui chơi tẻ nhạt của người lớn và ngấm nét mặt luôn luôn thay đổi một cách kỳ lạ và khả nghi của bác thợ đồng hồ. Bộ mặt của bác ta lầy nhầy những nếp nhăn, nhão nhoét như sắp tan thành nước. Mỗi khi cười, cặp môi dày của bác lại dòn cả về phía bên má phải, còn chiếc mũi nhỏ xíu cũng di động tựa như quả trứng đặt trên đĩa. Hai cái tai lớn vênh lên cử động một cách kỳ lạ, lúc thì rướn lên cùng với lông mày của con mắt lạnh, lúc thì sụp xuống hai bên gò má. Và khi đó người ta có cảm tưởng là nếu muốn, bác

ta có thể dùng hai tai che kín mũi, như ta lấy hai bàn tay úp lại vậy. Thỉnh thoảng, những lúc thở dài, bác ta lại để thò ra cái lưỡi đen, tròn như cái chày; rồi bác nhanh nhẹn đưa lưỡi liếm một vòng cặp môi dày và nhón. Tất cả những cái ấy không có gì thích thú, mà chỉ làm cho tôi ngạc nhiên và khiến tôi nhìn bác thợ đồng hồ không rời mắt. Mọi người uống nước trà pha rượu rum có mùi lá hành cháy; uống các thứ rượu ngọt của bà tôi: có thứ màu vàng như vàng nén, có thứ đen như hắc ín và có thứ màu xanh lá cây; ăn varentai loại ngon và bánh bơ làm với mật có rắc hạt anh túc. Ai nấy mồ hôi đầm đìa, thở phì phò, vừa ăn vừa khen ngợi bà tôi. Cuối cùng, khi đã ăn uống no nê, mặt mũi đỏ bừng, mọi người lễ phép ngồi vào ghế và đề nghị cậu Iakôp chơi đàn, nhưng không tha thiết lắm. Cậu cúi xuống cây đàn ghi-ta vừa gảy vừa hát theo bằng một giọng nghe rất khó chịu: Chúng ta đã sống theo sở thích, Náo động, xôn xao khắp phố phường, Mọi chuyện chúng ta đều kể hết, Cho bà quý tộc ở Kazan... Tôi thấy bài hát ấy thật là buồn.

- Iasa, mày chơi một bài nào khác đi? - Bà tôi nói - Một bài thực hay ấy! Môtráa, cô còn nhớ những bài hát ngày xưa không?

Sửa lại tấm áo dài kêu sột soạt, bà thợ giặt nói ra vẻ quan trọng:

- "Mốt" bây giờ khác rồi, bà chị ạ...

Cậu Iakôp nheo mắt nhìn bà tôi, như thể bà ngồi cách xa lắm. Cậu vẫn tiếp tục chơi những điệu nhạc buồn, hát những lời nghe đến khó chịu. Ông tôi nói chuyện với bác thợ đồng hồ với một vẻ bí mật và tính toán cái gì đó trên mấy ngón tay. Bác này rướn lông mày lên, ngó về phía mẹ tôi và gật đầu. Bộ mặt nát nhéo của bác ta thoáng rung rung. Mẹ tôi bao giờ cũng ngồi giữa hai anh em Xecgêep. Vẻ mặt trang nghiêm, mẹ tôi thì thầm nói chuyện với cậu Vaxili. Cậu thở dài và đáp:

- Phải đấy, chuyện ấy cần phải suy nghĩ cho kỹ...

Cậu Victo thì cười có vẻ hể hả, lết hai chân sên sệt trên sàn rồi bỗng nhiên hát lên the thé:

- Bố Andrây, bố Andrây...

Mọi người ngạc nhiên im bật, đưa mắt nhìn cậu. Làm ra vẻ quan trọng, bà thợ giặt giải thích:

- Nó bắt chước rap hát đấy, chả ở đấy người ta hát như vậy mà...

Có đến hai hay ba tối như vậy, những buổi tối thật là chán hết sức đến nỗi tôi không thể quên được. Sau đó, một buổi trưa chủ nhật, ngay sau buổi lễ cuối bác thợ đồng hồ lại tới. Tôi đang ngồi trong buồng giúp mẹ tôi gỡ những hạt cườm trên một bức thêu đã rách. Cửa ra vào bỗng hé mở, bà tôi thò bộ mặt hoảng hốt vào và thì thào:

- Hấn đến rồi đây, Varya!

Và lại biến đi ngay tức khắc. Mẹ tôi vẫn ngồi im, không nhúc nhích. Cửa lại mở và ông tôi hiện ra trên ngưỡng cửa, trịnh trọng nói:

- Vacvara, con mặc quần áo vào rồi ra đây!

Không đứng lên, cũng chẳng buồn nhìn ông tôi, mẹ tôi hỏi:

- Ra đâu?

- Đi, cầu Chúa thương cho mày! Đừng cãi nữa! Hấn là người hiền lành, thạo nghề, xứng đáng là bố của thằng Lêcxây...

Ông tôi nói với vẻ quan trọng khác thường. Hai bàn tay ông tôi cứ sát mãi vào hai bên sườn, hai khuỷu tay quặt ra sau lưng, run run, tựa như chúng muốn nhòai ra đằng trước mà bị ông tôi giữ lại. Mẹ tôi bình tĩnh ngắt lời:

- Con đã bảo bố rằng không được mà lại...

Ông tôi bước tới gần mẹ tôi, hai tay giơ ra phía trước như người mù, rồi cúi xuống, vẻ giận dữ, nói như rên rỉ:

- Đi! Nếu không tao sẽ nắm tóc mày lôi đi...

- Lôi à?

Mẹ tôi đứng dậy, hỏi lại. Mặt mẹ tôi tái đi, hai con mắt nhúu lại trông thật đáng sợ. Mẹ tôi nhanh nhẹn cởi tất cả váy và áo ngoài ra, chỉ còn mặc mỗi chiếc áo lót. Sau đó mẹ tôi tiến đến trước mặt ông tôi:

- Đây, đưa tôi ra!

Ông tôi nghiêng răng lại, giơ nắm tay ra dọa mẹ tôi:

- Vacvara, mặc áo xống vào!

Mẹ tôi lấy tay gạt ông tôi ra, nắm lấy quả đấm của:

- Nào, ta đi ra!

- Tao sẽ nguyên rửa mày, - ông tôi thì thảo.

- Tôi chẳng sợ! Thế nào, ra chứ?

Mẹ tôi mở toang cửa ra, nhưng ông tôi nắm lấy vạt áo lót giữ lại rồi quỳ xuống, thì thảo:

- Vacvara, đồ quỷ sứ, mày muốn chết hay sao! Đừng làm nhục tao...

Rồi ông tôi rên rỉ khe khẽ, giọng thảm thiết:

- Bà nó ơi, bà nó ơi...

Bà tôi đã đứng chắn lối đi của mẹ tôi và giơ hai tay xua mẹ tôi như xua gà để dồn mẹ tôi vào trong buồng. Bà tôi cầu nhàu, tiếng nói rít qua kẽ răng:

- Varika, mày định làm trò gì thế hở con ngốc kia? Đi vào, rõ không biết dơ!

Bà tôi đẩy mẹ tôi vào buồng, cài cửa lại, rồi cúi xuống, một tay đỡ ông tôi dậy, tay kia như như đe dọa:

- Ôi, lão quỷ già này, đồ ngu xuẩn!

Bà tôi ấn ông tôi ngồi phịch xuống đi-văng như một con búp bê bằng giẻ rách, mồm há hốc, đầu lắc lư. Bà tôi quát mẹ tôi:

- Mặc áo xống vào, con kia!

Mẹ tôi vừa nhặt chiếc áo dài ở dưới sàn lên, vừa nói:

- Tôi không ra với lão ta đâu, mẹ hiểu chưa?

Bà tôi đẩy tôi từ trên đi-văng xuống:

- Lấy cho tao gáo nước, nhanh lên!

Bà tôi nói khẽ, gần như thì thầm, nhưng giọng bà bình tĩnh và kiên quyết. Tôi chạy ra phòng ngoài. ở gian phòng phía trước nhà có tiếng bước chân đi lại nặng nề và đều đặn. Trong buồng mẹ tôi bỗng có tiếng mẹ tôi thét lên:

- Mai tôi sẽ đi khỏi đây!

Tôi vào bếp, ngồi xuống bên cửa sổ, tưởng như mình đang trong giấc mơ. Có tiếng ông tôi rên rỉ, nước nở, tiếng bà tôi cầu nhàu, sau đó có tiếng đóng sập cửa, và không khí lại trở lại yên tĩnh, ghê sợ. Sực nhớ ra là mình bị sai đi làm gì, tôi lấy cái gáo đồng, múc một gáo nước và bước vào phòng ngoài. Tôi gặp bác thợ

đồng hồ đi ra, đầu cúi gằm, tay mân mê chiếc mũ lông, miệng làu bàu. Bà tôi chấp hai tay vào bụng, vừa đi theo vừa cúi chào và nói khẽ:

- Bác cũng biết đấy, ép dầu ép mỡ chứ ai nỡ ép duyên...

Bác ta vấp phải bậc cửa, hấp tấp đi ra sân. Bà tôi đưa tay làm dấu, toàn thân run lên, không biết bà tôi đang cười hay đang khóc thầm...

- Bà làm sao thế?

Tôi chạy đến và hỏi. Bà tôi giằng lấy gáo nước, giội vào chân tôi và quát:

- Mày lấy nước mà đi đâu từ nãy đến giờ? Đóng cửa lại!

Rồi bà tôi trở vào phòng mẹ tôi, còn tôi lại đi xuống bếp. Tôi nghe thấy ông bà tôi và mẹ tôi ở buồng bên cạnh rên rỉ, than vãn và cắn nhằn lẫn nhau, hết như đang phải khiêng những vật nặng quá sức từ chỗ nọ sang chỗ kia vậy. Hôm ấy là một ngày trong sáng. Những tia nắng mùa đông chiếu xiên vào hai chiếc cửa sổ, xuyên qua làn cửa kính phủ đầy băng. Trên chiếc bàn đã dọn sẵn để ăn trưa, bát đĩa bằng nhôm lấp lánh một thứ ánh sáng mờ đục, một chiếc bình đựng nước covat màu hung đỏ và một chiếc nĩa đựng rượu vôtka màu xanh thẫm có ngậm cây hoắc hương và tiểu liên kiêu của ông tôi. Qua những chỗ băng tan trên cửa sổ nhìn thấy tuyết trắng xóa lấp lánh trên các mái nhà. Các cột hàng rào và nóc chuồng sáo như đội những chiếc mũ nhỏ lông lánh bằng bạc. Trong những chiếc lồng tràn đầy ánh nắng treo trên cửa sổ, các chú chim của tôi đang đùa nghịch: những con chim bạch yến vui nhộn, rất dạn người đang hót líu lo, các chú chim sơn thước hót lanh lảnh, chim kim oanh kêu thánh thót. Nhưng cái ngày vui vẻ, trong sáng và rộn ràng đó không làm cho tôi vui được. Tôi cảm thấy nó vô ích và tất cả mọi thứ cũng đều vô ích. Tôi muốn thả những con chim của tôi ra. Tôi bèn hạ lồng xuống. Bỗng bà tôi xộc vào, đập hai tay vào hông, chạy đến bên bếp lò và rửa:

- Quân khốn kiếp! Quan ôn bắt chúng mày đi! Mình thật là một mụ già ngu ngốc...

Bà tôi lôi ở trong bếp ra một chiếc bánh nướng, lấy ngón tay đập đập vào vỏ ngoài rồi giận dữ nhỏ toẹt xuống đất.

- Thôi, thế là khô hết cả rồi! Mình chỉ định nướng lại một tí cho nóng! Ôi, quỷ thần, sao không xé xác tất cả các người ra! Còn

mày, việc gì mà giường mất thao láo ra như cú vọ thế kia? Không hiểu tại sao tao lại không đập nát tất cả các người ra như đập những chiếc lọ cũ vậy?

Bà tôi khóc meo máo, cầm chiếc bánh lật đi lật lại, mấy ngón tay gõ vào chiếc vỏ khô cứng. Những giọt nước ắt lớn nặng nề nhỏ xuống vỏ chiếc bánh. Ông tôi và mẹ tôi bước vào bếp. Bà tôi cầm chiếc bánh ném mạnh xuống bàn đến nỗi nảy cả bát đĩa lên.

- Đây, trông xem, tại các người đấy! Sao các người không chết đi cho rảnh mắt!

Mẹ tôi, thái độ vui vẻ và bình tĩnh, ôm lấy bà tôi và khuyên bà tôi đừng buồn. Ông tôi ngồi vào bàn, vẽ một mỗi tiêu tụy, buộc chiếc khăn ăn vào cổ. ánh nắng làm cặp mắt sưng húp của ông tôi nheo lại. Ông tôi càu nhàu:

- Thôi được, không sao đâu! Chúng ta cũng đã từng ăn những bánh nướng ngon rồi. Chúa vốn hà tiện. Người ta phụng sự Chúa năm này qua năm khác, nhưng để trả công, Chúa chỉ cho được vài phút hạnh phúc mà thôi... Đối với Chúa đừng có mong gì lời lãi... Nào, ngồi xuống đây, Varya con! Thôi không nói đến chuyện ấy nữa.

Ông tôi như người điên, suốt bữa ăn chỉ toàn nói đến Chúa, đến Asap tội lỗi, đến nỗi khó nhọc của người làm cha... Bà tôi ngắt lời ông tôi, giọng bức tức:

- Thôi, ăn đi!

Mẹ tôi thì nói đùa, cặp mắt sáng long lanh:

- Thế nào, ban nãy con sợ lắm phải không?

Mẹ tôi hỏi và lấy khuỷu tay hích tôi. Không, lúc ấy tôi không sợ lắm, nhưng bây giờ tôi cảm thấy ngượng ngịu và tôi không hiểu gì cả. Như mọi ngày lễ, mọi người ăn rất nhiều và rất lâu. Và tôi có cảm tưởng như đó không phải là những người nửa giờ trước vừa mới rầy la nhau, chực đánh nhau, vừa mới khóc lóc, sụt sùi. Tôi không thể nào có thể tin những chuyện cãi cọ khóc lóc của họ được nữa. Những giọt nước mắt, những tiếng la hét và những sự giằng vò lẫn nhau đó thường xảy ra luôn và cũng chấm dứt rất nhanh, tất cả những cái đó đã trở thành quen thuộc đối với tôi, càng ngày càng ít làm tôi xúc động và chỉ làm cho trái tim tôi rung động rất ít thôi. Mãi rất lâu về sau tôi mới hiểu rằng những người dân Nga, do cuộc sống nghèo khổ và buồn tẻ, nói chung họ ưa giải

trí bằng sự đau khổ, họ đùa với nó như con nít và ít khi cảm thấy xấu hổ vì bất hạnh. Giữa những chuỗi ngày vô tận thì sự đau khổ là một ngày hội và cháy nhà là một trò giải trí. Trên một bộ mặt nhẵn thín thì vết sây sát cũng thành một thứ trang sức...

XI

Sau câu chuyện ấy mẹ tôi hình như trở nên vững vàng hơn, cứng rắn hơn và trở thành người chủ thực sự trong nhà, còn ông tôi thì hoàn toàn khác trước, ông tôi thường hay tránh mặt, tư lự và trầm lặng. Hầu như ông tôi không đi ra khỏi nhà nữa, lúc nào cũng ngồi một mình trên gác thượng để đọc một quyển sách bí mật nhan đề là "Ký ức của cha tôi". Ông tôi cất quyển sách trong một cái hòm con khóa kín lại và nhiều lần tôi đã thấy ông tôi rửa tay cẩn thận trước khi lấy quyển sách ra xem. Đó là một quyển sách khổ nhỏ, dày cộp, bìa da màu da cam; trên tờ giấy màu xanh nhạt để trắng ở đầu cuốn sách có ghi một dòng đề tặng viết nắn nót bằng bút mực đã bạc màu: "Tặng Vaxili Kasirin kính mến để tỏ lòng biết ơn và để nhớ nhau mãi". Bên dưới là một chữ ký kỳ lạ, nét bút gạch dưới giống như con chim đang bay. Sau khi lật tờ bìa cứng ra một cách thận trọng, ông tôi đeo đôi mực kính gọng bạc và nhấn mũi lại để giữ cặp kính rồi ngắm nghía dòng chữ trên. Nhiều lần tôi hỏi quyển sách đó là sách gì, lần nào ông tôi cũng trang nghiêm trả lời:

- Việc này cháu không cần biết. Đợi khi nào ông chết ông sẽ để lại cho cháu. Cả cái áo khoác lông gấu chuột nữa.

Ông tôi chuyện trò với mẹ tôi ít hơn và dịu dàng hơn, ông tôi chú ý lắng nghe lời mẹ tôi nói, mắt long lanh như mắt bác Piôt, rồi khoa tay, lăm bắm trong miệng:

- Thôi được! Mà muốn làm thế nào thì làm...

Trong các hòm riêng của ông tôi có lắm thứ áo quần kỳ lạ: những chiếc váy bằng nhiễu, áo tắm bằng xa-tanh, những bộ xaraphan lụa thêu chỉ bạc, các mũ đội có đính ngọc trai, khăn quàng và khăn vuông màu rực rỡ, những chuỗi hạt của người Mordvin nặng trĩu cùng những chuỗi bằng đá màu sắc sỡ. Ông tôi ôm tất cả vào buồng mẹ tôi, bày cả lên bàn, lên ghế. Mẹ tôi đứng ngắm nghía những đồ trang sức đó, ông tôi bảo:

- Thời tao còn trẻ, áo quần đẹp hơn và sang trọng hơn bây giờ nhiều! Người ta ăn mặc quần áo sang hơn, nhưng sống giản dị

hơn, hòa thuận hơn. Thời ấy đã qua rồi, không trở lại nữa! Nào, mày cầm lấy mặc thử xem có đẹp không...

Một hôm mẹ tôi mang áo quần sang phòng bên cạnh một lúc và khi quay lại trông khác hẳn: trên người Bộ quần áo của phụ nữ nông dân gồm một cái áo cánh vai bông và một cái váy mặc ngoài. mặc bộ xaraphan màu xanh thêu kim tuyến, đầu đội mũ có đính ngọc trai. Mẹ tôi cúi rạp trước mặt ông tôi và hỏi:

- Thừa thân phụ, thử ngắm xem con có đẹp không?

Ông tôi ầm ừ tán thưởng, mặt tươi hẳn lên, đi một vòng xung quanh mẹ tôi, hai tay dang ra, ngón tay động đậy, và lăm bắm như đang mê ngủ:

- Ôi, Vacvara, giá mà mày có nhiều tiền và có những người tốt xung quanh mày...

Bây giờ mẹ tôi được ở hai gian phòng về phía trước ngôi nhà. Mẹ tôi thường có khách khứa đến luôn, hay đến chơi nhất là anh em Macximốp: người anh là Piôt, một sĩ quan oai vệ, có bộ râu rậm vàng hoe và đôi mắt xanh; chính ông ta là người chứng kiến việc tôi bị ông tôi nện cho một trận nên thân vì tội nhỏ vào đầu lão quý tộc; người em là Epgêni, cũng cao lớn, đôi chân nhỏ nhắn, mặt tái mét, có bộ râu cằm nhọn và đen, đôi mắt to giống như hai quả mận. Epgêni mặc bộ đồng phục màu xanh nhạt có hàng cúc mạ vàng trên vai áo hẹp. Ông ta thường lắc đầu rất duyên dáng để hất mớ tóc quần dài rũ trên cái trán cao và thường hay kể chuyện với giọng khàn khàn, bắt đầu bằng những lời khéo léo:

- Các người có biết không, theo ý tôi thì...

Mẹ tôi nghe ông ta nói, cặp mắt lim dim, mỉm cười và thường ngắt lời ông:

- Xin lỗi, ông như trẻ con ấy, ông Epgêni Vaxiliêvita...

Viên sĩ quan đập bàn tay to rộng lên đầu gối và kêu lên:

- Chính thế, đúng là trẻ con...

Năm ấy, những ngày lễ Nôen thật là vui vẻ và náo nhiệt, hầu như tối nào cũng có khách khứa ăn mặc trá hình đến thăm mẹ tôi, mẹ tôi cũng mặc trá hình - bao giờ cũng đẹp hơn mọi người - và thường cùng với khách đi chơi. Cứ mỗi khi mẹ tôi cùng với đám bạn bè mặc quần áo sắc sỡ ra khỏi cổng là tôi thấy ngôi nhà lại như bị chìm sâu xuống đất, khắp nơi trở nên vắng lặng, buồn chán

và dễ sợ. Bà tôi lạch bạch như một con ngỗng già đi khắp các phòng dọn dẹp, còn ông tôi thì đứng tựa lưng vào thành lò sưởi ấm và nói lảm bảm một mình:

- Được, tốt lắm... Rồi xem kết quả ra sao...

Sau lễ Nôen mẹ tôi đưa tôi và Xasa, con cậu Mikhain, đến trường. Bố của Xasa lấy vợ kế và ngay từ mấy ngày đầu người dì ghẻ đã tỏ ra không yêu thương gì đứa con chồng, bắt đầu đánh đập nó. Theo lời khẩn khoản của bà tôi, ông tôi nhận đưa Xasa về nuôi. Chúng tôi đi học được một tháng, trong tất cả những điều người ta dạy tôi ở trường, tôi chỉ nhớ là khi có ai hỏi:

- "Tên em là gì?", thì không được trả lời trống không: "Pêskôp", mà phải nói: "Tên tôi là Pêskôp". Cũng như cấm không được nói với thầy giáo: - "Đừng có quát tháo, chẳng sợ đâu..."

Ngay từ đầu tôi đã không thích trường học, còn thằng em họ tôi mấy hôm đầu tỏ ý rất thích, nó kết bạn một cách dễ dàng. Nhưng một hôm đang giờ học nó ngủ gật và thỉnh thoảng trong giấc mơ thét lên một tiếng nghe phát khiếp:

- Cháu xin chừa...

Khi người ta vừa đánh thức nó dậy, nó xin phép ra ngoài, nó bị bạn bè cười cho một mẻ. Cho nên sáng hôm sau, khi hai đứa chúng tôi đang trên đường đi học, đến chỗ khe vực ở quảng trường Xennaia thì nó dừng lại và bảo tôi:

- Mày đi học đi, tao không đi đâu! Tao đi chơi thích hơn.

Nói rồi Xasa ngồi xổm xuống, vùi bọc sách vở cẩn thận vào trong tuyết và bỏ đi. Độ ấy là vào tháng giêng, nền trời trong vắt, mọi vật lấp lánh dưới ánh mặt trời sáng như bạc. Tôi rất muốn đi chơi với Xasa, nhưng cố dằn lòng lại để đi học, vì không muốn làm cho mẹ tôi buồn phiền. Sách vở của Xasa cố nhiên là bị mất, và hôm sau nó lại có lý do chính đáng để không đi học. Đến ngày thứ ba thì ông tôi biết chuyện. Chúng tôi bị đưa ra trước "tòa": ông tôi, bà tôi và mẹ tôi đều ngồi vào bàn trong bếp và hỏi cung chúng tôi. Tôi còn nhớ Xasa trả lời rất ngộ nghĩnh những câu hỏi của ông tôi:

- Sao mày lại không đến trường?

Đôi mắt hiền lành của Xasa nhìn chăm chú vào mặt ông tôi, nó chậm rãi trả lời:

- Cháu quên không biết trường ở đâu.

- Quên à?
- Vâng, cháu đã tìm mãi, tìm mãi...
- Sao mày không đi theo thằng Lêcxây, nó nhớ đấy!
- Cháu lạc mất nó!
- Lạc mất thằng Lêcxây ấy à?
- Vâng.
- Sao lại thế được?

Xasa suy nghĩ một lúc, thở dài và nói:

- Bao tuyết mù mịt, chẳng nom thấy gì cả.

Mọi người đều bật cười: hôm ấy đẹp trời và sáng sủa. Xasa cũng cười một cách dè dặt, ông tôi lại nhe răng hỏi một câu giễu cợt:

- Sao mày không nắm tay hay nắm lấy thắt lưng nó?
- Cháu có nắm nhưng gió mạnh quá thổi bay cháu đi.

Xasa giải thích. Xasa nói với giọng uể oải, không tin tưởng, tôi thấy khó chịu phải nghe những lời nói dối vụng về và vô ích ấy, và rất ngạc nhiên về thái độ bướng bỉnh của nó. Kết quả là cả hai chúng tôi đều bị một trận đòn. Và ngay hôm đó phải thuê một lão già, nguyên là lính cứu hỏa cũ bị gãy tay, để đưa chúng tôi đi học. Lão có nhiệm vụ trông nom Xasa để nó khỏi phá ngang trên con đường tiến vào khoa học. Nhưng biện pháp ấy cũng chẳng ăn thua: ngay hôm sau vừa tới khe vực thì thành linh Xasa cúi xuống tháo chiếc ủng ném đi thật xa, rồi tháo nốt chiếc kia ném về hướng khác và cứ để chân đi tất thế mà chạy băng băng qua quảng trường. Lão già thất vọng kêu lên âm ỉ, lóc cóc chạy đi nhặt ủng rồi hốt hoảng dẫn tôi trở về nhà. Suốt ngày hôm đó, ông bà tôi và mẹ tôi đi xe khắp thành phố để tìm Xasa, mãi đến chiều mới bắt gặp nó đang nhảy múa làm trò vui cho mọi người trong quán rượu của Tatiêckôp gần tu viện. Ông bà tôi và mẹ tôi đều không biết làm thế nào trước thái độ cố tình im lặng một cách bướng bỉnh của thằng bé. Xasa nằm với tôi trên nóc lò sưởi, nó giơ chân lên, dùng gan bàn chân xoa vào trần nhà, và thì thầm bảo tôi:

- Dì tao ghét tao, bố tao cũng ghét tao, cả ông cũng ghét tao, thế thì tao sống với họ làm gì? Để tao hỏi bà xem bọn ăn cướp ở

đâu, tao sẽ trốn đến ở với họ, chừng đó rồi mọi người sẽ biết... Mà mày có muốn đi cùng với tao không?

Tôi không thể trốn đi với nó được, vì lúc này tôi đã có ý định riêng của tôi, tôi muốn trở thành một sĩ quan có chòm râu rậm vàng hoe, và muốn thế thì cần phải học. Khi tôi kể cho Xasa nghe ý định ấy, nó suy nghĩ một lúc rồi cũng đồng ý với tôi:

- Thế cũng tốt. Khi nào mày thành sĩ quan thì tao đã trở thành một tên tướng cướp, và mày sẽ phải đi lùng bắt tao, trong hai đứa mình sẽ có đứa này phải giết đứa kia, hoặc bắt làm tù binh. Tao thì tao sẽ không giết mày đâu.

- Tao cũng thế.

Và chúng tôi cùng thỏa thuận với nhau như vậy. Chợt bà tôi đến, trèo lên lò sưởi và nhìn chúng tôi hỏi:

- Gì thế, mấy con chuột nhắt? Chà, mấy chú bé mồ côi, rõ tội nghiệp!

Sau khi than thở cho số phận của chúng tôi, bà tôi bắt đầu chửi người dì ghẻ Xasa thậm tệ, đó là vợ Nadejda béo mập, con gái lão chủ quán rượu. Sau đó bà tôi lại nguyên rửa tất cả các mục dì ghẻ, bố dượng nói chung và nhân đó kể cho chúng tôi nghe câu chuyện nhà hiền giả ẩn sĩ Iôn lúc còn trẻ đã cùng với mục dì ghẻ của mình đứng trước Chúa như thế nào, khi mục này lập mưu giết bố của Iôn, một người dân của thành phố Uglitay, làm nghề đánh cá trên Bạch hồ: Có người vợ trẻ mưu sát chồng: Cho chồng uống rượu nồng cao độ, Lại pha thêm một liều thuốc ngủ,

Rồi đặt người chồng đang ngủ say Vào một chiếc thuyền nhỏ gỗ sồi Như một chiếc quan tài chật chội. Mục cầm mái chèo đưa đẩy Dẫn thuyền con ra tận giữa hồ, Tới giữa vùng nước xoáy tím mù, Nơi mục sẽ giở trò độc ác, Mục khom lưng, nghiêng mình, lúc lắc, Nước ủa vào lật úp thuyền con. Người chồng chìm xuống đáy biệt tăm, Còn mục bơi vào bờ hấp tấp; Lên tới bờ, mục nằm lăn ra đất Và gào lên, la khóc náo nùng, Như đau thương, như chua xót vô cùng, Khiến những người từ tâm đều tin mục. Cùng với mục họ khóc than đau khổ:

- Ôi người quả phụ trẻ đáng thương!

Nàng đã gặp điều bất hạnh tai ương

Nhưng số chúng ta trời đều định trước,

Người đã nắm trong tay quyền sinh sát!
Riêng người con chồng tên gọi Iônuskô
Là không tin nước mắt kẻ khóc vờ,
Chàng đặt bàn tay lên trái tim của mẹ,
Và dịu dàng chàng bảo người quả phụ:
- Hỡi ngôi sao chiếu mệnh của ta,
Dì là con chim đêm tinh quái, ranh ma,
Ta không tin nước mắt dì đâu nhé:
Trái tim dì đập rộn ràng vui vẻ!
Chúng ta hãy cầu Chúa xét soi,
Cầu các đấng thần linh khắp bốn phương trời
Hãy xét xử cho vụ án còn khúc mắc:
Xin nhờ ai cầm một con dao sắc
Tung lên trời, tít tận trời xa,
Nếu dì thật lòng-dao sẽ giết ta,
Nếu ta đúng -dao đâm dì chết!
Người mẹ kể chồm lên kêu thét,
Mắt lườm chàng như lửa ác bùng lên:
- À, mày là đồ bất nghĩa bất nhân,
Đồ đẻ non, đồ con hoang ghê tởm,
Sao mày dám đặt ra điều quái gở?
Mày ăn không nói có lạ lùng sao!
Mọi người nhìn họ, nghe họ cãi nhau,
Và cảm thấy có điều gì đen tối.
Ai nấy buồn phiền, lặng yên nghĩ ngợi,
Rồi cùng nhau bàn bạc rì rầm.
Cuối cùng có một lão ngư ông
Bước ra cúi chào về mọi phía
Và dong dạc đọc to lời quyết nghị:

- Hồi những người lương thiện, lại gần đây,
Đặt con dao găm lên bàn tay phải này,
Tôi sẽ tung lên trời cao vọi vọi,
Dao sẽ rơi và sẽ tìm người có tội!
Người ta trao cho cụ một con dao,
Cụ vung tay trên mái tóc trắng phau,
Lưỡi dao bay như cánh chim lên thẳng,
Chờ đã lâu vẫn thấy dao chưa xuống.
Mọi người vẫn nhìn lên trời cao,
Cất mũ ra và dịch sát bên nhau,
Cùng lặng lẽ như trời đêm lặng lẽ -,
Mà dao sắc vẫn còn chưa giáng thế!
Chợt giữa hồ rục ánh bình minh,
Người mẹ kể mỉm cười, mặt bừng bừng đỏ.
Bỗng lưỡi dao lao mình như cánh én
Nhằm giữa tim ác phụ phóng xuyên qua.
Đám dân lành vọi vàng quỳ xuống,
Ngợi ca Chúa đã xét xử rõ ràng:
- Sáng danh Chúa đã công minh chính trực!
- Còn lão ngư ông tay nắm Iônuska
Đưa chàng tới tu viện phương xa,
Trên bờ sông Kecjêne xanh biếc,
Gần thành phố vô hình Kitiêc.

Hôm sau, lúc thức dậy tôi thấy mình đầy những nốt đỏ đỏ: tôi bị bệnh đậu mùa. Người ta đưa tôi lên gác thượng sau nhà, tôi phải nằm ở đó rất lâu như một người mù, tay chân bị bó chặt bằng những dải băng rộng khổ, và đã trải qua những cơn ác mộng hãi hùng, có lần một cơn mê đã làm tôi suýt chết. Chỉ có bà tôi là thường lên cho tôi ăn uống, bón thức ăn bằng thìa như bón cho trẻ con, kể cho tôi nghe những câu chuyện cổ tích dài vô tận và luôn luôn mới. Có lần vào buổi chiều khi tôi đã đỡ và nằm thoải mái sau

khi được cởi băng - chỉ có ngón tay là phải cho vào bao tay vì sợ tôi cào mặt - bà tôi không hiểu vì sao đến thăm tôi chậm hơn mọi lần làm cho tôi rất lo. Rồi thỉnh thoảng tôi tưởng như thấy bà tôi, nằm xoài sau cánh cửa trên sàn nhà đầy bụi, mặt úp sấp, tay dang rộng ra, cổ bị cắt một nửa giống như bác Piôt. Từ một góc tối bụi rậm, có một con mèo lớn lừ lừ tiến đến chỗ bà tôi, đôi mắt xanh của nó trở ra với vẻ thèm thuồng. Tôi nhảy phóc từ trên giường xuống, dùng chân và hai vai đập vỡ hai khung kính cửa sổ rồi lao ra sân, ngã xuống một đống tuyết. Chiều hôm ấy mẹ tôi có khách, không ai nghe thấy tôi đập kính và phá khung cửa sổ cả, tôi phải nằm giữa đống tuyết khá lâu. Tôi không bị gãy xương, chỉ có xương bả vai bị sai khớp và bị mảnh thủy tinh làm toác cả da thịt, nhưng chân tôi tê cứng lại, thế là tôi phải nằm liệt Sông chảy vào sông Vonga ở phía dưới Nijni -Nôpôrô 50 cây số. Theo truyền thuyết, năm 1138 khi quân Tacta của Hãn Batđô định chiếm thành phố Kitiêc thì thành phố liền biến mất. Tuy nó vẫn tồn tại, nhưng mắt người không thể nhìn thấy được. Chỉ đến ngày tận cùng của thế giới thì nó mới hiện ra trước mặt Chúa. gần ba tháng trời, không hề nhấc chân lên được. Tôi nằm và lắng nghe cuộc sống trong ngôi nhà mỗi ngày một âm ỉ hơn, tiếng các cửa ra vào ở tầng dưới đóng mở luôn luôn, tiếng chân nhiều người đi lại. Tôi nghe thấy những cơn bão tuyết buồn chán xào xạc trên mái nhà, gió rít lên ở ngoài cửa gác thượng, thổi qua ống khói nghe như một điệu nhạc đưa đám, những chiếc nắp ống khói bị đập kêu leng keng, ban ngày qua kêu quang quác, và những đêm yên tĩnh tiếng chó sói rú lên thê thảm vang từ ngoài đồng vào - chính điệu nhạc ấy đã ru tâm hồn trẻ thơ của tôi và làm cho nó trở nên dày dặn. Rồi mùa xuân e lệ và kín đáo bắt đầu liếc nhìn vào cửa sổ một cách rụt rè và lặng lẽ, nhưng ngày càng dịu dàng hơn, bằng con mắt trong sáng của ánh nắng tháng ba. Trên mái nhà và trên gác thượng lũ mèo kêu ngoao ngoao, tiếng rì rào của mùa xuân xuyên qua những bức tường: những nhũ băng trong như thủy tinh vỡ ra, lớp tuyết đang tan cứ tuột dần từ cái đầu ngựa gỗ trang điểm trên mái nhà xuống, và tiếng chuông nhà thờ vang lên nghe trầm trầm hơn dạo mùa đông. Khi bà tôi đến thăm tôi, tôi để ý thấy hơi thở của bà ngày càng sức mùi rượu vôtka. Sau đó bà tôi bắt đầu mang theo cả một ấm trắng to tướng, giấu dưới giường tôi và nháy mắt bảo tôi:

- Cháu yêu, cháu đừng nói gì với lão quý già ... bà muốn nói là ông ấy mà.

-Sao bà lại uống rượu?

- Im! Lớn lên rồi cháu sẽ biết...

Bà mút vôi ấm tu rượu, đưa ống tay áo lên lau mồm, rồi mỉm cười một cách âu yếm và hỏi tôi:

- Nay, cháu yêu, hôm qua bà đã kể cho cháu nghe những gì rồi?

- Kể chuyện bố cháu.

- Đến quăng nào rồi?

Tôi nhắc lại. Thế là bà tôi tiếp tục kể, và câu chuyện mạch lạc của bà tôi cứ tuôn mãi ra như những dòng suối nhịp nhàng. Chính bà tôi đã bắt đầu kể chuyện về bố tôi cho tôi nghe. Một hôm không uống rượu, nom có vẻ buồn rầu và mệt mỏi, bà tôi bảo tôi:

- Bà nằm mơ thấy bố cháu, hình như bố cháu đang đi bằng qua cánh đồng, tay cầm gậy gỗ hồ đào, vừa đi miệng vừa huýt sáo, một con chó khoang chạy theo sau, lưỡi lè ra. Không hiểu sao dạo này bà bắt đầu nằm mơ thấy Macxim Xapvatêitạ luôn, chắc là linh hồn nó lo lắng không được yên nghỉ...

Mấy tối liền, bà tôi kể chuyện bố tôi cho tôi nghe, câu chuyện đó cũng thú vị như mọi chuyện khác mà bà tôi kể. Bố tôi là con một người lính đã đóng đến sĩ quan và bị đày đi Xibêri vì tội đối xử tàn nhẫn với cấp dưới. ở đấy, một nơi nào đó trong vùng Xibêri, bố tôi đã ra đời. Bố tôi đã sống một thời thơ ấu cực nhọc, từ bé bố tôi đã thường bỏ nhà trốn đi. Có lần ông nội tôi đã dẫn chó vào rừng để tìm bắt bố tôi như người ta săn thỏ vậy. Một bạn khác tìm được bố tôi, ông tôi đánh cho một trận nên thân, đến nỗi hàng xóm phải giằng lấy bố tôi và giấu biệt đi.

- Thế ra trẻ con bao giờ cũng bị đánh phải không bà?

Tôi hỏi. Bà tôi thản nhiên đáp:

- Phải.

Bà nội tôi chết sớm khi bố tôi hầy còn bé. Khi bố tôi lên chín tuổi thì ông nội tôi cũng mất luôn. Một người thợ mộc là cha đỡ đầu của bố tôi nhận bố tôi đem về nuôi, ghi tên bố tôi vào phường thợ mộc của thành phố Pecmơ và bắt đầu dạy nghề cho bố tôi. Nhưng chẳng bao lâu bố tôi bỏ trốn đi và dắt những người mù lòa đi các hội chợ để kiếm ăn. Năm mười sáu tuổi, bố tôi đến thành phố Nijni và vào làm công cho một người thầu khoán đồ gỗ trên

các tàu thủy của Kônain. Năm hai mươi tuổi thì bố tôi đã trở thành một người thợ mộc chuyên làm hàng quý, thợ trang trí và thợ bọc lành nghề. Xưởng làm việc của bố tôi nằm sát bên khu nhà ông ngoại tôi ở phố Kôvalikha.

- Hàng rào giữa hai nhà thì thấp, mà bọn thanh niên thì táo bạo lắm, - bà tôi cười và nói.

- Một hôm bà cùng với Varya đang hái phúc bồn tử trong vườn, tự nhiên bố cháu nhảy vọt qua hàng rào làm bà sợ hết hồn. Nó đi giữa vườn táo, dáng người khỏe mạnh, mặc áo sơ-mi trắng, quần nhung, chân đi đất, đầu không đội mũ, mớ tóc dài được khoanh gọn trong một chiếc dây da. Bố cháu tới cầu hôn như thế đấy! Trước đó bà cũng đã có thấy bố cháu, mỗi khi nó đi ngang qua cửa sổ bà lại nghĩ bụng: "Anh chàng này trông khá quá!" Bố cháu đến gần, bà hỏi: "Này, sao anh không đi qua cửa như mọi người mà lại băng hàng rào thế? " Bố cháu quỳ sụp xuống rồi nói: "Bác Akulina Ivanôpna ạ, con xin thẳng thắn, chân thành đến thưa với bác, con yêu Varya! Bác hãy vì Chúa mà giúp đỡ chúng con, chúng con muốn lấy nhau". Khi ấy bà sửng sốt quá không nói được một lời. Bà nhìn lại mẹ cháu, con quái ấy nấp sau cây táo, mặt đỏ ửng lên như quả phúc bồn tử, nó ra hiệu cho bố cháu và rưng rưng nước mắt. Bà bảo: "Chao ôi, rõ khổ thân chúng mày! Sao chúng mày lại đâm đầu vào cái chuyện ấy thế? Mày lú lấp ruột gan rồi à, con Vacvara? Còn anh nữa, anh hãy suy nghĩ kỹ đi: anh không sợ với cao quá à?" Đạo đó ông cháu giàu lắm, của cải chưa chia cho con cái, trong tay có bốn tòa nhà, rất nhiều tiền, là một người danh giá.

Cách đây Bọc thảm, vải, da, giấy bồi... cho đồ gỗ hoặc nhà cửa. ít lâu ông cháu lại được cấp một bộ lễ phục và một chiếc mũ có dải thêu kim tuyến vì ông cháu đã đứng đầu một phường thợ suốt chín năm trời. Hồi ấy ông cháu đang tự cao lắm! Tuy nói vậy nhưng bà sợ run lên, bà thương hại chúng nó quá: trông chúng nó thật là thiếu não. Rồi bố cháu nói: "Con biết là bác Vaxili Vaxiliep sẽ không bằng lòng gả Varya cho con đâu, nên con sẽ bắt cóc Varya, có điều là xin mẹ giúp đỡ chúng con". Nó còn nhờ tao giúp đỡ nữa kia đấy! Bà đã vung tay định đánh, nhưng bố cháu không buồn tránh: "Mẹ có lấy đá ném con, con cũng xin chịu, miễn mẹ giúp đỡ chúng con là được, dù sao con cũng chẳng chịu lùi đâu!" Lúc đó Vacvara liền đến bên bố cháu, đặt tay lên vai nó rồi nói: "Chúng con đã lấy nhau từ lâu rồi, từ hồi tháng năm kia, chúng

con chỉ thiếu có phép cưới ở nhà thờ nữa thôi!" Thế là bà cười phá lên: cha mẹ ôi!

Bà tôi cười, toàn thân rung lên, rồi hít thuốc lá, lau nước mắt, thở phào khoan khoái và nói tiếp:

- Cháu chưa hiểu được thế nào là lấy nhau, thế nào là làm phép cưới đâu. Có điều là nếu con gái chưa làm phép cưới mà đã có con thì thật là tai vạ! Cháu nhớ lấy đấy. Lớn lên cháu đừng làm cho bọn con gái lâm vào cái nông nổi ấy, cháu làm thế là phạm một tội ác tày trời đấy, cô gái sẽ khổ và đứa con sẽ không được pháp luật thừa nhận. Cháu nhớ lấy nhé, cẩn thận đấy! Cháu nên thương đàn bà, thực lòng yêu họ, chớ xem họ như trò chơi, đó là bà khuyên cháu nên ăn ở cho phải đạo!

Bà ngồi trầm ngâm, khẽ lắc lư trên ghế, rồi bỗng bà giật mình và nói tiếp:

- Còn biết làm thế nào nữa? Bà bộp cho thằng bố Macxim cháu một cái, và kéo bím tóc con mẹ cháu. Nhưng bố cháu nói rất có lý: "Không phải dùng đánh đập mà dàn xếp được mọi chuyện đâu!" Mẹ cháu cũng bảo: "Mẹ nên liệu xem nên làm gì, rồi có đánh đập gì thì hãy đánh sau!" Bà hỏi bố cháu: "Anh có tiền không?"

- "Có.

Bố cháu đáp

- Nhưng con đã đem mua nhẫn cho Varya rồi".

- "Vậy thì anh có được bao nhiêu? Ba rúp ư?"

- "Không, khi ấy con có được ngót một trăm".

- Thời ấy tiền còn có giá, hàng họ rẻ. Bà nhìn chúng nó, bố mẹ cháu ấy, và nghĩ: thật là đồ trẻ ranh ngu ngốc! Mẹ cháu lại bảo: "Con giấu chiếc nhẫn ở dưới sàn nhà vì sợ bố mẹ nom thấy, có thể đem bán đi được đấy!"

- Hừ, chúng nó thật là trẻ con quá! Nhưng rồi cuối cùng ba mẹ con cũng thỏa thuận với nhau là một tuần nữa sẽ làm phép cưới ở nhà thờ, bà sẽ tự lo liệu với cha cố. Bà khóc ghê lắm, lòng se lại, bà sợ ông cháu, cả Vacvara cũng rất lo. Thế rồi mọi việc đã được quyết định!

- Có điều là bố cháu bị một kẻ đem lòng thù ghét, đó là một gã thợ, một kẻ độc ác, từ lâu hẳn đoán biết hết mọi chuyện và để ý theo dõi mấy mẹ con bà. Hôm ấy bà cho cô con gái độc nhất của bà

ăn mặc trang điểm những thứ đẹp nhất trong nhà rồi đưa nó ra cổng, một chiếc xe tam mã đang đứng đợi ngoài góc đường, mẹ cháu lên xe, Macxim huýt sáo, và họ lên đường. Bà quay về nhà, nước mắt giàn giụa, đột nhiên bà gặp gã thợ ấy, thằng dê tiện nó bảo: "Tôi là người lương thiện, tôi sẽ không quấy nhiễu đời tư của ai làm gì, nhưng bác Akulina Ivanôpna ơi, bác phải đưa cho tôi năm mươi rúp thì mới yên chuyện được!" Bà thì không có số tiền đó, tính bà không hám tiền, không ký cốp dành dùm; bà không suy nghĩ bảo nó ngay: "Tao không có tiền, và sẽ chẳng cho mày gì đâu!"

- "Bác hứa cũng được!"

- "Cứ hứa bữa đi rồi đào đâu ra mới được chứ?"

- Nó bảo: "Hừ, chồng giàu thế thì khó khăn gì mà không lấy được một ít nhỉ?" Đáng lý bà phải giả vờ mặc cả với nó để giữ chân nó lại, nhưng bà ngốc quá, bà lại đi nhổ toẹt vào mặt nó và đi về! Nó chạy về tới sân nhà trước bà và làm ầm lên! Bà thì nhắm mắt lại, vừa mỉm cười vừa nói:

- Mãi đến nay bà vẫn còn thấy rợn người khi nhớ lại cái chuyện táo bạo ấy! Ông cháu la hét, gầm lên như thú dữ - Với ông thì chuyện ấy có phải là chuyện đùa đâu ? ông cháu vẫn thường nhìn Vacvara và ra vẻ đắc ý lắm: ta sẽ gả nó cho con nhà quý tộc, cho một lãnh chúa! Vậy mà bây giờ Vacvara đã lấy nhà quý tộc ấy đấy, vị lãnh chúa ấy đấy! Đức Mẹ Đồng trinh biết việc xe duyên kết nghĩa rõ hơn chúng ta nhiều. Ông cháu lồng lộn lên giữa sân như người bị thiêu rồi ông ấy gọi thằng Iakôp, Mikhain, cầu cứu cả gã thợ mặt rỗ ấy, và bác đánh xe Klim. Bà thấy ông cháu vớ lấy một quả chùy, cháu biết không, đó là một quả tạ có cán. Còn thằng Mikhailô thì vớ lấy một khẩu súng; hồi ấy nhà có mấy con ngựa rất khỏe, chạy băng và một cỗ xe rất nhẹ. Bà nghĩ bụng: họ đuổi kịp chúng nó mất! Bỗng nhiên thần hộ mệnh của Vacvara mới mách nước cho bà: bà lấy một con dao, ra cửa sợi dây thừng gần còng xe với há vọng là dây thừng sẽ đứt dọc đường. Cơ sự đã xảy ra đúng như thế: còng xe văng ra ở dọc đường, ông cháu, thằng Mikhailô và bác Klim suýt nữa thì mất mạng. Họ phải dừng lại để chữa xe, khi đến nhà thờ thì Varya và Macxim đã làm phép cưới xong và đang đứng ở bậc thềm nhà thờ, nhờ ơn Chúa!

- Cả bọn xông vào, toan giã cho Macxim một trận, nhưng bố cháu rất khỏe, sức lực của nó thật là phi thường! Nó hất thằng Mikhain lăn từ trên bậc thềm xuống treo cả cánh tay, bác Klim

cũng bị đánh sây sát, còn ông cháu, thằng Iakôp và gã thợ thì sợ quá không dám xông vào.

- Ngay trong cơn giận, bố cháu vẫn không mất bình tĩnh. Nó bảo ông cháu: "Bố bỏ chùy xuống, tôi là người không thích gây gỗ, cái gì tôi đã dành được tức là Chúa đã ban cho tôi và không ai có thể tước đoạt được. Tôi chẳng đòi hỏi gì hơn đâu". Cả bọn lùi lại, ông cháu leo lên xe ngựa và hét: "Vacvara, từ nay thì tao từ mày, mày không phải là con gái tao nữa, và tao không muốn nhìn mặt mày nữa, mày muốn sống thế nào thì sống, có chết đói cũng mặc xác mày". Về nhà ông cháu đánh bà, chửi bà, bà chỉ biết kêu rên nhưng không nói nửa lời và nghĩ bụng: Mọi việc rồi đâu sẽ lại vào đấy thôi, muốn hay không muốn cũng chẳng được! Sau đấy ông cháu bảo bà: "Này Akulina, bà không còn con gái nữa đâu, bà nhớ lấy nhé!"

Bà lại nghĩ bụng: ông chỉ nói gàn thế thôi, lão già tóc hung ọ, cơn giận cũng giống như băng tuyết, chỉ gặp ngày nắng ấm là tan ngay! Tôi lắng nghe bà tôi một cách say mê chăm chú. Trong câu chuyện của bà tôi có một cái gì làm cho tôi ngạc nhiên. Ông tôi kể chuyện làm phép cưới cho mẹ tôi hoàn toàn khác hẳn. Ông tôi nhận là ông tôi phản đối câu chuyện cưới xin ấy, và sau khi cưới ông tôi không cho mẹ tôi về nhà, nhưng theo lời ông tôi thì lễ cưới không phải được cử hành vụng trộm như vậy và ông tôi cũng có mặt ở nhà thờ lúc hai người làm phép cưới. Tôi không muốn hỏi bà tôi là ai nói đúng, vì câu chuyện của bà tôi kể hay hơn và tôi thích hơn. Lúc kể chuyện, bà tôi cứ luôn luôn lắc lư người như đang ngồi trên thuyền. Nói đến đoạn nào buồn hoặc khủng khiếp bà tôi lại càng lắc lư mạnh hơn, với tay về phía trước như đỡ lấy một vật gì trong không khí. Bà tôi thường lim dim đôi mắt, và trong những nếp nhăn trên đôi má, thấp thoáng một nụ cười hiền hậu hồn nhiên, hai hàng lông mày rậm như rung lên. Đôi khi sự hiền từ khoan dung đến mù quáng muốn hòa giải hết thảy ấy làm tôi cảm động, nhưng cũng có khi tôi muốn cho bà tôi tức giận, la hét lên.

- Lúc đầu, khoảng hai tuần liền, bà cũng không biết Varya và Macxim ở đâu, sau đó mẹ cháu có nhờ một thằng bé khá lanh lợi đến cáo cho bà biết chỗ ở của bố mẹ cháu. Bà đợi đến thứ bảy giả vờ đi lễ, nhưng kỳ thực là đến thăm bố mẹ cháu! Bố mẹ cháu sống ở xa, tận dốc Xuêtinô. Hai vợ chồng sống trong một gian nhà gỗ. Ngôi nhà chật ních những người thợ khác ở; trong sân đầy rác rưởi, bắn thiu và ồn ào, thế mà hai vợ chồng cứ thản nhiên như

không, suốt ngày nói nói cười cười, vui đùa như đôi mèo con. Bà đưa đến cho bố mẹ cháu tất cả những thứ gì có thể mang đi được: nào trà, nào đường, nào bột mì và đủ các loại bột, nào mứt, nấm khô và cả một ít tiền nữa, bà không nhớ là bao nhiêu, bà lấy trộm của ông cháu - người ta có thể ăn cắp, nếu không phải là ăn cắp cho mình! Bố cháu không chịu nhận một thứ gì cả, và giận dữ bảo: "Chúng con có phải là ăn mày đâu?" Và Vacvara cũng phụ họa theo: "Mẹ mang các thứ ấy đến để làm gì kia chứ? ..." Bà mắng: "Thằng ngốc kia, tao là ai? Tao là mẹ mày, còn con ngốc kia, mày có phải là con gái tao không? Chúng mày không được làm phiền lòng tao: hễ khi nào làm cho mẹ ở trên đời này phải đau lòng thì Đức Mẹ trên trời cũng đau khổ khóc than đấy!" Macxim liền nắm lấy tay bà, bế xốc bà lên và nhảy múa khắp gian buồng - nó khỏe như con gấu ấy! Còn Vacvara thì tỏ vẻ kiêu hãnh vênh vang, nó hãnh diện về bố cháu, như một con bé con hãnh diện về con búp bê mới. Mẹ cháu ngược mắt lên và luôn mồm kể chuyện nhà chuyện cửa nghiêm trang y như là một bà nội trợ thành thạo vậy, trông đến buồn cười! Nhưng đến bữa trà mẹ cháu dọn bánh ngọt ra mời bà, thì đến chó sói nhai món bánh ấy cũng phải gãy răng, còn món pho-mát trắng thì lỏng nhồm như lẫn sỏi!

- Tình hình cứ như vậy một thời gian dài, mẹ cháu cũng sắp đến ngày sinh cháu, ông cháu vẫn làm thình, cái lão quỷ già ấy đến là bướng! Bà thì cứ lén lút tới thăm nom bố mẹ cháu, ông cháu cũng biết đấy, nhưng cứ lờ đi. Ông còn cấm cả nhà nhắc đến tên Varya, nên không ai dám nhắc tới, cả bà cũng phải ngậm miệng, nhưng bà biết là tấm lòng của người cha không thể trơ trơ mãi được. Rồi một hôm giờ phút mong đợi ấy đã đến! Đêm đó bão tuyết dữ dội, gió lùa qua cửa sổ ào ào như có đàn gấu muốn xông vào nhà, gió rít lên qua các ống khói, dường như lũ quỷ sứ đã giật đứt xiềng xích trốn khỏi địa ngục. Bà nằm cạnh ông cháu nhưng không ngủ được, bà bảo ông: "Người nghèo khổ đêm nay thật đáng thương, nhưng những người lương tâm có điều gì day dứt không yên lại còn khổ hơn!" Bỗng tự nhiên ông cháu hỏi: "Chúng nó sống ra sao? "

- Êm đẹp thôi, bà đáp, chúng nó sống khá lắm!" ông lại hỏi: "Bà có biết tôi hỏi về ai không?"

- "Hỏi chuyện con gái Vacvara với thằng con rể Macxim chứ còn hỏi chuyện ai nữa".

- "Sao bà lại đoán ra là tôi hỏi chuyện chúng nó?" Bà bảo: "Thôi đi ông, ông đừng giả vờ ngờ ngẩn nữa, cái trò hề ấy kéo dài quá lâu rồi, chẳng hay ho gì đâu!"

- Ông cháu thở dài và nói: "Chà, lũ chúng bay là đồ quý, đồ quý xám!" Rồi ông cháu lại hỏi: "Trông nó có vẻ ngốc, có thật nó là một thằng ngốc, một thằng đại ngốc không?" - ông nói về bố cháu đấy. Bà mới bảo: "Ai không muốn làm lụng mà chỉ chực ngồi lên cổ kẻ khác ăn bám mới là đồ ngốc, ông hãy xem hai thằng Iakôp và Mikhain đấy, chúng chẳng sống như hai thằng ngốc là gì? Trong nhà này ông xem ai là người làm lụng, ai là người kiếm ra tiền? ông. Ông tưởng chúng nó giúp ông nhiều lắm à?" ông liền chửi bà, nào là đồ đê tiện, đồ ngu ngốc, đồ ma cô, bà chẳng biết là những gì gì nữa! Bà cứ lặng thinh. Ông cháu bảo: "Sao lại có thể để cho một cái thằng như thế nó bịp được? Chẳng ai biết nó là người như thế nào, ở đâu tới?" Bà vẫn bặm bụng làm thinh. Đến khi ông cháu nói chán chê bà mới bảo: "ạng nên đến thăm chúng nó, xem chúng nó ăn ở ra sao, ông sẽ thấy chúng nó sống ung dung lắm!"

- "Tao mà đến thì quá vinh dự cho chúng nó, cho chúng nó tới đây đã là phúc lắm rồi..."

- Bà khóc nức lên vì sung sướng. Ông cháu tháo bím tóc của bà ra, vì ông thích nghịch tóc bà, và khẽ nói: "Đừng khóc nữa, bà ngốc lắm, bà tưởng tôi lòng lim dạ sắt hay sao?" Cháu thấy không, thời ấy ông cháu là người rất tốt, nhưng chỉ từ khi tự cho mình là thông minh tài giỏi nhất trên đời này thì ông mới sinh ra độc ác và dằn dặt như thế.

- Thế rồi một bữa chủ nhật, nhân ngày lễ xá tội, bố mẹ cháu đến, cả hai đều gọn gàng sạch sẽ. Macxim tiến đến trước mặt ông cháu, ông cháu chỉ cao ngang vai bố cháu, và nói: "Bố ạ, hãy vì Chúa, bố đừng tưởng con đến để xin của hồi môn đâu; không, con đến chỉ để tỏ lòng tôn kính đối với bố vợ!" Nghe thấy thế ông cháu bằng lòng lắm. Ông mỉm cười và nói: "Chà, thật là một thằng xác vâm, thằng tướng cướp! Thôi được, rồi đâu khắc có đó, vợ chồng mày về đây ở với tao!" Macxim cau mày: "Chuyện đó thì tùy ở Varya, con thì thế nào cũng được!" Thế là hai bố con cãi nhau rất căng, chẳng ai chịu nghe ai cả. Bà nháy mắt ra hiệu cho bố cháu và ngằm đá vào chân bố cháu dưới bàn, nhưng bố cháu vẫn cứ theo ý mình! Đôi mắt của bố cháu thật là đẹp, tươi vui, trong sáng; còn cặp lông mày thì đen, hể mỗi lần bố cháu cau mặt lại thì lông mày như che kín cả mắt, mặt răn đanh lại như đá, đầy vẻ bướng bỉnh.

Những khi đó bố cháu không chịu nghe ai cả, chỉ nghe bà thôi. Bà yêu bố cháu hơn cả con đẻ. Bố cháu cũng biết thế và cũng rất yêu bà! Thỉnh thoảng bố cháu lại ôm ghì lấy bà, có khi nắm chặt lấy tay lôi đi khắp phòng và nói: "Mẹ thực là mẹ đẻ của con, là đất nuôi dưỡng con, con yêu mẹ hơn cả Vacvara!" Mẹ cháu rất tinh nghịch và vui tính bèn xông vào bố cháu và hét tướng lên: "Sao anh lại có thể nói như thế được, đồ tàn nhẫn?". Mấy mẹ con cùng nô đùa vui vẻ như vậy, sống rất hạnh phúc, cháu yêu của bà ạ! Bố cháu nhảy múa rất giỏi, thuộc toàn những bài hát hay học của những người mù, mà người mù thì chẳng ai hát hay bằng họ.

- Bố mẹ cháu ở trong một căn nhà nhỏ trong vườn; cháu cũng ra đời ở đó, đúng vào giữa trưa, khi bố cháu về ăn trưa. Bố cháu mừng rỡ ríu rít cả lên, cuống cuống như điên, vồn vã vuốt ve mẹ cháu, thằng Đất là mẹ nuôi của người

- Trong các tác phẩm dân gian Nga thường hay ví như vậy, tưởng như đẻ được một đứa con là khó khăn ghê gớm lắm ấy! Bố cháu vác bà lên vai chạy qua sân tìm gặp ông cháu để cáo tin cho ông cháu biết là thêm một đứa cháu nữa của ông ra đời. Ông cháu cũng phải bật cười mắng: "Macxim ạ, mày là thằng quỷ sứ!".

- Các cậu cháu không ưa bố cháu vì bố cháu không uống rượu, lại bạo mồm bạo miệng và nghĩ ra lắm trò tinh quái. Chính vì những chuyện ấy mà bố cháu phải khốn khổ! Một hôm vào tuần chay, trời nổi gió ùng ùng và bỗng thành linh trong nhà vang lên những tiếng rít, tiếng hú kinh khủng. Cả nhà đều hoảng sợ, không biết có chuyện ma quái gì xảy ra thế này? ông cháu cũng mất hồn mất vía, vội vàng sai thấp đèn khắp nơi, chạy lui chạy tới và quát: "Phải cầu kinh đi, phải cầu kinh đi!". Nhưng tự nhiên tiếng hú im bật. Cả nhà lại càng sợ hơn. Cậu Iakôp đoán: "Chắc là Macxim lại giở trò đây!" Quả thật, về sau bố cháu thú nhận là đã đem các chai lọ lớn bé đặt ở chỗ cửa sổ lộng gió, gió lùa vào miệng chai, mỗi chai phát ra một thứ tiếng khác nhau. Ông cháu đe dọa: "Những trò đùa ấy rất có thể làm cho mày lại trở về Xibêri đấy, Macxim ạ!".

- Có một năm, trời rét như cắt thịt, chó sói mò cả vào thành phố, khi thì chúng bắt chó, khi thì chúng làm cho ngựa phát hoảng lên, có lần chúng ăn thịt một người gác cổng say rượu, thành phố nhốn nháo cả lên vì cái nạn chó sói! Bố cháu vác khẩu súng săn, đi đôi thanh gỗ trượt tuyết, đêm đến mò ra đồng, thế rồi thấy bố cháu vác chó sói về, khi thì một con, khi thì hai con. Bố cháu đem lột da, thuộc đầu sói, lấp vào đó một đôi mắt giả bằng thủy tinh - trông

đến là khéo! Một hôm cậu Mikhailô ra ngoài đi giải, bỗng dưng nó chạy bổ trở vào, tóc gáy dựng lên, mắt trợn ngược, cổ họng tắc không nói được một lời. Quần nó tụt xuống, nó vương chân ngã sấp xuống, mồm thì thăm: "Chó sói!".

Mọi người ai gặp gì vớ nấy, chạy ừa cả ra đầu nhà, mang theo đèn, nến sáng trưng. Quả thực có một con sói từ trong hòm gỗ nhô đầu ra! Thế là mạnh ai người ấy đánh, bắn, con sói vẫn cứ trơ trơ ra! Xem kỹ lại thì té ra đó chỉ là một bộ da và cái đầu sói rỗng, hai chân trước được đóng đinh chặt vào chiếc hòm! Hôm ấy ông cháu giận Macxim thật sự. Thế rồi thằng Iakôp cũng bắt chước bố cháu: bố cháu dùng bìa cứng làm đầu người, cũng đủ mắt, mũi, miệng, lấy xơ đay giả làm tóc, rồi nó với thằng Iakôp rủ nhau đi khắp các phố, thò cái mặt nạ gớm ghiếc ấy vào cửa sổ nhà người ta, cố nhiên là ai cũng hoảng hồn, kêu la ầm ĩ. Đêm đêm chúng lại khoác vải trải giường đón đường dọa cả cha cố, ông ta chạy vào vọng gác của cảnh sát, người gác cũng hoảng hốt kêu cứu ầm lên. Chao ôi, chúng bày đặt ra không biết bao nhiêu là trò tai quái, không sao bảo được chúng nó. Bà đã nhiều lần bảo chúng bỏ những trò đùa ấy đi. Varya cũng can, nhưng chúng có chịu thôi cho đâu! Macxim còn cười: "Được xem thiên hạ hoảng hồn mà chạy bán sống bán chết vì một cái trò bố lão, thú vị lắm!" Nói với nó cũng bằng thừa...

- Cũng vì những trò tinh nghịch ấy mà về sau bố cháu suýt mất mạng: cậu Mikhailin giống ông cháu, hay giận, hay thù vặt, nó nghĩ cách hại bố cháu. Một tối đầu mùa đông bốn người đi chơi về: Macxim, hai cậu cháu và một người phụ lễ - về sau hẳn ta bị đuổi vì đã đánh chết một người đánh xe ngựa. Họ từ phố Iamxkaia về và các cậu cháu rủ bố cháu đến đầm Điuôp nói là để trượt băng như bọn trẻ con vẫn chơi, đến đó họ đẩy Macxim xuống một cái hố đục giữa lớp băng trên mặt đầm. Bà đã kể cho cháu nghe chuyện ấy rồi.

- Sao các cậu lại ác thế hở bà?

- Không, chúng nó không ác đâu, - bà tôi thản nhiên trả lời và hít thuốc lá.

- Chúng chỉ là những đứa ngu ngốc mà thôi! Thằng Miska là một đứa láu cá nhưng ngu xuẩn; còn Iakôp thì chỉ là một đứa ngờ nghệch, thế thôi... Bị đẩy xuống nước, bố cháu cố ngoi lên, bám lấy

miệng hổ; chúng đánh vào tay bố cháu, dùng gót giày giẫm lên những ngón tay bố cháu.

Cũng may là bố cháu thì tỉnh, còn các cậu cháu thì say rượu. Nhờ Chúa phù hộ, bố cháu đuổi người ra được, nằm nép dưới lớp băng, ngửa mặt lên giữa hố để thở, nên các cậu cháu không với tới được. Chúng ném băng vụn vào đầu bố cháu một lúc và cho rằng bố cháu sẽ chết đuối nên bỏ đi! Nhưng bố cháu bò lên được và chạy đến đồn cảnh sát. Đồn cảnh sát ở cạnh đấy, ngay trên quảng trường. Viên cảnh sát khu biết bố cháu và cũng biết cả nhà ta, lão mới hỏi đầu đuôi câu chuyện xảy ra như thế nào. Bà tôi làm dấu và nói với một vẻ biết ơn:

- Lay Chúa cho Macxim Xapvatêiô được hưởng phúc đời đời, nó xứng đáng được như thế! Bố cháu không hé răng kể với đồn cảnh sát một tí gì! Bố cháu bảo: "Tôi say rượu nên đi lạc ra đầm và sẩy chân ngã xuống hố". Viên cảnh sát bảo: "Nói láo, anh có uống rượu bao giờ đâu!" Rồi người ta lấy rượu xoa nóng người bố cháu, mặc quần áo khô cho bố cháu và khoác áo tulup cho rồi đưa bố cháu về nhà. Viên cảnh sát và hai người nữa cùng đi theo. Lúc ấy Iaska và Miska chưa về đến nhà, còn đang la cà ở các quán rượu nói xấu bố mẹ chúng. Bà và mẹ cháu nhìn Macxim, mãi mới nhận ra được: người bố cháu đỏ tía, ngón tay giập nát, ứa máu, tóc bên thái dương trắng trắng như có tuyết bám, nhưng tuyết ấy không tan, tóc bố cháu đã bạc rồi! áo bằng da cừu, lông ở mặt trong -áo mùa đông của nông dân Nga. -Vacvara hét vang lên: "Họ làm gì anh thế này?". Viên cảnh sát dò xét tất cả mọi người, căn vặn, bà cảm thấy có việc chẳng lành gì đây! Bà để Varya ra đối phó với viên cảnh sát, còn tự mình thì đến hỏi khế Macxim: có chuyện gì xảy ra thế? Bố cháu thì thầm: "Mẹ ra đón Iaskôp và Mikhain, khi chúng nó về thì dặn chúng nó rằng viên cảnh sát có hỏi thì khai là chúng nó chia tay với con ở phố Iamxkaia, rồi đến nhà thờ Pôkrôpka, còn con thì rẽ sang đường Priadinnuri. Đừng nói nhảm, nếu không thì lôi thôi to với cảnh sát đấy!". Bà đi tìm ông cháu và bảo: "ông dậy đi và sang tiếp chuyện lão cảnh sát, còn tôi phải ra cổng chờ chúng nó về". Rồi bà kể cho ông nghe câu chuyện tai vạ ấy. Ông cháu vừa mặc áo vừa run nói lảm bảm: "Tôi đã biết mà! Tôi đã chờ đợi chuyện này mà!"

- Nói thế thôi chứ ông ấy có biết gì đâu! Bà ra đón, gặp các cậu cháu về, tát cho mỗi đứa một cái. Thằng Miska sợ quá liền tỉnh rượu ngay, còn thằng Iasenka thì tội nghiệp, líu cả lưỡi, nói lí

nhí: "Con chẳng biết gì hết, Mikhailô gây ra cả đấy chứ! Anh ấy là đầu têu!" Phải nói mãi viên cảnh sát mới chịu nghe - lão ấy là người tốt! Nhưng lúc ra về lão ấy bảo: "Coi chừng đấy, nếu nhà này có xảy ra tai họa gì thì tôi sẽ tìm ra ngay thủ phạm đấy!" ông cháu đến bên Macxim và nói: "Cảm ơn con, người khác mà ở địa vị con thì họ không làm thế đâu, tao biết điều đó lắm! Và cảm ơn con, con gái của bố, con đã tìm cho nhà ta một chàng rể hiền!". Ông ngoại cháu hể lúc nào hứng lên thì nói rất hay, chỉ có sau này vì ngu xuẩn nên ông mới khóa chặt lòng mình lại.

Mọi người đi ra cả, chỉ còn lại ba người, bà và bố mẹ cháu, bố cháu mới khóc và nói như mê sảng: "Sao họ lại đối xử với tôi như vậy, tôi có điều gì không nên không phải với họ đâu? Mợ ơi, sao họ lại làm thế?" Bố cháu không gọi bà là mẹ, mà gọi là mợ như trẻ con ấy, mà kể ra thì tính tình bố cháu cũng chẳng khác gì một đứa trẻ. "Sao họ lại làm thế?" - Bố cháu nhắc lại. Bà khóc nức nở, còn biết làm thế nào nữa. Iakôp và Mikhailô đầu sao cũng là con bà, bà thương hại chúng nó! Mẹ cháu giật đứt hết cả khuy áo, ngồi đấy, đầu tóc rối bù như vừa đánh nhau xong, gầm lên: "Ta phải đi khỏi nơi này thôi, Macxim ạ! Anh em mà như kẻ thù ấy, em sợ họ lắm, ta đi thôi!" Bà phải quát mẹ cháu: "Đừng đổ thêm dầu vào lửa nữa, thế cũng đã đủ để đốt cháy rồi!" ông cháu bắt các cậu cháu phải vào xin lỗi, mẹ cháu nhảy xổ đến tát vào mặt thằng Miska: này xin lỗi này! Còn bố cháu trách: "Sao các cậu lại làm thế? Các cậu có biết là vì các ở đây trong nguyên bản dùng chữ "mama" là tiếng trẻ con thường dùng để gọi mẹ cho ngắn gọn, đáng lẽ phải gọi là "mamasa" cũng có nghĩa là mẹ, nhưng là cách xưng hô thân mật của người Nga. Chúng tôi tạm chuyển sang tiếng Việt như vậy, tuy chưa được thích hợp lắm. cậu tôi có thể trở thành người tàn tật suốt đời không? Mất hai bàn tay thì còn làm ăn gì được nữa?" Cuối cùng, chúng nó gượng gạo làm lành với nhau. Bố cháu ốm liệt giường gần bảy tuần lễ, và luôn mồm bảo: "Chà, mợ ơi, mợ đi với chúng con đến thành phố khác đi, ở đây chán lắm!" ít lâu sau có dịp, bố cháu dọn đi Axtrakhan. Hồi ấy vào mùa hè, ở đấy người ta đang sửa soạn đón rước Nga Hoàng; bố cháu được giao cho việc xây dựng cổng chào. Bố mẹ cháu đi chuyến tàu thủy đầu tiên: bà chia tay bố mẹ cháu mà tim thắt lại, bố cháu cũng buồn rười rượi và khẩn khoản bảo bà cùng đi về Axtrakhan. Còn Vacvara thì sung sướng lắm, vui ra mặt, đồ không biết ngượng... Và bố mẹ cháu ra đi... Thế là hết... Bà tôi uống một ngụm rượu vôtka, rít

thuốc lá và nói tiếp, đăm chiêu đưa mắt nhìn qua cửa sổ ngắm bầu trời xanh xám:

- Phải, tuy bà và bố cháu không cùng máu mủ, nhưng lòng dạ rất giống nhau...

Đôi lúc, bà tôi đang kể chuyện thì ông tôi bước vào. Ông tôi ngẩng bộ mặt giống như con chồn hôi lên, phồng chiếc mũi nhọn đánh hơi, ngó bà tôi với một vẻ nghi ngờ, lắng tai nghe câu chuyện của bà tôi và lẩm bẩm:

- Lại những chuyện xuẩn ngốc của bà...

Đột nhiên ông tôi hỏi tôi:

- Lêcxây, bà mày uống rượu đấy à?

- Không ạ.

- Mày nói láo, nhìn mắt mày tao đủ biết.

Rồi ông tôi ngập ngừng bước đi. Bà tôi nhìn theo nháy mắt và nói một câu pha trò:

- Ông đi đi cho được việc, ngựa thì làm sao mà dọa nổi...

Một hôm, ông tôi đứng giữa phòng, nhìn xuống sàn nhà và hỏi khẽ:

- Bà nó này!

- Gì?

- Bà có biết công việc ra sao rồi không?

- Có.

- Bà nghĩ thế nào?

- Cái số nó thế, ông ạ! Ông có nhớ xưa kia ông vẫn nói rằng phải là một quý tộc đấy không?

- Có.

- Thì đấy, gã quý tộc của ông đấy.

- Nghèo rớt mùng tơi.

- Ô, đấy là chuyện của con Vacvara!

Ông tôi đi ra. Cảm thấy lo lắng, tôi hỏi bà tôi:

- Ông bà nói chuyện gì đấy?

- Cái gì cháu cũng muốn biết cả, - bà tôi vừa lăm bằm vừa đưa tay xoa xoa chân tôi. - Còn bé mà cái gì cũng biết cả thì lớn lên còn gì mà hỏi nữa?...

Rồi bà tôi lắc đầu cười.

- Chà! Ông ơi, ông ơi, ông chỉ là một hạt bụi nhỏ trước mắt Chúa mà thôi. Liônka, cháu đừng nói với ai điều này nhé: ông cháu đã bị phá sản sạch sành sanh rồi! Ông ấy giao một số tiền rất lớn, hàng mấy nghìn rúp cho một lão quý tộc, và lão ta vừa bị vỡ nợ...

Bà tôi mỉm cười, ngồi im lặng hồi lâu, dăm chiêu suy nghĩ, khuôn mặt to lớn của bà tôi cau lại, tối sầm và trở nên u buồn.

- Bà nghĩ gì thế? Bà tôi giật mình: - À, bà nghĩ về câu chuyện sắp kể cho cháu nghe. Chuyện Epxtinhê, cháu có muốn nghe không? Chuyện thế này: Xưa có lão phụ lễ Epxtinhê, Tự cho mình thông minh nhất bậc. Từ giáo sĩ lẫn các nhà quý tộc, Đến lũ chó săn lão luyện cũng không bằng! Như con gà tây, lão đi lại vênh vang, Ví mình như chim Siren tuyệt mỹ. Lão la mắng lảng giềng âm ỉ, Rằng thế này, rằng thế nọ, thế kia... Nhìn nhà thờ, lão bảo: thấp ghê! Ngắm đường phố, lão kêu: hẹp quá! Quả táo chín, lão chê: chưa đỏ! Mặt trời lên, lão gắt: sớm chưa? Ai bảo gì lão cũng phán bừa.

Bà tôi phùng má, trợn mắt, khuôn mặt hiền hậu của bà tôi lúc này trông đần độn, buồn cười, bà kể tiếp, giọng trầm, lẽ nhe:

- Ô, cái này có gì là lạ? Ta có thể làm hơn thế nữa, Nhưng ta đây chẳng có thì giờ. Ngừng một lát bà tôi mỉm cười khe khẽ kể tiếp: Và thế rồi đâu bỗng một đêm kia Lũ quỷ kéo đến nhà lão, la hét:

- Đây, thầy sáu, ở đây lão không thích, Vậy xin mời lão tếch xuống âm tá, Than đỏ lửa hồng rực rỡ mê lá! Lão phụ lễ mũ chưa kịp đội Lũ quỷ đã kéo lão đi vội Chúng vừa cù, vừa thét, vừa lôi. Hai quỷ con leo tót lên vai, ấn lão ngã xuống lò lửa cháy.

- Epxtinhê, lão có vui lòng ở với chúng tớ không đấy? Trong thần thoại Hi Lạp, những nhân vật hoang đường hình chim, đầu và ngực đàn bà, tay cầm một chiếc thụ cầm; giọng hát của nó rất êm ái và quyến rũ những người đi biển làm cho họ đắm tàu vào đá ngầm. Lão cháy sém hết người, đảo mắt nhìn quanh, Chống nạnh ngang hông, lão đứng tay khuỳnh, Bĩu môi, lão kiêu ngạo nói:

- Chốn địa ngục các anh sao mà khói thế!

Bà tôi kết thúc câu chuyện bằng một giọng lè nhè, ề à. Rồi bà tôi thay đổi nét mặt, khe khẽ cười và giải thích cho tôi:

- Lão Epxtinhê ấy không chịu thua, vẫn khăng khăng bướng bỉnh, giống như ông cháu ấy! Thôi, cháu ngủ đi, khuya rồi...

Mẹ tôi ít khi lên thăm tôi, có lên thì cũng không nán lại lâu, nói ít, vì lúc nào mẹ tôi cũng vội vội vàng vàng. Tôi thấy mẹ tôi hình như ngày càng xinh ra, ăn mặc diện hơn, nhưng ở mẹ tôi, cũng như ở bà tôi, tôi cảm thấy có cái gì khang khác, mà ai cũng cố giấu tôi, tôi chỉ cảm thấy thế và đoán thế thôi. Những câu chuyện cổ tích của bà tôi càng ngày tôi càng ít thấy thích, cả đến những câu chuyện về bố tôi mà bà tôi thường kể cũng không làm cho tôi dịu bớt nỗi lo lắng mơ hồ nhưng ngày càng tăng lên trong lòng. Tôi hỏi bà tôi:

- Tại sao vong hồn bố cháu lại không yên, hở bà?

- Bà biết làm sao được?

Bà tôi lim dim mắt trả lời.

- Đó là việc của Chúa, chúng ta không hiểu được...

Đêm đêm, những khi không ngủ được, nhìn qua cửa kính màu xanh, tôi ngắm nhìn những vì sao lênh đênh trôi chậm chậm trên trời, và tôi tưởng tượng ra lắm chuyện buồn mà vai chính bao giờ cũng là bố tôi. Lúc nào tôi cũng thấy bố tôi đi đâu ấy, lủi thủi một mình, tay chống gậy, có một con chó xồm lẻo đẻo theo sau...

XII

Một hôm tôi ngủ thiếp đi từ lúc chập tối. Khi thức dậy tôi có cảm giác như chân tôi cũng thức dậy. Tôi thả chân xuống giường thì lại thấy hai chân tê cứng, nhưng lúc này tôi tin chắc rằng chân tôi vẫn còn nguyên và tôi vẫn đi được. Cảm giác đó rõ ràng đến nỗi tôi hét lên vì vui sướng. Hai chiếc chân không sao mang nổi thân tôi và tôi ngã lăn ra, nhưng tôi cũng bò được đến cửa và lần xuống cầu thang. Tôi tưởng tượng mọi người ở dưới nhà sẽ ngạc nhiên như thế nào khi trông thấy tôi. Tôi không nhớ vì sao tôi lại mò được vào buồng mẹ tôi và ngồi lên lòng bà tôi. Trước mặt bà tôi có mấy người lạ đang đứng. Một bà lão người khô đét vận đồ xanh nói giọng nghiêm khắc, át cả tiếng mọi người:

- Cho nó uống phúc bồn tử rồi trùm kín đầu lại...

Tất cả mọi thứ trên người bà lão toàn là màu xanh: từ áo, mũ cho đến khuôn mặt điểm một nốt thịt thừa dưới mắt, đều xanh, thậm chí đến túm lông mọc trên nốt thịt thừa cũng xanh như một búi cỏ. Bà lão trề môi dưới xuống, vênh môi trên lên và nhe những chiếc răng xanh ra nhìn tôi, đưa bàn tay đi găng đen không ngón rua đàng-ten giơ lên che mắt.

- Ai đấy?

Tôi rụt rè hỏi. Ông tôi trả lời bằng một giọng nghe rất khó chịu:

- Đây là bà mới của mày đấy...

Gượng cười, mẹ tôi đẩy Epgêni Macximôp lại phía tôi:

- Bố con đấy...

Mẹ tôi nói gì rất nhanh và khó hiểu. Macximôp nheo mắt, cúi xuống gần tôi và nói:

- Bố sẽ cho con một hộp thuốc màu.

Trong buồng rất sáng; góc phía trước, trên một cái bàn, có đặt những giá nến bằng bạc, trên mỗi giá có năm ngọn nến đang cháy. Giữa những giá nến đó là bức tượng thánh "Xin Đức Mẹ

đừng khóc" mà ông tôi rất quý; những hạt ngọc trai gắn trên bức tượng lấp lánh và hình như chảy ra; những viên ngọc thạch lưu đồ thắm trên nền vàng của bức tượng phát ra những tia hào quang chói lọi. Những khuôn mặt lơ mờ, tròn trĩnh nom như những cái bánh tráng cùng với những cái mũi bẹt lặng lẽ như dán vào những tấm kính cửa sổ tối om trông ra phố. Tất cả mọi vật xung quanh tôi đều chập chờn nghiêng ngả. Còn bà lão vận đồ xanh thì đưa những ngón tay lạnh buốt sờ vào phía sau tai tôi và nói:

- Nhất định rồi, nhất định rồi...

- Nó ngất rồi, - bà tôi nói và bế tôi ra cửa.

Nhưng tôi không ngất, tôi chỉ nhắm mắt lại thôi. Lúc bà bế tôi lên cầu thang, tôi hỏi bà:

- Sao bà không bảo cháu chuyện ấy từ trước?

- Chà... thôi im đi!

- Các người là đồ lừa dối...

Đặt tôi vào giường xong, bà tôi rúc đầu vào gối và khóc, toàn thân rung lên. Hai vai rung động, bà tôi ghen ngào, nói lắp bắp:

- Cháu khóc đi... khóc đi...

Tôi không muốn khóc. Cấn gác tối và lạnh; tôi run lên, chiếc giường rung chuyển và kêu ken két. Bà lão vận đồ xanh vẫn hiện lên trước mắt tôi. Tôi giả vờ như ngủ, và bà tôi đi ra. Mấy ngày trống rỗng trôi qua một cách đơn điệu như một dòng nước nhỏ. Sau lễ ăn hỏi mẹ tôi đi đâu mất, không khí trong nhà trở nên vắng vẻ một cách nặng nề. Một buổi sáng ông tôi lấy ra một cái đục, đi tới cửa sổ và cạy mát-tít trát ở khung cửa hồi mùa đông. Bà tôi đi tới, tay bùng châu nước với chiếc giẻ lau. Ông tôi khe khẽ hỏi bà:

- Thế nào, mụ già?

- Cái gì kia?

- Mừng lắm phải không?

Bà tôi trả lời cũng giống như trả lời tôi lúc đi lên cầu thang:

- Chà... thôi im đi!

Những lời đơn giản đó lúc này có một ý nghĩa đặc biệt, chúng che giấu một sự kiện gì lớn, đáng buồn không cần phải nói ra nhưng mọi người đều biết. Ông tôi thận trọng tháo khung cửa và

đưa ra ngoài. Bà tôi mở rộng cánh cửa sổ. Trong vườn tiếng sáo sậu kêu, tiếng chim sẻ riu rít. Mùi thơm ngậy ngát của đất sau khi tuyết tan ủa vào trong phòng. Trên thành lò sưởi những viên gạch men hình vuông màu xanh nhạt ngượng ngịu ngả sang màu trắng, nhìn chúng đủ cảm thấy lạnh lẽo. Tôi bò từ trên giường xuống sàn nhà.

- Không được đi chân đất. - Bà tôi nói.
- Cháu muốn ra vườn.
- Hãy chờ ít lâu nữa có hơn không, ngoài ấy chưa khô đâu!

Tôi không muốn nghe lời bà tôi, thậm chí nhìn mặt người lớn tôi cũng cảm thấy khó chịu. Trong vườn những ngọn cỏ non xanh mượt đã nhú lên, những nụ táo đã mọng ra và nở tung, rêu trên mái nhà nhỏ của mẹ Pêtrôpna có một màu xanh nom thật thích mắt. Chỗ nào cũng thấy có nhiều chim. Tiếng chim hót rộn ràng, làn không khí thơm mát làm cho đầu óc tôi ngây ngất. Trong cái hố chỗ bác Piôt cắt cỏ tự tử có những bụi cỏ dại màu vàng hoe bị tuyết đè nát, rồi tung. Nhìn cái hố đó thật khó chịu, nó không có một vẻ gì là mùa xuân cả; những mẩu gỗ cháy dở đen bóng trông thật buồn thảm. Sự vô dụng của nó như chọc tức tôi. Tôi bực mình muốn nhổ tung những bụi cỏ dại đi, nhặt những viên gạch vỡ ra và những mẩu gỗ cháy dở vứt ra ngoài, dọn hết tất cả những thứ bẩn thỉu, vô ích đi, sửa sang cái hố thành một chỗ ở thật sạch sẽ và mùa hè sẽ sống trong đó một mình, không có người lớn. Tôi liền bắt tay ngay vào việc. Công việc đó làm cho tôi xa cách tất cả những gì xảy ra trong nhà suốt một thời gian dài, và tuy những chuyện ấy hãy còn làm cho tôi rất bực mình, nhưng càng ngày chúng càng làm tôi ít quan tâm hơn.

- Làm sao mà mày cứ quăm quăm thế? -Bà tôi hoặc mẹ tôi thường hỏi tôi như vậy.

Tôi thấy lúng túng mỗi khi bà và mẹ tôi hỏi câu đó. Nào tôi có giận gì bà và mẹ tôi đâu, tôi chỉ cảm thấy mọi thứ trong nhà đều trở nên xa lạ đối với tôi. Vào những bữa ăn trưa, chiều và những bữa trà tối thường có mặt bà lão vận đồ xanh, nom hệt như một cái cốc mực ở giữa dãy hàng rào đồ nát. Cặp mắt của bà ta như được dính vào mặt bằng những sợi chỉ vô hình. Từ trong hai hốc mắt xương xẩu chúng nhẹ nhàng lăn ra và chuyển động thoăn thoắt. Hai con mắt đó nhìn không sót một cái gì. Chúng rướn lên mái nhà mỗi khi bà ta nói đến Chúa và cụp xuống má khi bà ta nói

đến việc nhà. Cặp lông mày của bà ta trông như cám và như dán vào da. Những chiếc răng to, trơ trụi lặng lẽ nhai tất cả những gì bà ta nhét vào mồm, cánh tay không không trông đến buồn cười, ngón út chìa ra. Quanh tai bà những cục xương tròn chạy đi chạy lại. Hai tai luôn luôn cử động, cả đến túm lông xanh trên nốt thịt thừa cũng động đậy giống như đang bò trên lớp da vàng khè, nhăn nheo và sạch bóng đến phát ghét lên được. Bà lão cũng sạch sẽ như người con trai - chạm vào họ người ta cảm thấy ngượng ngịu và khó chịu. Mấy hôm đầu có lúc bà ta định đưa bàn tay như tay người chết ra sờ vào môi tôi - bàn tay có mùi hương và xà phòng Kazan. Tôi vội vàng quay đi và chạy mất. Bà ta thường nói với con trai:

- Thằng bé này nhất định phải giáo dục cẩn thận, hiểu không Giê-ná-a?

Người con trai cúi đầu ngoan ngoãn, cau mày và im lặng. Trước mặt bà ta ai cũng đều nhăn nhó cả. Tôi hết sức căm ghét bà lão, và cả con trai bà ta nữa. Cũng chính vì cái tình căm nặng nề đó mà tôi đã phải ăn nhiều trận đòn. Một lần đang ăn trưa, bỗng bà lão nói, hai mắt trố ra trông rất khủng khiếp:

- Chà, Aliôsenka, đi đâu vội mà cắn những miếng to thế? Khéo không lại nghẹn đấy.

Tôi lồm cồm đang nhai dở trong mồm ra, cắn lại vào đĩa và chìa ra trước mặt bà ta:

- Này, bà tiếc thì cầm lấy...

Mẹ tôi kéo tôi ra khỏi bàn ăn, tôi bị đuổi lên gác thượng một cách nhục nhã. Bà tôi đi lên và bịt miệng cười:

- Cha mẹ ơi, ai bảo mày nghịch tình nghịch quái như thế! Cầu Chúa che chở cho mày.

Tôi không thích bà tôi bịt miệng lại như vậy. Tôi chạy đi chỗ khác. Tôi leo lên mái nhà và ngồi nấp phía sau ống khói một lúc lâu. Đúng, tôi rất muốn nghịch ngợm, tôi muốn nói với tất cả mọi người những lời cay độc. Khó mà dập tắt được ý muốn đó, Tức Epgêni Macximốp. vậy mà vẫn phải dập tắt như thường. Một hôm tôi lấy nhựa anh đào bôi vào ghế của ông bố dượng tương lai và người bà mới của tôi, và cả hai đều bị dính vào ghế. Cảnh đó trông thật là buồn cười. Sau khi tôi bị ông tôi đánh, mẹ tôi lên gác thăm tôi. Mẹ tôi kéo tôi vào lòng, kẹp chặt tôi giữa hai đầu gối và hỏi:

- Nghe đây, sao con lại chơi ác như thế? Giá con biết được điều đó làm mẹ đau lòng như thế nào!

Mắt mẹ tôi rung rung những giọt lệ long lanh, mẹ tôi áp đầu tôi vào má. Tôi thấy đau khổ quá, thà mẹ tôi cứ đánh cho tôi một trận còn hơn. Tôi hứa sẽ không bao giờ xúc phạm đến hai mẹ con Macximôp nữa, miễn là mẹ tôi đừng khóc.

- Phải đấy, - mẹ tôi nói nhỏ, - con không nên nghịch ngợm nữa! ít lâu nữa bố mẹ sẽ làm lễ cưới rồi sau đó sẽ đi Matxcova. Sau đó bố mẹ trở về và con sẽ ở với mẹ. Epgêni Vaxiliêvita rất tốt và rất thông minh, ở với bố, con sẽ sung sướng. Rồi con sẽ vào trường trung học, sau đó sẽ trở thành sinh viên giống như bố bây giờ và rồi sẽ thành bác sĩ hoặc làm gì tùy ý. Người có học vấn thì muốn làm gì cũng được. Thôi, đi chơi đi con...

Tôi cảm thấy những tiếng "sau đó" mà mẹ tôi lần lượt nói ra đó là một cái thang đi xuống một nơi sâu thẳm nào đấy mỗi lúc một xa mẹ tôi, đi sâu vào bóng tối, vào cảnh cô độc và điều ấy làm cho tôi buồn rầu vô hạn. Tôi rất muốn nói với mẹ tôi:

- Mẹ đừng đi lấy chồng mẹ ạ, con sẽ nuôi được mẹ!

Nhưng tôi không sao nói được điều đó. Mẹ tôi luôn luôn gọi lên trong tâm trí tôi rất nhiều ý nghĩ âu yếm về người, nhưng không bao giờ tôi muốn nói những ý nghĩ ấy cả. Công việc của tôi ở trong vườn tiến hành rất trôi chảy: tôi lấy con dao lớn rẫy hết cỏ dại đi, xung quanh miệng hố, chỗ nào đất bị lở, tôi lấy gạch đắp lại. Tôi xếp gạch thành một chỗ ngồi rộng, có thể nằm được là đằng khác. Tôi nhặt thật nhiều mảnh thủy tinh màu và bát đĩa vỡ đem nhét vào những khe hở giữa các hàng gạch và lấy đất sét trát lại. Khi ánh nắng chiếu vào hố, chúng rực sáng lên những màu sắc rực rỡ giống như ở trong nhà thờ.

- Khéo nghĩ đấy!

Một hôm ông tôi ngắm nghía công trình của tôi và nói.

- Có điều là cỏ nó sẽ làm mày gay đấy: rẫy cỏ mà không đánh hết rễ! Để tao xới lại đất cho, vào lấy cái mai ra đây!

Tôi đem ra một chiếc xẻng bằng sắt. Ông tôi nhổ nước bọt vào lòng bàn tay, vừa lẩm bẩm vừa đưa chân ấn sâu chiếc xẻng xuống lớp đất màu mỡ.

- Nhật rề đi!... Rồi tao sẽ trông ở đây cho mày mấy cây hương dương và cây cối xay! Đẹp lắm...

Và bỗng ông tôi im bật, lặng người đi, người vẫn cúi trên chiếc xẻng. Tôi để ý nhìn: từ trong cặp mắt nhỏ thông minh giống như mắt chó của ông tôi, những giọt lệ lăn tăn liên tiếp nhỏ xuống đất.

- Ông làm sao thế?

Ông tôi giật mình, đưa tay lau mặt và nhìn tôi bằng cặp mắt mờ đục.

- Ông toát mồ hôi đấy! Trông kìa, bao nhiêu là giun!

Rồi ông tôi lại tiếp tục đào và bỗng nhiên nói:

- Mày làm những cái này chỉ tổ phí công thôi, cháu ạ, tao sắp sửa bán nhà rồi, độ mùa thu này là bán. Cần có tiền để làm của hồi môn cho mẹ mày. Thôi thì cũng chỉ còn mong sao cho mẹ mày được sung sướng, cầu trời phù hộ cho mẹ mày...

Ông tôi vứt xẻng xuống đất, phẩy tay và đi về phía sau nhà tắm ở góc vườn, chỗ có đặt những chiếc nồi nấu nước.

Đến lượt tôi đào và bị xẻng đâm toạc ngay một ngón chân. Vì vậy tôi không đưa mẹ tôi đến nhà thờ để làm lễ cưới được. Tôi chỉ có thể ra cổng nhìn mẹ tôi khoác tay Macximốp và cúi đầu thận trọng đặt từng bước trên nền gạch của lễ đường, trên những bụi cỏ xanh từ trong các kẽ gạch nhô lên, tựa như mẹ tôi đang đi trên những đầu đinh nhọn vậy. Lễ cưới rất âm thầm; sau khi ở nhà thờ về mọi người uống trà một cách buồn tẻ. Mẹ tôi đi thay quần áo ngay rồi vào buồng ngủ xếp đặt hòm xiềng. Ông bố dưỡng tôi ngồi xuống cạnh tôi và nói:

- Bố có hứa cho con một hộp thuốc màu, nhưng ở đây không có loại nào tốt. Còn hộp của bố thì bố không thể cho con được, lên đến Matxcova bố sẽ gửi về cho con vậy...

- Con lấy thuốc màu làm gì?

- Con không thích vẽ à?

- Con không biết vẽ.

- Thôi được, bố sẽ gửi cho con một thứ gì khác vậy.

Mẹ tôi bước đến:

- Bố mẹ sẽ về ngay thôi mà. Khi nào bố con thi xong, tốt nghiệp là bố mẹ trở về...

Tôi lấy làm thích thú thấy hai người nói chuyện với tôi như nói với một người lớn, nhưng tôi rất lấy làm lạ thấy một người đã có râu mà vẫn còn đi học. Tôi hỏi:

- Bố học gì?

- Đạc điền...

Tôi cũng chẳng buồn hỏi đó là cái gì. Một sự im lặng buồn tẻ bao trùm căn nhà, có tiếng gì sột soạt như tiếng len dạ cọ sát vào nhau, mọi người như chỉ mong sao cho trời chóng tối. Ông tôi đứng tựa lưng vào lò sưởi, neho mắt nhìn ra cửa sổ. Bà lão vận đồ xanh giúp mẹ tôi xếp sắp đồ đạc, vừa làm vừa càu nhàu và kêu rên. Còn bà tôi thì say rượu từ trưa, mọi người sợ xấu hổ nên lôi bà tôi lên gác thượng và nhốt ở trên ấy. Sáng sớm hôm sau mẹ tôi lên đường. Khi từ biệt, người ôm lấy tôi, khẽ nhắc tôi lên khỏi mặt đất, nhìn vào mắt tôi bằng cặp mắt xa lạ rồi hôn tôi và nói:

- Thôi, con ở nhà nhé.

- Bảo nó ở nhà phải vâng lời tao, - ông tôi vừa nói, giọng vẫn gắt, vừa nhìn lên bầu trời còn đang ửng hồng.

- Con phải vâng lời ông nhé!

Mẹ tôi nói và giơ tay làm dấu cho tôi. Tôi chờ đợi mẹ tôi sẽ nói những gì khác kia, và tôi rất bức ông tôi đã làm cho mẹ tôi không nói nữa. Hai vợ chồng lên xe ngựa. Tà áo của mẹ tôi bị móc vào cái gì gỡ mãi không được, mẹ tôi phát cáu.

- Lại giúp mẹ mày, không trông thấy gì à? - Ông tôi bảo tôi.

Tôi vẫn đứng im, nỗi buồn nặng trĩu trong lòng. Macximôp chịu khó xếp đôi chân dài thuần bó sát trong hai ống quần xanh vào xe. Bà tôi giúi vào tay Macximôp mấy cái tay nải, ông ta cầm đặt lên đầu gối, lấy cầm đỡ cho khỏi đổ, khuôn mặt tái mét nhăn lại với một vẻ hốt hoảng.

- Đủ rồi...

Macximôp nói, giọng kéo dài. Bà lão vận đồ xanh với người con trai cả là một sĩ quan lên một chiếc xe khác. Bà lão ngồi ngay như tượng, còn người con trai thì lấy chuôi kiếm cọ vào râu và chốc chốc lại ngáp.

- Thế là anh ra trận đấy hả? - ông tôi hỏi.

- Nhất định rồi!

- Tốt lắm! Cần phải đánh cho bọn Thổ Nhĩ Kỳ...

Xe chuyển bánh. Mấy lần mẹ tôi quay lại giơ khăn tay vẫy. Bà tôi, một tay chống vào tường, cũng giơ tay lên vẫy vẫy, nước mắt đầm đìa. Ông tôi cũng lấy ngón tay quệt nước mắt và nói càu nhàu, giọng đứt quãng:

- Rồi chẳng... có gì tốt đâu... chẳng có...

Ngồi trên một khúc gỗ, tôi nhìn hai chiếc xe vừa chạy vừa nảy trên mặt đường. Khi chúng đã khuất vào một góc phố, thì trong lòng tôi hình như cũng có một cái gì thất lại. Trời hãy còn sớm lắm, cửa sổ ở các nhà vẫn còn đóng kín. Đường phố không một bóng người, tôi chưa bao giờ thấy nó vắng tanh vắng ngắt tiêu điều như thế. Từ xa vẳng lại điệu nhạc u uất của một gã mục đồng. Đây nói đến cuộc chiến tranh Nga

- Thổ năm 1877 -1878.

- Đi uống trà thôi - ông tôi nắm lấy vai tôi kéo đi và nói. - Số phận mày là ở với tao; cho nên mày còn phải đụng chạm với tao như que diêm xát vào gạch vậy.

Từ sáng đến chiều tôi với ông tôi mê mải làm việc ở trong vườn. Ông tôi đánh luống, buộc các khóm phúc bồn tử, cạo râu cho các cây táo và bắt sâu. Còn tôi thì chỉ loay hoay xây dựng và trang hoàng cho chỗ ở của tôi. Ông tôi lấy rìu chặt bớt đoạn cuối của cây gỗ cháy dở đi và cắm xuống đất những cái cọc bằng gỗ, tôi đem mấy lồng chim treo lên những cái cọc đó. Tôi lấy cỏ khô đánh một tấm gianh thật dày và làm thành cái mái ở phía trên chiếc ghế dài để che nắng che sương. Chỗ ở của tôi thế là tươm rồi. Ông tôi nói:

- Cháu tập lo liệu lấy một mình như vậy là rất tốt.

Tôi rất coi trọng những lời của ông tôi. Thỉnh thoảng ông tôi tới nằm trên cái ổ cỏ của tôi và bằng một giọng chậm rãi, như cây ra từng lời khó nhọc, ông khuyên tôi:

- Bây giờ mày đã lìa khỏi mẹ mày như một miếng bánh đã cắt rời ra. Rồi mẹ mày sẽ có con khác, đối với mẹ mày chúng nó sẽ thân thiết hơn mày. Còn bà mày thì đã bắt đầu uống rượu rồi.

Ông tôi im lặng một lúc lâu như nghe ngóng cái gì, sau đó lại miễn cưỡng buông ra những lời nặng nề:

- Bà mày uống lần này là lần thứ hai đấy. Khi thằng Mikhailô phải đăng lính bà mày cũng đã uống rồi. Lúc ấy, bà mày còn năn nỉ tao mua cho nó một cái giấy miễn đi lính nữa chứ, cái mụ già ngu ngốc ấy! Giá cứ đi lính quách thì bây giờ có thể nó lại khác... Chao ôi, lũ chúng bay... y... thật là... Còn tao thì đã gần kề miệng lỗ rồi, như thế là mày sẽ còn lại có một mình thôi, mày phải lo liệu lấy tất, phải tự kiếm lấy miếng ăn, hiểu không? Thế đấy! Phải tập chỉ trông cậy vào chính bản thân mình, đừng để kẻ khác dắt mũi mình! Hãy sống lạng lẽ, bình thản, nhưng phải cứng cỏi! Ai nói gì cũng nghe, nhưng cứ việc làm theo cách có lợi cho mình.

Suốt mùa hè, tất nhiên trừ những hôm trời mưa gió, tôi đều sống ở ngoài vườn, thậm chí cả vào những đêm ẩm trời tôi còn ngủ luôn ở đấy trên tấm thảm của bà tôi cho. Chính bà tôi cũng hay ngủ ở ngoài vườn. Bà tôi đem ra một ôm cỏ khô, rải gần chỗ tôi nằm rồi bà tôi nằm xuống và kể cho tôi nghe những câu chuyện rất dài, thỉnh thoảng lại ngừng kể và đột nhiên nói xen vào:

- Trông kia, một ngôi sao sa! Chắc đó là linh hồn trong sạch của ai buồn nhớ đến đất Mẹ đấy! Như thế tức là ở đâu đấy lại mới có một người tốt ra đời.

Hoặc bà tôi chỉ cho tôi xem:

- Nhìn kia, một ngôi sao mới hiện ra! Trông long lanh như một con mắt ấy! Ôi, bầu trời, bầu trời xinh đẹp, người là tấm áo khoác lưng lấy của Chúa...

Ông tôi cầu nhàu:

- Bà cháu mày rồi đến cảm lạnh mà ốm mất thôi, lũ ngốc ạ...

Kẻ trộm mà vào thì nó bóp cổ... Đôi khi, vào lúc chiều tà trên bầu trời tỏa ra vô số suối lửa. Chúng tàn dần và đổ xuống vườn cây xanh mượt như nhưng một lớp tro màu đỏ pha sắc vàng óng ánh. Một lúc sau tất cả cảnh vật xung quanh đều tối sầm nhanh chóng, lan rộng mãi ra, phồng lên, chìm vào trong màn đêm nóng bức. Những chiếc lá được tắm no ánh nắng rủ xuống, những ngọn cỏ nằm rạp xuống mặt đất. Tất cả đều trở nên êm dịu hơn, lỏng lẻo hơn: muôn hương nhẹ nhàng tỏa ra, dịu dàng như tiếng nhạc. Tiếng nhạc từ cánh đồng xa vọng về: đó là tiếng kèn điểm danh trong trại lính. Đêm xuống dần, và cùng với đêm một cái gì mạnh mẽ, tươi mát như sự âu yếm dịu hiền của người mẹ tràn vào lòng ngực.

Cảnh tĩnh mịch như một bàn tay ấm áp mịn như nhung khe khẽ vuốt ve trái tim. Và tất cả mọi ấn tượng xấu xa, tất cả làn bụi li ti và nóng bỏng trong ngày hôm đó đều bị xóa mờ đi trong tâm trí. Thật thú vị khi nằm ngửa mặt lên trời, ngắm những vì sao mỗi lúc một sáng thêm khiến cho bầu trời càng thêm sâu thẳm. Cái vực sâu thẳm thẳm đó cứ vươn cao lên mãi, làm hiện ra những vì sao mới, nó nhẹ nhàng nâng bổng ta lên khỏi mặt đất và làm cho ta có một cảm giác thật là kỳ lạ: lúc thì ta cảm thấy toàn bộ trái đất thu nhỏ cho hợp với ta, lúc thì ta cảm thấy lớn lên một cách tuyệt vời, tỏa rộng và lan xa, hòa vào mọi vật xung quanh. Trời mỗi lúc một tối hơn, không khí mỗi lúc một thêm lạnh lẽ. Nhưng khắp mọi nơi như có căng những sợi dây đàn vô tình rất nhạy; mỗi một âm thanh, tiếng chim hót trong giấc ngủ, tiếng nhím chạy qua hoặc một giọng nói nhỏ ở đâu đó -tất cả những âm thanh đó đều được bầu không khí lạnh như tờ làm vang lên, đều ngân lên rất đặc biệt, khác hẳn lúc ban ngày. Tiếng phong cầm, tiếng cười của phụ nữ, tiếng gươm kéo lê trên nền gạch hè đường, tiếng chó sủa -tất cả những âm thanh vô ích đó đều giống như những chiếc lá rụng cuối cùng của một ngày tàn. Có những đêm ở ngoài đồng hoặc trên đường phố bỗng dội lên tiếng hát của người say rượu, tiếng chân người chạy thình thịch nặng nề, nhưng những cái đó đã quá quen thuộc và không còn ai chú ý đến nữa. Bà tôi thao thức rất lâu, bà tôi nằm, đầu gối lên hai bàn tay bắt chéo và kể chuyện với niềm hào hứng nhẹ nhàng, không hề để ý xem tôi có nghe hay không. Bao giờ bà tôi cũng khéo chọn những truyện cổ tích khiến cho đêm càng thêm ý vị và đẹp đẽ. Giọng nói du dương của bà tôi thường làm tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết và tôi tỉnh dậy vào lúc chim hót. ánh nắng chiếu thẳng vào mặt tôi, không khí ban mai run rẩy nhẹ nhàng, mỗi lúc một thêm ấm áp. Lá táo rũ những hạt sương xuống đất, những ngọn cỏ xanh ướt đầm mỗi lúc một sáng rực lên, một làn hơi mỏng manh trong suốt như pha-lê bốc lên từ mặt cỏ. Trên bầu trời tím tím những tia nắng mỗi lúc một tỏa rộng như chiếc quạt đang xòe dần ra, bầu trời chuyển thành màu xanh. Tiếng chim sơn ca hót tíu trên cao, và tất cả những màu sắc, âm thanh thấm vào lòng như những giọt sương mai, khơi lên một niềm vui thanh thản khiến người ta muốn dậy ngay, làm việc và sống hòa thuận với tất cả mọi sinh vật xung quanh mình. Đây là thời kỳ phẳng lặng và thơ mộng nhất trong đời tôi, và chính trong mùa hè này cảm giác tự tin vào sức mình đã nảy nở và lớn mạnh.

Tôi trở thành con người thờ ơ, thích cô độc. Nghe tiếng lũ trẻ nhà ăpxiannikôp la hét tôi cũng mặc kệ. Bọn em họ có đến chơi tôi cũng không mừng rỡ chút nào, mà chỉ sợ chúng phá mất những công trình của tôi ở ngoài vườn -sự nghiệp đầu tiên do tôi tự tạo nên. Cả những lời nói của ông tôi cũng không còn làm cho tôi bận tâm nữa, càng ngày giọng của ông tôi càng trở nên khô khan, gắt gỏng, than vãn. Ông tôi bắt đầu hay cãi cò với bà tôi và đuổi bà tôi đi. Bà tôi lúc thì đến nhà cậu Iakôp, lúc thì đến nhà cậu Mikhain. Đôi khi đến mấy ngày liền bà tôi không về, ông tôi phải thổi nấu lấy; bị bỏng tay, ông tôi la lối, chửi bới và đập phá bát đĩa. Tính keo kiệt của ông tôi ngày càng tăng. Thỉnh thoảng ông tôi vào lều của tôi, ngồi chễm chệ lên ổ cỏ và lẳng lặng nhìn tôi một lúc lâu, rồi đột nhiên hỏi:

- Sao cứ im thin thít thế?

- Cháu vẫn thế... Sao kia ạ?

Và ông tôi bắt đầu "lên lớp" cho tôi:

- Chúng ta không phải là bọn quý tộc. Không ai dạy chúng ta hết. Chúng ta phải tự hiểu lấy tất cả. Người ta thì có sách vở để xem, có trường để học, còn chúng ta thì chẳng có cóc khô gì sất. Phải tự hiểu lấy tất...

Rồi ông trầm ngâm suy nghĩ, ngồi trơ trơ không nhúc nhích và im bật, có thể nói là rất khủng khiếp. Đến mùa thu thì ông tôi bán nhà. Trước khi bán ít lâu, một hôm trong lúc uống trà buổi sáng ông tôi bỗng bảo với bà tôi bằng một giọng buồn rầu, nhưng cương quyết:

- Nay, bà nó ạ, tôi nuôi bà như thế đã đủ rồi! Bây giờ thì bà đi kiếm lấy mà ăn.

Bà tôi tỏ ra hết sức thản nhiên đối với những lời đó, dường như bà tôi đã biết từ lâu là ông tôi sẽ nói như vậy và đang chờ đợi điều đó. Bà tôi thông thả moi hộp thuốc ra, lấy thuốc lá nhét vào cái mũi xồm xộp và nói:

- Thôi được! Đã vậy thì...

Ông tôi thuê hai căn buồng nhỏ tối om om ở dưới hẻm một ngôi nhà cũ trong một ngõ cụt, phía dưới một ngọn đồi. Khi dọn nhà, bà tôi lấy một chiếc giày gai cũ, cầm sợi dây giày ném vào bếp lò. Rồi bà ngồi xồm và bắt đầu gọi gia thần:

- Gia thần, gia thần, xe đã sẵn sàng, xin Người hãy cùng đi với chúng tôi tới nơi ở mới, đến với hạnh phúc mới...

Ông tôi ở ngoài sân nhòm vào cửa sổ, quát lên:

- Đợi đấy, sẽ có xe đấy, mụ tà giáo kia! Cứ liệu, đừng có bêu diếu tôi.

- Ôi, ông nó ời, coi chừng kéo khốn đấy!

Bà tôi nói với ông tôi, giọng nghiêm trang. Nhưng ông tôi nổi nóng và cấm bà tôi không được đưa gia thần đi theo. Bàn ghế và những đồ đạc linh tinh khác ông tôi đem bán cho những người Tacta buôn đồ cũ suốt hai ba hôm mới xong. Ông tôi đặt giá và chửi bới om sòm, còn bà tôi thì đứng ở cửa sổ nhìn ra, lúc khóc, lúc cười, miệng khê lăm bầm:

- Lôi cả đi! Đập hết đi!...

Tôi cũng muốn khóc, tôi tiếc cái vườn và túp lều của tôi quá. Chúng tôi dọn nhà đi chỉ cần có hai chiếc xe ngựa. Tôi ngồi trên xe, giữa những đồ đạc linh tinh. Xe xóc một cách kinh khủng, dường như muốn hất tôi xuống đất. Và tôi đã sống với cảm giác bị lắc lư liên miên như muốn hất tôi đi như vậy trong khoảng hai năm trời, cho đến tận ngày mẹ tôi mất. Mẹ tôi trở về sau khi ông tôi dọn đến căn hầm được ít lâu. Mẹ tôi trông xanh nhợt, gầy còm, hai mắt mở to, ngơ ngàng ánh lên như trong cơn sốt. Mẹ tôi nhìn một cách chăm chú kỳ lạ như mới trông thấy ông bà tôi và tôi lần đầu vậy. Mẹ tôi lặng lẽ nhìn cả nhà, còn bố dượng tôi thì cứ đi đi lại lại ở trong phòng, hai tay chấp sau lưng, miệng huýt sáo khe khẽ, chốc chốc lại húng hắng ho, mấy ngón tay khê búng vào nhau.

- Trời, sao con lớn khiếp thế này!

Mẹ tôi nói, hai bàn tay nóng hổi áp vào má tôi. Mẹ tôi ăn mặc trông rất xoàng xĩnh: chiếc áo dài màu da cam rộng thùng thình, ở nơi bụng lại phình ra. Ông bố dượng chìa tay cho tôi:

- Chào cậu cả! Độ này thế nào?

Rồi ông ta hít hít không khí và nói:

-Này, ở đây ẩm ướt lắm!

Cả hai người như vừa mới qua một cuộc chạy dài, dáng mệt mỏi, quần áo trên người đều nhàu nát, phai bạc. Hai người hình như không còn muốn gì hơn là được nằm nghỉ. Mọi người uống trà

trong bầu không khí buồn tẻ. Nhìn những giọt nước mưa chảy trên cửa kính, ông tôi hỏi:

- Như vậy là cháy sạch cả à?
- Cháy sạch, - bố dượng tôi trả lời, giọng quả quyết.
- Chúng con phải khó khăn lắm mới lao ra được...
- Hừ, lửa chứ có phải chuyện đùa đâu!

Mẹ tôi áp sát vào vai bà tôi và nói thì thầm vào tai bà. Bà tôi nheo mắt lại như gặp ánh sáng chói. Không khí trong nhà mỗi lúc một buồn hơn. Bỗng ông tôi nói rất to, giọng thản nhiên và có vẻ cay độc.

- Epgêni Vaxiliep, sao tôi nghe nói là chẳng có cháy chiếc gì cả, mà chỉ vì anh đánh bạc thua hết.

Không khí yên lặng như dưới mồ, chỉ nghe thấy tiếng âm xamôva sôi phì phì và tiếng mưa rơi đập vào cửa kính. Một lúc sau mẹ tôi nói:

- Bố...

- Bố cái gì?- ông tôi thét nghe đến đình tai. - Còn muốn gì nữa? Tao đã chẳng bảo rằng ba mươi tuổi đầu đừng có đi lấy đứa hai mươi là gì? Đấy, mày đã được thỏa mãn,; ông chồng thanh lịch của mày đấy! Mày đã là bà lớn, oai ghê! Thế nào, cô quý nữ của tôi!

Cả bốn người đều la hét âm ỉ, la to nhất là bố dượng tôi. Tôi bỏ ra phòng ngoài, leo lên ngồi trên ống củi và lặng đi trong nỗi kinh ngạc: mẹ tôi đã bị người ta làm thay đổi hẳn, hoàn toàn không còn giống như trước nữa. Cảm giác này khi ở trong phòng ít thấy rõ hơn, nhưng ở đây, trong bóng tối lơ mơ, tôi nhớ lại rõ ràng mẹ tôi trước kia như thế nào. Tôi không còn nhớ rõ lắm tại sao về sau tôi lại ở Xôrmôvô, tại một ngôi nhà trong đó tất cả mọi thứ đều còn mới, tường không có giấy bồi, những khe hở giữa các cây gỗ thì bịt bằng sợi gai và có rất nhiều gián ở trong. Mẹ tôi và bố dượng tôi ở hai phòng có cửa sổ trông ra đường, còn tôi với bà tôi thì ở gian bếp chỉ có mỗi một chiếc cửa sổ nhỏ. Vượt lên trên các mái nhà, những ống khói nhà máy đậm trắng Một khu phố ở Nijni-Nôpôgôrôt có những nhà máy quan trọng nhất ở nước Nga. ở Nga nhà gỗ thường làm bằng những cây gỗ nguyên ghép lại. lên trời trông như những ngón tay đen sì và nhả ra những làn khói dày

đặc, xoắn tít. Gió mùa đông thổi chúng bay đi khắp xóm. Trong những căn phòng lạnh lẽo của chúng tôi lúc nào cũng có mùi dầu mỡ khét lẹt. Sáng sớm tiếng còi rú lên như tiếng chó sói:

- U..., u

- U... u... u...

Đứng lên ghé dài nhìn qua những tấm kính bên trên của cửa sổ và qua các mái nhà, có thể thấy cái cổng nhà máy sáng rực ánh đèn. Cánh cổng mở toang trông như cái mồm mồm đen ngòm của một lão hành khất đang há ra cho đám người bé nhỏ lũ lượt tuồn vào. Giữa trưa tiếng còi lại rúc lên, hai cánh cổng nom như cặp môi đen sì lại há ra, để lộ cái hốc mồm sâu hoắm; những con người đã bị nhà máy nuốt chửng lại như bị tuôn ra. Họ đổ ra đường như một dòng nước đen sì. Một cơn gió mang theo tuyết trắng như bông thổi lùa vào đường phố, xua đuổi và dồn họ về những căn nhà của họ. Bầu trời trên xóm làng rất ít khi nhìn thấy: ngày này qua ngày khác phía trên các mái nhà, trên các đồng tuyết đen kịt muội bồ hóng, người ta thấy lơ lửng một cái mái khác màu xám và bằng phẳng; nó đè trĩu lên óc tưởng tượng và làm lóa mắt người ta bởi cái màu sắc đơn điệu buồn tẻ của nó. Tối tối trên bầu trời nhà máy lập lờ một vùng sáng màu đỏ đục chiếu vào các đỉnh ống khói; người ta có cảm tưởng như các ống khói từ trong đám khói nhô ra, không phải vươn lên trời, mà là chúc xuống đất.

Chúng tuôn ra những tia lửa đỏ rực, gào rú lên. Nhìn tất cả những cái đó tôi cảm thấy bức dọc vô hạn, một nỗi buồn chua xót da diết trong lòng. Bà tôi trở thành người làm bếp; bà tôi nấu nướng, cọ sàn, bổ củi, xách nước, quần quật suốt từ sáng đến tối, và khi đi nằm bà tôi rã rời cả chân tay, vừa than vãn, vừa rên rỉ. Thỉnh thoảng sau khi làm lụng xong, bà tôi mặc một chiếc áo cánh bông ngắn, vén váy lên thật cao và đi ra phố.

- Xem lão già ở trên đó sống ra sao...

- Cho cháu đi với!

- Cháu sẽ chết rét mất thôi. Xem bão tuyết kia kìa!

Rồi bà tôi đi hơn bảy vecxta trên con đường bị ngập giữa những cánh đồng tuyết. Mẹ tôi người vàng bủng, có chửa, co ro trong chiếc khăn san rách màu xám, có tua xung quanh. Tôi căm ghét chiếc khăn đó, nó làm cho thân hình to lớn, cân đối của mẹ tôi xấu xí hẳn đi. Tôi ghét và thường rút đứt những tua ở xung quanh

khăn. Tôi căm ghét cả ngôi nhà, xưởng máy và xóm làng. Mẹ tôi đi một đôi ủng bẹp dúm đó, mỗi khi ho thì cái bụng to phình lại lắc lư trông thật quái gở. Cặp mắt xanh xám của người ánh lên những nét khô khan và giận dữ, và thường hay nhìn trừng trừng vào những bức tường trơ trụi như bị dán chặt vào đó. Đôi khi mẹ tôi nhìn hàng giờ qua cửa sổ ra đường. Đường phố trông giống như một hàm răng, một số răng vì già nua nên đã đen kịt, khắp khểnh; một số đã rụng, và người ta đã vụng về thay vào đó những chiếc răng mới to quá khổ so với hàm.

- Chúng ta ở đây làm gì? - Tôi hỏi.

Mẹ tôi trả lời:

- Ôi, im đi con ạ...

Mẹ tôi ít nói với tôi, mà thường chỉ ra lệnh:

- Đi đi... Đưa đây... Dem lại đây...

Tôi ít khi được ra đường; lần nào về nhà tôi cũng bị brou đầu sút trán vì bị tụi trẻ con đánh. Đánh nhau là thú vui duy nhất của tôi. Cho nên tôi đánh nhau rất say mê. Mẹ tôi lấy thất lưng quát tôi, nhưng sự trừng phạt chỉ kích thích tôi thêm và lần sau tôi càng đánh nhau với tụi trẻ con một cách điên cuồng hơn, và mẹ tôi cũng lại trừng phạt tôi nghiêm khắc hơn.

Một lần tôi cáo trước cho mẹ tôi biết rằng nếu mẹ tôi không thôi đánh tôi thì tôi sẽ cắn tay mẹ tôi, rồi chạy ra đồng và ở lì đến chết còng ở đó. Mẹ tôi sững sốt đẩy tôi ra, rồi đi đi lại lại trong phòng và vừa thở với vẻ mệt nhọc vừa nói:

- Đồ bất trị!

Chiếc cầu vòng sinh động, lung linh của những tình cảm mà người ta gọi là lòng thương yêu đã phai nhạt đi trong tâm hồn tôi và càng ngày càng hay bùng lên những ngọn lửa xanh đầy thán khí - ngọn lửa tức giận đối với tất cả mọi thứ; nổi bất bình nặng nề, cảm giác sống cô độc trong cái thế giới vô nghĩa, một màu xám xịt và điều tàn này, cứ âm ỉ trong trái tim tôi. Bố dượng tôi rất nghiêm khắc đối với tôi và ít khi nói chuyện với mẹ tôi. Suốt ngày ông ta chỉ huýt sáo miệng, ho và sau bữa trưa thì đứng trước gương lấy tăm xỉa những chiếc răng khắp khểnh rất cẩn thận và rất lâu. Càng ngày bố dượng tôi càng hay cãi nhau với mẹ tôi, gọi mẹ tôi bằng "cô" một cách giận dữ. Lối xưng hô đó làm cho tôi tức giận ghê gớm. Những lúc cãi nhau bao giờ bố dượng tôi cũng đóng

chặt cửa thông vào bếp, có lẽ ông ta không muốn cho tôi nghe thấy lời nói của mình, tuy vậy tôi vẫn lắng nghe được cái giọng trầm trầm, khàn khàn của ông ta. Một lần ông ta giậm chân và hét:

- Chỉ vì cái bụng chướng mắt của cô mà tôi không thể mời ai đến chơi được, thật là giống bò cái!

Tôi sửng sốt và tức giận như điên dại đến nỗi tôi nhảy bắn lên ở trên lò sưởi, đập cả đầu vào trần nhà và cắn vào lưới đến chảy cả máu. Cứ đến thứ bảy là có hàng chục người đem phiếu thực phẩm đến bán cho bố dượng tôi. Người ta đã trả công cho họ bằng phiếu thay cho tiền mặt, và họ sẽ dùng phiếu để mua thực phẩm ở cửa hàng nhà máy. Bố dượng tôi mua lại những phiếu đó chỉ bằng nửa tiền. Ông ta tiếp họ ở trong bếp; ngồi sau một chiếc bàn, vẻ mặt quan trọng và cau có, ông ta cầm phiếu và nói:

- Một rúp rưỡi.

- Epgêni Vaxiliep, ông hãy nể Chúa một chút...

- Một rúp rưỡi.

Cuộc sống vô nghĩa, tối tăm đó kéo dài không lâu. Trước khi mẹ tôi ở cũ, tôi được đưa tới chỗ ông tôi. Lúc này ông tôi đã về ở Kunavinô, ông ở trong một căn phòng chật hẹp có lò sưởi Nga và hai cửa sổ trông ra sân trong một ngôi nhà hai tầng ở phố Pêxtanaia. Phố này chạy dưới chân một quả đồi xuống đến hàng rào khu nghĩa địa của nhà thờ Đức Bà Đồng trinh.

- Sao? - ông tôi hỏi khi thấy tôi và cất tiếng cười the thé.

- Ngày xưa người ta nói: "Không có người nào đáng yêu hơn mẹ đẻ", còn bây giờ có lẽ chúng ta phải nói: "Không phải mẹ đẻ, mà chính là ông ngoại quái quỷ này!" ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là...

Tôi chưa kịp quen với chỗ ở mới thì bà và mẹ tôi với em bé tôi tới. Bố dượng tôi bị đuổi khỏi nhà máy vì tội bòn mót của anh em thợ, nhưng ông ta chạy chọt và được tuyển ngay vào làm chân bán vé tại nhà ga. Sau những ngày không có việc gì xảy ra, tôi lại được đưa về ở với mẹ tôi trong tầng hầm một ngôi nhà đá. Lập tức mẹ tôi tống tôi đến trường. Nhưng ngay từ ngày đầu tiên trường học đã làm tôi chán ghét. Tôi đến trường với đôi giày của mẹ tôi, mặc chiếc áo bành tô nhỏ, nguyên là áo của bà tôi chữa lại, một chiếc sơ-mi màu vàng và một cái quần dài bỏ ống ra ngoài ủng. Cách ăn mặc lố lăng đó lập tức bị đem ra chế giễu. Vì chiếc áo sơ-mi màu

vàng mà tôi bị gọi là "thằng tù". Với tội trẻ con tôi đã hòa hợp được nhanh chóng, nhưng thầy giáo và ông giáo sĩ thì vẫn ghét tôi. Thầy giáo tôi có nước da vàng bủng, đầu hói, thường xuyên chảy máu cam, với hai lỗ mũi nhét đầy bông, ông ta bước vào lớp, ngồi vào bàn và hỏi bài bằng giọng mũi. Đang nói nửa chừng ông ta bỗng im bật, rút bông ở lỗ mũi ra, ngấm nghía rồi lắc đầu. Mặt ông ta trông nhẵn lì, nước da như màu đồng gỉ; giữa những nếp nhăn có những vết xanh xanh, nhất là cặp mắt màu thiếc hoàn toàn thừa trên bộ mặt đó lại càng làm cho nó thêm xấu xí. Hai con mắt ấy dính chặt vào mặt tôi rất khó chịu khiến tôi luôn luôn muốn đưa bàn tay lên lau má. Mấy hôm đầu tôi ngồi ở dãy bàn trên cùng, ngay bàn đầu, gần sát với thầy giáo. Ngồi ở đây thật khó. Những người tù bị khâu vào lưng áo một miếng vải hình vuông đỏ hoặc vàng. Tôi có cảm giác như ông ta không nhìn thấy ai hết, ngoài tôi ra. Suốt buổi ông ta nói bằng giọng mũi:

- Pêxkôp, thay áo sơ-mi đi! Pêxkôp, đừng động dậy chân! Pêxkôp, nước ở giày lại chảy ra thành vũng rồi!

Tôi trả thù ông ta bằng những trò nghịch ngợm quỷ quái. Một lần tôi kiếm được nửa quả dưa hấu ướp lạnh. Tôi đem khoét ruột ra và lấy một sợi chỉ buộc nó vào chiếc ròng rọc ở cửa ra vào chỗ phòng ngoài tranh tối tranh sáng. Khi mở cửa thì quả dưa chạy lên trên, và khi thầy giáo khép cửa lại thì quả dưa chụp vào cái đầu hói của thầy y như một cái mũ vậy. Người gác trường dẫn tôi về nhà cùng với lá thư của thầy giáo, và vì trò nghịch ngợm đó tôi đã bị một trận đòn nên thân. Một lần khác tôi rắc loại thuốc lá dùng để hít vào ngăn bàn thầy. Thầy bị hắt hơi đến nỗi phải bỏ lớp về và cử anh con rể đến dạy thay. Người con rể đó là một sĩ quan, y bắt cả lớp hát bài "Chúa hãy cứu giúp Nga hoàng" và bài "ôi, tự do, tự do của ta". Những ai hát không đúng bị y lấy thước kẻ gõ vào đầu. Y gõ rất kêu, nhưng không đau. Và làm cho cả lớp cười rộ lên. Thầy giáo dạy giáo lý - một giáo sĩ trẻ và đẹp trai có bộ tóc rất đẹp - rất ghét tôi vì tôi không có cuốn "Thánh sử của Cựu ước và Tân ước thư" và vì tôi hay nhại lại lối nói của ông ta. Vào lớp, việc đầu tiên là ông ta hỏi tôi:

- Pêxkôp, có đem sách đi không? Đúng. Có đem sách không?

Tôi trả lời:

- Không ạ, con không đem. Đúng.

- Đúng cái gì?

- Không đem ạ.

- Thế thì đi về ngay! Đúng, đi về. Vì tao không có ý định dạy mày. Đúng, tao không định dạy đâu.

Điều đó không làm cho tôi buồn lắm. Tôi bỏ ra ngoài và đi tha thẩn trên những con đường bẩn thỉu ở trong xóm cho đến hết giờ học, vừa đi vừa để ý quan sát cuộc sống ồn ào của nó. Viên giáo sĩ có khuôn mặt sùng kính của Chúa Giê-su, cặp mắt dịu dàng như mắt phụ nữ và hai bàn tay nhỏ nhắn cũng dịu dàng đối với tất cả những gì được mó tới. Từ quyển sách, đến cái thước, cái quản bút - ông ta đều nhắc lên một cách thận trọng lạ thường, dường như đó là một sinh vật hay vật rất dễ vỡ, ông ta yêu mến mọi vật lắm, chỉ sợ cầm không khéo thì hỏng mất. Đối với trẻ con ông ta không âu yếm như vậy, song chúng vẫn mến ông ta. Mặc dầu tôi học cũng tạm được, Nhưng chẳng bao lâu tôi được cáo rằng tôi bị đuổi ra khỏi trường Quốc ca của nước Nga thời Nga hoàng. vì hạnh kiểm xấu. Tôi chán nản vô cùng, vì chuyện này có thể đem lại cho tôi những rầy rà lớn: mẹ tôi càng đâm ra bản tính, và càng hay đánh đập tôi hơn. Nhưng thật là may mắn cho tôi: giám mục Crixanthơ đột nhiên tới trường. Ông ta trông giống như một thầy phù thủy, và tôi còn nhớ là ông ta gù lưng. Ông ta người nhỏ bé, mặc một chiếc áo đen rộng, đầu đội mũ nom rất buồn cười. Khi ông ngồi vào bàn, thò hai tay từ trong tay áo ra và nói: "Nào, các con chúng ta hãy nói chuyện với nhau!", không khí lớp học lập tức trở nên ấm cúng, vui vẻ, gây nên một cảm giác dễ chịu khác thường. Sau nhiều người, đến tôi được gọi lên bàn ông. Ông hỏi bằng giọng nghiêm trang:

- Con lên mấy?... Thế thôi à? Sao cao ghê thế, anh bạn? Con hay dầm mưa lắm phải không?

Ông ta đặt bàn tay khô khảnh với những móng tay dài và nhọn lên bàn, mấy ngón tay nắm lấy chòm râu lơ thơ. Ông nhìn chăm chăm vào mặt tôi bằng cặp mắt dịu hiền và nói:

- Nào, con hãy nói cho ta nghe, trong Thánh sử con thích chuyện gì nào?

Khi tôi nói rằng tôi không có sách và tôi không học Thánh sử, ông ta đưa tay sửa lại mũ và hỏi:

- Thế là thế nào? Cần phải học chứ? Có thể là con biết hoặc đã nghe kể về Thánh sử chẳng? Con biết Thánh thi à? Giỏi! Cả

Kinh thánh nữa chứ? Đó, thấy không? Biết cả sự tích các thánh nữa à? Bằng thơ à? Con giỏi lắm! Ông giáo sĩ của chúng tôi bước vào, mặt mũi đỏ bừng, thở hổn hển. Giám mục ban phúc cho ông ta, nhưng khi ông ta bắt đầu nói đến tôi thì giám mục nói và giơ tay lên:

- Xin phép một chút... Nào, con hãy kể về Thánh Alêcxây, người của Chúa xem nào...

- Những câu thơ rất hay, phải không anh bạn? - ông nói khi tôi quên một câu nào đó và ngừng lại.

- Còn bài nào nữa không? ... Về vua Đavit à? Ta rất vui lòng nghe! Tôi nhận thấy ông ta quả có lắng nghe và thích bài thơ lắm. Ông hỏi tôi rất lâu, rồi bỗng ông ngắt lời tôi rất nhanh và hỏi:

- Con đọc theo Thánh thi à? Ai dạy? Chắc ông con hiền lắm phải không? á à? Chẳng có lẽ! Thế con có nghịch ngợm lắm không?

Tôi lúng túng, nhưng rồi trả lời:

- Có ạ.

Thầy giáo và ông giáo sĩ xác nhận lời thú nhận của tôi bằng những câu nói dài dòng. Giám mục ngồi nghe, mắt nhìn xuống đất, rồi thở dài và nói:

- Mọi người nói về con những gì con đã nghe thấy chưa? Nào, lại đây!

Ông đặt tay lên đầu tôi, bàn tay phẳng phất mùi gỗ trắc cá, và hỏi tôi:

- Tại sao con lại nghịch như vậy?

- Học chán lắm ạ.

- Chán à? Không đúng thế đâu, anh bạn ạ. Nếu con chán học thì con học phải kém chứ, đằng này các thầy giáo đều nói là con học khá cơ mà! Thế thì ắt phải có nguyên nhân gì khác đấy thôi.

Ông rút trong ngực áo ra một cuốn sổ nhỏ và ghi:

- Pêskôp, Alêcxây. Được rồi! Dù sao cũng phải cố dần lòng mới được, anh bạn ạ, và đừng có nghịch ngợm quá! Nghịch một chút thôi thì được, còn nếu nghịch quá thì sẽ làm cho thiên hạ bực mình! Ta nói có phải không, các con?

Nhiều giọng nói vui vẻ đáp lại:

- Vâng ạ.

- Cả các con cũng không nghịch ngợm quá phải không?

Đám trẻ con mỉm cười ranh mãnh, trả lời:

- Có chứ! Cũng nghịch lắm ạ! Nghịch lắm ạ!

Giám mục ngả người lên thành ghế, ghì chặt lấy tôi và nói một cách hết sức lạ thường đến nỗi tất cả mọi người - ngay cả thầy giáo và ông giáo sĩ - đều phải bật cười:

- Thế đấy, các chú em của ta ạ, vào tuổi các em ta cũng là một ông tướng nghịch đấy! Vì sao thế nhỉ, các em?

Bọn trẻ con cười, ông ta hỏi han chúng, khéo làm cho cả lớp rối trí, khiến chúng phải tranh cãi với nhau. Không khí mỗi lúc một vui vẻ thêm. Cuối cùng ông đứng dậy và nói:

- Ở đây với các con rất thích, các chú bé nghịch ngợm ạ, nhưng đến lúc ta phải đi rồi!

Ông giơ tay lên, vén tay áo, khoát tay làm dấu cho tất cả mọi người và chúc:

- Nhân danh Cha và Con và Thánh thần, chúc cho các con làm được những việc tốt lành! Thôi chào các con!

Tất cả bọn trẻ con đều kêu lên:

- Tạm biệt Đức Cha! Xin mời Đức Cha trở lại đây lần nữa.

Giám mục gật đầu, nói:

- Ta sẽ trở lại! Sẽ trở lại! Ta sẽ đem sách đến cho các con!

Vừa nhẹ nhàng rời lớp học, ông vừa bảo thầy giáo:

- Thầy cho các em về đi!

Ông nắm tay tôi dắt ra phòng ngoài. Ra đến nơi, ông cúi xuống bên tôi và nói khe khẽ:

- Con phải tự kiềm chế mình nhé, được không? Ta hiểu vì sao con nghịch ngợm rồi! Thôi, tạm biệt anh bạn nhỏ của ta!

Tôi hết sức xúc động, một cảm giác đặc biệt rạo rực trong lòng tôi. Sau khi cho lớp học giải tán, thầy giáo giữ tôi ở lại và bảo tôi rằng từ giờ tôi phải ngoan ngoãn hơn, tôi cũng lắng nghe một

cách chăm chú và tự nguyện. Ông giáo sĩ vừa khoác áo lông vào người, vừa nói bằng giọng dịu dàng:

- Từ nay mày phải đến học các giờ của tao! Đúng. Phải đến. Nhưng phải ngồi cho nghiêm chỉnh! Đúng. Phải ngồi cho nghiêm chỉnh.

Công việc của tôi ở trường tạm ổn thì ở nhà lại xảy ra một chuyện không hay: tôi ăn cắp của mẹ tôi một rúp. Việc này tôi không có chủ ý trước. Một hôm vào buổi tối mẹ tôi đi đâu không rõ, để tôi ở nhà trông em. Ngồi buồn, tôi giở một quyển sách của bố dựng ra xem - cuốn "Bút ký của người thầy thuốc" của Đuáma-Bố, và giữa các trang sách tôi nhìn thấy hai tờ giấy bạc: một tờ mười rúp và một tờ một rúp. Cuốn sách tôi đọc không hiểu, tôi bèn gấp lại. Bỗng tôi hình dung ra rằng với một rúp không những tôi có thể mua được quyển "Thánh sử", mà có lẽ còn mua được cả cuốn "Rôbinxon". Tôi biết đến cuốn sách này trước đó không lâu, trong một buổi học ở trường. Vào một ngày giá rét, trong lúc ra chơi, tôi kể cho bọn trẻ con nghe một truyện cổ tích. Bỗng một đứa trong bọn chúng nhận xét có vẻ khinh miệt:

- Truyện cổ tích chỉ là chuyện nhảm nhí thôi. "Rôbinxon" mới thực là truyện!

Có mấy đứa nữa cũng đã đọc "Rôbinxon" rồi, tất cả đều khen cuốn sách đó. Tôi cảm thấy bức mình vì chúng không thích truyện cổ tích của bà tôi. Tôi bèn định bụng đọc "Rôbinxon" cho bằng được để rồi cũng sẽ bảo cuốn sách đó là chuyện nhảm nhí! Ngày hôm sau tôi mang tới trường cuốn "Thánh sử" và hai tập truyện cổ tích đã nhàu nát của Andecxen, ba fun bánh mì trắng và một fun xúc-xích. Trong một cửa hàng nhỏ, tôi om ở cạnh hàng rào nhà thờ Thánh Vlađimia có bán cả "Rôbinxon" - một cuốn sách mỏng, bìa vàng, trên trang đầu vẽ một người râu ria xồm xoàm, đầu đội chiếc mũ lông hình chóp, trên vai khoác tấm da thú. Bức tranh đó tôi không thích; còn các truyện cổ tích thì bề ngoài trông cũng đã đáng yêu rồi, mặc dầu nhàu nát. Trong giờ nghỉ giữa buổi, tôi đem phân chia cho bọn trẻ con bánh mì và xúc-xích, rồi chúng tôi bắt đầu đọc truyện cổ tích kỳ lạ "Chim họa mi". Truyện này ngay lập tức đã làm cho chúng tôi háo hức. "ở Trung Quốc mọi người dân đều là người Trung Quốc, cả vua cũng là người Trung Quốc"

- Tôi còn nhớ câu này đã làm cho tôi ngạc nhiên một cách dễ chịu như thế nào bởi tính cách giản dị của nó, bởi nhạc điệu như

mỉm cười vui vẻ và một cái gì đó nữa đẹp để lạ thường. Tôi không đọc được hết "Chim họa mi" ở trường vì không đủ thì giờ. Khi tôi về đến nhà thì mẹ tôi đang đứng bên bếp lò tráng trứng, tay cầm một chiếc chảo nhỏ. Mẹ tôi hỏi tôi bằng giọng rất lạ, gần như hết hơi:

- Mày lấy một rúp của tao phải không?

- Phải, con lấy mua sách đấy. Đây, sách đây...

Mẹ tôi cầm chảo nện luôn cho tôi một cái rất đau, còn mấy cuốn sách của Andecxen thì mẹ tôi lấy và giấu biệt đi đâu mất, điều này còn làm tôi xót xa hơn cả bị đòn. Mấy ngày liền tôi không tới trường. Trong thời gian đó hẳn là bố dượng tôi đã đem kể lại cái "thành tích" của tôi cho những người đồng sự nghe, và những người này lại kể cho con cái họ. Một đứa trong số đó đem chuyện này tới trường, và đến khi tôi đi học liền được đón tiếp bằng một cái tên mới: "Thằng ăn cắp". Cái tên thật giản dị và rõ ràng nhưng không đúng, vì tôi có giấu việc tôi lấy đồng rúp đâu. Tôi muốn giải thích điều đó, nhưng người ta không tin tôi. Tôi bèn về nhà và bảo với mẹ tôi rằng tôi sẽ không đi học nữa. Mẹ tôi ngồi bên cửa sổ; lúc đó mẹ tôi lại đang có mang, nước da xám ngoét, cặp mắt trông đờ đẫn và khổ não. Mẹ tôi đang cho Xasa bú, mẹ nhìn tôi, mồm há ra như cá.

- Mày nói láo, - mẹ tôi nói khẽ, - không ai có thể biết chuyện mày lấy đồng rúp cả.

- Mẹ cứ đi mà hỏi xem.

- Chính mày ba hoa thì có. Nào, nói đi, có phải chính mày đã ba hoa không? Liệu đấy, mai tao sẽ tìm cho ra đứa nào đem chuyện đó đến trường!

Tôi nói tên một đứa học sinh. Mặt mẹ tôi nhăn lại vẻ đau đớn và thốn thức khóc. Tôi bỏ xuống bếp, lên giường nằm. Chiếc giường của tôi là những chiếc hòm kê ở đằng sau lò sưởi. Tôi nằm và nghe tiếng nước nở khe khẽ của mẹ tôi ở trong phòng:

- Trời ơi! Trời ơi!...

Không sao chịu nổi cái mùi kinh tởm bốc ra từ những mớ giẻ rách dính mỡ bị đốt, tôi trở dậy và đi ra sân, nhưng mẹ tôi gọi lại:

- Mày đi đâu thế? Đi đâu? Lại đây tao bảo!...

Chúng tôi ngồi trên sàn nhà. Xasa nằm trong lòng mẹ tôi, nó nắm lấy những chiếc khuya trên áo dài của mẹ tôi, cúi xuống và nói:

- Huy, - ý nó muốn nói: khuya.

Tôi ngồi sát bên sườn mẹ tôi. Mẹ tôi ôm lấy tôi và nói:

- Chúng ta nghèo. Đối với chúng ta mỗi kôpêch, mỗi kôpêch...

Mẹ tôi vẫn không nói hết một điều gì đó, người ghì chặt tôi trong cánh tay nóng hổi.

- Đồ vô lại... Đồ vô lại!

Mẹ tôi bỗng nhiên thốt ra những tiếng mà có lần tôi đã nghe thấy mẹ tôi nói. Xasa nhắc lại:

- Vô nại!

Xasa là một thằng bé kỳ lạ: vụng về, đầu to, nó nhìn tất cả mọi vật xung quanh bằng cặp mắt xanh rất đẹp, miệng khê mỉm cười và hình như đang chờ đợi một cái gì. Nó biết nói sớm một cách lạ thường, không bao giờ khóc, luôn luôn sống trong trạng thái vui vẻ bình thản. Nó rất yếu ớt, chỉ bò được đôi chút và rất vui mừng mỗi khi nhìn thấy tôi. Nó hay đòi tôi bế và thích mân mê tai tôi bằng những ngón tay mềm mại nhỏ xíu mà không hiểu sao lại phảng phất mùi hoa violet. Nó chết đột ngột, không ốm đau gì cả. Buổi sáng nó còn vui vẻ, yên lành như mọi ngày, nhưng đến lúc lễ tối, nó đã nằm ở trên bàn rồi. Việc này xảy ra ít lâu sau ngày sinh đứa em thứ hai Nikôlai. Mẹ tôi làm đúng như đã hứa; sinh hoạt của tôi ở trường lại trở lại bình thường. Nhưng rồi tôi lại bị quảng đến ở với ông tôi. Một hôm trong bữa trà tối, lúc ở sân đi vào bếp, tôi bỗng nghe thấy tiếng mẹ tôi kêu não nuột:

- Epgêni, tôi xin anh, tôi xin anh...

- Ngu vừa vừa chứ!

Bố dượng tôi nói.

- Thì tôi biết là anh đến với cô ta mà lại!

- Thì sao?

Trong mấy giây cả hai đều im lặng. Cuối cùng mẹ tôi vừa ho sù sù vừa nói:

- Anh thật là một tên vô lại độc ác!...

Tôi nghe thấy tiếng bố dượng đánh mẹ tôi, tôi liền chạy bỏ vào phòng thì thấy mẹ tôi ngã khụy xuống đất, lưng và khuỷu tay dựa vào ghế, ngực ưỡn ra, đầu ngửa lên, thở khò khè, hai mắt long lanh trông thật đáng sợ, còn bố dượng tôi thì ăn mặc sạch sẽ trong bộ lễ phục mới, đang giơ cái cẳng dài ngoẵng ra đập vào giữa ngực mẹ tôi. Tôi vớ lấy con dao có chuôi bằng xương mạ bạc dùng để cắt bánh mì ở trên bàn - vật duy nhất mẹ tôi còn giữ được sau khi bố tôi chết - và lấy hết sức đâm vào sườn bố dượng tôi. May quá, mẹ tôi đã kịp đẩy Macximôp sang bên. Con dao suýt qua sườn làm toạc mất một mảng lớn trên bộ lễ phục và chỉ làm sây da thôi. Bố dượng tôi kêu "ôi", bỏ chạy ra khỏi phòng, tay ôm lấy sườn, còn mẹ tôi thì vô lấy tôi, nhấc lên và ném tôi xuống sàn nhà cùng với một tiếng rú. Bố dượng tôi từ ngoài sân trở vào, giằng lấy tôi. Tuy thế, bố dượng tôi vẫn cứ đi đến khuya, khi bố dượng tôi đã đi khỏi, mẹ tôi leo lên lò sưởi với tôi. Người khê ôm lấy tôi, hôn tôi và khóc:

- Con tha thứ cho mẹ, mẹ có lỗi với con! Ôi, con yêu quý, sao con lại có thể làm như thế được. Dùng đến cả dao ư?

Với một thái độ hết sức chân thành và hiểu rất rõ những điều mình nói, tôi bảo mẹ tôi rằng rồi sẽ đâm chết bố dượng rồi cắt cổ tự tử luôn. Tôi nghĩ rằng tôi có thể làm như thế lắm, hoặc dù sao tôi cũng thử làm. Mãi đến nay tôi vẫn còn nhìn thấy cái chân dài ngoẵng đáng nguyên rủa đó với cái nẹp sắc sỡ chạy dọc theo ống quần. Tôi nhìn thấy nó vung lên trong không khí và phóng mũi giày vào ngực mẹ tôi. Hồi tưởng lại những chuyện ghê tởm nặng nề này trong cuộc sống man rợ của người Nga, nhiều lúc tôi tự hỏi: có nên nhắc lại hay không? Và mỗi lần, với lòng tin tưởng mới, tôi lại tự trả lời: phải nhắc lại, bởi vì đó là một sự thật dai dẳng, đáng phỉ nhổ, mãi đến nay vẫn chưa bị thủ tiêu. Đó là một sự thật cần phải biết rõ đến tận gốc để nhổ bật gốc rễ nó ra khỏi trí nhớ, khỏi tâm hồn con người, khỏi toàn bộ cuộc sống của chúng ta, một cuộc sống nặng nề và nhục nhã biết bao. Và có một nguyên nhân khác khẩn thiết hơn đã bắt buộc tôi phải mô tả những sự việc ghê tởm đó. Mặc dầu chúng đáng ghét, thậm chí chúng còn đè nặng lên tâm hồn chúng ta và bóp chết nhiều tâm hồn đẹp đẽ, người Nga vẫn còn có một tâm hồn lành mạnh, trẻ trung đủ để đấu tranh và khắc phục chúng. Cuộc sống của chúng ta kỳ lạ không những vì nó còn chứa đựng một lớp bùn lầy với đủ mọi thứ rác rưởi có khả năng sinh sôi nảy nở và nhầy nhụa đến thế, mà vì nó còn chứa đựng những mầm móng tươi sáng, lành mạnh, đầy

sức sáng tạo, không ngừng xuyên qua lớp bùn ấy để vươn lên một cách đặc thắng - những mầm mống tốt lành, nhân đạo vẫn tiếp tục vươn lên, khơi lên niềm há vọng bất diệt vào khả năng tạo ra một cuộc sống tươi sáng hơn và nhân đạo hơn.

XIII

Tôi lại đến ở với ông tôi.

- Sao thế, thằng tướng cướp? - ông tôi kêu lên và đập tay xuống bàn khi thấy tôi.

- Bây giờ tao không nuôi mày nữa, mặc cho bà mày nuôi!

- Được, tôi sẽ nuôi, - bà tôi nói, - ông tưởng việc đó khó lắm đấy!

- Đấy thì bà nuôi! - ông tôi nói to, nhưng lại dịu đi ngay khi cắt nghĩa cho tôi:

- Tao và bà mày đã dứt khoát ở riêng rồi, bây giờ mọi thứ của ông bà đều riêng biệt.

Bà tôi ngồi gần cửa sổ làm đăng-ten nhanh thoăn thoắt, đôi kim đung vào nhau kêu leng keng nghe rất vui tai, chiếc gối cắm đầy kim găm bằng đồng lấp lánh dưới ánh mặt trời mùa xuân nom như một con chim bằng vàng. Bà tôi cũng giống như một pho tượng đồng vậy, không thay đổi gì cả! Còn ông tôi thì càng ngày càng quắt lại, có nhiều nếp nhăn hơn, mái tóc hung đã chuyển thành xám, phong thái trang trọng được thay thế bằng những cử chỉ hấp tấp nóng nảy, cặp mắt xanh nhìn đầy vẻ nghi kỵ. Bà tôi cười và kể cho tôi nghe câu chuyện chia gia tài giữa hai ông bà: ông chia cho bà tất cả chai lọ, nồi niêu, bát đĩa và bảo:

- Đấy là những thứ của bà, ngoài ra đừng có xin xỏ gì tôi nữa!

Sau đó ông tôi tước hết mọi đồ đạc, quần áo cũ, áo choàng bằng lông cáo của bà tôi và đem bán được bảy trăm rúp, rồi đem số tiền ấy cho đứa con đỡ đầu của ông - một người Do Thái buôn bán hoa quả - vay lấy lãi. Ông tôi trở nên keo kiệt vô độ và không còn biết hổ thẹn là gì nữa: ông tôi đến nhà những người quen biết cũ - những người trước đây cùng ở trong phường thợ với mình - đến nhà những phú thương, than thở rằng mình đã bị phá sản vì con cái và xin họ tiền tiêu cho đỡ túng. Ông tôi lợi dụng lòng quý trọng của mọi người. Người ta biếu ông tôi những món tiền lớn. Về nhà

ông thường vung vẩy những tờ giấy bạc ngay trước mũi bà tôi, và khoe khoang, trêu chọc bà tôi như một đứa trẻ con.

- Thấy chưa, mù ngọc! Bà thì một phần trăm số tiền này người ta cũng chẳng thí cho đâu!

Ông tôi đem số tiền thu nhập được cho hai anh em một nhà buôn vay lãi: ông anh là một người bạn mới của ông tôi - một người làm nghề thuộc lông thú, cao lêu nghêu, đầu hói, biệt hiệu trong làng là Kholux, bà em là một mù bán hàng béo ụt ịt, má đỏ, mắt màu nâu sẫm, làm lưng thì uể oải, nhưng mồm mép lại ngọt như mật. Tất cả mọi thứ trong nhà đều chia hẳn ra: hôm nay bà xuất tiền ra mua thức ăn, hôm sau ông mua và cứ đến lượt ông là bữa ăn kém hơn: bà thường mua thịt ngon, chứ ông thì lần nào cũng chỉ mua lòng, gan, phổi, dạ dày. Trà và đường thì của ai người ấy dùng, nhưng trà thì thường pha chung vào một ấm. Ông thường lo lắng hỏi:

- Khoan, gượng hăng, bà cho bao nhiêu trà rồi?

Ông tôi dốc búp trà vào lòng bàn tay và đếm cẩn thận từng búp một, rồi nói:

- Búp trà của bà bé hơn của tôi, búp trà của tôi vừa to hơn vừa được nước hơn, nên tôi phải cho ít hơn.

Ông tôi rất chú ý theo dõi xem bà tôi rót nước trà có đặc như nhau không và có uống nhiều hơn không.

- Uống nốt chứ?

Bà tôi hỏi trước khi rót hết nước trà. Ông tôi nhìn vào ấm và nói:

- Thôi được, rót nốt đi!

Ngay đến dầu thắp đèn trước tượng thánh hai người đã cùng chung lưng đấu cật với nhau hàng nửa thế kỷ nay cũng mua riêng! Tất cả những trò ti tiện đó của ông tôi, tôi thấy vừa lố bịch vừa ghê tởm, nhưng bà tôi thì chỉ thấy buồn cười thôi.

- Thôi, cháu đừng nghĩ nữa! - Bà tôi an ủi tôi.

- Cái đó có gì đáng bận tâm đâu? ông lão già rồi nên đâm ra gàn dở đấy! Ông cháu đã tám chục tuổi đầu rồi, có phải chuyện đùa đâu! Cứ mặc cho ông cháu gàn dở, có hại gì đến ai đâu? Còn bà sẽ kiếm được đủ miếng ăn cho bà và cháu, không sợ cháu ạ!

Tôi cũng bắt đầu kiếm tiền: cứ đến ngày chủ nhật và ngày lễ là tôi dậy sớm, vớ lấy cái bị và đến các sân nhà, các phố để nhặt xương bò, giẻ rách, giấy vụn, đinh. Những người mua đồ cũ thường mua hai mươi kôpêch một pút giẻ rách và giấy vụn, sắt cũng vậy, mười hoặc tám kôpêch một pút xương. Cả những ngày thường, cứ tan học là tôi đi nhặt, thứ bảy nào tôi bán các thứ linh tinh cũng được chừng ba mươi hoặc năm mươi kôpêch, có khi gặp may còn được nhiều hơn nữa. Bà tôi cầm lấy số tiền của tôi, vội vàng nhét vào túi váy rồi vừa nhìn xuống đất vừa khen tôi:

- Cám ơn cháu, cháu ngoan của bà! Cả hai bà cháu mà lại không kiếm nổi miếng ăn hay sao? Có phải là chuyện gì ghê gớm lắm đâu!

Một hôm tôi nhìn trộm thấy bà tôi giữ những đồng năm kôpêch của tôi trong lòng bàn tay, nhìn những đồng tiền ấy và lặng lẽ khóc, một giọt nước mắt đục ngầu đọng trên cái mũi xòm xốp như đá bọt. Có một cách kiếm được nhiều tiền hơn đi nhặt giẻ rách, đó là ăn trộm củi và ván trong những kho gỗ ở trên bờ sông ska hoặc Pêxki - một hòn đảo, nơi người ta thường buôn bán sắt trong những quán gỗ dựng vội trong kỳ hội chợ. Hội chợ xong người ta dỡ các quán đi, còn cột và ván thì xếp thành từng đống, và gần như chúng cứ nằm ở đó - ở Pêxki - mãi cho đến kỳ nước lũ mùa xuân. Những tiểu thị dân có nhà mua mỗi tấm ván tốt là mười kôpêch, một ngày có thể lấy được hai ba tấm. Nhưng chỉ có thể làm ăn được vào những ngày xấu trời, khi bão tuyết hoặc mưa xua đuổi và bắt buộc những người gác đi ẩn náu. Chúng tôi tập hợp được một bọn rất ăn ý với nhau: thằng Xanka Viakhi lên mười tuổi, con trai một mụ ăn mày người Mordvin, một thằng bé rất đáng yêu, tính tình dịu dàng và luôn luôn vui vẻ điềm điềm; thằng Xôxtrôma không cha không mẹ, tóc lúc nào cũng rối bù, người gầy gò xương, mắt đen và to (sau này, năm mười ba tuổi nó đã thất cổ tự tử trong trại giam các trẻ em phạm tội, nó bị đưa vào đây vì ăn cắp một đôi chim bồ câu); thằng bé Khabi người Tacta, một đại lực sĩ mười hai tuổi, tính tình hồn nhiên và tốt bụng; thằng Iaz mũi to bẹt, con một người coi nghĩa địa và đào huyệt, tuổi chừng lên tám, tính tình trầm lặng, bị bệnh động kinh; còn đứa lớn nhất trong bọn chúng tôi là thằng Griska Tsurka, con một bà thợ may góa chồng, nó là một đứa biết suy tính, công bằng và lúc nào cũng sẵn sàng đánh nhau; tất cả đều là trẻ con cùng phố. Ở cái xóm ngoại ô này việc ăn cắp không bị coi là một tội lỗi, mà đã thành tập quán

và hầu như là cách sinh sống duy nhất đối với những người tiểu thị dân sống bữa no bữa đói. Một tháng rưỡi hội chợ không nuôi sống được cả năm, vì vậy có rất nhiều vị chủ nhà danh giá cũng đi kiếm thêm về đàng sông nước. Họ vớt củi và gỗ bị nước lũ cuốn đi, chuyên chở các hàng hóa nhỏ bằng thuyền gỗ, nhưng chủ yếu là ăn cắp ở các sà-lan. Và nói chung là họ thường "xuất quỷ nhập thần" trên sông Vonga và ska, thó tất cả những gì để hớ hênh bữa bãi. Vào các ngày lễ, người lớn thường đem những "thành tích" của mình ra khoe, bọn trẻ nghe được và bắt chước. Đến mùa xuân, vào thời kỳ sôi nổi nhất trước ngày khai mạc hội chợ, cứ tối đến là trên các đường trong xóm đầy những thợ các xưởng máy, những người đánh xe ngựa và đủ loại thợ thuyền say mềm. Bọn trẻ con trong xóm thường đi móc túi họ, đó là một nghề đã được hợp pháp hóa, được chúng làm một cách bạo dạn, ngay trước mắt người lớn. Chúng đánh cắp dụng cụ của thợ mộc, lấy khóa mô-lét của những người đánh xe khách, lấy nồi trọc và những miếng đệm trục xe bằng sắt của những người đánh xe chở hàng. Nhóm chúng tôi không làm những việc như vậy. Một hôm Tsurka tuyên bố dứt khoát:

- Tớ sẽ không ăn cắp đâu, mẹ tớ không muốn thế.

- Còn tớ thì sợ lắm! - Khabi nói.

Kôxtrôma ghét cay ghét đắng những đứa ăn cắp vặt. Hễ nói đến tiếng "thằng ăn cắp" là nó sẵn giọng rất gắt, và khi nhìn thấy những đứa trẻ khác ăn cắp của những người say rượu là nó đuổi đi, còn nếu tóm được đứa nào là nó giã cho nên thân. Thằng bé mắt to, râu rĩ đó cứ tưởng mình là người lớn, nó có một dáng đi đặc biệt, lắc lư đôi vai như phu bốc hàng, nói thì cố bắt chước cho được cái giọng ồm ồm thô lỗ. Lúc nào nó cũng có vẻ như căng thẳng, không tự nhiên làm cho nó trông già đi. Viakhi thì tin chắc rằng ăn cắp là có tội. Nhưng lấy ván và cột ở Pêxki thì không bị coi là ăn cắp, không đứa nào trong bọn chúng tôi sợ việc đó cả, và chúng tôi đã nghĩ ra một loạt cách giúp chúng tôi có thể làm việc đó rất dễ dàng. Buổi tối hoặc hôm nào trời mưa gió, Viakhi và Iaz vượt qua sông, ở quãng rộng nhất, đi trên mặt băng ẩm ướt đã nổi lên. Chúng đi công khai, cố làm cho những người gác chú ý. Còn bốn đứa chúng tôi thì, lần lượt từng đứa một, lén sang bên đó. Trong khi những người gác đang lo ngại vì Iaz và Viakhi, chỉ để ý theo dõi chúng thì chúng tôi tập trung tại một đồng gỗ đã định trước, chọn những tấm sẽ lấy về. Rồi trong lúc hai đứa nhanh chân

đang trêu chọc những người gác, làm cho họ đuổi theo, thì chúng tôi trở về. Mỗi đứa chúng tôi có một sợi dây, đầu buộc một chiếc đinh lớn uốn cong như cái móc. Chúng tôi móc đinh vào những tấm ván hoặc cột gỗ, rồi kéo đi trên tuyết và trên mặt băng. Những người gác hầu như không bao giờ trông thấy chúng tôi, mà có thấy cũng không sao đuổi kịp. Sau khi bán những thứ đã lấy, chúng tôi chia số tiền thu được thành sáu phần. Mỗi đứa được năm kôpêch, đôi khi được đến bảy kôpêch. Với số tiền đó có thể sống một ngày rất no nê, nhưng Viakhi bị mẹ nó đánh, nếu nó không mang về đủ tiền mua cho bà ta một cốc hoặc nửa chai rượu vôtka. Kôxtrôma dành dụm tiền vì nó đang mơ đi đánh chim bồ câu.

Mẹ Tsurka bị ốm, nó ra sức kiếm tiền. Khabi cũng gom góp số tiền, mong quay về cái thành phố quê hương của mình. Bác nó đã đưa nó đến Nijni, và được ít lâu thì bác nó chết đuối. Khabi đã quên mất tên thành phố đó, nó chỉ còn nhớ là thành phố ấy nằm trên bờ sông Kama, gần sông Vonga. Không hiểu tại sao cái thành phố ấy làm cho chúng tôi thấy rất buồn cười và chúng tôi thường trêu chú bé Tacta lác mắt ấy bằng cách hát lên: Có một thành phố Trên sông Kama Ngay đến chúng ta Cũng không ai biết Chân đi biền biệt Tay với không vừa. Tìm đâu cho ra? Tìm đâu cho thấy? Ban đầu Khabi cáu với chúng tôi, nhưng một hôm Viakhi -bằng một giọng gù gù như chim bồ câu, rất đúng với cái biệt danh của nó -bảo Khabi rằng:

- Mà làm sao vậy? Chẳng lẽ đối với bạn bè mà cũng cáu à?

Thằng bé Tacta tỏ vẻ ngượng nghịu, và rồi chính nó cũng hát cái điệp khúc ấy về "thành phố trên sông Kama". Dù sao chúng tôi cũng thích đi nhặt giẻ rách và xương hơn là đi ăn trộm gỗ. Việc này đặc biệt thú vị vào mùa xuân, khi tuyết đã tan hết và sau những trận mưa đã rửa sạch những con đường lát đá ở khu hội chợ hoang vắng. Ở đây, trong khu hội chợ này, lúc nào cũng có thể nhặt được trong các cống rãnh rất nhiều đinh, mảnh sắt vụn. Chúng tôi thường nhặt được cả tiền đồng và tiền bạc. Nhưng để cho những người gác các dây quán khỏi đuổi và khỏi tước mất bị của chúng tôi, chúng tôi hoặc phải biếu họ vài đồng kôpêch, hoặc phải Lạy lục họ rất lâu. Nói chung, chúng tôi kiếm được không phải dễ dàng, nhưng chúng tôi sống với nhau rất thân ái, và mặc dầu thỉnh thoảng có cãi nhau tí chút, nhưng tôi nhớ là không hề có một cuộc đánh nhau nào giữa chúng tôi cả. Người thường đứng ra

hòa giải chúng tôi là Viakhi, nó luôn luôn biết nhằm đúng vào lúc mà nói với chúng tôi những lời đặc biệt đơn giản, làm chúng tôi phải ngạc nhiên và ngượng ngịu. Chính Viakhi cũng ngạc nhiên khi nói những lời đó. Những ngón ngỗ ngược của Iaz không làm cho Viakhi bực mình, cũng chẳng làm nó hoảng, nó coi những lối chơi xấu là không nên có và thường đáp lại một cách bình tĩnh và xác đáng.

- Hừ, làm thế để làm gì cơ chứ? - Nó hỏi và lập tức chúng tôi thấy rõ là đã sai lầm! Viakhi gọi mẹ nó là "bà Mordvin của tao", nhưng cái đó không làm cho chúng tôi buồn cười.

- Hôm qua bà Mordvin của tao về nhà lại say bí tỉ, - nó vui vẻ kể, hai con mắt tròn xoe màu vàng sáng long lanh. - Bà ấy đẩy cửa ra, ngồi xuống ngưỡng cửa và cứ hát lải nhải, y như một con gà mái cục tác!

Thằng Tsurka cái gì cũng muốn biết cặn kẽ, liền hỏi:

- Hát thế nào?

Viakhi đập tay vào đầu gối, và bằng giọng cao vút nó bắt chước hát lại bài hát của mẹ nó: Có tiếng gõ cách cách: Chàng mục đồng dễ thương Gõ gậy vào cửa sổ, Chúng tôi chạy ra đường! Đó là chàng Borika, Chiều chiều thường thổi sáo, Làm cả làng ngẩn ngơ, Hết ồn ào, huyên náo. Nó biết rất nhiều những bài hát ngắn lời cuốn như vậy và hát những bài đó rất hay.

- Ủ, - nó nói tiếp, - thế là bà ta ngủ luôn ngay ở ngưỡng cửa, làm gió lùa vào phòng lạnh quá, tứ rết run lên, suýt nữa thì chết cóng, nhưng lòi bà ta vào thì không đủ sức. Sáng nay tớ mới hỏi mẹ tớ: "Mẹ say gì mà khiếp thế?" Mẹ tớ nói: "Không sao, hãy chịu khó một tí, tao sắp chết rồi!". Tsurka nói với thái độ nghiêm trang:

- Bà ấy sắp chết thật đấy, người sưng phù cả lên rồi.

- Mà có thương không? - Tỏi hỏi.

- Sao lại không? - Viakhi ngạc nhiên đáp lại.

- Mẹ tao đối với tao rất tốt. Và mặc dầu tất cả chúng tôi đều biết rằng người đàn bà Mordvin ấy đánh đập Viakhi như cơm bữa, nhưng chúng tôi vẫn tin rằng bà ta là người tốt. Thậm chí có hôm không kiếm được tiền, Tsurka còn đề nghị:

- Nào, chúng ta hãy góp mỗi đứa một kôpêch để mua rượu cho mẹ Viakhi, kéo mẹ nó lại đánh nó!

Trong bọn có hai đứa biết chữ là Tsurka và tôi. Viakhi rất thèm muốn được như chúng tôi, nó lấy tay giặt cái tai nhọn như tai chuột và nói bằng giọng gù gù:

- Bao giờ tao chôn cất xong bà Mordvin của tao, tao cũng sẽ đến trường, tao sẽ thụp xuống dưới chân thầy giáo để ông ta nhận tao vào học. Học xong, tao sẽ đi làm vườn thuê cho giám mục, không thì sẽ đi làm cho chính Nga hoàng!... Đến mùa xuân thì người đàn bà Mordvin cùng với ông lão vẫn đi quään tiền của để xây nhà thờ, và mang theo cả một chai rượu vôtka nữa, bị đóng củi đồ đề phải. Người ta chở bà ta vào nhà thương. Thằng Tsurka trịnh trọng bảo Viakhi:

- Đến ở với tao, mẹ tao sẽ dạy mày học...

Và chỉ ít lâu sau, Viakhi đã nghiền cổ đọc những tấm biển:

- Cửa hàng "thức" phẩm...

Tsurka chữa lại:

- Cửa hàng "thực" phẩm, đồ ngốc ạ!

- Tớ nhìn thấy, nhưng sao "tữ" nó cứ nhảy lung tung.

- "Chữ" chứ!

- Nó nhảy vì nó sướng khi được người ta đọc đến đấy! Viakhi làm cho tất cả chúng tôi rất buồn cười và ngạc nhiên vì lòng yêu cây cỏ của nó. Xóm nằm rải trên vùng cát nên rất nghèo cây cỏ, chỉ rải rác đây đó, trong các sân nhà, lơ thơ vài ngọn bạch liễu đâm lên lẻ loi, những bụi hương mộc cong queo và chân hàng rào là những bụi cỏ khô xám xám nằm nép mình như sợ sệt. Thảng hoặc có đứa nào trong chúng tôi ngồi lên những bụi cỏ đó, Viakhi liền cầu nhàu bực bội:

- Ô, sao lại làm nát cỏ thế? Ngồi tránh ra chỗ cát kia không được à? Trước mặt nó, bẻ một nhánh bạch liễu, ngắt một cành hoa hương mộc hoặc chặt một cành liễu ở trên bờ sông ska đều thấy ngượng. Nó thường tỏ vẻ ngạc nhiên, nhún vai và dang hai tay ra:

-Sao chúng mày bạ cái gì cũng bẻ thế? Thật là lũ quỷ sứ! Và tất cả đều cảm thấy xấu hổ trước vẻ ngạc nhiên của nó. Cứ đến thứ bảy là chúng tôi lại tổ chức trò vui. Chúng tôi đã chuẩn bị suốt cả tuần bằng cách đi nhặt trên các đường phố những đôi giày gai rách và giấu vào những xó kín. Chiều thứ bảy, khi những tốp phu bốc hàng người Tacta rời bến tàu Xibêri về nhà, chúng tôi liền

chiếm lĩnh trận địa ở một chỗ nào đó trên ngã ba đường và lấy giày gai ném vào họ. Ban đầu họ nổi nóng, họ rượt theo chúng tôi và chửi rủa, nhưng chẳng bao lâu chính họ cũng thích trò chơi này. Họ biết trước những gì đang chờ đợi họ, nên khi xuất trận họ cũng vũ trang bằng vô số giày gai, không những thế họ còn rình xem chúng tôi giấu vũ khí ở đâu và đã nhiều lần lấy trộm của chúng tôi. Chúng tôi phản kháng:

- Không chơi thế!

Khi đó họ bèn đem chia lại cho chúng tôi một nửa số giày gai, và cuộc chiến đấu bắt đầu. Thường thì họ dàn quân ở một chỗ trống, chúng tôi vừa hét vừa chạy xung quanh, lấy giày gai ném vào họ. Họ cũng la hét và cười hô hố mỗi khi có đứa nào trong bọn chúng tôi đang chạy mà ngã chúi đầu xuống cát vì bị giày ném đúng vào chân. Cuộc chơi sôi nổi kéo dài rất lâu, có khi đến tối mịt. Nhân dân kéo ra xem, họ nấp vào các xó và nhìn ra, miệng càu nhàu lấy lệ. Những chiếc giày đầy bụi, xám xịt bay trong không khí như những con quạ, thỉnh thoảng một đứa trong chúng tôi bị ném rất đau, nhưng vẫn thích thú hơn là đau đớn và tức giận. Những người Tacta cũng hăng không kém chúng tôi. Thường cứ đánh nhau xong là chúng tôi cùng đi với họ về acten, họ thường thết chúng tôi món thịt ngựa nấu ngọt và một món canh rau rất lạ miệng. ăn tối xong chúng tôi uống nước trà đặc và ăn bánh ngọt làm bằng bột trộn bơ viên thành những viên nhỏ. Chúng tôi rất mến những con người cao lớn đó, tất cả đều như những nhà đại lực sĩ. Họ có một cái gì rất giống trẻ con, rất dễ hiểu. Điều làm cho tôi hết sức ngạc nhiên là tính tình hồn nhiên, bản chất hiền lành không thay đổi và thái độ đứng đắn, ân cần đối với nhau của họ. Tất cả mọi người trong bọn họ đều hay cười rất say sưa, cười sặc sụa đến chảy nước mắt. Trong bọn họ có một anh người ở Kaximôp, mũi gãy, một mujich có sức mạnh kỳ diệu. Có lần anh ta vác từ dưới sà-lan lên bờ sông rất cao một quả chuông nặng hai mươi bảy put, anh vừa cười vừa la hét om sòm:

- Ha, ha! Lời nói là cỏ rác, là đồng xu sắt mà cũng là bạc vàng đấy nhé!

Có lần anh để Viakhi ngồi lên bàn tay rồi nâng bổng nó lên cao và nói:

- Đó, cậu bé nhà Trời phải sống cao như thế này này!

Vào những hôm mưa gió chúng tôi tụ tập lại nhà Iaz ở nghĩa địa, trong chòi canh của bố nó. Bố nó là một người có bộ xương xộc xệch, hai tay dài, mình mẩy bần thiêu. Trên cái đầu bé tí và bộ mặt đen sạm của bác ta có những đám tóc và lông xám xám. Đầu bác ta nom tựa như một quả ngư bàng khô, còn cái cổ nhỏ và dài thì giống như cái cuống. Bác lim dim cặp mắt vàng ệnh về thích thú và nói lí nhí rất nhanh:

- Ôi, Lạy Chúa đừng làm con mất ngủ!

Chúng tôi mua ba jôlôtnich trà, năm mươi gam đường, một ít bánh mì, và nhất thiết phải có một cốc rượu vôtka cho bố của Iaz. Bằng một giọng nghiêm nghị, Tsurka ra lệnh cho bác ta:

- Lão Mujich vô dụng kia, đi đặt ấm xamôva!

Lão "Mujich" mỉm cười và nhóm cái ấm xamôva bằng sắt tây. Trong lúc đợi nước trà, chúng tôi bàn luận về công việc của mình, bố Iaz thường khuyên chúng tôi những điều chí lý:

- Này, ngày kia nhà Truxôp sẽ làm lễ bốn mươi ngày đấy, có cỗ to lắm, chúng mày đến đấy thì tha hồ mà nhặt xương nhé!

- Xương ở nhà Truxôp đã có mụ bếp nhặt rồi, - thằng Tsurka lộc lõi nói.

Viakhi nhìn qua cửa sổ ra nghĩa địa, mong mỏi:

- Ôi, chúng ta sắp được vào rừng rồi!

Iaz bao giờ cũng lặng thinh, nó ngấm nghĩa tất cả mọi người rất chăm chú bằng cặp mắt buồn bã. Nó im lặng cả khi đưa cho chúng tôi xem những đồ chơi của nó: những người lính bằng gỗ nhặt được ở các hố rác, những con ngựa gầy chân, những mảnh đồng vụn, những chiếc cúc áo. Ông bố Iaz bày lên bàn đủ thứ cốc chén linh tinh và đặt ấm xamôva lên. Kôxtrôma ngồi rót trà ra chén, còn bố Iaz thì sau khi nốc cạn cốc rượu liền leo lên lò sưởi, vươn cái cổ dài ngoẵng từ trên ấy xuống, nhìn chúng tôi bằng cặp mắt cú vọ và càu nhàu:

- Chết mẹ chúng mày đi! Chúng bay có phải trẻ con nữa đâu, hử?

- Hừ, quân ăn cắp, Lạy Chúa đừng làm con mất ngủ!

Viakhi bảo bác ta:

- Chúng cháu không phải là quân ăn cắp một tí nào!

- Chao ôi, thì là lũ ăn cắp vặt vậy...

Khi nào bác ta làm chúng tôi chán ngấy quá Tsurka liền quát bác ta bằng một giọng câu kinh:

- Thôi đi, lão Mujich vô dụng kia!

Tôi, Viakhi và Tsurka rất không muốn nghe bác ta giở giọng kẻ lẻ nhà nào đang có người ốm, trong xóm có ai sắp chết. Bác ta kể lể với vẻ thích thú và nhần tâm. Khi thấy chúng tôi không thích nghe chuyện của bác, bác liền cố ý chọc tức và thách thức chúng tôi:

- Hừ, sợ à, lũ quỷ con? Thì ra thế! Sắp có một lão béo phì chết đấy! Chà, chắc phải lâu lắm mới rửa hết!

Chúng tôi bảo bác im đi, nhưng bác vẫn không chịu thôi:

- Rồi chúng bay cũng sẽ phải chết kia mà, quanh quẩn ở mấy cái hố rác thì chẳng sống lâu đâu!

- Kệ, chết thì chết, - Viakhi nói, - chết lại được làm thiên thần...

- Chúng mày ấy à? - Bố Iaz nín thở vì ngạc nhiên.

- Chúng mày mà đòi làm thiên thần ư? Bác ta cười hô hố và lại kể đủ thứ chuyện ghê tởm về người chết để chọc tức chúng tôi. Nhưng cũng có khi con người ấy bỗng hạ giọng thủ thỉ kể một chuyện lạ lùng:

- Nghe đây, bọn nhãi ranh! Gượm tí nào! Hôm kia người ta chôn một người đàn bà, tao đã hỏi lai lịch mẹ ta, chúng mày ạ! Tao hỏi mẹ ta là ai?

Bác ta rất hay nói đến phụ nữ, và nói rất những chuyện tục tĩu. Nhưng những câu chuyện bác ta kể vẫn chứa đựng một điều gì như thắc mắc, ai oán; bác như muốn mời chúng tôi cùng suy nghĩ với bác, và chúng tôi thường chăm chú nghe chuyện của bác. Bác ta nói không được khéo, không có mạch lạc, lại thường chen vào giữa câu chuyện những câu hỏi, nhưng những câu chuyện của bác thường để lại trong tâm trí mọi người những chi tiết khiến người ta phải băn khoăn:

- Người ta hỏi mẹ: "Ai đốt? "

- "Tôi đốt đấy!"

- Thế là thế nào, mù đàn độn kia? Đêm hôm đó mù có ở nhà đâu, mù nằm ở nhà thương kia mà!"

- "Tôi đốt đấy!" Mù ta nói như thế để làm gì cơ chứ! Ôi, Lạy Chúa đừng làm con mất ngủ!

Bác ta biết rõ lai lịch của hầu hết những người trong xóm mà bác đã chôn trong đồng cát của cái nghĩa địa buồn thảm và trơ trụi ấy. Đường như bác đã mở ra trước chúng tôi những cánh cửa của các ngôi nhà, và chúng tôi bước vào, thấy mọi người sống như thế nào; chúng tôi cảm thấy trong câu chuyện của bác có một cái gì trang nghiêm và quan trọng. Có lẽ bác có thể nói đầu hôm suốt sáng, nhưng cứ đến lúc cửa sổ chòi gác mờ trong ánh nhá nhem là Tsurka lại dịch ghế đứng lên:

- Tôi phải về kéo một mình mẹ tôi sợ. Có cậu nào đi với tôi không?

Cả bọn đều ra về. Iaz tiễn chúng tôi ra tới hàng rào, đóng cổng lại rồi áp bộ mặt đen sạm, xương xẩu vào chấn song cửa và nói bằng giọng khàn khàn:

- Tạm biệt! Chúng tôi cũng kêu to: "Tạm biệt".

Bao giờ chúng tôi cũng thấy không yên lòng khi để nó ở lại trong nghĩa địa. Có lần Xôtrôma ngoái lại nhìn rồi nói:

- Đây, một ngày kia chúng mình ngủ dậy thấy nó chết rồi cũng chưa biết chừng đấy nhé!

- Thằng Iaz sống khổ hơn cả

- Tsurka thường nói như vậy, nhưng Viakhi luôn luôn phản đối:

- Chúng ta chẳng khổ tí nào...

Và theo tôi, thì chúng tôi sống cũng chẳng khổ. Tôi rất thích cái cuộc sống độc lập, tự do ở đầu đường xó chợ này, tôi cũng rất thích những thằng bạn của tôi. Chúng đã gây cho tôi một tình cảm sâu sắc, và bao giờ tôi cũng cảm thấy bứt rứt muốn làm được một điều gì tốt đẹp cho chúng. ở trường, tôi lại gặp phải chuyện bực mình. Bọn học trò thường chế giễu tôi là thằng đi nhật giẻ rách, thằng ăn xin. Có lần, sau một trận cãi nhau, chúng thưa với thầy giáo là người tôi có mùi hố rác và chúng không thể ngồi cạnh tôi được. Tôi còn nhớ lúc ấy tôi đã xót xa như thế nào khi nghe thấy lời thưa đó và sau tôi đã khổ sở ra sao mỗi khi đến trường. Lời

phần nà được bìa ra do ác ý: sáng nào tôi cũng tắm rửa kỹ càng và không bao giờ đến trường trong bộ quần áo vẫn mặc để đi nhặt giẻ rách. Nhưng rồi cuối cùng tôi cũng lên được lớp ba. Tôi được thưởng một cuốn sách Phúc âm, một tập thơ ngụ ngôn của Krulôp đóng bìa cứng và một cuốn sách nhỏ không bìa với cái nhan đề khó hiểu: "Fata

- Morgana"; tôi còn được một cái bằng khen nữa.

Khi tôi đem những phần thưởng đó về nhà, ông tôi rất mừng rỡ và xúc động, tuyên bố rằng tất cả những thứ đó đều phải giữ gìn cẩn thận, và ông tôi sẽ đem cất những cuốn sách vào trong chiếc hòm nhỏ của ông. Bà tôi ốm đã mấy hôm, không có tiền; ông tôi rên rỉ và la hét:

- Bà rượu chè hết cả của cải của tôi, bà bòn rút tôi đến xương tủy! Chao ôi, lũ chúng bay... y... y thật là...

Tôi đem mấy cuốn sách đến cửa hàng bán được năm mươi lăm kôpêch về đưa cho bà tôi, còn cái bằng khen thì tôi bôi nguệch ngoạc và giao luôn cho ông tôi. Ông tôi đem cất thật cẩn thận, vì không giở ra nên ông cũng không trông thấy trò nghịch ngợm của tôi. Sau khi từ giã nhà trường, tôi lại bắt đầu cuộc sống đầu đường xó chợ, mà tôi càng thích thú hơn trước. Giữa mùa xuân, có thể kiếm được nhiều tiền. Cứ đến chủ nhật là bọn chúng tôi từ sáng sớm lại kéo nhau ra cánh đồng, vào rừng thông, và mãi đến tối mịt mới về đến xóm, người mỗi một một cách khoan khoái và lại càng gần bó với nhau hơn. Nhưng cuộc sống đó kéo dài không lâu: bố dượng tôi bị thải và lại biến đi đâu mất. Mẹ tôi cùng với đứa em trai nhỏ của tôi là Nikôlai đến ở với ông tôi, và thế là cái trách nhiệm vú em được đặt lên vai tôi. Bà tôi bỏ ra thành phố và đến ở nhà một thương gia giàu có làm nghề thêu khăn thánh. Người mẹ lạnh lẽ, hốc hác của tôi thường kéo lê đôi chân khó Khăn có thêu hình Chúa Giêsu nằm trong quan tài và nhìn mọi vật bằng cặp mắt đáng sợ, thằng em trai tôi thì bị tạng lao, loét ở mắt cá chân. Nó yếu đến nỗi khóc cũng không ra tiếng, nếu đói thì chỉ rên lạc cả giọng đi, còn nếu no thì thiu thiu ngủ, đang ngủ nó cũng thở dài đến là lạ, lại còn kêu hừ hừ y hết một con mèo con. Ông tôi sờ nắn nó hồi lâu rồi bảo:

- Đúng ra thì phải tắm bổ cho nó một chút, nhưng tao đào đâu ra thức ăn cho cả lũ chúng mày...

Mẹ tôi ngồi trên chiếc giường kê ở góc nhà, thở dài, nói bằng giọng khàn khàn:

- Nó chỉ cần ít thôi...

- Đứa này một ít, đứa kia một ít, cộng lại sẽ thành to.

Ông tôi phẩy tay và bảo tôi:

- Nên cho thằng Nikôlai ra ngoài trời, cho nó ra nắng, chỗ có cát ấy.

Tôi lôi về một bao cát khô và sạch, đổ thành đống ở dưới cửa sổ, chỗ có nhiều nắng, và vui đưa em vào trong cát cho ngập đến cổ như ông tôi bảo. Thằng bé thích ngồi trong cát, nó lim dim ra vẻ thích thú và nhìn tôi bằng cặp mắt khác thường, không có lòng trắng, chỉ thấy hai con ngươi màu xanh nằm giữa những vòng tròn nhỏ màu sáng bao quanh. Ngay từ mấy ngày đầu, tôi đã gần bó với em tôi. Tôi có cảm tưởng rằng nó hiểu hết tất cả những điều tôi suy nghĩ, khi tôi nằm với nó trên đống cát gần cửa sổ; từ trong cửa sổ vắng đến bên tai chúng tôi giọng nói rin rít của ông tôi:

- Chết thì có gì là khó khăn, mà biết sống cho ra sống mới là tài! Mẹ tôi ho từng cơn dài...

Kôlóa rút tay lên, chìa về phía tôi, lúc lắc cái đầu nho nhỏ tóc nâu. Tóc nó thưa, long lanh ánh bạc, bộ mặt nó trông nghiêm nghị như một ông cụ non. Mỗi khi có con gà hay con mèo đến gần chỗ chúng tôi, Kôlóa chăm chú nhìn chúng rất lâu, rồi nhìn tôi và thoáng mỉm cười. Nụ cười đó thường làm tôi bối rối, không hiểu nó có cảm thấy rằng tôi chán giữ nó lắm và chỉ muốn bỏ nó đấy mà chạy ra đường hay không? Sân nhà chúng tôi thật chật hẹp và rác rưởi. Từ cổng đi vào là một dãy nhà kho bé tí, nhà để củi và nhà hầm làm bằng ván chưa lột vỏ; đi một quãng chúng quặt sang bên và trong cùng là nhà tắm. Trên mái chất đầy những mảnh ván thuyền, gỗ củi, gỗ xẻ và những vỏ bào còn tươi. Tất cả đều là những thứ mà những người dân nghèo đã vớt được trên sông ska trong lúc băng tan và trong khi nước to. Khắp sân cũng đầy những đống gỗ linh tinh nom rất bẩn, những đống gỗ ứ nước, bị nắng mưa làm mục nát, tỏa ra mùi gỗ mục. Cạnh nhà là một cái lò sát sinh chuyên giết gia súc nhỏ. Hầu như sáng nào bên đó cũng vang lên tiếng bê rống, tiếng cừu kêu be be. Mùi máu xông lên nồng nặc đến nỗi đôi khi tôi có cảm tưởng rằng nó rung động trong bầu không khí bụi bặm như một cái màng lưới đỏ trong suốt... Cứ nghe

thấy tiếng những con vật rống lên khi bị búa bổ vào khoảng giữa hai sừng là Kôláa lại nheo mắt lại và phồng môi lên, chắc muốn bắt chước tiếng rống, nhưng nó chỉ thổi ra được chút hơi:

- Ph... phù...

Giữa trưa, ông tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ, gọi:

- Ăn trưa!

Ông tôi tự tay bón cho thằng bé, giữ nó trên đầu gối mình, nhai ít khoai, bánh mì rồi lấy ngón tay không không nhét vào cái miệng nhỏ xíu của Kôláa, làm nheo nhoét cả ra cặp môi mỏng và cái cằm nhọn của nó. Mới cho ăn được mấy miếng, ông tôi đã vén áo thằng bé lên, ấn ngón tay vào cái bụng ỏng của nó và nói:

- No rồi chứ? Hay còn muốn ăn nữa?

Từ trong một góc tối om cạnh cửa tiếng mẹ tôi cất lên:

- Bố cũng thấy là nó đang giơ tay về phía miếng bánh đấy thôi!

- Bé dại như nó thì biết gì! Nó làm thế nào biết được là ăn bao nhiêu thì vừa...

Và ông tôi lại nhét vào mồm Kôláa miếng bánh đã nhai... Nhìn cảnh cho ăn đó tôi thấy xấu hổ đến đau xót, tôi cảm thấy ghê tởm và buồn nôn.

- Thôi được rồi! - Cuối cùng ông tôi nói.

- Này, bế nó lại cho mẹ mày!

Tôi đỡ lấy Kôláa, nó rên rĩ và vươn người về phía bàn. Mẹ tôi thở khò khè, ngồi dậy giơ hai cánh tay khô đét chỉ còn da bọc xương ra đón lấy Kôláa. Mẹ tôi nom dài đuồn đuồn và mảnh khảnh như một cây thông chỉ còn trơ lại mấy cái cành đã bị tía hết lá. Không còn nghe thấy tiếng nói sôi nổi của mẹ tôi nữa, suốt ngày mẹ tôi cứ nằm im trong một xó. Mẹ tôi sẽ chết - tôi cảm thấy thế và biết rõ thế. Và chính ông tôi cũng cứ lải nhải luôn mồm về cái chết, nhất là vào buổi chiều, lúc ngoài sân đã tối và mùi gỗ mục ngầy ngậy, nồng nồng như mùi da cừu luôn qua cửa sổ vào trong nhà. Giường ông tôi kê ở góc ngoài, gần ngay dưới các tượng thánh. Ông tôi nằm quay đầu về phía các tượng và chiếc cửa sổ con. Ông tôi lên giường nằm và lầu bàu một lúc lâu trong bóng tối:

- Giờ chết đã điểm rồi đấy. Chúng ta sẽ đứng trước Chúa với mặt mũi như thế nào? Chúng ta sẽ nói gì? Dù sao chúng ta cũng đã lăn lóc suốt cả một đời, đã làm việc nọ việc kia... Thế rồi chúng ta đã đạt được những gì?...

Tôi ngủ ở khoảng giữa lò sưởi và cửa sổ, ngay trên sàn nhà. Chỗ nằm ngắn quá, tôi phải cho chân vào gầm lò, gián đến bò vào chân làm tôi buồn như bị cù. Cái xó bếp này đã đưa đến cho tôi nhiều niềm vui quái ác. Trong lúc làm bếp, ông tôi hay làm đụng đầu chiếc gậy thông lò và gậy kéo nồi vào cửa sổ làm vỡ kính. Thật là buồn cười và kỳ lạ: một người thông minh như ông tôi mà không nghĩ ra cách cưa bớt đầu gậy đi. Có lần không hiểu có cái nồi gì đã sôi quá lâu, ông tôi hấp tấp dùng gậy kéo nồi giật mạnh cái nồi làm bắn tung chiếc thanh ngang trên khung cửa sổ ra cùng với hai miếng kính, còn chiếc nồi trên bếp thì bị lật và vỡ tan. Chuyện rủi đó làm cho ông già đau khổ đến nỗi ông ngồi xếp ngay xuống sàn nhà và khóc:

- Trời ơi là trời ơi...

Ban ngày, lúc ông tôi vắng nhà, tôi lấy con dao cắt bánh mì chặt ngắn bớt chiếc gậy kéo nồi đi độ một phần tư. Nhưng lúc thấy thế, ông tôi liền mắng:

- Thằng quỷ tha ma bắt kia! Phải lấy cái cưa mà cưa. Những cái đầu gậy ấy còn có thể bán cho người ta làm trục lăn được đấy, đồ quỷ sứ!

Ông phẩy tay chạy ra phòng ngoài:

- Mà y nhúng vào làm gì?... - Mẹ tôi nói.

Mẹ tôi chết, vào một ngày chủ nhật tháng tám, khoảng gần trưa. Bố dượng tôi vừa mới trở về sau một chuyến đi và đã lại tìm được việc làm. Bà tôi cùng với Kôlóa đã đến ở với bố dượng tôi trong một căn nhà sạch sẽ ở gần ga, và đang định vài hôm nữa sẽ đưa cả mẹ tôi đến đấy. Vào buổi sáng hôm mẹ tôi mất, mẹ tôi nói với tôi bằng một giọng khe khẽ, nhưng rõ ràng và nhẹ nhàng hơn thường lệ:

- Con đến tìm Epgêni Vaxiliêvita, bảo rằng mẹ mời bố lại ngay!

Mẹ tôi nhồm dậy, chống tay vào tường và ngồi lên, nói thêm:

- Chạy nhanh lên!

Tôi cảm thấy hình như mẹ tôi mỉm cười, và có một cái gì mới mẻ ánh lên trong cặp mắt của người. Bố dượng tôi còn đang làm lễ ở nhà thờ, bà tôi bèn sai tôi đi mua thuốc lá của người đàn bà Do Thái làm nghề gác chắn xe lửa. Thuốc lá thái sẵn không có, tôi phải đợi bà ta thái xong mới có thuốc đem về cho bà tôi. Khi tôi về đến nhà ông tôi thì mẹ tôi đang ngồi ở bàn mặc chiếc áo dài tím sạch sẽ, tóc chải gọn gàng, vẻ đoan trang như trước đây.

- Mẹ đỡ rồi à?

Tôi hỏi, không hiểu tại sao cảm thấy sờ sờ. Mẹ tôi quắc mắt nhìn tôi:

- Lại đây! Mày la cà ở đâu, hả?

Tôi chưa kịp trả lời thì mẹ tôi đã túm lấy tóc tôi, tay kia vớ lấy một con dao dài, dẻo, làm bằng lưỡi cưa, và quật luôn mấy cái vào người tôi. Con dao tuột khỏi tay mẹ tôi.

- Nhặt lên! Đưa đây...

Tôi nhặt con dao ném lên mặt bàn. Mẹ tôi đẩy tôi ra. Tôi ngồi xuống lò sưởi, sợ hãi theo dõi mẹ tôi. Mẹ tôi rời bàn đứng dậy, men tới góc nhà, nằm xuống giường và lấy khăn tay lau mặt đầm đìa mồ hôi. Tay mẹ tôi cử động chệch choạc, hai lần sượt qua mặt rồi xuống gối, kéo chiếc khăn tay lướt trên mặt gối.

- Cho tao chén nước...

Tôi múc ở trong thùng một chén nước. Mẹ tôi ngóc đầu lên vẻ khó nhọc, nhấp một tí nước rồi đưa bàn tay lạnh toát ấy tay tôi ra và thở dốc. Sau đó mẹ tôi ngược nhìn các tượng thánh ở góc nhà, rồi đưa mắt nhìn tôi, đôi môi mấp máy như mỉm cười và từ từ buông hai hàng mi dài xuống mắt. Hai khuỷu tay mẹ tôi khép chặt vào sườn, và hai bàn tay vừa khẽ động đập các ngón, vừa lần lên ngực, nhích đến gần cổ họng. Một bóng đen lướt trên khuôn mặt mẹ tôi, như ăn sâu vào khuôn mặt, làm cho làn da vàng căng lên và cái mũi thêm nhọn. Mồm mẹ tôi há ra như tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng hơi thở thì không còn nghe thấy nữa. Tôi đứng yên rất lâu với chiếc chén trong tay bên giường mẹ tôi, nhìn khuôn mặt mẹ tôi đang đờ ra và xám lại. Ông tôi bước vào, tôi bảo ông tôi:

- Mẹ cháu chết rồi!

Ông tôi ngó lên giường:

- Mày nói nhăng cái gì thế?

Ông tôi đến bên bếp lò và lấy bánh nướng ra; tiếng miếng sắt nắp lò và vỉ nướng bánh vang lên đinh tai. Tôi nhìn ông tôi; biết chắc là mẹ tôi đã chết, tôi cứ chờ xem đến bao giờ ông tôi mới biết điều đó. Bố dựng tôi đến, mặc chiếc áo vét-tông bằng vải thô, đội mũ lưỡi trai trắng. Ông ta khẽ nhấc một chiếc ghế đến đặt xuống cạnh giường mẹ tôi, nhưng đột nhiên ông ta dận chiếc ghế xuống sàn, kêu to như tiếng kèn đồng:

- Nhưng, mẹ nó chết rồi, trông kia...

Ông tôi tròn xoe mắt, từ từ rời khỏi bếp với mảnh sắt nắp lò trong tay, bước loạng choạng như người mù. Khi chiếc quan tài của mẹ tôi đã được chôn xuống dưới lớp cát khô, bà tôi tha thân giữa những ngôi mộ như một người mù; bà tôi vấp phải một cây thánh giá và bị rách toạc cả mặt. Ông bố Iaz dẫn bà tôi vào chòi gác, và trong khi bà tôi rửa mặt, thì bác ta khẽ nói với tôi những lời an ủi:

- Ôi, cháu của bác! Cháu làm sao vậy? Lạy Chúa đừng làm con mất ngủ! Sự đời là thế thôi... Tôi nói có phải không, cụ? Giàu nghèo thì cũng đến ra nghĩa địa cả thôi. Có phải thế không cụ?

Bác nhìn ra cửa sổ và bỗng nhảy ra khỏi chòi canh, nhưng ngay sau đó bác quay trở lại cùng với Viakhi, mặt mày tươi tỉnh, hớn hở.

- Đây, trông kia! - Bác nói và chìa cho tôi xem chiếc đỉnh thúc ngựa đã gãy.

- Nhìn xem, tuyệt quá đấy! Đó là quà của bác và Viakhi tặng cháu đấy. Cháu trông xem, chiếc bánh xe nhỏ đây này, phải không? Nhất định đây là của một người Kôzác nào đánh mất đây... Bác định mua lại của Viakhi vật này, bác trả bảy kôpêch...

- Bác chỉ nói điều!

Viakhi nói nhỏ, nhưng giọng đượm vẻ cáu kỉnh, còn bố Iaz thì nhảy lên trước mặt tôi, nháy mắt làm hiệu về phía Viakhi và nói:

- Trông Viakhi kia. Nghiêm gớm là nghiêm! Thôi được, không phải của bác tặng mà là của nó tặng cháu đấy, nó...

Bà tôi rửa mặt xong, trùm chiếc khăn vuông lên khuôn mặt sưng húp, tím bầm và gọi tôi ra về. Tôi không về vì biết rằng trong bữa cỗ tang ở nhà mọi người sẽ uống rượu vôtka và cãi nhau. Ngay

từ lúc còn ở nhà thờ, cậu Mikhain đã vừa thở dài vừa bảo với cậu Iakôp:

- Hôm nay chúng ta sẽ được bữa say túy lúy, hả?

Viakhi cố làm cho tôi phải vui: nó cặp chiếc đinh thúc ngựa vào cằm và cố thè lưỡi xuống chiếc bánh xe, còn bố Iaz thì cố ý cười vang và hét:

- Trông kia, cháu trông, nó làm cái gì kia kia!

Nhưng nhận thấy tất cả những trò đó đều không làm cho tôi vui lên được, bác liền cất giọng nghiêm trang:

- Này thôi đi, cháu đừng nghĩ ngợi gì nữa! Tất cả chúng ta đều sẽ chết; ngay chim chóc rồi cũng chết kia mà! Thôi, thế này vậy, bác trông cõ lên mộ mẹ cháu nhá, được không? Bây giờ cháu, Viakhi và bác, mấy bác cháu ta ra ruộng đi. Cả thằng Xanka của bác cũng cùng đi. Bác cháu ta sẽ đem cỏ về đắp lên mộ, như vậy rất tốt!

Ý kiến đó làm tôi rất thích, và chúng tôi đi ra ruộng.

Sau khi chôn cất mẹ tôi được vài ngày, ông tôi bảo tôi:

- Này, Lêcxây mày không phải là cái mê-đay, mày không thể lũng lẳng mãi trên cổ tao, mày hãy đi vào đời mà kiếm sống... Và thế là tôi bước vào đời.

Hết